

Tòa-soạn **VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN**
NHA VĂN-HÓA (Bộ Quốc-gia Giáo-dục)
266, Đường Công-Lý, Sài-gòn
Điện-thoại : 24.633

*

Chủ-nhiệm } NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA
kiêm Chủ-bút }
Quản-lý : BÙI-ĐÌNH-SAN
Thư-ký : NGUYỄN-VĂN-NINH

*

Ấn-Quán: VĂN-KHOA
217-219, Đường Nguyễn-Biều, Sài-gòn
Tổng Phát-Hành bán lẻ : Thống-Nhất
329, Đại-lộ Trần-Hung-Đạo, Sài-gòn

Giấy phép Xuất-ban
Nghị-định số 332 Cab/Sg
ngày 5-5-1962

In 2000 cuốn số 84
tại nhà in Văn-Khoa
219, Đ. Nguyễn-Biều, Sài-gòn

VĂN-HÓA

NGUYỆT-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHÓ-THÔNG

文化



Tập XII, Quyển 9

Số 85 (tháng 9, 1963)

NHA VĂN-HÓA
BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC
SÀI-GÒN - VIỆT-NAM

VĂN-HOÁ

NGUYỆT-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỒ-THÔNG

Loại mới — Tập XII — Quyển 9

Số 85 (Tháng 9 năm 1963)



NHA VĂN-HOÁ
BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

VĂN-HOÁ NGUYỆT-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỔ-THÔNG
NHA VĂN-HÓA BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN

Loại mới — Tập XII — Quyển 9

Số 85 (Tháng 9, năm 1963)

Mục-lục

I. Văn-hóa Việt-Nam

Hai nguồn gốc tư-tưởng Việt-Nam.	NGUYỄN-ĐĂNG-THỤC	1345
Tìm hiểu kiến-trúc kinh-thành Huế.	THÁI-VĂN-KIỆM	1360
Cung-oán ngâm-khúc bình-chú (tiếp theo).	TRẦN QUÂN	1379
Hai bức thư chữ nôm mở màn cuộc phân-tranh Trịnh-Nguyễn	BÙU CẨM	1387
Phàm-chất hí-kịch trong Đoàn-trường Tân-thanh (tiếp theo)	ĐÀM-QUANG-HẬU	1395
Ba-đình trên lịch-sử ?	PHẠM-VĂN-SƠN	1411
Lâm-tuyền kỹ-ngộ (tiếp theo)	PHẠM VĂN ĐIỀU	1419
Thi-ca của TRƯƠNG-ANH-MẪN, ĐÔNG-VIÊN, VIỆT-NHÂN, HẢI-ÂU-TỬ, ĐÔNG-MINH, THẠCH-ẤN, ĐÔNG-XUYÊN, CAO-THỊ NGỌC-ANH, HỒNG-THIÊN, BẠCH- LĂNG, NGUYỄN-HỮU-TẠO, THANH-SƠN, AN-ĐÌNH, CAO-TIÊU, THANH- MAI, ĐÀM-NGUYỄN v. v...		

II. Văn-hóa Thế-giới

Tại sao học sinh-ngữ lại cứ phải buồn tẻ ? Bản-dịch của Trần Minh.	H. COULTHARD BURROW	1445
Những trung-tâm giáo-dục tráng-niên ở Anh-quốc và xứ Galles	A. J. ALLAWAY	1449
Bản dịch của Phùng-Ngọc		

Những bộ óc không chịu kiềm-ché trong giới khoa-học (tiếp theo)	THANH-TÂM	1459
Nhân-sinh hệ-lụy (Of Human Bondage) (tiếp theo) Bản dịch của Nguyễn-Huy-Đôn	W. SOMERSET MAUGHAM	1465

III. Tin-tức Văn-hóa

Tin trong nước		1479
Tin ngoài nước		1502
Tin sách, báo		1506

IV. Tranh-ảnh

Cảnh Chùa Thiên-Mụ
Mô-hình Ngọ-Môn

V. Phụ-trương

Need language-learning be dull ?	H. COULTHARD BURROW	1513
----------------------------------	---------------------	------

CULTURE

MONTHLY REVIEW

PUBLISHED BY THE DIRECTORATE OF CULTURAL AFFAIRS

DEPARTMENT OF NATIONAL EDUCATION

Vol. XII, No. 9

September 1963 (Fasc. 85)

Contents

I. Vietnamese Culture

Two sources of Vietnamese thought	NGUYỄN-ĐĂNG-THỤC	1345
Hue architecture.	THÁI-VĂN-KIỆM	1360
Annotations to <i>Cung-Oan Ngam-Khuc</i> 'An Odalisque's Complaint' (continued)	TRẦN QUÂN	1379
Two letters in demotic characters opening the Nguyen-Trinh hostilities	BÛU CẨM	1387
<i>Doan-Truong Tan-Thanh's Dramatic Value</i> (continued)	ĐÀM-QUANG-HẬU	1395
On the Ba-Đình battle	PHẠM-VĂN-SƠN	1411
Wondrous Encounter (continued)	PHẠM VĂN ĐIỀU	1419
Poems by TRƯƠNG-ANH-MẪN, ĐÔNG-VIÊN, VIỆT-NHÂN, HẢI-LAU-TỬ, ĐÔNG-MINH, THẠCH-ẤN, ĐÔNG-XUYÊN, CAO-THỊ NGỌC-ANH, HỒNG-THIÊN, BẠCH- LĂNG, NGUYỄN-HỮU-TẠO, THANH-SƠN, AN-ĐÌNH, CAO-TIÊU, THANH- MAI, ĐÀM-NGUYỄN v. v...		

II. World Culture

Need language-learning be dull ? <i>Vietnamese translation by Trần-Minh</i>	H. COULTHARD BURROW	1445
The adult education centers in England and Wales <i>Vietnamese translation by Phùng-Ngọc</i>	A. J. ALLAWAY	1449

Brave spirits in science (continued)	THANH-TÂM	1459
Of Human Bondage (continued)	W. SOMERSET MAUGHAM	1465
<i>Vietnamese translation by Nguyễn-Huy-Đôn</i>		

III. Cultural News

Vietnam News		1479
World News		1502
Publications Received		1506

IV. Figures and Illustrations

The Thiên-Mu Pagoda
The clay-model of the Ngo-Mon Gate

V. Supplement

Need language-learning be dull ?	H. COULTHARD BURROW	1513
<i>Original text in English</i>		

CULTURE

REVUE MENSUELLE D'ÉTUDE ET DE VULGARISATION

PUBLIÉE PAR LA DIRECTION DES AFFAIRES CULTURELLES

SECRETARIAT D'ÉTAT À L'ÉDUCATION NATIONALE

Nlle Série — Vol. XII, No. 9

Septembre 1963 (Fasc. 85)

Table des Matières

I. Culture vietnamienne

Les deux sources de la pensée vietnamienne	NGUYỄN-ĐĂNG-THUC	1345
L'architecture de Hue	THÁI-VĂN-KIỆM	1360
Annotations du poème <i>Cung-Oan Ngam-Khac</i>		
'Complainte d'une odalisque' (suite)	TRẦN QUÂN	1379
Deux lettres en caractères démotiques ouvrant les hostilités entre les Nguyễn et les Trinh	BÙU CẦM	1387
Qualité dramatique dans le <i>Doan-truong Tan-Thanh</i> (suite)	ĐÀM-QUANG-HẬU	1395
La bataille de Ba-Đình	PHẠM-VĂN-SƠN	1411
Rencontre merveilleuse (suite)	PHẠM VĂN ĐIỀU	1419
Poèmes de TRƯƠNG-ANH-MẪN, ĐÔNG-VIÊN, VIỆT-NHÂN, HẢI-ÂU-TỬ, ĐÔNG-MINH, THẠCH-ẤN, ĐÔNG-XUYỀN, CAO-THỊ NGỌC-ANH, HỒNG-THIỆN, BẠCH-LĂNG, NGUYỄN-HỮU-TẠO, THANH-SƠN, AN-ĐÌNH, CAO-TIỂU, THANH-MAI, ĐÀM-NGUYỄN v. v...		

II. Culture internationale

L'ennui est-il de règle dans l'apprentissage d'une langue ?	H. COULTHARD BURROW	1445
<i>Traduction vietnamienne de Trần-Minh</i>		
Les centres d'éducation des adultes en Angleterre et au pays de Galles	A. J. ALLAWAY	1449
<i>Traduction vietnamienne de Phùng-Ngọc</i>		

Les esprits indomptés dans la science (suite) .	THANH-TÂM	1459
Of Human Bondage (suite)	W. SOMERSET MAUGHAM	1465
<i>Traduction Vietnamiennne de Nguyễn-Huy-Đôn.</i>		
III. Nouvelles culturelles		
Nouvelles du Viet-Nam		1479
Nouvelles du monde		1502
Livres et Périodiques		1506
IV. Planches et Gravures		
La pagode de Thiên-Mụ		
Maquette de la Porte de Ngọ-Môn		
V. Supplément		
Need language-learning be dull ?	H. COULTHARD BURROW	1513
<i>Texte original en anglais</i>		



NGUYỄN-ĐĂNG-THỤC
Trưởng-Ban Triết-Đông
Đại-học Văn-khoa Sài-gòn

hai nguồn gốc tư-tưởng việt-nam

Hai khuynh-hướng nguyên-thủy của Tư-tưởng Tôn-giáo, Triết-học và Nghệ-thuật Việt-Nam ; Ý-nghĩa và Tượng-trung của Đổng-cổ hay Trống-dồng và Ý-nghĩa của Cỗ-mộ hay Thiên-dống trong hai nền văn-minh tối-cổ Việt-Nam ; Văn-minh Đông-sơn và Văn-minh Lạc-trường.

Khảo-cổ-học

Miền châu-thỏ Nhị-hà hay Hồng-hà ngày nay là miền Bắc-Việt vốn từ ngàn xưa là nơi cội-dã lịch-sử của Việt-Nam, có một địa-lý tự-nhiên cùng khi hậu tách biệt hẳn với Trung-hoa, phía bắc kê từ dãy núi Ngũ-linh trở xuống, phía tây là dãy Trường-sơn hay núi Ngang chạy từ Tây-tạng xuống đến Cà-mâu Nam-Việt, chia cội đất bán-đảo Đông-dương hay Ấn-độ Chi-na thành hai khu-vực đông tây rõ-rệt.

Gần đây các nhà khảo-cổ-học khai quật tại Bắc-Việt, ở tỉnh Bắc-Ninh, phía bắc Trung-Việt ở tỉnh Thanh-hóa một di-tích cổ-sử của một nền văn-minh có trước khi Bắc-Việt bị người Tàu đô-hộ. Ấy là văn-minh Đông-sơn và Lạc-trường mà đặc-trưng là Trống-dồng và Mộ-cổ. Nay hãy tuần-tự nghiên-cứu ý-nghĩa triết-học của từng đế-tài một.

'Trống-dồng', tài-liệu khảo-cổ-học

Trống-dồng là những tài-liệu quý giá cho xã-hội-học và nhân-chủng-học cũng như cho văn-hóa-học và tiền-sử-học Việt-Nam. Người ta bắt đầu tìm thấy ở châu-thỏ Bắc-Việt, một chiếc ở chùa Đọi-sơn làng Ngọc-lũ tỉnh Hà-nam và một chiếc thứ hai đào được ở làng Hoàng-hạ tỉnh Hà-đồng giáp giới với tỉnh Hà-nam, cách mặt đất 1m50. Đây là hai chiếc trống toàn vẹn nhất.

Hiện nay các nhà khảo-cổ-học theo cách vẽ chạm trổ trên mặt trống, có xếp kiểu trống vào bốn loại; loại thứ nhất đều thuộc vào khoảng trước Tây-lịch kỷ-nguyên. Đây là loại cổ nhất. Theo ông Paul Levy, Trường Viễn-dông-Bác-cổ (E.F.E.O) «thì đại-khái các trống này đã được chế-tạo trong một khu-vực khá rộng, từ biên-giới Hoa-Mông cho đến các đảo Tân-Ghi-nê, ít nhất là từ 2000 năm nay. Các trống-đồng lớn bày ở Bảo-tàng Hà-nội trước 1945 là những cổ-vật mà Viện Bác-cổ tìm thấy ở Thanh-hóa nhân dịp khai quật kể suốt 20 năm. Lẫn với các trống-đồng người ta còn tìm thấy những tiền đồng đời Hán bên Tàu. Vì thế có thể định được niên-đại: Một số các trống-đồng đều thuộc vào loại I và chế-tạo vào khoảng đầu kỷ-nguyên dương lịch. Trên mặt trống có nhiều hình vẽ. Nhất là sách Tàu chép rằng: Xưa kia dân ở miền đông-bằng Bắc-Việt và phía bắc Trung-Việt có chế-tạo và sử-dụng những trống-đồng mà hình dáng kể lại trong sách cũng tựa như các trống ta thấy ngày nay. Bởi thế nên ta thấy rằng hình trạ và cách bài-trí trên mặt trống đối với các nhà sử-học và nhân-chúng-học có một lợi-ích không phải nhỏ. Như thế thì hình dáng, quần áo, nhà cửa, thuyền bè khi-giới, các đồ vật khắc trên trống-đồng rất có thể là hình-dáng vật-dụng của người Nam xưa kia. Mang so-sánh ta thấy các cánh-trí ở nhiều điểm giống cảnh sinh-hoạt hiện-thời của những dân-tộc Nam-dương (Indonésien) nên các hình vẽ trên mặt trống là những tài-liệu lịch-sử quý giá cho sự khảo-cứu về nguồn-gốc dân-tộc Việt.» (Paul Levy).

«Ngoài ra, xét cách trang-trí phụ thêm vào các hình, chính người ta thấy rằng kỹ-thuật làm các trống này nhất định có quan-hệ với nghệ-thuật nhà Hán bên Tàu. Nhưng không phải thế có nghĩa là Trung-hoa là nơi phát-sinh ra kỹ-thuật mỹ-nghệ trống-đồng, vì có những bằng-chứng chính-xác cho ta biết rằng chính thực mỹ-thuật Đông-dương (Indo-China) còn bị ảnh-hưởng của văn-minh Âu-Á (Eurasie) đầu-tiên tràn xuống miền nam Trung-hoa và về sau tới phía bắc Đông-dương. Mãi đến đầu kỷ-nguyên Tây-lịch, nghệ-thuật mới được nghệ-thuật Trung-hoa đời Hán phát-triển thêm.» (*Recherches préhistoriques dans la région de Mlu Prei*, P. Levy B.E.F.E.O. t. xxx 1943).

«Thực vậy, chúng ta bây giờ biết chắc rằng vào khoảng thế-kỷ thứ II hay III trước kỷ-nguyên nghệ-thuật Trung-hoa thời Hán đã bị văn-minh Trung-bộ Á-Tê-Á ảnh-hưởng rồi. Vậy nếu ông V. Goloubew mang so-sánh các trang-trí trên các trống cổ với các trang-trí trên trống của thầy phù-thủy Mông-cổ, thuyết của ông rất hợp quan-điểm khoa-học ngày nay.» (*Les tambours magiques en Mongolie*, V. Goloubew, B.E.F.E.O XXIII).

Trống-đồng đề ở Hà-nội mang trên mặt hình vẽ sáu chiếc thuyền ở giữa có những con chim lớn đậu. Các thuyền đều cùng một kiểu. Vô thuyền khum-

khum vòng-vòng nửa vành trăng. Ở giữa nhô lên một cái ụ có trang-trí có lẽ là cột buồm. Giữa cái ụ với đuôi thuyền có một kiến-trúc mái phẳng, ở trong có một cái trống. Những trang-trí ở mũi thuyền và đuôi thuyền gọi lên hình cái đầu và đuôi chim. Thuyền-thủ của thuyền là một số những chiến-sĩ mang dao, cầm tên hay rìu, và hai người trong số có một người đánh trống treo ở cột buồm, một người cầm mái chèo. Một chiến-sĩ đứng trên mũi thuyền sẵn sàng bắn tên. Các đồng-ngũ cũng có vẻ nhọn-nhíp. Toàn bộ cho ta cảm-tưởng một cuộc đàn trận theo nhịp trống, và người cầm lái đang đẩy mạnh khiến mái chèo uốn cong trong tay.

Nhìn kỹ đến cách trang-sức của các nhân-vật thì tất cả trừ người bán cung đều mặc áo lông chim hay khoác cánh chim dương lên không trung như là những cái mào kỳ-quặc.

Sự trá hình như thế chưa hết. Các đồ-vật, khi-giới, dụng-cụ trên thuyền cũng đều đội lốt đến nỗi cái thuyền không còn hình dáng thông thường của một chiếc thuyền nữa. Nhưng đây không phải là một sự hóa-trang tầm thường, chắc hẳn là một sự biến cái tề-nhị mà mục-đích là để minh-chứng cái đồng-nhất-tính của một bộ-lạc chiến-sĩ với một con chim vật-tổ (totem). Theo sách Đường-thư do ông Hirth đã trích-dẫn có ghi trong các bộ-lạc xứ Bắc-Việt bây giờ dân Leao có cái đầu bay hay đầu chim mà lễ-nghi thi-hành theo điệu trống đồng.

Mắt chim hình ra bằng các vành khuyên có chằm ở giữa, ngoài ý-nghĩa riêng còn là đề-tài nhắc đi nhắc lại khắp các nơi khác ở đằng trước thuyền, ở chỗ mà người ta thường thấy đôi mắt của ghe tam-bản, ở trên mái chèo, bánh lái, trên tất cả trang-trí và ở mũi tên nữa. Trên mặt trống cũng thấy những hình vẽ ấy, vành khuyên, lông cánh chim khiến người ta có cảm-tưởng cái trống có đức tính siêu-hình của các hình vẽ nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Trên tang trống cũng thấy hình vẽ nửa người nửa chim. Chắc hẳn tất cả những hình vẽ ấy có quan hệ với tín-ngưỡng thần-bí và nghi-lễ giết vật về ma-thuật của một đoàn-thể cổ xưa.

Muốn hiểu ý nghĩa thần-bí của các hình vẽ trên trống đồng Đông-Sơn, chúng ta phải so-sánh với tục-lệ dân Dayak trên đảo Bornéo. Dân này rất ưa nghệ-thuật cũng như dân miền thượng-du Đông-dương mà họ là bà con gần. Họ ưa chuộng những màu sắc sặc-sỡ với hình vẽ than. Hình văn-thân của họ là kiểu mẫu của nghệ-thuật đồ-hình (graphique) cũng như những hoa dệt trên vải và chiều chần của họ. Họ có một thế-giới tưởng-tượng riêng mà nguồn gốc xa-xăm mờ-mịt. Nhưng trong các đề-tài xa-xăm ấy có một đề-tài giống hệt với những hình thuyền trên trống đồng Đông-sơn ở Hà-nội, ấy là hình «thuyền vàng» (barque d'or) đã

chở tiền-nhân họ đến đảo Bornéo. Sau khi thôi không đi biển nữa cái «thuyền vàng» biến thành thuyền «bát-nhã» chở linh-hồn người quá cố sang hòn đảo cực-lạc ở giữa Văn-hố. Thuyền này do một vị thần điều-khiển gọi là «Tempong Telou». Mũi thuyền và đuôi thuyền phồng theo đầu chim và đuôi chim Tingang (Buceros : cò) mà nó mang tên. Cột buồm có lông chim làm chỗ đậu cho những con chim đưa đón người chết. Một cái mái bông ở sau thuyền chứa những cái trống và chiêng. Không có người cầm mái chèo, người thủy-thủ mang một cái áo, chính «Tempong Telou» cầm lái.

Xét kỹ những hình vẽ Dayak về đề-tài thần-bí này, người ta càng thấy giống với đề-tài vẽ trên trống đồng Đông-sơn : nào cột buồm chim đậu ở giữa thuyền, nào bài-trí hình-tượng chim, nào mạn thuyền chứa chiêng thay cho trống thời xưa . . . Đây là tất cả những hình vẽ trên trống đồng Đông-sơn. Lại còn trên một hình vẽ Dayak, ở sườn thuyền có những hình vành khuyên. Ý-nghĩa ma-thuật của cách bài-trí ấy không còn nghi-ngờ gì nữa, vì là những hình thường thấy vẽ trên mộ và cửa nhà táng của dân Dayak. Cũng cái đề-tài ấy thấy vẽ trên văn-thân gọi cánh chim Argus : phượng-hoàng khổng lồ hay đi đôi với hình ảnh chim Buceros : cò, chim của thuyền người chết, hay là «thần nanh đỏ mỏ». Như vậy ý nghĩa các cảnh-trí chạm vẽ trên mặt trống đồng có thể hiểu được nếu so với lễ Tiwah là lễ tang-ma chôn-cắt người chết khỏi bị trở-ngại vì tục-lụy và đưa đến sống an vui với cực lạc, siêu-sinh tịnh-độ. Lễ suốt bảy ngày, sửa soạn mặt hàng tháng rất phức-tạp cần đến thầy-cúng và bà-cốt (blian).

Trước khi làm lễ Tiwah, người ta phải làm một cái nhà sàn (sandong-raung) kiểu nhà trên trời để linh-hồn tinh-khiết của người Dayak đến ở. Xây cất cẩn thận như một nhà táng có trang hoàng tô điểm bằng những hình ảnh linh-thiên ma-thuật. Khi nhà cất xong, người ta chứa đầy tặng-phẩm, dân làng tụ họp lại ở nhà bà con gần của người chết, mang theo nhạc-khí như khèn (Keluri) và trống đồng, trống đánh đỏ hồi suốt đêm ngày để xua đuổi tà-ma và báo hiệu cho sự siêu-thoát sắp đến của thần-chủ. Phù-thủy, thầy cúng đuổi các chim «thần nanh đỏ mỏ» canh gác rình mò linh-hồn và đe dọa thu cướp lấy. Đồng-thời người ta giã gạo để cúng. Các loại nhảy múa, rước sách, cỗ bàn đóng vai trò trọng-yếu trong lễ Tiwah. Lễ đi đền độ cực-diêm vào lúc linh-hồn sau khi thu nhận lễ vật sắp bước vào thuyền chày bát-nhã Tempong Telou.

Chính là một cảnh đám lễ ma-chạy giống hệt với lễ Tiwah ấy mà chúng ta mục-kích ở hình vẽ trên mặt trống đồng Đông-sơn vậy. Cũng nhà mồ hay nhà táng với trang-trí lông chim và hình vẽ vành khuyên, cũng phù-thủy đuổi chim «thần nanh đỏ mỏ» rình chờ linh-hồn trên nóc nhà, kẻ đánh trống, kẻ múa

rước theo nghi-lễ, kẻ giã gạo và cảnh thuyền bát-nhã chở linh-hồn sang thế-giới bên kia với khí-giới và trống đồng. Như thế là toàn-thể cảnh-trí biểu-diễn đề-tài duy-nhất quan-hệ với người chết và tín-ngưỡng linh-hồn bất-diệt. Trong tư-tướng dân Dayak thì linh-hồn người chết có cả một xã-hội tựa như xã-hội người sống. Người chết rồi cũng xây cất nhà, cũng cấy ruộng và làm lụng như sinh-thời. Cũng như người sống, ở xã-hội người chết nhóm họ giúp-đỡ nhóm kia, người chết cũng vẫn giao-dịch trao đổi việc làm với nhau. Người sống có thể giúp-đỡ người chết, cúng dâng thực-phẩm, đồ-vật nhu-cần, và người chết cũng lại phù-hộ người sống hoặc cho thuộc thần-bí, cho bùa phép để chữa bệnh.

Như thế đủ thấy trống đồng Hà-nội với những hình vẽ phong-phú đủ chứng-minh một nền văn-minh nguyên-thủy còn lại di-tích ở dân Dayak xứ Bornéo tại quần-đảo Nam-dương. Cả đến những đồ đồng khai-quật được ở Đông-Sơn cũng có quan-hệ với đồ đồng ở Nam-dương, điều ấy không có chi lạ vì theo công-cuộc khám-phá của ông H. Kern người ta chứng-minh từ lâu rằng : «Dân Mã-lai — Polinesien — với các chủng-tộc ở Đông-dương thuộc về cùng một chủng-tộc. Người ta đã thấy những sọ người Indonesien ở tỉnh Ninh-bình và Hòa-bình phía bắc đồng-bằng Bắc-Việt ngày nay. Và ông L. Finot đã kết-luận về trống đồng kiểu Hà-nội rằng : «những đồ đồng xưa phở bày hình ảnh một dân tộc canh-nông săn-bắn, thủy-thủ thờ vật-tổ mà cách ăn mặc không còn thấy ở Đông-dương nhưng trái lại, lại thấy trên các hải-đảo Thái-bình-dương. Phải chăng chính đây là dân-tộc Indonesien mà về ngôn-ngữ-chủng-tộc đã từng sống trên bán-đảo Đông-dương rồi bỏ bán-đảo lại cho dân mới đến để đi sang những quần-đảo Thái-bình-dương. Trên bán đảo Đông-dương chỉ còn lại dấu tích về ngôn-ngữ cùng phong-tục mà chúng ta đã quên dần đi» (B.E.F.E.O. XXIX 1929. *L'Age de bronze au Tonkin et dans le Nord Annam*, Victor Goloubew).

Và ông Olov Jansé, trong những bài giảng ở trường Văn-khoa Đại-học Sài-gòn về nguồn gốc văn-minh Việt-Nam, có kết-luận về cổ-tích Đông-sơn như sau : «Trên năm trăm năm trước T.C. đã sống ở đây (Bắc-Việt chung quanh Đông-sơn, Thanh-hóa) một dân-tộc thuộc giống Mã-lai cổ-sơ tức là tiền-nhân của dân-cư miền núi mà ta quen gọi bằng danh-từ đáng tiếc là Mọi ; dân-tộc ấy cũng coi như tiên-tổ của dân Dayak ở Bornéo. Thời ấy dân-tộc kia chưa vượt quá trình-độ Thạch-khí thời-đại. Nhà cửa của họ là những nhà tranh làm theo kiểu nhà sàn cao cảng, trên bờ sông. Căn-bản kinh-tế của họ là nghề đánh cá, săn bắn và canh-nông thô-sơ ầu-tri. Người thời ấy tin linh hồn vật-linh (animiste) và đi săn đầu người. Đồ gốm của họ rất thô-sơ, gồm chum, vại có quai nung chưa kỹ và không có trang-trí.

Vào khoảng 500 trước T. C. tình-trạng ấy thịnh-linh biến đổi do những yếu-tố văn-hóa mới mang lại. Dân Đông-sơn lúc ấy học được cách dùng kim-khí, cách làm đồ nữ-trang và bùa bằng thứ đá quý giống loại ngọc-bích. Bây giờ đồ gốm của họ đã tốt hơn, có trang-trí với những mẫu theo hình-học. Đồng thời cũng đã xuất hiện những kiểu trống lớn bằng đồng đỏ có những mẫu trang-trí tượng-trung loại hình-học, hoặc phỏng theo hình người, hình thú hay nhắc lại những buổi lễ tôn-giáo. Những hình trang-trí trên những mẫu trống ấy chứng tỏ những quan-niệm tôn-giáo khá phát-triển gồm có sự tôn thờ Trời và Mặt-trời...

"Vào giữa thế-kỷ thứ I sau Thiên-Chúa, văn-minh Đông-sơn đã phải chịu một thất bại nặng-nề gây nên bởi cuộc xâm-lăng của Tàu.

Theo *Sử-ký* (Annales) người Tàu đã bắt đầu từ thế-kỷ thứ IV trước T. C. du nhập vào Bắc-Việt tuy mới có thiểu-số. Đây là những lái buôn thợ thuyền và hình như họ được tiếp đãi tử-tề. Sau này vào đầu kỷ-nguyên, chính-phủ Trung-hoa đã gửi đến nhiều nhà cai-trị, biên dân xứ này thành thuộc-địa. Nhân-dân đã nổi dậy kháng-cự. Dưới sự điều-khiển của hai chị em bà Trưng, quân Hán đã bị đuổi ra khỏi biên-giới. Để trả thù sự thất bại ấy, vua Tàu đã gửi, vào năm 43 sau T. C., nhiều đội quân do tướng Mã-Viện chỉ-huy để chinh-phục lại xứ này. Theo sử chép, một trong những đạo quân đã vượt xuống miền Thanh-hóa, dọc theo lưu-vực sông Mã, nơi vị-tri của làng Đông-sơn. Chắc hẳn lúc ấy làng Đông-sơn đã bị cướp bóc và tiêu-hủy, cuộc chém giết rất ghê-tởm, hàng ngàn người bị giết hay bị bắt làm nô-lệ. Một vài lãnh-tụ với một nhóm đồng-ngũ cũng đã chạy thoát. Biên cô lịch-sử ấy đã đánh một đòn rất nặng vào nền văn-minh Đông-sơn của miền Bắc Việt-Nam... Nhưng nền văn-minh Đông-sơn đã bị suy-sụp tại Bắc-Việt vì cuộc xâm-lăng của quân Tàu, nó vẫn còn sống sót lại ở nơi khác trong khu-vực Đông-Nam-Á, nhất là nơi các dân-cư miền núi. Ở đây chỉ cần đan-cứ một vài tí-dụ như là những nhà sàn theo kiểu Đông-sơn. Cũng có thể rằng người Mọi cũng như giống người khác gọi là Indonésien chẳng hạn như dân Dayak ở Bornéo đã giữ lại trong tín-ngưỡng phong-tục tập-quán của họ những yếu-tố nguồn-gốc tự-thời Đông-sơn. Nhiều hội-hề tôn-giáo ngày nay các dân-tộc ấy vẫn còn cử-hành, nhắc-nhở đến những cảnh-tượng hình-dung trên mặt trống-đồng Đông-sơn. Bởi vậy, vì sự chề-tạo trống-đồng này vẫn còn tiếp-tục cho đến ngày nay, người ta không lấy làm lạ thấy rằng ở nhiều địa-phương hiện còn cô-lập, có những quan-niệm tôn-giáo và những tư-tưởng liên-quan đến trống-đồng Đông-sơn. Chúng ta cũng có thể tự hỏi phải chăng một vài kỷ-niệm về hội-hề tôn-giáo Đông-sơn chẳng còn tồn-tại ở Bắc-Việt ngày nay trong những hội đấu

mùa, mà vào dịp Tết là một hội đấu mùa trọng-yêu nhất, người ta chẳng đã luôn mở đầu bằng một hội trống?» (Thuật theo *Vietnam Carrefour de peuples et de Civilisations*, Tr. 1648-1651, Olov Jansé, Ed. France-Asie).

Trên đây, đại-khái khảo-cổ-học cho ta thấy đặc-trưng của nền văn-minh Đông-sơn là trống-đồng hay đồng-cổ của nhóm dân-tộc cổ sơ trên châu-thổ Bắc-Việt ngày nay trước khi bị làn sóng di-dân từ Tây-bắc Lục-địa Á-châu tràn xuống bờ biển và hải-đảo Đông-Nam-Á. Dòng-tộc ấy thuộc về hệ-thống chủng-tộc Indo-Malai-Polynésien rải-rác khắp Thái-bình-dương. Trống-đồng ấy cho ta biết trước hết về tín-ngưỡng của dân Đông-sơn bây giờ là tín-ngưỡng linh-hồn (animiste), vật-tổ (totemiste) mà Trống-đồng là dụng-cụ mô-tả cuộc sinh-hoạt tập-thể của toàn-thể về đường tinh-thần. Muốn hiểu thêm về phong-tục tập-quán của nhân-dân thời Đông-sơn của văn-minh trống-đồng, chúng ta hãy xét tài-liệu sử-ký và thần-thoại có liên-quan đến trống-đồng.

'Trống-đồng', tài-liệu sử-ký và thần-thoại

Trong quyển *Bách Việt Nguyên-lưu dữ Văn-hóa* (Trung-hoa Tùng-thư), La-hương-Lâm gần đây có viết:

"Thời cổ văn-hóa của Việt-tộc rất đáng được người ta chú-ý là sự chề-tạo trống-đồng với cách sử-dụng. Và trống-đồng của Việt-tộc lại phải lấy kiểu Lạc-Việt làm thịnh nhất cho nên gọi là 'Lạc-Việt Đổng Cổ' 骆越铜鼓.

Các học-giả và quan-chức Trung-quốc chú-ý đến vật ấy thì bắt đầu từ thời Hậu-Hán. Sách *Hậu-Hán thư* quyển 54, mục truyện Mã-Viện 马援 chép: "Viện thích cưỡi ngựa, khéo phân biệt ngựa có danh tiếng. Đi đánh chiếm Giao-chỉ, lượm được trống đồng Lạc-Việt, bèn đúc làm con ngựa kiêu".

Trống đồng của Việt-tộc thời cổ là do thợ bản-xứ chề-tạo lấy chứ không phải do bộ-lạc khác hoặc thuê thợ Tàu. Xét đồ đồng của Tàu trước thời Tần, Hán tuyệt không thấy có cái loại chề-tạo trống đồng, và các dân-tộc lân-cận đều không thấy sự tru-tạo trống đồng làm đồ quý, đủ biết trống đồng hoàn-toàn của Việt-tộc làm ra vậy. Đền như dụng-ý của người Việt chề-tạo trống đồng để làm gì thì theo học-giả xưa ghi-chú đại khái đều bảo là để giúp người thủ-linh có uy-lực hiệu-triệu quân-chúng cũng là để hoan-nghenh thần thánh, xua đuổi bệnh tật, ma quỷ và cầu-đạo. Sách *Tây-thư Địa-lý-chí* viết:

"Từ núi Ngũ-linh đến hơn hai mươi quận phía nam, các rợ đều đúc đồng làm trống lớn. Khi mới hoàn-thành treo ở giữa sân, đặt rượu để mời đồng-bào. Người đến dự có trai gái nhà giàu lấy vàng bạc làm chiếc thoa lớn, cầm đánh vào trống, xong rồi để lại cho chủ-nhân gọi là thoa-đồng-cổ. Chúng hay chém giết lẫn nhau, gây nhiều thù-oán. Muốn đánh nhau thì đánh vào trống ấy,

người kéo đến cuốn-cuộn như mây vẩn. Kể nào có trông gọi là Đò-lão 都老, quán-chúng đồng-tình suy-tôn và tông-phục”.

Trong sử nhà Minh có truyện Lưu-Hiến, năm đầu Vạn-Lịch đi đánh dẹp Từ-châu thu-phục được 60 trại, bắt được trông đồng Chư-cát tới 93 chiếc. Tây-man A-Đại khóc mà rằng : « Tiêng trông lớn là qui nhất, có thể đổi được ngàn trâu, thứ đến có thể đổi được bảy tám trăm trâu. Ai có được hai ba chiếc trông thì có thể tự-xưng là chúa. Đánh trông đồng lên ở sơn-trại tức thì quán-chúng man-dân tụ-tập lại. Nay hết rồi, trông mất thì mệnh-vận của dân Mãn suy-vi vậy ».

Như thế đủ thấy Việt-tộc hay miêu-duệ ủng-hộ người có trông đồng lên làm thủ-linh, cho nên đúc trông đồng để tỏ mình là thủ-linh quán-chúng.

Ngoài tượng-trưng cho cái thế-lực thủ-linh vì thanh-âm vang dội, trông đồng còn dùng vào việc tế-lễ, múa hát hoan-lạc, tập-hợp, mời thần, cầu đảo, xua đuổi bệnh tật, đây là sinh-hoạt tất-yêu của Việt-tộc thừa cổ xưa. Bô-tát Tôn-quang-Hiến vịnh về Nam-man có câu :

銅鼓與蠻歌
南人祈賽多
(孫光憲菩薩)

Đồng-cổ dữ man ca
Nam nhân ký tái đa.

(Trông đồng với ca mừng
Người Nam tế lễ thường.)

Nhưng khởi kỳ-thủy thời-cổ xưa khi Việt-tộc chế-tạo ra trông-dồng còn có quan-hệ với tín-ngưỡng ma-thuật thiên-nhiên như thờ thần Sấm, thần Mưa. Xét trên mặt trông-dồng thường có đúc hình-thể ếch nhái hay thiềm-thừ (cóc) e rằng nhân cầu mưa mà làm vậy. Ngày nay ở các đất Hoa-nam người ta đều nhận ếch nhái hoặc cóc làm động-vật trời mưa, bảo rằng cóc ở trong hang ra thì trời ất mưa to. Như thế vì nhân lúc trời sắp mưa tự nhiên có triệu-chứng báo trước, cóc và ếch nhái có cảm-giác mau lẹ tìm tránh nước xâm-nhập nên bỏ hang trước mà đi. Thời ban-sơ nhân-dân trọng Vu-thuật thần-giao cách-cảm, thấy cóc ra thì có mưa, mới tin cóc nhái có quan-hệ với nước mưa. Muốn cho trời mưa, họ khiến cho cóc nhái xuất-hiện. Thời xưa Việt-tộc hay miêu-duệ, đúc tạo hình cóc nhái trên mặt trông đồng theo lý-giải ma-thuật của người ban-sơ mà suy ra, ấy là ý muốn dùng để cầu mưa vậy. Nhưng Việt-tộc thời xưa chế-tạo trông đồng bắt đầu từ tín-niệm về thần Sấm, thần Sét của tiền-nhân họ

thời thương-cổ. Xét có-tích dân-tộc nhà Hạ đối với Sấm và Trông có tín-niệm liên-hệ với nhau thì biết rằng nguyên-lai tự đâu. Việt-tộc đối với tín-niệm về thần Sấm có hai sự-kiện để làm bằng chứng :

(1) Dân người Lê黎 ở đảo Hải-nam bảo thời cổ xưa loài người do Sấm nuốt trứng rắn mà sinh ra. Và nguyên-lai vẽ mặt của chúng cũng do Lôi-công (Ông Sấm) lập pháp-lệnh cho chị em hai người kết-hôn lúc ban-sơ. Truyền-thuyết của dân Lê đảo Hải-nam kể rằng : “Thời thương-cổ trời đất hỗn-mang, sinh-vật trên trái đất hết thấy bị vùi-dập, nhân-loại cũng chung một tai-ách ấy, chỉ còn lại một chị với một em trai nương nhau mà sống. Nhưng tình chị em thân như chân tay rút cục không thể lấy nhau được. Bày giờ chị đi tìm chồng, em đi tìm vợ mỗi người một nẻo, đi về đông, kẻ đi về tây, lâu rồi mà chẳng còn gặp được ai, rút cục chị em lại gặp nhau. Một lần, hai lần đều thế. Thần Lôi-công thấy thế, hiện-thân xuống gọi người em bảo : « Nay ta ở tại đây, hai người có thể kết làm vợ chồng được. » Người em nói : « Chị em không thể lấy nhau, làm thế bị ông Sét đánh chết. » Lôi-công nói : « Chính ta là thần Sét, quyết không đánh các ngươi ». Người em khẳng-khăng không theo lời cho là không thể được, lại bỏ đi tìm vợ. Bày giờ Lôi-công mới đem về đen mặt người chị. Người em đi mãi lại gặp chị nhưng lần này bởi mặt nên không còn biết là ai mới đến cầu hôn. Từ đây chị em lấy nhau sinh đẻ đông đúc ra giống Lê-nhân ngày nay. ”

(2) Chứng-cớ thứ hai về tín-niệm thần Sấm của Việt-tộc là tục rước lửa ngày 24 tháng 6 của giồng người Cúc-di đất Xuyên, Điển. Họ họp tập ban đêm đốt đuốc dong chơi vui đùa suốt sáng. Theo Vương-thành-Trúc tập-đam về dân-tục miền Phúc-kiến, An-kê thì ngày 24 tháng 6, cả một ngày hôm ấy tục gọi là ngày đán-nhật của Lôi-công, rất nhiều nông-gia trong dân-gian cúng bái. Lúc cúng thì cũng cúng cả đức Mẫu Điện-quang. Đây là tiết rước lửa của dân Cúc-di, kỷ-niệm Lôi-công mà cấm đuốc dong chơi cũng để tượng-trưng cho Sấm Chớp.

Sấm nuốt trứng rắn, Sấm sai vẽ mặt, cùng tục rước lửa chơi đêm đều là tục-truyền không phải của hệ-thống văn-hóa Trung-hoa truyền-bá ra. Đây là tục-truyền của Việt-tộc thời cổ xưa để lại hay biến-thái đi vậy. Kỷ-niệm ông Sấm thì luôn luôn cùng với tín-niệm trông đồng liên đới. Điều ấy phù hợp với đoạn sách Luận-hành, thiên « Lôi-Hư » của Vương-Sung 論衡雷虛篇 (王充)

« Về một người với dung-mạo lực-si gọi là Lôi-Công, tay phải cho đeo trông, tay trái cho dương dùi có dáng đánh trông, ý-nghĩa ngụ rằng tiếng sấm âm-âm là tiếng trông liên hồi vậy. »

Lại còn lời trâm của Văn-dộng-Khê 雲峒溪 ghi rằng: «Người ta truyền tụng trông đồng có thần. Trông của một động này bị người của động kia lấy đi đêm thày có hồ xuất hiện cản người, đuổi theo thì ra cái trông, đem trả thì lại được yên tĩnh.»

«Đền như mặt trông có nhiều nét chạm theo hình sấm chớp thì lại càng thày rằng thời cổ người Việt đúc trông đồng không phải không có ngụ ý ký-thác vậy». (Thuật theo: *Bách-Việt Nguyên lưu dữ Văn-hóa, Trung-hoa Tùng-thư*, th. 12 năm 44 Dân-quốc, tác-giả: Giáo-thụ La-hương-Lâm).

Nay hãy xét xem thư-tịch Việt-Nam liên-quan đền đé-tài trông đồng hay đồng-cổ của văn-minh Đông-sơn. Sách *Đại-Nam Nhất-Thông-chí* tập thượng, mục tỉnh Thanh-hóa nói về các đền miếu, có nói đền «Đền thờ thần trông đồng», Đổng-Cổ Thần-tự 銅鼓神祠: «Ở trên núi Đan-nê thuộc huyện An-định (có tên gọi là núi Khả-lao), ngày xưa vua Hùng-vương đi đánh Chiêm-thành, đóng quân ở núi Khả-lao, đêm mơ thày thần báo mộng báo vua rằng: «Xin có cái trông-dồng và dùi đồng giúp nhà vua thắng trận phen này». Đền lúc ra trận thì thày trên không văng-vàng có tiếng trông đồng, rồi quả-nhiên vua được toàn thắng. Vua bèn sắc-phong làm Đổng-cổ Đại-vương.»

Đời vua Thái-Tôn nhà Lý, khi còn làm thái-tử (1020) vãng mạng đi đánh Chiêm-thành, đêm mơ thày một người mình mặc áo nhung, tay cầm bảo-kiềm, tâu rằng:

— Tôi là thần núi Đổng-cổ xin theo đé lập công cùng Thái-tử.

Tối khi bình được giặc liền lập miếu đé thờ. Sau Thái-tử lên ngôi, lại mộng thày thần mang bài thơ đén báo cho biết là có ba vị vương định gây sự biên, rồi sau quả-nhiên có sự thực. Nhân-thê, liền phong làm chức «Thiên-hạ Minh-chủ» 天下盟主 nghĩa là «Chủ đồng-minh của thê-giới», thăng lên làm Thượng-dáng-thần và hàng năm bắt đấp đàn ở trước cửa đền, sai các quan đên lễ và đọc lời tuyên-thê như sau: «Thần tử chi đạo, hệ hồ cương thường, vi tử bất hiệu, vi thần bất trung, thần minh mạc giám, diên diệt kỳ môn.» 臣子之道係乎綱常為子不孝為臣不忠神明默鑒珍滅其門. Nghĩa là: «Đạo làm tôi con cốt ở luân-lý cương-thường. Làm con không hiệu với cha me, làm tôi không hết lòng với nước với vua, xin thần-minh ngầm xét tru-diệt cả nhà...»

Khoảng đầu nhà Lê trung-hưng (1561) quân Mạc xâm-nhiều các huyện Vinh-minh, An-định, thuyền quân nhà Lê đóng ở thượng-lưu sông Mã, đương đém vãng nghe có ba tiếng trông ở ngoài trăm dặm, tướng nhà Lê liền sai người trinh-sát mới biết là tiếng trông do tự núi Khả-lao phát ra. Đền sáng hôm sau quân Lê theo đánh quân Mạc, trong khi giao-chiến bỗng có nước

trào dâng lên rất mạnh, quân nhà Lê bèn thừa thê dong buồm thẳng tiền, khi-thê hăng-hái bội-phần, làm cho quân Mạc phải thua bỏ chạy.

Khoảng năm Hoàng-Định (đời Lê Kính-Tôn 1600) trong tờ sắc phong sơn-thần có câu: «Trên sông sóng gió giúp cho trận thắng của tam-quân» tức là truyện này vậy.

Khoảng năm Cảnh-hưng (đời Lê Hiền-Tôn — 1740) thường thày có các tàn vàng hiện ngay trên quán triều-thiên suốt ba ngày mới tan. Lại có một hôm vào khoảng gần chiều tối, trong miếu bỗng có mây đen tụ lại khắp tứ phía, rồi mưa gió nổi ùng-ùng, có người ở ðàng xa nom lại thày có con rồng đen từ trên trời quanh-co lượn xuống, đền sáng sớm mai ra xem ngoài miếu thì có vẩy rồng vẫn còn rải-rác trên sân miếu. Đó là những linh-tích hiển-nhiên nhiều người cũng biết. Trái qua các đời Lý và Lê mỗi khi vào khoảng đầu năm xuất-quân, các tướng-sĩ hội-thê thì lại rước thần đé chứng-giám cuộc lễ. Quan Thái-phó triều Lê là Nguyễn-văn-Khải nhân có bài thơ sau:

Đài phong cúng chiều thủy loan hoàn
Dục tú chung linh tại thử gian
Đàn thượng phiên biến tiên hạn bạt
Không trung xao cổ tẩu cuồng man
Qui bi thạch triệu kính sương lục
Phượng trát kim chương chiếu nhật đan
Kim cổ diệt canh kỳ kỳ cục
Lâm nhiên chính khí cự giang san

Tạm dịch:

Non Đài châu lại nước bao vây,
Chung đức anh linh tại chôn này.
Đầu giốc trên đàn mưa tưới khắp,
Trông khua trời thăm giặc tan bay.
Bia rùa, triện đá ngàn sương biếc,
Trát phượng niêm vàng chói nắng gay.
Kim cổ cuộc cờ bao xóa đời,
Lấy lừng chính khí nước non này.

Trong đền có một cái trông đồng nặng ước 100 cân, đường kính hơn 1 thước 5 tấc cao hơn 2 thước, trong rỗng, không có đáy, bên tai hơi khuyết, trên mặt có 9 vòng khuyên, lưng thắt mà rôn kín, bốn bên có dây thắt chữ thập ngoặc, cổ vẫn như lõi chữ khoa-đầu nhưng lâu ngày không thê trông thày rõ. Tương truyền khi Tây-sơn vào đánh miền ấy cho chớ cái trông đó vào Phú.

xuân. Sau đây người huyện Hậu-lộc lại bắt được ở nơi bên sông, rồi báo về tỉnh bắt đem nộp trả về đến. Hiện nay vẫn còn tại đó. Xét trong *Hậu-Hán-thư* có nói khi Mã-Viên sang Giao-chi có được cái trống của Lạc-Việt. Lại trong *Quảng-Châu-Ký* có nói: "Tục Mán Mèo đúc đồng làm trống, càng cao càng quý, rộng chừng hơn trượng. Khi mới đúc xong treo ở giữa sân đặt tiệc mời con trai con gái các nhà phú-hào tới, lấy vàng bạc đúc những cảnh thoa lớn để gõ vào trống, rồi những cảnh thoa ấy lưu lại cho chủ-nhân." Và trong *Tùy-Thư* cũng nói: "Các họ Mán hay đúc trống đồng to, khi có việc đánh trống lên thì mọi nơi kéo đến như nước. Người có cái trống đồng đó gọi là Đồ-Lão. Trống đúc cao chừng 3, 4 thước, có mặt mà không có đáy, tiếng kêu cũng không to lắm. Gọi tên là trống Chư-cát, cho là Chư-cát Không-Minh chế ra vậy."

Trong sách *Minh-nhật Thông-chí* lại cho là cái chuông của Chư-Cát khi đi đánh Man-di. Xem đó thì trống đồng đã có từ thời Đông-Hán mà không phải là bắt đầu từ đời Không-Minh mới có." (*Đại-Nam Nhất-Thông-chí*, Tỉnh Thanh-hóa, tập thượng; Văn-hóa Tùng-Thư tập 4, Bộ Quốc-gia Giáo-dục).

Lê-Quý-Đôn cũng chép trong tác-phẩm của ông, *Kiến-văn Tiểu-lục*: "Nước nhà, vua Thái-Tông nhà Lý dựng miếu thờ thần Đổng-Cò-Son ở đằng sau chùa Thành-thọ. Hàng năm cứ đến ngày 4 tháng 4 lập một đàn ở trước miếu này, rồi dàn binh lính, đọc lời thể để quán-thần cùng thể. Đền vua Nhân-Tông thì họp quán-nhân trong thiên-hạ thể ở sân Long-trì.

Vua Nhân-Tông lại định-lệ: Hàng năm cũng theo ngày 4 tháng 4, sáng sớm hôm ấy đúc vua ngự ra cửa bên hữu điện Đại-minh, quán-thần đều vận binh-phục đến lễ hai lễ rồi lui ra. Các quan đi đều có xe ngựa binh lính theo đi ra khỏi cửa tây thành rồi đến hội-thể ở miếu Đổng-Cò-thần. Quan Kiểm-chính đọc lời thể rằng: «Vi thần tận-trung vì quan thanh-bạch» nghĩa là: «lắm bảy tội thể hết lòng, làm quan thể trong sạch.» Thể xong quan Tể-tướng kiểm-diêm từng người, nếu ai vắng mặt phải phạt 5 quan tiền. Lễ này thời ấy cho là một lễ rất thịnh vậy.» (*Kiến-văn Tiểu-lục*, tr. 113-114, Lê-Quý-Đôn, Bản-dịch Lê-Mạnh-Liêu - Tủ sách dịch-thuật 1963).

Ngụ-ý triết-học của 'trống đồng'

Trên đây là một số tài-liệu liên-quan đến trống đồng, từ tài-liệu khảo-cò-học cho đến tài-liệu sử-học, văn-học, thần-thoại tục-truyền. Qua những tài-liệu ấy chúng ta có thể tìm thấy ngụ-ý triết-học đầu tiên của dân-tộc khởi-diêm của bộ-lạc Đông-sơn đến quá-trình chuyển biến của dân-tộc trưởng-thành.

Trống đồng đã tập-trung tất cả tinh-thần văn-hóa Lạc-Việt thời đại Đông-sơn tức là thời-kỳ mà Việt-tộc mới chỉ là một bộ-lạc ấu-trì, các phần-tử còn sống chìm trong tinh-thần vật-tỏ thần-bí. Vật-tỏ ấy là con chim Hồng-lạc hay Lạc-hồng (Buceros hay Argus) theo các nhà khảo-cổ-học mà ngày nay người ta còn mượn-tượng qua hình-ảnh con cò*, nhất là qua hình-ảnh người thôn-nữ Bắc-Việt chít khăn mỏ quạ, khoác áo tơi lá gồi, lom-khom dưới ruộng lúa lúc trời mưa. Vậy ở thời vật-tỏ tất cả những phần-tử Lạc-Việt đều tự đồng-nhất với con chim vật-tỏ, chỉ có một ý-thức vật-tỏ, chỉ có một mệnh-lệnh tối-cao là mệnh-lệnh vật-tỏ, không có một cá-nhân nào tự ý-thức mình còn là cái gì, một khi rời khỏi hồn-thiên vật-tỏ. Vật-tỏ bây giờ hoàn-toàn thay thế đại-diện cho Việt-tộc, là hiện-thân Hồn-nước, Tổ-quốc.

Nhưng rồi chẳng bao lâu, khi biết dùng kim-khí, nhân-dân Lạc-Việt Đông-sơn đã chế-tạo ra được cái trống đồng, và từ đây về sau cái ý-thức rất linh-thiên nhưng bàng-bạc của vật-tỏ đã được cụ-thể-hóa ra hiệu-lệnh của tiếng trống đồng, hầu như vật-tỏ đã nhập vào cái trống đồng rồi vậy. Bởi thế mà trống đồng là dấu-hiệu của quyền-thể chúa-tể quán-chúng, tù trưởng bộ-lạc, lãnh-tụ đoàn-thể, nội hiệu trống để kêu gọi nhân-dân, điều động ba quân, nào trống thúc quân, trống cầm canh, trống ngũ-liên, trống thu-không, tất cả sinh-hoạt của cả đoàn-thể hầu như khuôn theo nhịp trống. Bởi vì tiếng trống đồng vang động như tiếng sấm nên cũng có quyền-năng uy-lực siêu-việt. Do đây mà được nhân-dân coi trống đồng như một thần-lực, mỗi khi đánh lên âm-thanh có thể động tới cõi u-minh, linh-thiên huyền-diệu. Tục-ngữ Việt-Nam nói "Đánh trống qua cửa nhà Sấm" cũng là nói đến cái năng-lực ma-thuật của tiếng trống với tiếng sấm là một quyền-năng thiên-nhiên được các dân-tộc cổ xưa thần-thánh-hóa, như ở Ấn-độ thần Sấm Indra là thần quyền-thể điều-khiển vũ-trụ vậy.

Vì trống đồng dùng làm trống trận, cụ-thể hóa cái ý-thức vật-tỏ thần-bí tức là ý-thức đoàn-thể dân-tộc, cho nên tiếng trống càng có hiệu-lực, uy-linh đại-diện cho tiếng nói của đoàn-thể, mà sớm được thần-hóa, phụng-thờ như một thần-linh thay vì vật-tỏ phư là ý-chí tối-cao, toàn-năng của quốc-gia vậy. Nhân-dân đã dựng đến thờ hàng năm hương khói cúng tế. Hơn thế, đến khi

* Ca-đao

Con Cò mảy đi ăn đêm,
Đỗ phải cánh mềm, mảy ngũ xuống ao.
hay là
Con Cò lặn lội bờ sông,
Gánh gạo đưa chồng nước mắt ni non.

dân-tộc đã quật-cường bằng xương máu của biết bao liệt-nữ anh-hùng, thì ý-thức tập-thể quốc-gia càng trở nên uy-linh để bảo-vệ đất nước, nhà vua với quân-thần lãnh-đạo quốc-gia càng phải đồng-tâm nhất-trí, cho nên thần Đông-quần-thần lãnh-đạo quốc-gia càng phải đồng-tâm nhất-trí, cho nên thần Đông-cổ tức thần Trồng-đồng đã được gọi lên làm chứng cho lời thề trung-thành với tổ-quốc của quân-thần một triều-đại, vì thần Trồng-đồng cũng như thần Sấm, thần Sét biểu-thị ý-chí toàn dân có uy-lực tru-diệt kẻ phản-quốc, phản-dân-tộc. Vì thế mà nhân-dân đã chọn ngày 4 tháng 4 hàng năm để cho quân-thần uống máu ăn thề, vì thần Trồng-đồng đã đồng-nhất hoàn-toàn với thần Sấm, hàng năm chỉ bắt đầu lên tiếng vào giao-tiết cuối xuân sang hạ, báo hiệu nhân-dân nông-nghiệp sắp có nước để cấy cây làm ăn.

Xem như thế thì lịch-trình biến-hóa ý-nghĩa tượng-trưng của Trồng-đồng đã theo sát với lịch-trình tiên hóa ý-thức quốc-gia dân-tộc của Việt-tộc. Từ một bộ-lạc với ý-thức vật-tỏ thần-bí ở thời đại Đông-Son, Việt-tộc đã tiên-điền ý-thức quốc-gia sau khi mở rộng khu-vực định cư, tăng mật-độ nhân-khẩu, sáp-nhập các bộ-lạc vật-tỏ khác. Lúc đầu mỗi liên-hệ giữa bộ-lạc với bộ-lạc còn rời-rạc như thời nhà Ngô, nhà Đinh; dần-dần liên-hệ trở nên vững-chắc kiên-cường với nhà Lý, nhờ sự tăng-tiến thế-lực của vai trò lãnh-đạo càng ngày càng trở nên là hiện-thân cụ-thể cho uy-quyền quốc-gia. Bởi thế mà bắt đầu với nhà Lý mới có nghi-lễ « uống máu ăn thề » của quan chức hứa trung-thành với nhà vua, trong sạch với nhân-dân, trước đền thờ thần Đông-cổ. Nhà xã-hội-học viết: « Sự trung-thành với nhà vua là một liên-hệ chính-trị cơ-bản... Dân-tộc đồng nhất với triều-đại, do một hiện-tượng tương-tự với hiện-tượng chuyển giao tất cả thế-lực của tín-ngưỡng cổ-xưa phát-xuất ra, tất cả thần-lực huyền-bí của vật-tỏ cho các vua chúa đầu tiên. (Frazer, *Les Origines magiques de la royauté*).

Trên lịch-trình tiên hóa ý-thức dân-tộc mà nhà xã-hội-học nhận thấy trong lịch-sử tiên hóa của tất cả các xã-hội nhân-loại nói chung, thì ở đây cái ý-thức dân-tộc của Việt-tộc cũng tiên-hóa theo cái định-luật chung của xã-hội-học, nhưng chỗ riêng biệt của Việt-tộc là trên lịch-trình tiên-hóa về ý-thức dân-tộc, nó cũng mang sự tiên hóa về ý nghĩa tượng-trưng của trồng-đồng, từ chỗ tượng-trưng cho uy-lực thủ-linh, tù-trường một bộ-lạc, đền dựng-cụ của việc cúng-tề, múa hát hoan lạc, mời thần, cầu đảo, để rồi trở nên một vị thần-linh đại-diện cho hồn nước, cho ý-chí thiêng-liêng mãnh-liệt như sấm-sét của dân-tộc, của quốc-gia để bảo-vệ lòng trung-tín của con dân đối với tổ-quốc, của triều-đình quan chức đối với nhà vua, thủ-linh dân-tộc. Vậy trồng-đồng quả là tượng-trưng cho tinh-thần dân-tộc của Việt-Nam, cái ý-chí độc-lập tự-cường qua thời-gian và không-gian vậy.

Cái ý-chí dân-tộc ấy tập-trung cả vào người lãnh-đạo mà lý-tưởng đã được nông-dân Việt-Nam chất-phác phổ-diễn qua truyện cổ-tích phổ-thông, truyện 'Bánh Chưng Bánh Dầy'. Qua truyện ấy, chúng ta thấy vai-trò lãnh-đạo tư-tướng của nông-dân, trước hết có một tin-tưởng mạnh-mẽ vào linh-hồn tổ-tiên bắt-từ, hàng năm lấy kết-quả mô hôi nước mắt của nông-dân dâng lên kỷ-niệm với ý-nghĩ « ăn quả nhớ kẻ trồng cây », « uống nước thì nhớ đền nguồn ». Người lãnh-đạo ấy cũng phải coi thiên-hạ quốc-gia là của chung không phải của riêng một nhà, một họ, cho nên Hùng-vương không nhường ngôi vua cho con trưởng mà là nhường cho người có tài-đức, thông-hiểu phương-pháp tổ-chức xã-hội kinh-tê của nông-dân, thích-ứng với thiên-thời, địa-lợi và nhân-hòa như tượng-bình vuông tròn của Bánh Chưng Bánh Dầy đã hàm ngụ-ý nghĩa:

Trăm năm tính cuộc vương tròn,

Phải dò cho đền ngọn nguồn lạch sông.

(Nguyễn-Du)

Hay là:

Trời thời, đất lợi lại người hòa.

(Phan-thanh-Giản)

Quan-niệm vai trò lãnh-đạo dân-tộc ấy quả đã in sâu vào tâm-khảm giới si-phu Việt-Nam trải qua các thời-đại lịch-sử, thời bị đô-hộ cũng như thời được độc-lập; chỉ cần chúng ta kê-cứu hành-động và tư-tưởng các minh-quân lương-tướng Việt-Nam không hiếm, thì đủ thấy chứng-minh vậy.

Nhưng tinh-thần dân-tộc ấy không phải và cũng không có thể biến thành chủ-nghĩa quốc-gia dân-tộc quá-khích bề-quan vì không phải một mình trồng-đồng tượng-trưng nên văn-minh Đông-son, là nguồn gốc khởi-thủy của tư-tưởng Việt-Nam. Bên cạnh nền văn-minh Đông-son, các nhà khảo-cổ cũng còn thấy một nền văn-minh thứ hai, văn-minh Lạch-Trường mà đặc-trưng là có-mộ phỏng theo hình-dung các động thiên-tạo hay Thiên-Động. Ấy là nguồn gốc khởi thủy thứ hai của tư-tưởng Việt-Nam, nguồn gốc có một ảnh-hưởng chẳng kém phần quan-trọng so với nguồn gốc thứ nhất trên đây.

(còn tiếp)

*tìm hiểu kiến-trúc kinh-thành huê**

Kính thưa Ông Bộ-Trưởng,
Thưa Quý liệt-vị,

Đề-tài mà hôm nay chúng tôi được hân-hạnh thuyết-trình là «Tìm Hiểu Kiến-Trúc Kinh-Thành Huê». Đề-tài này gồm có ba phần :

- (1) Vị-trí lịch-sử của Kinh-thành Huê ;
- (2) Những cơ-cấu kiến-trúc chính-yếu của Kinh-thành Huê ;
- (3) Quan-niệm và kỹ-thuật kiến-trúc Kinh-thành Huê.

Trước hết, chúng tôi xin nói tới phần thứ nhất, rồi lần-lượt chúng tôi sẽ nói tới hai phần kia.

I. Vị-trí lịch-sử của kinh-thành Huê

Như chúng ta đều biết, xứ Thuận-Hóa nói chung và Kinh-thành Huê nói riêng bắt nguồn từ một cuộc viễn-du của Thượng-Hoàng Trần-Nhân-Tông qua Chiêm - Quốc năm 1301; tiếp theo đó là sự thực-hiện một lời hứa của Thượng-Hoàng với Chiêm-Vương là Chê-Mân (Jaya Sinhavarman III): bằng lòng gả Công-Chúa Huyền-Trân cho Chiêm-Vương, để đổi lấy hai châu Ô Ly, lòng gả Công-Chúa Huyền-Trân cho Chiêm-Vương, để đổi lấy hai châu Ô Ly, mà về sau sẽ đổi tên là châu Thuận và châu Hóa, có nghĩa là «bằng lòng» và «thay đổi» theo chế-độ và phong-tục của người Việt. Hai châu này đã chính-thức sáp-nhập vào nước ta năm 1306.

Sau cuộc viễn-du của Trần-Nhân-Tông, chúng ta phải chờ đợi một cuộc viễn-du khác, được thực-hiện gấp rút 257 năm về sau, đúng vào năm 1558, dưới sự lãnh-đạo của Nguyễn-Hoàng, hồi đó được vua Lê chúa Trịnh cử vào

* Thuyết-trình tại Viên-Đình Tao-Đàn ngày 26-7-1963, dưới quyền chủ-tọa của ông Nguyễn-Văn-Dinh, Bộ-Trưởng Công-Chánh và Giáo-Thông.

[Tập XII, Quyển 9 (Tháng 9, 1963)]

trần đất Thuận-Hóa. Nguyễn-Hoàng — mà người đương thời gọi là Chúa Tiên — phải bao phen «qua sông lội suối, leo núi băng ngàn», nên chỉ trong đoàn tùy-tùng của Ngài, có người bắt đầu chán-nản, mới thốt ra một câu :

*Tới đây đất nước lạ lùng,
Con chim kêu cũng sợ, con cá vẫy vùng cũng lo!*

Chúa bèn trấn tĩnh nhân-tâm với một câu hò đầy ý-nghĩa :

Mãng giang nâu cá ngạnh nguồn,
Tới đây nên phải bán buôn mua vui.*

Việc mua vui đầu tiên của Chúa là một công-tác kiến-trúc. Ngài quyết-định lập dinh xây phủ tại làng Ái-Tử (tỉnh Quảng-Trị). Ít lâu sau, vào năm 1570, Ngài dời dinh tới làng Trà-Bát, phía nam Ái-Tử. Rồi ba mươi năm sau, vào năm 1600, Ngài lại dời phủ tới Cát-Dinh, phía đông Ái-Tử.

Vậy có thể nói rằng Ái-Tử là cái đầu cầu trước tiên (première tête de pont) của người Việt trong cuộc di-dân lớn-lao vào hậu bán thế-kỷ thứ XVI. Cái đầu cầu này có thể hiểu theo nghĩa đen lẫn nghĩa bóng, là vì trong dân-gian hiện nay còn lưu lại câu ca-dao này :

*Mẹ bồng con ngồi cầu Ái-Tử,
Thiếp trông chàng đứng núi Vọng-Phu ;
Trông chàng bóng xế trăng lu,
Quyết lánh xa trần tục đi tu cho rồi.*

Trong thời-gian trị-vị (1558-1613), Chúa Tiên du-lâm khắp xứ Thuận-Hóa. Năm 1601 khi Chúa đặt chân tới xã Hà-Khê, bên bờ sông Hương, chúa thầy giữa đất bằng đột khởi lên một ngọn đồi cao như hình đầu con rồng ngoảnh lại, trước có sông, sau có hồ, cảnh-trí xinh tốt khác thường.

Tương truyền khi xưa, có người ban đêm trông thấy một bà lão, mặc áo đỏ quần xanh, ngồi trên gò ấy mà nói rằng : «Rồi đây sẽ có chân Chúa tới nơi này để dựng chùa, dựng tự linh-khí và củng-cố long mạch». Nói xong bà lão biến mất; nhân-dân bèn gọi gò Hà-Khê là núi Thiên-Mụ.

Nhìn về hướng Đông, Chúa thầy dòng sông Hương uốn khúc, lấp-lánh dưới ánh mặt trời, như có ý thúc-giục Ngài thiên-dinh về nơi đó. Rất có thể rằng lúc bấy giờ Chúa đã nảy ra ý-định đó, nhưng tạm-thời Chúa cho xây một ngôi chùa trên gò Hà-Khê, lấy tên là Thiên-Mụ-Tự, để ghi lại một giấc mơ hay là một giai-thoại do người địa-phương kể lại.

Các vị chúa kế-tiếp Nguyễn-Hoàng sẽ lần hồi thiên-dinh về miền nam. Năm 1626, chúa Sãi Nguyễn-Phúc-Nguyễn (1613-1635) dời dinh về làng Phước-Yên (huyện Quảng-Điện, tỉnh Thừa-Thiên). Năm 1636, chúa Thượng Nguyễn-

* Một loại cá hình hơi giống cá trê (espèce de silure), mà tên khoa học là quidan tiscin.

Phúc-Loan (1634-1648) lại thiên-dinh về làng Kim-Long (huyện Hương-Trà, tỉnh Thừa-Thiên) gán chùa Thiên-Mụ. Năm 1687 chúa Ngãi Nguyễn-Phúc-Trần (1687-1691) dựng phủ mới ở làng Phú-Xuân, tức là vào chỗ đông-nam Kinh-thành Huế ngày nay, lấy núi Ngự-Bình phía trước làm án, xây thành, dựng cung-thất, trồng cây, mở đường, cách thức xinh đẹp. Sự định đô tại Phú-Xuân bắt đầu từ đó.

Năm 1712, chúa Minh Nguyễn-Phúc-Chu (1691-1725) lại dời phủ ra làng Bắc-Vọng (huyện Quảng-Điền, tỉnh Thừa-Thiên). Như vậy, thời-gian kiến-đô tại Phú-Xuân chỉ được 25 năm.

Năm 1738, Chúa Ninh Nguyễn-Phúc-Trú (1725 - 1738) băng-hà. Hoàng-Trưởng-Tử là Nguyễn-Phúc-Khoát lên nối ngôi, tức Võ-Vương (1738 - 1765), bèn dời phủ chính về lại Phú-Xuân (bên tả phủ cũ của chúa Ngãi hồi trước). Nhân có câu sấm "Bất thể hoàn Trung đô" nghĩa là "Tám đời thì trở lại Trung-đô", mà người đương thời giải-thích là Thăng-Long, chúa Võ mới tính lại từ đời Chúa Tiên, trải qua các chúa Sãi, chúa Thượng, chúa Hiến, chúa Ngãi, chúa Minh, chúa Ninh, rồi tới chúa Võ, thì vừa đúng 8 đời. Chúa lo ngại cho số-phận của Đàng Trong, rồi đây có lẽ bị sáp-nhập với Bắc-Hà, đặt dưới quyền-uy của vua Lê chúa Trịnh. Vì lẽ đó mà Chúa quyết-định xưng vương lập quốc, làm cho Nam-Hà hoàn-toàn biệt-lập đời với Bắc-Hà; năm đó là giáp-tý 1744, khởi Phú-Xuân được gọi là Chính-dinh, sau gọi là Đô-Thành. Chúa sửa đổi y-phục, cầm đàn-bà mặc váy theo lối Bắc, sửa-sang phong-tục, tham chước chế-độ các đời trước, định triều-phục các quan văn võ.

Về phương-diện kiến-thiết, chúa vừa lên ngôi xong, liền khởi công xây dựng điện Kim-Hoa, điện Quang-Hoa, gác Diêu-Trì, gác Triều-Dương, gác Quang-Thiên, Tụ-Lạc-Đường, Chính-Quang-Đường, Trung-Hòa-Đường, Di-Nhiên-Đường, đài Sương-Xuân, đình Thụy-Vân, hiên Đông-Lạc, am Nội-Viên, đình Giáng-Hương. Về phía thượng-lưu sông Hương, lại xây phủ Dương-Xuân, điện Trường-Lạc, hiên Duyệt-Vũ. Những kiến-trúc ấy đều chạm trổ và tô vẽ hết sức tinh-xảo. Trong các vườn, lại có giả sơn, hồ cầu, thủy tạ; các bức tường tạc hình long hổ, lân phụng, hoa cỏ. Trên dưới đô-thành đều thiết rất nhiều quán xá cùng phủ-đệ của những bậc công hầu. Ngoài thành chợ liên-lạc, đường-sá rộng-rãi, nhà cửa san-sát, hai bên đường đều toàn nhà ngói cả, cây cao, bóng mát, thuyền chài, thuyền buôn qua lại như dật cử, làm thành một chỗ đại-đô-hội, cảnh-sắc cực kỳ diễm-lệ.

Nói tóm lại, chúa Võ-Vương Nguyễn-Phúc-Khoát đã vì một câu sấm, mà chủ-trương kiến-thiết đô-thành Phú-Xuân, tạo nên một sắc-diện tân-kỳ.



CẢNH CHÙA THIÊN-MỤ
trông ra Hương-Giang (Kim-Long, Huế),
nơi địa-lý phát-xuất Kinh-thành Huế

xứng đáng với một quốc-gia hoàn-toàn mới-mẻ, để ứng-dụng với câu sấm "Bát thê hoàn Trung-đô" mà Trung-đô đây có thể hiểu không phải là Trung-đô Thăng-Long mà là Trung-đô Phú-Xuân vậy.

Từ sau khi Võ-Vương băng hà, chính tinh trong nước càng ngày càng rời-ren, do các cuộc nội-chiến giữa ba họ Trịnh, Nguyễn, Hồ (Tây-Son), đã làm hư-hao rất nhiều những kiến-trúc của đô-thành Phú-Xuân.

Chúng ta phải đợi tới thời-kỳ vua Gia-Long thông-nhất sơn-hà năm 1801, lên ngôi năm 1802, rồi quyết-định chọn Phú-Xuân làm kinh-đó, để được thầy Ngài ra lệnh, vào năm 1805, đắp một thành mới rộng hơn phủ cũ, để làm Kinh-Thành.

Kinh-Thành Huế khởi đắp tháng 4 năm ất-sửu, 1805, chiếm địa-phận 8 làng: Phú-Xuân, Vạn-Xuân, Diên-Phái, An-Vân, An-Hòa, An-Mỹ, Thê-Lại, An-Bừu, nhưng làng Phú-Xuân mất đất nhiều hơn cả, nên làng này được vua ban, ngoài số bạc bồi thường, nhiều ruộng đất chung quanh Huế, ở Quảng-Trị và Quảng-Bình nữa.

Vua Gia-Long xem xét địa-thê từ làng Kim-Long đến Thanh-Hà, thân chế kiểu thành, rồi mới giao cho Giám-Thành Nguyễn-Văn-Yên vẽ bản-đồ, đóng cọc, v. v. . . rồi huy-động quân lính ở Kinh và mộ dân các tỉnh về làm. Chúng ta có thể xem viên Giám-Thành Nguyễn-Văn-Yên như vị Kiến-trúc-sư đầu tiên của Kinh-thành Huế.

Ban đầu, thành chỉ đắp bằng đất, nên chỉ từ tháng 4 đến tháng 8 đã xong. Năm đinh-mão 1807, lại tiếp-tục công việc cho đến cuối triều Gia-Long. Năm mậu-dần 1818, mới bắt đầu xây gạch 2 mặt Nam và Tây, rồi đến mặt Bắc, công việc giao cho Hoàng-Công-Lý, Trương-Phúc-Đàng và Nguyễn-Đức-Sỹ, đến năm 1819 thì xong. Năm canh-thìn, Minh-Mạng nguyên-niên 1820, mưa lớn, làm đổ mất 300 trượng (phòng chừng 1200 mét), phải sửa-chữa lại. Năm tân-tý 1821, lại tiếp-tục công việc và xây gạch mặt phía Đông, như vậy là cả bốn mặt đều xây bằng gạch. Qua năm nhâm-ngọ 1822, lại mưa lớn, làm hỏng 2.057 trượng (8.228 mét), phải giao cho hai kiến-trúc-sư cổ-diễn Trần-Văn-Năng và Nguyễn-Văn-Vân sửa-chữa lại. Sau hết, năm giáp-thân 1824, còn tu bổ một lần nữa, công việc mới thật hoàn-toàn, tính như vậy, từ năm 1805 cho tới năm 1824, là cả thầy 20 năm trời mới xây xong Kinh-thành Huế. Lúc bây giờ, những người có dự vào việc xây Kinh-thành đều được ban thưởng; quân lính trước khi giải-ngũ về quê được lãnh tất cả 143.000 quan tiền, các quan kiến-trúc và chuyên-viên được lãnh mỗi người thêm 5 tháng lương.

Theo Linh-Mục Léopold Cadière viết trong tập-san của Hội Đô-Thành Huế-Cổ, số 1-2, năm 1933, thì những người Pháp giúp việc vua Gia-Long, không



MỘ - HÌNH NGỌ - MÓN
của đình Hoàng-Thành Kinh-thành Huế
(đã được triển-lãm tại Mỹ-Quốc năm 1960-61)

có xen vào công việc xây dựng Kinh-thành Huế. (Les deux extraits que je viens de citer sont, on le voit, absolument précis et ne permettent en aucune façon de penser que des Européens aient été mêlés à la construction de la Citadelle de Huế). Linh-Mục Cadière còn nói thêm đại khái rằng: ngoại trừ thành Gia-Định, đã được kiến-thiết năm 1791, do bản-đồ của kỹ-sư Lebrun, dưới quyền chỉ-huy của Vệ-úy Olivier, tất cả những thành-trị trên lãnh-thổ Việt-Nam, tuy có tham chước ít nhiều những kiểu thành Vauban, đều do những kiến-trúc-sư Việt-Nam phác-họa và thực-hiện (... la construction même de la Citadelle de Huế, ainsi que celle des autres citadelles du royaume construites dans la suite, cela ne fait aucun doute aujourd'hui, a été préparée entièrement par les Annamites et exécutée en totalité sous leur contrôle et leur direction).

Nói như vậy, không phải là chúng ta hoàn-toàn phủ-nhận ảnh-hưởng của Tây-Phương trong việc kiến-trúc Kinh-thành Huế. Ảnh-hưởng đó có thật, nhưng người ta chỉ trông thấy nơi Thành ngoài mà thôi; còn như những cung-điện lâu-đài ở bên trong thì tuyền-nhiên không có gì là Tây-Phương cả; trái lại, những cơ-cấu này có phần tương-tự như Kinh-thành Bắc-Kinh thu nhỏ lại.

II. Những cơ-cấu kiến-trúc chính-yếu của kinh-thành Huế

Nói về Kinh-thành Huế mà người Tây-Phương quen gọi là 'Citadelle de Huế', chúng ta thấy chung quanh thành có đào một hào sâu 4 thước, rộng 22 thước. Người xưa đã dùng phần lớn đất đào này để đắp thành, một bức thành cao 6thổ, rộng 20 thước, chu-vi 10 cây sò, ngoài gạch, trong gạch, ở giữa lót đá và đất. Thành có trở 10 cửa là: Chính Đông, Chính Tây, Chính Nam, Chính Bắc, Đông-Nam, Tây-Nam, Đông-Bắc, Tây-Bắc và hai cửa Thê-Nhân và Quảng-Đức ở hai bên Kỳ-Đài. Ngoài ra, ở góc Đông-Bắc, có xây một cái thành nhỏ, mà dưới thời Gia-Long gọi là Thái-Bình-đài, rồi sau đổi ra Trần-Bình-đài dưới triều Minh-Mạng, năm thứ 17, 1836, chu-vi gắn một cây sò, tường cao hơn 6 thước, rộng 14 thước, bên ngoài có hào rộng 30 thước, ăn thông với hào thành. Trong Trần-Bình-đài có hai cái hồ hình bán-nguyệt, giống như hai cái mang con cá, cho nên người ta thường gọi là *Đôn Mang-Cá*.

Trong Kinh-thành, lại có một vòng thành nữa, gọi Hoàng-Thành mà người Tây-Phương quen gọi là 'Enceinte Jaune'. Hoàng-Thành có 4 cửa là: Ngọ-môn, Hiên-nhân, Chương-đức và Hòa-bình. Cửa chính là Ngọ-môn, nhìn về hướng Nam, cũng như tất cả những cung-điện ở trong Đại-Nội, là vì theo quan-niệm cổ-truyền Việt-Hoa, hướng Nam là hướng thuận-lợi nhất, và các

bạc đề-vương bao giờ cũng ngồi xây về hướng Nam. Thật thế, sách *Kinh Dịch* có câu: «Thánh-nhân nam-diện nhi thính thiên-hạ» nghĩa «bạc thánh-nhân ngồi xây mặt về hướng Nam, để nghe thiên-hạ».

Sở-dĩ gọi là Ngọ-môn vì Ngọ là lúc mặt trời lên đúng thiên-đỉnh (zenith), cao nhất trên trời. Vua là bậc chí-tôn, nên mới vì với mặt trời lúc đúng Ngọ, và Ngọ-môn là cửa chính giành riêng cho Vua. Ngọ-môn có mở 5 cửa: 3 cửa giữa, 2 cửa hông; phía trên là lầu Ngũ-Phụng (5 giồng phụng ngũ sắc khác nhau), gồm có 9 nóc lầu, có tầng gác, giữa lợp ngói hoàng lưu-li, hai bên lợp ngói thanh lưu-li. Nên chú-ý là từ đây trở vào, tất cả những cung-điện đều lợp ngói lưu-li, tức là ngói âm (tuile concave), ngói dương (tuile convexe) trắng men hai màu, ngói vàng ở mái giữa, ngói xanh hai bên, như nơi cửa Ngọ vậy.

Ngói lưu-li hình *lép* hoặc hình *tròn như ống*, cho nên cũng gọi là ngói ống (tuile cannelée). Trước tiên người ta lấy gỗ tròn để làm khuôn, lấy đất in thành miếng ngói, sau lấy đá màu xanh gọi là *biển thanh-thạch*, và đá màu vàng gọi là *biển hoàng-thạch*, nghiền ra bột, thành được-liệu làm men trắng lên, rồi mới cho vào hầm đốt cho chảy đều và khô cứng lại. Nhờ sự đốt chảy chất men đó, mà viên ngói sẽ trơn láng và sáng ngời như *ngọc lưu-li*, là một thứ ngọc quý danh tiếng thời xưa.

Trong đám bình-dân ngày nay, còn lưu-truyền mấy câu ca-dao về Ngọ-môn, chứng-minh rằng họ cũng có một năng-khiếu quan-sát rất tinh-tường:

Ngọ-môn năm cửa chín lầu,

Cờ cao ba cấp, Phu-Vân-Lâu mấy tầng?

Ngọ-môn năm cửa chín lầu,

Đề-vương tạo lập (để cho) công hầu vô ra.

Ngọ-môn năm cửa chín lầu,

Một lầu vàng tám lầu xanh.

Ba cửa thẳng hai cửa quanh,

Thân em phận gái,

Không hỏi chôn kinh-thành mắng chi!

Cửa Ngọ-môn xây bằng gạch và đá Thanh (Thanh-Hóa), đá Non Nương (Quảng-Nam), dưới mỗi cánh cửa có xà đúc bằng đồng, với nhào rất nhuyễn. Chính vua Minh-Mạng, từ năm 1833, đã đích-thân trông coi việc xây-dựng. Từ Ngọ-môn nhìn vào, chúng ta thấy điện *Thái-Hòa*, nơi vua thiết thường-triều, trước điện có sân rộng, lát đá Thanh, gồm có Lai bạc. Bạc trên dành cho văn-vô ăn-

quan từ tam-phẩm trở lên, bạc dưới dành cho thuộc-quan từ tứ-phẩm trở xuống. Như thế là nhà vua ngồi trên ngai vàng nhìn về hướng Nam, là hướng thuận-lợi cổ truyền, còn các triều-thần thì bài-yết nơi sân rồng và nhìn về hướng Bắc, để tỏ lòng tưng-phục tuyệt-đời. Phía dưới sân, còn một bậc nữa, để dành cho kỳ-cửu hương-lão, thích-lý, đèn chầu trong những khánh-tiết.

Vào thời Ngô-môn, có hồ sen, gọi là hồ Thái-Dịch, bệ xây đá, trên hồ bắc một cái cầu, gọi là cầu Trung-Đạo, mỗi đầu cầu dựng phượng môn, trụ bằng đồng, chạm mây nổi quần quanh, trên ngạch trang sức bằng pháp-lam ngũ sắc. Pháp-lam cũng gọi là Pháp-lang (người Tây-Phương gọi là Enamel) là một chất men kếp, gồm có duyên đan, bằng sa và bột pha-lê, nấu chung với nhau, chất men kếp, gồm có duyên đan, bằng sa và bột pha-lê, nấu chung với nhau, nguyên là sắc trắng, nhưng có thể chế biến thành nhiều sắc, để tráng (mạ) lên mặt các vật-dụng bằng kim-khí, thêm trang sức và phòng sét ri, như men Cảnh-Thái, gọi là Cảnh-Thái-Lam, đời Đại-Tông Nhà Minh, là thứ men Pháp-Lang tinh-xảo nhất.

Điện Thái-Hòa xây-dựng năm Gia-Long thứ 4, 21-2-1805, và cũng xong trong năm ấy. Ngày át-vị tháng 5 năm bính-dần (28-8-1806) vua lên ngôi Hoàng-đề tại điện này, vì tuy từ năm nhâm-tuất 1802, đã đặt niên-hiệu Gia-Long, nhưng đến năm giáp-tý 1804, vua nhà Thanh mới cho Sứ là Tề-Bồ-Sum sang phong. Phía tả điện Thái-Hòa, có Thái-Miêu thờ các chúa triều Nguyễn, kể từ Chúa Nguyễn-Hoàng; có Triệu-Miêu thờ Triệu-Tổ Nguyễn-Kim. Phía hữu điện Thái-Hòa, có Thê-Miêu, thờ các vua triều Nguyễn, kể từ vua Gia-Long; lại có Hưng-Miêu thờ Hưng-Tổ Nguyễn-Phúc-Luân, thân-sinh vua Gia-Long.

Một công-trình kiến-trúc đáng chú ý là Hiền-Lâm-Các ở phía trước Thê-Miêu. Nơi đây có tá-vu và hữu-vu; Tá-vu thờ 4 công-thần trong hoàng-tộc; hữu-vu thờ các vị công-thần bách tính, như Võ-Tôn-Tánh, Ngô-Tùng-Châu, Chu-văn-Tiếp, Võ-Di-Nguy, Nguyễn-Văn-Trương, Nguyễn-Hoàng-Đức v.v. . .

Trước Hiền-Lâm-Các có chín đỉnh đồng (cửu đỉnh) đúc từ năm Minh-Mạng thứ 16 (1835) có chạm hình mặt trời, mặt trăng, sóng núi, hoa cỏ, sơn hào, hải-vị, binh-khí, xe thuyền, lấy chữ trong miếu-hiệu của các nhà vua từ Gia-Long là Thê-Tổ Cao-Hoàng, mà đặt tên là: Cao, Nhân, Chương, Anh, Nghi, Thuần, Tuyên, Dụ, Huyền. Vua Minh-Mạng bắt chước vua Hạ-Vũ ngày xưa đúc 9 đỉnh để biểu-trưng cho 9 châu bên Trung-Quốc. Đỉnh còn tượng-trưng sự chính-thông với ủy-nhiệm của Thượng-Đề, hình-dáng ba chân vạc và trọng-lượng của đỉnh biểu-hiệu sự lâu dài bền vững của triều-đại.

Đúc một cái đỉnh, phải dùng 60 cái lò nấu đồng góp lại, mỗi lò chỉ nấu chảy được ba bốn chục ki-lô, khuôn để lật ngược, đồng đổ vào một chân đỉnh;

các hình nổi, về sau mới chạm thêm vào những miếng đồng đúc gắn vào đỉnh; nơi đúc này là Sở Canh-Nông, gần cầu Khánh-Ninh, ở phía sau Đại-Nội.

Bây giờ, chúng ta nói tới cái vòng thành thứ ba, tên là Từ-cầm-Thành, mà người Pháp dịch là 'Cité Pourpre Interdite'. Thật ra cái vòng thành này, chỉ có một bức tường gồm một cửa chính là Đại-Cung-Môn, xây năm Minh-Mạng thứ 14 (1833). Phía trong có sân rộng, rồi tới Điện Càn-Chánh, nơi vua thiết đại-triều. Điện này xây năm Gia-Long thứ 10 (1811), xây về hướng Nam, chính tịch 5 gian, tiền tịch 7 gian, đông tây có 2 chái, trùng thiềm trùng lương, lợp ngói hoàng-lưu-ly, mặt tiền trang-sức bằng pháp-lam, trên nóc thiết bầu rượu bằng pháp-lam, bốn góc cong lên như hình con phượng.

Phía trong nữa là điện Càn-Thành, tức là tư-thất của vua. Điện này cũng xây năm Gia-Long thứ 10 (1811) chính tịch 7 gian, tiền-tịch hậu-tịch đều 9 gian, đông tây có hai hiên. Điện làm theo kiểu trùng-thiểm, trùng-lương, lợp ngói hoàng-lưu-ly, trên nóc và mây đường quyết trang-sức bằng pháp-lam. Nơi đây, chúng ta cần ghi nhớ mấy điểm đặc sắc sau đây:

(1) Xưa kia, các điện nhà vua về ban đêm thắp đèn chái, làm bằng chất nhựa thông, thắp rất sáng, cho nên hỏi đó có câu ca-dao:

Ai ơi chớ phụ đèn chái,

Thắp trong Càn-Chánh rạng ngoài Ngô-môn.

Câu ca-dao này đã xuất-hiện trong buổi giao thời tiếp-xúc với Tây-Phương, đã mang lại cho ta các thứ đèn dầu hồi, đèn Huê-kỳ, đèn 'manchon' v.v... còn thứ đèn điện thì mãi về sau mới có.

(2) Trước điện Càn-Chánh, còn trưng bày hai vạc đồng (vasque en bronze) rất lớn, do người Bồ-Đào-Nha Joao Da Cruz (Jean de la Croix) đúc vào năm 1660 và 1662 cho chúa Hiền. Vì những công-tác đặc-biệt đó, mà Joao Da Cruz là người độc-nhất được chúa Hiền cho phép thiết bàn thờ Thiên-Chúa tại tư-gia, và có một Thủy Cả tại xóm Phường Đúc.

(3) Ngoài ra, trước điện Càn-Chánh, hai bên tả hữu, có trồng nhiều cây Ngô-Đông (Sterculia platanifolia) do vua Minh-Mạng ra lệnh đem từ Quảng-Đông về trồng nơi đây. Về sau vua sai quân lính đem lá hoa cây ấy vào rừng để tìm kiếm thêm, đem về trồng hai bên góc điện. Sở dĩ vua ta quý trọng cây ngô-đông như vậy, là vì trong Kinh Thi có câu: "Ngô đồng sinh hi, vu bi triều dương": cây Ngô-đông sinh ở phía mặt trời mọc kia! Lại còn có truyền-thuyết nói rằng con chim phụng-hoàng chỉ đậu trên cây ngô-đông, làm cho chúng ta liên-tưởng tới mấy câu thơ của Tản-Đà:

*Nước trong xanh lơ-lửng con cá vàng,
Cây ngô cánh bích con chim phượng-hoàng nó đậu cao.*

Nay là cuối hạ đầu thu, chúng ta đang trầm lắng chiêm bái Cồ-đồ, lòng những bồi-hồi khi nhìn những cây ngô-đồng xơ-xác, mà cung-diện lâu dài cũng chìm đắm trong cánh tịch-mịch u sầu, khiến du-khách nhớ lại mấy câu thơ bất hủ của bà Đoàn-Thị-Điểm:

*Mặt trăng tỏ thường soi bên gò,
Bờng mắt trông sương gò cánh ngô,
Lạnh-lùng thay bầy chiếu thu,
Gió may hiu-hắt trên đầu đường với.*

(Chinh-Phụ Ngâm)

III. Quan-niệm và kỹ-thuật kiến-trúc kinh-thành Huế

Những bức tường vôi đỏ gọi cho ta một niềm hoài cổ vô biên, một sự thông-cảm chân-thành với các thế-hệ đã qua, với những người thợ vô danh đã lấy mồ hôi nước mắt để hòa với vôi trắng cát vàng, mà tạo nên những kiến-trúc cực-kỳ diễm lệ. Rồi bỗng nhiên ta thấy trong lòng băng-khuàng xao-xuyến, muốn tìm hiểu những yếu-tố tinh-thần và những yếu-tố vật-chất đã phát-sinh và cấu-tạo những kiến-trúc mỹ-miệu của kinh-thành Thuận-Hóa.

Về những yếu-tố tinh-thần, chúng ta có thể đặt kinh-thành Phú-Xuân vào vị-trí thần-bí của hai câu sấm, hay đúng hơn là lời nói bí-hiêm của Trang-Trình, khi ngài trầm ngâm nhìn bảy kiềng vượt hòn non bộ tượng-trưng cho *Hoành-sơn nhất đại vạn đại dung thân*. Rồi tiếp theo là câu sấm *Bát thế hoàn Trưng-đó* do vị cao tăng ở miền Nam truyền lại, và đã từng làm cho Võ-Vương băng-khuàng lo ngại.

Vì lẽ mỗi kiến-trúc thời xưa đều mang nặng tính-chất thần-bí, và tinh-thần đạo-lý, nên chỉ nhà kiến-trúc cũng phải "thượng thông thiên-vân, hạ tính địa-lý, trung tri nhân sự", như lời của Tấn-Bật, danh-sĩ nước Thục, đối đáp với Trương-Ôn, sứ-giã Đông-Ngô thời Tam-Quốc.

Nhà kiến-trúc phải dày công du sơn du thủy, tìm một địa-diêm thuận-lợi, một địa-linh nhân-kiệt, và sự tìm kiếm đó được hay không đều do nơi lòng thành, nơi bầu nhiệt huyết, có thể làm rung cảm các vị thần-linh đang âm-thầm ngự-trị trên khu-vực đó. Nếu Nguyễn-Hoàng không chính tâm thành ý, thì khó mà tìm được long-mạch tụ tại gò Hà-Khê, là nơi mà theo truyền thuyết "một bà lão mặc áo đỏ quần lục", đã trao cho Chúa một cây nhang và bảo cứ đi về hướng

Đông cho đến khi nào cây nhang tắt thì dừng lại. Nơi đó hầu như tiền-định là nơi mà sau này, vào năm 1687, chúa Ngãi Nguyễn-Phúc-Trần sẽ chọn làng Phú-Xuân để kiến-tạo thủ-phủ Thuận-Hóa.

Nhìn lại Kinh-thành Huế, chúng ta nhận thấy quả thật là một địa-diêm sơn thanh thủy tú, trước có sông Hương núi Ngự, hai bên có cồn Thanh-Long bên tả và cồn Bạch-Hổ bên hữu, chung-quanh có sông ngòi bao bọc, làm thành một vị-trí chiến-lược có rất nhiều ưu-điểm. Một khi địa-diêm đã được tuyển định, Bộ Lễ và Khâm-Thiên-Giám phải chọn ngày lành tháng tốt, để làm lễ thượng lương, với tất cả nghi-thức cần-thiết, để thần-linh chứng giám và tỏ-tiên phò trợ. Nhân dịp này, người ta có treo một câu đối viết trên giấy hồng đơn như sau:

Lập trụ hi phùng hoàng-đạo nhật,
Thượng lương hạnh ngộ tử-vi tinh.

nghĩa là:

*Dựng cột nhà hoan-hỉ gặp ngày hoàng-đạo,
Cắt đòn dông may-mắn được sao tử-vi.*

Lễ thượng lương của ta cũng giống như lễ đặt viên đá đầu tiên của Tây-phương vậy. Điều đáng chú-ý là nền kiến-thiết cổ-truyền của ta chuyên lo về thượng tầng cơ sở đầu tiên, còn nền kiến-trúc Tây-phương lại chú-trọng nơi hạ tầng cơ-sở trước hết.

Sau khi đã tập-trung đầy đủ những yếu-tố tinh-thần, người xưa mới nghĩ tới sự vận-dụng những yếu-tố vật-chất, như là kỹ-thuật, nhân-công, vật-liệu, tài-chính v. v. . . nói tóm lại nhân-lực và vật-lực là hai yếu-tố chính. Tôi có ý đề vấn-đề tài-chính sau hết, là vì người Á-Đông cổ-điển không mấy khi lập ngân-sách trước khi thi-hành một công-tác gì.

Về nhân-lực, chúng ta phải nói tới sự đóng góp của nhiều địa-phương trong nước. Theo châu-bản Gia-Long thứ 4, 1805, chúng ta được biết: tỉnh Quảng-Trị phải sức đòi 4.151 quân dân hạn đến ngày 20 tháng 4 phải có mặt tại Kinh-đô để khởi-công, tỉnh Quảng-Bình đòi 2.388 quân dân, tỉnh Quảng-Nam đòi 7.495 quân dân, tỉnh Bình-Định đòi 2.225 quân dân, Qui-Nhơn đòi 2.436 quân dân v. v. . . tổng-số nhân-công lên tới một vạn rưỡi. Ngoài ra các thợ chuyên môn, như thợ làm ngói, gạch, thợ nề, thợ chạm, thợ đúc, thợ rèn v. v. . . cũng được các tỉnh chọn-lọc, trưng tập và gửi về Kinh.

Về vật-lực, hồi đó người ta lấy đá (granit) ở núi Mai-Vực, huyện Vinh-Lộc, tỉnh Thanh-Hóa, cẩm-thạch (marbre) ở Ngã-Hành-Sơn (Quảng-Nam), sa-

thạch (grès) ở gần chùa Thiên-Mụ, gỗ tốt như lim, kiền kiền, gỗ mít, thối lầy ở các tỉnh Quảng-Trị, Quảng-Bình, Nghệ-An, Gia-Định v.v... Căn-cứ trên bản phước-trình của Đại-Ủy Công-Binh Lecomte, có đăng trong tạp-chí của Đệ-thành Hiếu-Cổ, thượng dẫn và có ghi ngày 20 Mars 1875, thì dưới đời vua Tự-Đức (và có lẽ các tiền-triều) đã có một lò gạch của nhà vua chuyên đúc gạch cỡ lớn, mà người Tây-phương gọi là 'brique mandarine'; lò gạch này ở ngã ba sông Hương tiếp-giếp với sông con chảy về suối nước nóng Thanh-Tân, gần trại Ba-Trúc của Giáo-Đoàn Quốc-Ngoại (Mission Etrangère) do Giám-Mục Sohier kiện-lập năm 1868.

Cũng theo Đại-Ủy Lecomte, thì nhà vua còn có một lò ngói ở Phường Đúc, gần Hồ-Quyển (Arènes); lò ngói này cũng có sản-xuất gạch lát, mà bây giờ ta gọi là ca-rô. Tất cả những ngói và ca-rô đều có phết một lớp men, vàng hay xanh tùy theo công-dụng, trước khi cho vào lò. Những lò này, được xây xiên theo lưng đồi, để cho hơi nóng từ phía dưới lán theo lên tới phía trên, sau khi đã đi qua các lớp ngói.

Những vật-liệu kể trên sẽ nương nhờ trí-óc thâm-mỹ của nhà kiến-trúc và bàn tay khéo-léo của người thợ lành nghề, để được sắp xếp có thứ-tự, và ăn khớp với nhau, làm thành một bài thơ kiến-trúc:

*Ngói đỏ lợp nghề, lợp trên đề lợp dưới,
Đá xanh xây công, hòn dưới nòng hòn trên.*

Chúng ta cũng không quên những vật-liệu khác như vôi và cát. Người ta lấy cát dễ-dàng ở chung-quanh những cồn, như cồn Gid-viên tức Bạch-Hố, cồn Hèn là nơi sản-xuất những con sò, con hèn và báp cón ngon-ngọt đặc-biệt. Riêng về chất vôi, người ta khai-thác ở chung-quanh đồi Long-Thọ, tức Long-thọ-Cương, hay là Thọ-Khương, là nơi mà sau này người Pháp đã thiết-lập một nhà máy vôi lấy tên là 'Société des chaux hydrauliques de Long-Thọ', gọi nôm-na là vôi Bò-Ghè, do tên của ông Bogaert, người đã sáng-lập và trông coi lâu năm nhà máy vôi Long-Thọ.

Sở-di thành-quách được bền-bì lâu dài, là do nơi kỹ-thuật trộn vôi với các vật-liệu khác, thành ra hồ (mortier), dùng để kết-hợp những đá gạch liên với nhau. Vôi hồ của ta ngày xưa đại-khái gồm có cát, vôi, cứ hai phần cát thì một phần vôi, rồi trộn với nước và đường tăng hoặc mật mía (mélasse de canne à sucre). Công-dụng của mật mía là thêm vào hồ một chất nhớt (colle) và sản có chất vôi, nó sẽ tạo nên một chất kếp mới gọi là sucrate de calcium, có đặc-tính làm cho cứng rắn gấp bội.

Nếu cần có một thứ vôi mật thật tốt, mà người Tây-phương gọi là stuc, thì người ta trộn thêm vào vôi hồ một ít giấy bản, làm với vỏ cây gió (aquilaria

crassna P.) một loài danh-mộc, vỏ có sợi (filamenteux), thân có trâm (aloexyllum agallochum). Thứ vôi này có đặc-tính bám-chặt (adhésif), thường dùng để phết tường cho trơn, uốn nắn những mô-hình tề-nhị, như long lân qui phượng, hoặc để gắn những miếng sành vào đó, cho được mỹ-thuật và lâu dài (Ce stuc, le vôi mật, est un mélange de chaux, de papier et de sucre, soigneusement broyés avec de l'eau, très plastique, prenant bien la peinture et acquérant en séchant la dureté de la pierre. Les Annamites s'en servent également pour faire une sorte de mosaïque brillante, en y incrustant des tessons de faïence et de porcelaine. — Henri Gourdon : l'Art de l'Annam, p. 28).

Chúng ta thuộc về khu-vực văn-minh thảo-mộc (civilisation du végétal), cho nên chúng ta dùng rất nhiều gỗ mà ít dùng đá. Vì những cột kèo, đòn dông, đòn tay, rui mè, xuyên trềnh đều bằng gỗ ráp-lại với nhau, theo những phương-pháp cổ-diện, cho nên những cung-diện của Kinh-thành Huế có thể tháo gỡ dễ-dàng, và di-chuyển đi nơi khác được; đó là trường-hợp của nhiều cung-diện trong Thành-Nội, như cung Bảo-Định nguyên xưa ở phường Tây-Lộc, về sau dưới đời Duy-Tân thứ 2 (1908) đã được tháo gỡ, lấy vật-liệu đem về dựng lại trong sân Quốc-Tử-Giám lấy tên mới là Di-Luân-Đường, từng dưới làm giảng đường, từng trên thiết-bàn thờ Đức Không-Tử; một phần khác của cung Bảo-Định, là điện Long-An, cũng đã được tháo gỡ đem về phía sau Di-Luân-Đường, để làm Tàng-Thư-Viện, đến năm 1923 lại dùng làm trụ-sở cho Viện Tàng-Cổ Khảo-Định.

Đền đây, chúng ta cần mở một đầu ngoặc, để ghi nhớ rằng trong cuộc Nam-tiền, chúng ta đã được truyền lại nhiều kỹ-thuật kiến-trúc tân-kỳ của người Chiêm-Thành và người Chân-Lạp. Trong những kỹ-thuật đó, chúng ta chú ý trước hết tới những cái vòm (arc, voûte, cintre) của những tháp Chàm. Những vòm này không phải là « vòm cuốn » rẽ quạt (voûte en éventail), mà là vòm lợp (voûte étagée), mà trong đó những lớp gạch (assises de claveaux) được sắp ngang và lán lán gắn lại với nhau; người Tây-Phương gọi là 'voûte à encorbellements successifs'. Những vòm cuốn chịu ảnh-hưởng kiến-trúc Trung-Hoa; còn những vòm lợp chịu ảnh-hưởng kiến-trúc Ấn-Độ. Ưu-điểm của những vòm lợp là không đè nặng trên các trụ chông (pilier); khuyết-điểm của những vòm lợp là không thể mở rộng như những vòm cuốn rẽ quạt, và cũng không thể chịu đựng những sức-nặng lớn-lao; cho nên vòm lợp chỉ có thể dùng trong kiến-trúc xây-dựng cửa ngõ thấp chòi, mà không thể dùng trong việc xây-dựng cầu công trên đó có ngựa xe qua lại.

Ngoài ra, chúng ta cũng nên chú ý tới một kỹ-thuật kỳ-lạ của người Chiêm-Thành, là họ có thể làm cho những viên gạch đã nung rồi dính liền với

nhau mà không trồng cấy chặt với ở giữa. Là vì người Chiêm-Thành từ ngày xưa đã biết dùng một chất hồ thảo-mộc (liant végétal). Chất hồ đó chúng tôi khám phá được là dầu (résine) của cây *dầu rái* (dipterocarpus alatus).

Tuy-nhiên, nếu chúng ta nhận thấy những chân tháp Hồi ở miền Nam Trung-Việt đều bị ăn lõm vào, là vì *tính-chất hút nước của gạch* (porosité) làm cho phần dưới luôn luôn bị ẩm-ướt, khi trời mưa thì nước tụ xuống dưới đã đành, tới khi trời nắng thì nước dưới đất vẫn tiếp-tục bị gạch hút lên, để biến thành hơi; lại thêm *gió biển thổi mạnh vào, đem theo cát bụi và nhiều chất muối* làm cho vôi hồ, gạch đá chóng hư hao mai một. Vì trạng-thái ẩm-ướt thường-trực đó, mà những chân tường, chân tháp luôn luôn là địa-cư lý-tường của những cỏ cây lau-lách, và thực-trạng này đã không thoát khỏi nhân-quan tinh-tế của nhà thơ :

Ái ân bờ cỏ óm chân vách,

Lưu huyền cảnh hoa quyện góc tường.

(Bao-La Cư-si)

Cũng trên đường Nam-tiền, chúng ta đã tiếp-xúc với người Chân-Lạp và họ đã truyền lại cho ta một bí-quyết kiến-trúc, một chất nhựa dẻo dai của một loài thảo-mộc, mệnh danh là cây *ô-dước*, tức quế-quan, mà người Tây-Phương gọi là 'Cannelier de Ceylan', 'Laurier-myrrhe', hay là 'Cinnamomum zeylanicum', một giống cây cao chừng 20m, mọc rất nhiều ở các rừng Nam-Việt, nhất là ở các rừng Tây-Ninh Bà-Rịa. Người ta hái vỏ cây *ô-dước*, đem về giã dập rồi ngâm nước trong 24 tiếng đóng hồ, để lấy một chất nhớt (matière colloïdale), đem lọc kỹ, rồi trộn với cát và mặt mĩa, làm thành một thứ vôi hồ hảo hạng. Nếu ngâm quá 24 tiếng đóng hồ, thì chất nhớt sẽ vữa thành chất nước (état liquescent).

Người Chân-Lạp xưa kia cũng như người Việt ở một thời kỳ gần đây, còn dùng rất nhiều hồ *ô-dước* để xây nền, xây tường và nhất là những ngôi mộ. Chất hồ này có thể so-sánh với chất 'colle forte' khi khô nó rút cứng lại, làm cho chúng ta liên-tưởng những sợi thép căng thẳng của chất bê-tông 'précontraint' do kỹ-sư Freyssinet sáng-tạo. Ngày nay, trong chân-thành Sài-gòn, chúng ta còn trông thấy bên vệ đường nhiều cỏ-mộ, gọi là *mả đá* hay là *mả ô-dước*, mà hầu hết những xà beng và búa tạ của Sở Tráng-Tiền đều có thể chứng-minh tính-chất cứng-rắn phi-thường.

Cũng có một vài nơi khác, không tìm thấy cây *ô-dước*, người ta thay thế bằng một thứ thảo mộc có nhựa, gọi là *giấy tơ hồng* (Cassythia filiformis Lin.). Tất cả những bộ-phần của giấy tơ hồng đều có một chất nhớt, có thể ép nó ra, rồi trộn với vôi bột, làm thành một chất mát-tít (mastic), dùng để trét

láng những phen tường, những ghe thuyền, để nước khỏi thấm vào (Toutes les parties de la plante renferment un mucilage visqueux, abondant, qu'on extrait par trituration et que l'on mêle à de la chaux en poudre pour en faire un mastic à calfater les embarcations.— Alfred Pételot : *Les plantes médicinales du Cambodge du Laos et du Viet-Nam*, tome III, page 59).

Tất cả những giống cây trên kia, dù là *cây gió*, *cây dầu*, *cây ô dước* hay là *giấy tơ hồng* đều có những tính-chất chung, là chứa đựng một *chất nhớt* (mucilage visqueux), và một *chất nhựa thơm* (résine odorante), cả hai chất này hợp lại làm tăng thêm sức dẻo dai cứng rắn của vôi hồ và đồng thời làm cho sáu bộ phải kiêng nể. Tuy nhiên, nếu sáu bộ đều sợ những chất này, thì trái lại, có những giống thực-vật đơn-giản rất ưa sống bám trên những bức tường cầu tạo bởi kỹ-thuật kiến-trúc cổ-truyền của ta. Những vật này, chúng tôi muốn nói là :

Rêu xanh mảy lớp chung quanh,

Sân đi một bước trâm tình ngán-ngờ !

(Chinh-Phụ-Ngâm)

Sân đào lý rêu phong man mác,

Nền đình chung nguyệt gác mơ màng.

(Cung-Oán Ngâm-Khúc)

Sân rêu chẳng vẽ dầu giấy,

Có cao hơn thước liểu giấy vài phân.

(Kim Văn Kiếu)

Cỏ và rêu ngang nhiên bao phủ cỏ-thành; dù các loại rêu : có thứ như tóc (bryum capillaire), như tai (polytric), như râu (barbule des murs), như tơ (hypnum), như lưỡi dao cạo (marchantia). Xen lẫn vào đó có những chòm nấm (mycelium), những loại rong (algue), những giống tai chuột (lichen), tai dơi (xanthorie des murailles) phát-sinh bởi sự kết-hợp chặt-chẽ giữa rong và nấm (association en symbiose d'un champignon et d'une algue); chưa kể những giống đuôi chồn, tức dương-xi (fougère), phát-phơ như ngọn phướn trước làn gió thổi-luồng.

Tất cả những «hoang-thảo thê-thê» (Hoàng-Hạc Lâu) đó đang chen-chúc, tranh giành một món ăn ngon-ngọt, mà trên kia chúng ta đã có lần gọi đích-danh là «sucrate de calcium». Rồi lần hồi, bức tường sẽ thâm mốc, vôi cát sẽ rã-rời; và chẳng bao lâu bức tường cổ kính của chúng ta sẽ sụp-đổ dưới cơn mưa gió phù-phàng.

Đó là hiện-trạng tổng-quát của Kinh-Thành Thuận-Hóa sau những năm chinh-chiến. May thay, có những người nhìn xa thấy rộng trước cảnh:

*Tịch tịch tiên triều cung ngoại miếu,
Đổ quyền để đoạn nguyệt âm âm!*

(Chu-Mạnh-Trinh)

đã hăng-hái phát khởi một phong-trào bảo-tồn cò-tích Việt-Nam nói chung và Cò-Đò Huế nói riêng. Chúng tôi muốn nói tới chủ-trương bảo cò của Chính-Phủ Việt-Nam Cộng-Hòa, thể-hiện bằng những công-tác của Viện Khảo-Cổ và Nha Mỹ-Thuật, thuộc Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, của Sở Bảo-Tồn Cò-Tích và Thăng-Cánh, thuộc Tổng Nha Kiền-Thiết.

Sở Bảo-Tồn Cò-Tích được thành-lập từ đầu năm 1950 lấy tên là "Sở Quốc-Gia Bảo-Tồn Cò-Tích", trụ-sở đặt tại Hà-nội lúc ấy. Cuối năm 1954, cơ-quan này được lệnh di-chuyển vào Sài-gòn, rồi từ đầu năm 1956, sáp-nhập vào Viện Khảo-Cổ.

Từ đó, đã phối-hợp với "Sở Bảo-Tồn Cò-Tích và Thăng-Cánh" thuộc Tổng Nha Kiền-Thiết, để thực-hiện công-tác trùng-tu, chỉnh-dôn hoặc tái-thiết các cò-tích sau đây tại Huế, các vùng lân-cận và một vài nơi khác trong nước:

1. Từ cuối năm 1956 đến cuối năm 1958. Kinh-phí tổng-cộng : 23.223.531\$00.
Trùng-tu các Kiền-Trúc sau đây :

Viện Tăng-Cổ, Lăng Gia-Long, Lăng Minh-Mạng, Lăng Tự-Đức, Lăng Thiệu-Trị, Chùa Thiên-Mụ, Chùa Bảo-Quốc, Nhà Di-Luân, Hồ Tĩnh-Tâm, Lương-Tạ và Phu-Văn-Lâu, Trụ-sở Ủy-Ban Nguyễn-Phước-Tộc, Lương-Tạ-Đình, Cửa Ngọ-Môn, Điện Thái-Hòa, Thê-Miêu và Hiền-Lâm-Các, Nhà Tê-giá ở Điện Thái-Hòa, Chùa Tam-Thai tại Ngũ-hành-sơn (Quảng-Nam) Lăng và đền thờ Võ-Tánh tại Phú-Nhuận (Gia-Định).

II. Năm 1959. Kinh-phí tổng-cộng : 3.822.826\$ 00. Trùng-tu các Kiền-Trúc sau đây :

Đàn Nam-Giao, Xung-Khiêm-Tạ trong Lăng Tự-Đức, La-Thành Lăng Minh-Mạng, (đợt 2), Điện Hưng-Miêu, Tái thiết đền thờ Tiến-Quân Nguyễn-Huỳnh-Đức tại Long-An. Xây đền thờ và bảo-tàng cò vật Chàm tại Kalon, Quận Phan-ri-chàm, tỉnh Bình-Thuận.

III. Năm 1960. Kinh-phí tổng-cộng : 2.911.150\$ 00
Trùng-tu Lăng Đống-Khánh tại Huế,

Trùng-tu Miêu Long-châu (Voi-ré) tại Huế,
Trùng-tu Viện Tăng-Cổ (đợt 2) tại Huế,
Trùng-tu Chùa Từ-Hiêu (đợt 1) tại Huế,
Tu - bỏ Nhận-tháp tại Tuy-Hòa, tỉnh Phú-Yên,
Tu - bỏ Chùa Tây-An tại Châu-Độc, An-Giang.

IV. Năm 1961. Kinh-phí tổng-cộng : 1.803.348\$ 00.

Tu-bỏ Tháp-Chàm Cảnh-tiền, tại Bình-Định,
Tu-bỏ Tháp-Chàm Bán-it, tại Bình-Định,
Tu-bỏ Tháp Hưng-Thạnh, tại Qui-Nhơn,
Tu-bỏ Chùa Giác-viên, tại Chợ-lớn,
Trùng-tu Cầu Nhật-Bản, tại Hội-An, Quảng-Nam,
Trùng-tu Lăng Khải-Định, tại Huế,
Trùng-tu Lăng Minh-Mạng (đợt 3) tại Huế,
Trùng-tu Chùa Từ-Hiêu (đợt 2 và 3) tại Huế,
Trùng-tu Triệu-miêu, trong Đại-nội Huế,
Trùng-tu Cửa Hiền-Nhơn, trong Đại-nội Huế,
Trùng-tu Cung Diên-Thọ, trong Đại-nội Huế.

V. Năm 1962. Kinh-phí tổng-cộng : 2.622.000\$00.

Trùng-tu Ngọ-môn (đợt 2) tại Huế,
Trùng-tu Lăng Tự-Đức và Lăng Kiến-Phúc, tại Huế,
Trùng-tu An-Lăng, tại Huế,
Trùng-tu Điện Huệ-Nam (Hòn-Chén) tại Huế,
Trùng-tu Chùa Giác-viên (đợt 2) tại Chợ-Lớn,
Tái-thiết Nhà Phương-trượng, Chùa Linh-ứng, tại Ngũ - hành - sơn
Quảng-Nam.
Cung-cò công chùa Vĩnh-Tràng, tại Mỹ-Tho, tỉnh Định-Tường.

VI. Năm 1963. Kinh-phí tổng-cộng : 1.800.000\$00. Công-tác đang thực-hiện :

Tái-thiết Trai-cung tại Đàn Nam-giao, Huế,
Trùng-tu Ngọ-môn (đợt 3) tại Huế,
Trùng-tu Minh-lâu-các, trong Đại-nội Huế,
Trùng-tu Chùa Phụng-Sơn (Chùa Gò) tại Chợ-Lớn.

Trọng-tâm công-tác bảo-tồn trong những năm kể trên là các cổ-tích tại Huế : lăng-tẩm, đền-chùa, cung-điện. Các di-tích này có một giá-trị mỹ-thuật và lịch-sử đặc-biệt.

Sau những năm chiến-tranh, vì thiếu sự săn-sóc, các di-tích ấy lâm vào cảnh điêu tàn. Vì thế, trong những năm đầu hoạt-động, cơ-quan Bảo-Tồn Cổ-Tích đã phải sử-dụng nhiều ngân-khoản quan-trọng, để thực-hiện công-tác trùng-tu khẩn-kíp.

Tiếp theo các công-tác của Chính-quyển, gần đây chúng ta hoan-hỉ chứng-kiến sự thành-lập một hội tư mệnh-danh là « Hội Bảo-Cổ Thần-Kinh Huế », đã ra đời trước tình-trạng hư hao của các điện miếu và lăng-tẩm Cổ-Đô Huế, một phần bị chiến-tranh tàn-phá, như điện Cẩn-Chánh, Văn-Minh, Võ-Hiển, Triệu-Miêu, một phần khác do bão-táp và thời-gian phá hoại.

Di-tích tổ-tiên ta để lại mỗi ngày mỗi tàn-tạ. Với mục-đích chấn-hưng và khôi-phục các di-tích lịch-sử tại Đô-Thành Huế và các miền tiếp-cận, để bảo-tồn kho-tàng vô giá của toàn-dân, một hội được phép thành-lập do Nghị-định số 110.BNV/KS ngày 8-3-1963 mệnh-danh là : « HỘI BẢO-CỔ THẦN-KINH HUẾ », trụ-sở đặt tại Viện Đại-Học Huế. Chương-trình của Hội gồm có việc thu-nhận các hội-viên và tổ-chức các hoạt-động có tính-cách công-ích để gây quỹ, hầu có phương-tiện tài-chính kiên-thiết lại các lăng miếu. Chương-trình công-tác, trước tiên, nhắm vào việc trùng-tu lại các kiến-trúc hiện-hữu, sửa-chữa các phần hư-hỏng cho được nguyên-vẹn như xưa, làm cho công-việc gìn-giữ được lâu dài. Sau đây sẽ lần-lượt tái-thiết lại các cung-điện bị hư-hại nặng hoặc hoàn-toàn sụp-đổ.

Với ý muốn trình-bày tình-trạng và tầm quan-trọng của các kiến-trúc tại Thành-Nội, trong việc tham-gia Triển-Lãm Thành-Tích Kiến-Trúc 9 năm tại Viên-Đình Tao-Đàn, Hội trưng-bày một mô-hình toàn khu Đại-Nội và nhiều tranh ảnh các điện miếu, để các quan-khách viếng Triển-Lãm có một ý-niệm rõ-rệt, và sẽ lưu-tâm một sự kiện trọng-đại, là toàn-thê chúng ta ai ai cũng có bổn-phận tham-gia vào việc phục-hưng và bảo-tồn các kho-tàng vô giá của quốc-gia dân-tộc.

Được như vậy, chúng ta sẽ khỏi phải hổ-thẹn với các thế-hệ mai sau, vì họ sẽ không trách chúng ta rằng :

*Bóng dương để hoa vàng chẳng đoái,
Hoa để vàng bởi tại bóng dương.
Hoa vàng hoa rụng quanh tường,
Trái xem hoa rụng đêm sương mấy lần.*

(Chinh-Phụ-Ngâm)

Kính thưa Ông Bộ-Trưởng,

Thưa Quý liệt-vị,

Tôi nghĩ rằng: đóa hoa vàng úa trên kia ám-chỉ Kinh-thành Thuận-Hóa và bóng dương đã được nhắc đi nhắc lại trong bài thơ, chắc hẳn là toàn-thê quý liệt-vị: các cấp lãnh-đạo, các nhà kiến-trúc, mỹ-thuật, khảo-cổ, những người thợ có hoa tay. Và trong tương-lai, may nhờ sự triu-mền của hết thầy quý liệt-vị mà trăm ngàn hoa thắm sẽ chen nhau đua nở quanh những bức tường cổ-kính của Cổ-Đô thơ mộng.



VĂN-HÓA TÙNG-THƯ

do Nha Văn-Hóa Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất-bản

1. SỬ-LIỆU VIỆT-NAM

Tuần-Lý Huỳnh-Khắc-Dụng biên-soạn
(246 trang) 25\$

2-3. ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ: LỤC TỈNH NAM-VIỆT

Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch
Tập thượng (152 trang) 20\$
Tập hạ (132 trang) 15\$

4-5. ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ: TRUNG-PHẦN

A-Nam Trần-Tuân-Khái phiên-dịch
Thanh-Hóa Tập thượng (122 trang) 15\$
Tập hạ (174 trang) 15\$

6. ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ: TRUNG-PHẦN

Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch
Kinh-sư (96 trang) 15\$

7-8. CỒ-ĐỒ HUỀ: Lịch-sử, Cổ-tích, Thắng-cảnh và Thi-ca

Thái-Văn-Kiểm biên-soạn
(487 trang, gồm 53 tranh ảnh và bản-đồ) 70\$

9-12. ĐẠI-NAM THÔNG-NHẤT-CHÍ: TRUNG-PHẦN

Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch
Quảng-Trị và Quảng-Bình (208 trang) 20\$
Thừa-Thiên-Phủ Tập thượng (144 trang) 15\$
Tập trung (152 trang) 15\$
Tập hạ (134 trang) 15\$

13-14. VIỆT-NAM NHÂN-VẬT-CHÍ VỤNG-BIÊN

Thái-Văn-Kiểm và Hồ-Đắc-Hàm biên-soạn
(290 trang) 55\$

15. HIGHER EDUCATION IN THE REPUBLIC OF VIETNAM

(Nền Cao-học tại Việt-Nam Cộng-Hòa)
"VIETNAM CULTURE SERIES" No. 6
G.s. Nguyễn-Đình-Hòa biên-soạn
(32 pages) 6\$

Có bán tại các hiệu sách lớn ở Thủ-Đô, các tỉnh, nhà Tổng-phát-hành Thống-Nhất (329, Đường Trần-Hưng-Đạo, Sài-gòn) và tại Nha Văn-Hóa (89, Đường Lê-Văn-Duyệt, Sài-gòn).

TRẦN QUÂN

Tiền-sĩ Văn-chương

Đại-Học-Đường Paris

cung - oán ngâm - khúc bình chú

(tiếp theo V.H.N.S. số 89)

- 5 Duyên đã may có sao lại rùi,
6 Nghĩ nguồn cơn dở đôi sao đang?
7 Vì đâu nên nỗi dở dang,
8 Nghĩ mình mình lại thêm thương nỗi mình.

bình chú

5 *Duyên*. *Duyên* 緣 là cái mối dây ái-tình bí-mật ràng buộc nam nữ, làm cho đôi bên gặp-gỡ nhau để kết-nghĩa trăm năm, dầu có trở ngại to cách mấy. Vì thế có câu:

有緣千里能相遇
Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ,
無緣對面不相逢
Vô duyên đối diện bất tương phùng.

Hai người có duyên dầu xa cách ngàn dặm vẫn gặp nhau;
Hai người vô duyên dầu đứng ngang mặt không thể gặp nhau.

Tiếng Pháp gọi *duyên* là 'hymen' hoặc 'hyménée'. Nhân duyên, duyên-nợ cùng một nghĩa. Truyện Kiều có câu thơ số 73-76 nói:

[Tập XII, Quyển 9, (Tháng 9 1963)]

*Khóc than khôn xiết sự tình,
Khéo vô duyên bấy là mình với ta.
Đã không duyên trước chàng mà,
Thì chi chút ước gọi là duyên sau.*

May rủi. *May* là sự gì làm cho ta đạt được ước vọng, đem lại cho ta kết-quả mỹ-mãn, tiếng Pháp gọi là 'chance'. *Rủi* là sự gì làm hỏng hết công việc của ta, đem lại cho ta thất vọng đau khổ, tiếng Pháp gọi là 'malchance'. Thường ở đời *may* và *rủi* đi đôi nhau luôn, có *rủi* rồi gặp *may*, có *may* rồi bị *rủi*. Nếu ta gẫm nghĩ cho rõ, không có sự gì đáng gọi là *rủi may*, đó chỉ là kết-quả thiên-nhiên của việc ta làm trước sau. Nên phương-ngôn Pháp có câu an-bi nói: « A quelque chose malheur est bon » (Trong sự mà ta cho là họa có ẩn cái phước), nếu ta có đủ bình-tĩnh và kiên-nhẫn để rút kinh-nghệm hữu-ích trong cuộc đời ngắn-ngủi này. Truyện "Hoa Tiên" có câu số 1662-1663 nói:

*Rủi may theo phận là cam,
Đã đành duyên ấy lại tham nỗi nào.*

Phạm-Gia-Kính dịch không sát nghĩa câu thơ số 5: *O mon doux hymen, pourquoi m'as-tu apporté tant de larmes?* Phải dịch lại như vậy cho đúng hơn: *Pourquoi mon hymen (sort), favorisé par la chance, ne me réserve-t-il que des mécomptes?*

Trong câu thơ số 5 có ý nói nàng cung-phi được vua chọn vì sắc đẹp cho vào ở cung cấm, là một nơi sang trọng sung-sướng, đó là *may*. Tại sao lại *rủi*? Vì khi nhập vào trong số *cái én ba nghìn* (203), thì lâu ngày vua không để ý đến nữa, chỉ có vài nàng được lòng vua mà hưởng ái-tình âu-yếm riêng, như câu số 199-200 nói:

*Muôn hồng nghìn tia đua tươi,
Chúa xuân nhìn hái một hai bông gán.*

Cái bí-ẩn của chữ *duyên* nằm vào đó, mà ta thấy rõ đây mỉa-mai vậy. Trong câu thơ số 5 chữ *may* đáng lẽ phải theo vần trắc, nhưng đổi thành vần bình, vì thế mới sai niêm luật của thể song thất lục bát buộc chữ 3 câu thất nhất phải theo vần trắc đúng luật âm-vận của câu song thất sắp tắt lại như vậy:

O O T O B O T
O O B O T O B

Ở đây ta nhận thấy tác-giả vì muốn đôi chữ *may* với chữ *rủi*, cho nên quan-trọng ý nghĩa câu văn hơn qui-tắc thi phú. Trái lại trong văn-chương Pháp có vài thi-sĩ muốn giữ luật âm-vận cho vẹn toàn, mà cố viết sai văn-phạm, như Alphonse de Lamartine trong hai câu có tiếng của bài thơ "Milly ou la terre natale" (Milly quê-hương):

Objets inanimés, avez-vous donc une âme
Qui s'attache à notre âme et la force d'aimer?

Sau động-từ *force* phải có tiền-trí-từ *à* chứ không được dùng tiền-trí-từ *de*. Nhưng nếu viết *force à* thì bị mâu-từ *à* gặp nhau với mâu-từ *a* của động-từ *aimer*, mà tiếng Pháp gọi là 'hiatus', cho nên nghe chướng tai.

6 *Nguồn cơn.* *Nguồn* do chữ *nguyên* 源. *Nguồn cơn* là nguyên-do của mọi việc bởi đó mà ra, như cái mạch nước trong khe núi chảy xuống thành suối sông. *Nguồn cơn* là đầu đuôi gốc ngọn.

Dở dối. *Dở* là mờ ra. *Dở dối* là tiếng dối để nói bươi móc ra, đem sự kín việc cũ mà bày ra trước mặt.

Đang. *Đang* (ương) 當 ở đây có nghĩa là nữ, đành vậy, chịu lấy.

Câu thơ số 6 ý nói cung-phi nghĩ đến số phận linh-định của mình nay vậy mai khác, thì không biết cách nào dứt-khoát được cho xong.

Theo thể song thất lục bát chữ cuối câu thất nhất phải hòa vận với chữ năm câu thất nhị như bản tắt sau đây:

O O T O B O T
O O B O T O B
O B O T O B
O B O T O B O B

T chỉ vần trắc, B chỉ vần bình, còn O trắc hoặc bình bất luận.

Nhưng trong hai câu thơ số 5-6 chữ *rủi* (5) và chữ *dối* (6) không đồng âm cho mây, cho nên có thể coi như chuyết-vận, dựa theo nguyên-tắc hòa-vận trong thi thơ nói: *Đồng âm mới đồng vận*.

7 *Dở dang.* *Dở* là lỡ chừng, không dứt. *Dở dang* là tiếng dối để nói chưa thấu được kết-quả nào, gặp nhiều cản trở, làm hư hỏng hoặc thất bại trong công việc. Truyện Kiều có câu thơ số 3048 - 3048 nói:

Dờ dang nào có hay gì,
Đã tu tu trót qua thì thì thôi.

Trong câu thơ số 7 ý nói cung-phi tự hỏi mình có sao nằng bị thua sút hoải, không được yên phận như mình đã ao ước.

8 Trong câu thơ số 8 tiếng *minh* lặp lại ba lần để tỏ sự hồi-hận phiến ức trong lòng, đem cho câu văn một vẻ sáu muện vô tận, như câu thơ số 1623-1624 trong truyện "Hoa Tiên" nói:

*Nghĩ duyên càng gáy tơ sầu,
Nghĩ mình mình lại thêm đau-đớn mình.*

Nhà văn thường dùng cách nói ấy để đem một phần hay cho thi phú, tiếng Pháp gọi là *répétition* (điệp-tự-pháp). Trái lại trong ba câu thơ số 2346-2348 của truyện Kiều chữ *vàng* lặp lại ba lần làm cho câu văn mất bớt bao nhiêu duyên-vị:

*Non vàng chưa dễ đến búi tâm thương.
Nghìn vàng gọi chút lễ thường,
Mà lòng Xiêu-Mẫu mấy vàng cho cần?*

Trong hai câu thơ số 7-8 chữ *đang* (7) phải hòa vận với chữ *thương* (8), nhưng hai chữ này không đồng âm lắm, nên có thể coi như chuyết-vận. Hai câu thơ số 7-8 ý nói cung-phi suy đi nghĩ lại có sao nằng bị gieo vào cảnh thất bại này, mà gẫm sâu vào chùng nào thì làm cho nằng bực mình khổ tâm thêm mãi.

Từ câu thơ số 1 đến 8 tức là 8 câu coi như lời mở đầu, cung-phi cất tiếng than trách số phận trái ngược bề ngoài thì sang trọng nhưng bề trong đầy sầu não, không biết sao tránh được, càng nghĩ đến càng đau lòng xót dạ.

*

II

Tài sắc

- 9 Trộm nhớ thuở gây hình tạo hóa,
10 Về phù dung một đóa khoe tươi.
10 Nhị hoa chưa mím miệng cười,
11 Găm nằng Ban đã lạt mùi thu dung.

bình chú

9 Trộm. Trộm ở đây có nghĩa là lén, giấu giếm, không dám làm trước mắt. Tiếng trộm dùng theo cách nói nhả-nhận có vẻ lễ-độ và khiêm-nhượng. Truyện Kiều có câu thơ số 324 nói:

Thăm trông trộm nhớ bấy lâu đã chôn.

Có bản chép:

Trộm nhớ thuở hài hình tạo-hóa.

Chữ *hài* thường đi đôi với chữ *hình*, nhưng ở đây đặt ra một ý-nghĩa không rõ-rệt. Cũng có bản chép:

Trộm nhớ thuở gây mình tạo-hóa.

Đấy chữ *mình* cũng đồng nghĩa với chữ *hình* để trò thân-thể con người tạo-hóa sinh ra, nhưng chữ *hình* có vẻ hay hơn.

Tạo-hóa. Tạo 造 là gây-dựng. Hóa 化 là đổi ra. Tạo-hóa trở trời đất sáng-tạo và hóa dục ra vạn-vật trong vũ-tru. Tiếng Pháp gọi là 'le Créateur'. Câu thơ số 9 cần sắp chữ lại theo văn xuôi như vậy: Trộm nhớ thuở (được) tạo-hóa gây hình.

Câu thơ số 9 ý nói cung-phi trong lúc ưu-sầu nhớ thoáng qua đến phép máu-nhiệm tạo-hóa sinh nằng ra trên cõi dương-gian với cái thân-thể giống các người trong phái nữ-lưu.

10 Phù-dung. Phù-dung 芙蓉 là tên một thứ hoa màu cung-phần đỏ lợt, lớn bằng cái đĩa trà, có năm chia, hình giống hoa hường lá lớn bằng bàn tay, thay ba lần sắc trong một ngày, mùa thu sớm nở chiều tàn, thường trồng ở bờ sông bờ hồ. Tiếng Pháp gọi là 'hibiscus changeant' hoặc 'ketmie'. Hoa phù-

dung dùng trong văn để vi nhan sắc đàn bà đẹp. Trong bài «Trường hận ca» 長恨歌 thi-si Bạch-Cư-Dị tả tình vua Minh-Hoàng nhà Đường trong lúc thương nhớ cung-phi Dương-Quy-Phi khen sắc nàng rằng:

芙蓉如面柳如眉
Phù dung như diện liễu như mày.
Hoa phù dung như mặt lá liễu như mày.

Vương-Xương-Linh cũng có viết trong bài «Tây cung thu oán» 西宮秋怨 nói:

芙蓉不及美人莊
Phù dung bất cập mỹ nhân trang.
Hoa phù-dung không sánh được cùng mỹ-nhân.

Truyện Kiều có câu thơ số 1159-1160 nói:

Bạc tình nổi tiếng lâu xanh,
Một tay chôn biêt mấy cánh phù-dung.

10 *Đóa*. *Đóa* 朶 thuộc bộ mộc 木 (cây) là bông hoa nở trên cành cây. Đây chữ *đóa* trỏ người con gái đẹp như hoa tươi. Câu thơ số 10 ý nói cung-phi sực nhớ lúc nàng sinh ra, có dung-nhan xinh đẹp mặt-mà tựa như hoa phù dung.

11 *Nhị*. *Nhị* (nhụy) 蕊 là phần ở trong hoa có phần vàng, cơ-quan truyền giống của hoa, con ong thường lầy làm sáp trong tổ, tiếng Pháp gọi là 'pollen'. Có bản chép:

Nụ hoa chưa mím miệng cười.

Chữ *nụ* có lẽ đúng nghĩa hơn chữ *nhị*, vì đóa hoa nở ra như miệng mím cười, chứ cái *nhị* không làm thế ấy được. Câu thơ số 11 ý nói cung-phi sánh nàng như hoa phù-dung chưa kịp mở cánh trỏ sắc nức hương để chào đời cho về-vang một hoa đẹp.

12 *Gấm nàng Ban*. Câu này lầy trong điển nàng Ban Tiệp-Dư, cung-nhân của vua Thành-Đề nhà Hán. Bà là họ Ban 班 làm nữ-quan đến chức tiệp-dư, được vua yêu chuộng riêng. Sau bị nàng Triệu-Phi-Yên gièm pha, bà sợ nguy tánh mạng, bèn xin vua cho sang hầu-hạ bà thái-hậu ở cung Trường-Tin.

Từ lúc bà về ở cung ấy, thì sự sủng hạnh một ngày một phai. Bà thấy vậy bèn để một bài thơ thập cú trên một cái quạt tròn làm bằng một thứ lụa bát tơ trắng của nước Tề gọi là Tề-hoàn, mà bà tự dệt lấy và tự chề ra thành cái

quạt tròn, có ý tự vi thân phận mong-manh của nàng. Thơ nàng Ban Tiệp-Dư để rằng:

新製齊紈素
Tân chế Tề hoàn tố,
皎潔如霜雪
皎潔如霜雪
Hạo khiết như sương tuyết.
裁成合歡扇
裁成合歡扇
Tài thành Hợp hoan phiến,
團團似明月
團團似明月
Đoàn đoàn tự minh nguyệt.
出入君懷袖
出入君懷袖
Xuất nhập quân hoài tụ,
動搖微風發
動搖微風發
Động dao vi phong phát.
常恐秋節至
常恐秋節至
Thường khùng thu tiết chí,
涼颼奪炎熱
涼颼奪炎熱
Lương tiêu đoạt viêm nhiệt.
棄捐笑筍中
棄捐笑筍中
Khí quyển giáp tư trung,
恩情中道絕
恩情中道絕
Ân tình trung đạo tuyệt.

Mới làm ra lụa Tề màu trắng,
Trong sạch như sương tuyết;
Đem làm quạt Hợp hoan,
Hình tròn như mặt trăng tỏ.
Ra vào trong tay vua,
Lay động sinh gió mát.
Thường sợ tiết thu đến,
Gió mát cướp nức nhiệt.
Ném cất vào xó rương,
Nửa đường ân-ái bị tuyết dứt.

Đọc bài thơ này xong, ta nhận xét nàng Ban tự vi mình như cái quạt Hợp hoan đã từng được vua Hán thích dùng, nhưng phải bị bỏ vào xó rương

vì gió mát mùa thu làm cái quạt vô dụng, nên ân-tình nửa đường phải gián-đoạn. Gió mát mùa thu trở người gièm pha, còn cái quạt bị ném vào góc tòi tượng-trung nàng bị vua ghét bỏ rơi. Có bản chép:

Gấm nàng Tô đã lạt mùi thu dung.

Ở đây có người muốn thay thê chữ *Ban* ra chữ *Tô*, cũng vì một sự lầm lộn do chữ *gấm* mà tác-giả dùng để thay chữ *Té* hoàn là một thứ lụa mỏng có vẻ sáng ngời dùng làm quạt rất đẹp. Nếu nói lụa nàng *Ban* hay quạt nàng *Ban*, thì ý-nghĩa rõ-rệt. Cũng vì chữ *gấm* làm nhiều người hiểu sai, tưởng đó là bài thơ dệt trên bức gấm gọi là "hồi văn cẩm tự" 回文錦字 của nàng Tô-Huệ gọi cho chồng đi chinh-thú nơi xa. Đó là thuyết của nhà ăn-loạt Trung Bắc Tân-Văn xuất-bản thơ "Cung-Oán Ngâm-Khúc" tại Hà-Nội. Có bản chép:

Gấm nàng Ban đã lạt mùi thu dung.

Chữ *gấm* làm câu thơ mất bớt một phần nào nghĩa định rõ trong câu văn. *Thu dung*. *Thu* 秋 là mùa thu. *Dung* (dong) 容 là cái vẻ bề ngoài. *Mùi thu dung* là sắc mùa thu phai lạt vì cảnh-vật có sương mù lạnh-lẽo bao phủ cây cối. Hai chữ *thu dung* lấy trong thơ Hàn-Kỳ có câu:

莫嫌老圃秋容淡
 莫嫌老圃秋容淡
 莫嫌老圃秋容淡
 由有黄花晚节香
 由有黄花晚节香
 由有黄花晚节香
 Do hữu hoàng hoa vân tiết hương.

*Chớ có sợ cho vườn hoa cũ nếu sắc màu thu phai lạt;
 Hãy còn hoa cúc đều cuối mùa vẫn còn hương thơm.*

Trong câu thơ số 12 tác-giả tom góp ý-khiên trong mười hai câu thơ đầu và dùng tích nàng *Ban* *Tiếp-Dur* để giải rất gọn-gàng và đầy-đủ nghĩa hai chữ *cung-oán* là nhan-đề của bài ngâm ca.

Trong hai câu thơ số 11-12 chữ *cười* (11) không đồng vận với chữ *mùi* (12), cho nên có thể coi như chuyết-vận.

Câu thơ số 12 ý nói *cung-phi* khoe mình có sắc đậm-thắm mặn-mà làm cho *gấm* của bà *Ban* *Tiếp-Dur* dệt rất khéo cũng phải thua sút lạt màu như cánh ú-dột mùa thu.

Đây nàng *cung-phi* có vẻ tự trách mình là người tuyệt sắc chưa kịp hưởng một chút hiển vinh, mà bị phụ rầy như nàng *Ban* *Tiếp-Dur* ngày xưa.

(còn tiếp)

hai bức thư chữ nôm mở màn cuộc phân-tranh Trịnh - Nguyễn

Năm ất-sửu, Lê Thần-tông Vinh-tộ thứ 7 (1625), Thanh-đô-vương Trịnh Tráng gửi cho Thủy-quận-công Nguyễn Phúc-Nguyên một bức thư chữ nôm có ý hăm-dọa. Thủy-quận-công cũng gửi lại cho Chúa Trịnh một bức thư chữ nôm lời lẽ thật cứng-rắn. Do đó, năm binh-dãn (1626), Chúa Trịnh xua quân vào đánh Chúa Nguyễn, từ đây gây nên cuộc chiến-tranh khốc-liệt giữa Bắc-hà và Nam-hà.

Sau đây là hai bức thư đã mở màn cho cuộc phân-tranh Trịnh - Nguyễn.

I. Bức thư của Trịnh Tráng gửi cho Nguyễn Phúc-Nguyên

Chu Tuyên-vương¹ chân-tu cương-kỷ², binh ngoại-khẩu³, lại dài tộ⁴ Chu; Hán Quang-vũ⁵ diên-lâm⁶ anh-hùng, di nội nạn⁷, đặng nên nghiệp Hán. Sự xưa khá ví; gương sáng nên soi. Nhà nước ta nay: dùng võ đẹp loạn, lầy văn giỏi trị.

1 Chu Tuyên-vương 周宣王 (trị-vi: 827 - 782 trước T.L.): con của Chu Lê-vương. Tuyên-vương đã sửa-sang giếng mỗi trong nước và đánh dẹp giặc-gia bên ngoài, làm cho nhà Chu lại trở nên cường-thịnh, sau một thời-gian suy-vi vì chính-sách hèn-bạo của Lê-vương. (Xem *Sử-ký* 史記, quyển 4, tờ 19a).

2 Chân-tu cương-kỷ 振修綱紀: gây-dựng sửa-sang giếng mỗi.

3 Binh ngoại khẩu 平外寇: Dẹp giặc-gia bên ngoài.

4 Tộ 祚: Phúc. Văn nước nổi đời thịnh-vương gọi là tộ.

5 Hán Quang-vũ 漢光武 (trị-vi: 25 - 57): Vị vua trung-hưng của nhà Hán, đã đánh được Vương Mãng, dẹp yên trong nước, định đô tại Lạc-dương (thuộc tỉnh Hà-nam của Trung-quốc ngày nay), dựng nên nhà Đông-Hán. (Xem *Hậu-Hán thư* 後漢書, quyển 1).

6 Diên-lâm 延攬: Diên: mời; lâm: nắm hết. Diên-lâm: mời rước hết.

7 Di nội nạn 夷內難: San bằng loạn-nạn bên trong (dẹp yên giặc-gia trong nước).

Vua Thái-tổ⁸ dấy binh nhân-nghĩa, dùng xích-kiềm dẹp tướng Thiên-triều⁹; vua Thái-tôn¹⁰ vỗ vãn doanh-thành¹¹, vào địa-giới vén thu Nam-quốc¹².

Tổ công tôn (tông) đức, thánh kẻ thần truyền.

Vua Trang-tôn¹³ rú áo¹⁴ cấp tay; Chúa Thái-vương¹⁵ ra công mở nước.

Dẹp đông dẹp bắc, uy chấn bụi bờ, cát gió bay; đánh nội đánh thành, tiếng dậy sấm ran chớp giật¹⁶.

Vua Thê-tôn¹⁷ cao ngự đến rồng; chúa Bình-vương¹⁸ ra tay dẹp loạn.

Đông đoài¹⁹ nam bắc, đầu đầu ngóng cổ làm tôi; hàng hải thế sơn²⁰,

chôn chôn bó tay cũng phục.

Công-nghiệp nước nên công - nghiệp lớn; phúc-đức nhà thật phúc-đức dày.

Bằng cháu²¹ nay, gìn-giữ nghiệp nhà, sửa-sang việc nước. Thịnh tuy chẳng thịnh, hiển uy hội về; khôn ý chẳng khôn, long thái-thượng ty²² cũng phục.

8 Vua Thái-tổ: chỉ Lê Thái-tổ (trị vì: 1428 - 1433).

9 Thiên-triều 天朝: chỉ Trung-quốc.

10 Vua Thái-tôn: chỉ Lê Thái-tông (trị vì: 1434 - 1442).

11 Doanh-thành 盈成: Doanh: dấy (sung-mão); thành: nên (thành-tựu).

12 Vào địa-giới vén thu Nam-quốc: Ý nói mở rộng lãnh-thổ bằng cách sáp-nhập đất-đai của nước khác vào nước Nam.

13 Vua Trang-tôn: chỉ Lê Trang-tông, do Nguyễn Kim lập lên tại Ai-lào, trị vì từ 1533 đến 1548.

14 Rú áo: Trong *Chu Dịch* 周易, thiên *Hệ-từ* 繫辭 có câu: «*黃帝堯舜垂衣裳而天下治*: Hoàng-đế, Nghiêu, Thuấn thùy y thường nhi thiên-hạ trị: Các vua Hoàng-đế, Nghiêu, Thuấn [ngồi] rú áo mà thiên-hạ được trị-an». Câu đó ý nói rằng: các bậc thánh-quân vô vi, không nhọc công, mà thiên-hạ vẫn hưởng được cảnh thái-bình thịnh-tử.

15 Chúa Thái-vương: Trịnh Kiểm sau khi chết được truy-tôn là Minh-Khang Thái-vương Minh-Khang Thái-vương (Đạt-Việt sử-ký bản-ký tục-biên 大越史記本紀續編, quyển 16, tờ 26b).

16 Có lẽ bản chữ nôm chép sót một vài chữ nên câu văn không được cân đối.

17 Vua Thê-tôn: chỉ Lê Thê-tông, do Trịnh Tùng lập lên, trị vì từ 1573 đến 1599.

18 Chúa Bình-vương: Năm 1599, niên hiệu Quang-hưng thứ 22 triều Lê Thê-tông, Trịnh Tùng được tiến-phong Đê-nguyên-súy Tòng-quốc-chính Thượng-phụ Bình-an-vương 都元帥

Tùng được tiến-phong Đê-nguyên-súy Tòng-quốc-chính Thượng-phụ Bình-an-vương 都元帥 總國政尚父平安王 (Đạt-Việt sử-ký bản-ký tục-biên, quyển 17, tờ 72b).

19 Đoài 兌: Phương Tây, vì trong hậu-thiên bát-quái của Chu Văn-vương quẻ đoài ở về phương Tây.

20 Hàng hải thế sơn 航海梯山: Vượt biển leo núi.

21 Cháu: Trịnh Tráng tự xưng. Trịnh Tráng là con Trịnh Tùng; Trịnh Tùng là con của Trịnh Kiểm và công-chúa Ngọc-Bảo; Ngọc-Bảo lại là con gái của Nguyễn Kim. Trịnh Tráng gọi Ngọc-Bảo bằng bà nội; Nguyễn Phúc-Nguyên gọi Ngọc-Bảo bằng cô (chị của cha là Nguyễn Hoàng). Bởi vậy nên Trịnh Tráng mới gọi Nguyễn Phúc-Nguyên bằng chú và tự xưng là cháu.

22 Long thái thượng ty. Mấy chữ này nguyên văn chép không rõ nghĩa, nên chỉ phiên theo mặt chữ: 龍泰上司.

Còn một chú²³ nay, chuyên có hai châu²⁴, hẹp bằng một dải. Hầu mong cắt bình hùng-hổ, nhớ lời Bà trước²⁵ đã dặn-dò; lại toan sai đội thủy-long, kính nghĩa Ông xưa²⁶ đã răn-dạy²⁷. Còn đương việc nước, há dám riêng nhà.

Rày nhân công-luận triều-đường, vậy mới khâm-sai nghênh-tiếp. Trước vua quan vãng quan²⁸ tuần-thứ²⁹, xét dân-tình tặt khổ³⁰ thông hay³¹; sau mệnh tướng thông-lãnh binh-nhung, rước khám-vị³² miếu về phụng-tự.

Mặc chưng liệu đầy, chớ khá cậy mình. Chớ cậy rằng ải hiểm, non cao. khi thẳng trở đất bằng, trời tạnh; chớ cậy rằng nước giàu, bình khỏe, khi ruổi giông mây sạch, đường không.

Anh-hùng đâu chẳng anh-hùng; tri-dững nào hơn tri-dững.

Ở chưng trong trường lạc³³, voi ngựa tuy nhiều, sừng ông tuy nhiều; sao bằng về chôn triều-đình, quan tước thật trọng, binh quyền thật trọng. Vua

23 Chú: chỉ Nguyễn Phúc-Nguyên.

24 Hai châu: Chỉ Thuận-hóa và Quảng-nam. Đầu đời Nguyễn Hoàng, Thuận-hóa và Quảng-nam gồm có phần đất từ Quảng-bình đến Bình-dịnh ngày nay. Lúc đó, Thuận-hóa có 2 phủ, 9 huyện, 3 châu: phủ Tiên-bình (xưa là Tân-bình) lãnh 3 huyện là Khang-lạc, Lệ-thùy, Minh-linh và 1 châu là Bồ-chánh; phủ Triệu-phong lãnh 6 huyện là Vũ-xương, Hải-lăng, Quảng-diên (xưa là Đon-diên), Hương-trà (xưa là Kim-trà), Phú-vang (xưa là Tư-vinh), Điện-bàn, 2 châu là Thuận-bình và Sa-bôn. Quảng-nam có 3 phủ, 9 huyện: phủ Thăng-hoa lãnh 3 huyện Lê-giang, Hà-dông và Hy-giang; phủ Tư-nghĩa lãnh 3 huyện Bình sơn, Mộ-hoa và Nghĩa-giang; phủ Hoài-nhân lãnh 3 huyện Bồng-sơn, Phù-ly và Tuy-viên. (Đạt-Nam thực-lục 大南寔錄, tiền biên, quyển 1, tờ 8ab). — Năm 1604, Nguyễn-Hoàng đổi huyện Điện-bàn (thuộc phủ Triệu-phong) làm phủ Điện-bàn, quân 5 huyện: Tân-phước, An-nông, Hòa-vang, Diên-khánh, Phú-châu, thuộc xứ Quảng-nam; đổi phủ Tiên-bình làm phủ Quảng-bình, phủ Tư-nghĩa làm phủ Quảng-nghĩa; tại phủ Thăng-hoa, huyện Lê-giang đổi làm huyện Lê-duong, huyện Hy-giang đổi làm huyện Duy-xuyên (Đạt-Nam thực-lục, tiền biên, quyển 1, tờ 22a). — Năm 1611, Nguyễn Hoàng lấy đất Chiêm-thành đặt ra phủ Phú-yên, có 2 huyện Đông-xuân và Tuy-hóa (Đạt-Nam thực-lục, tiền biên, quyển 1, tờ 22b - 23a).

25 Bà trước: chỉ Ngọc-Bảo.

26 Ông xưa: chỉ Trịnh Kiểm.

27 Câu này ý nói: Tôi muốn đem bộ binh và thủy-quân vào thị-uy với chú (Nguyễn Phúc-Nguyên), nhưng chưa nỡ vì còn nhớ lời Bà tôi (Ngọc-Bảo) đã dặn-dò và Ông tôi (Trịnh Kiểm) đã răn-dạy rằng bà con thần-thích phải ăn ở hòa-mục với nhau.

28 Vãng quan 往觀: Tôi xem.

29 Tuần-thứ 巡狩: Vua đi kinh-lý các nơi trong nước để xem xét dân-tình.

30 Tặt khổ 疾苦: Đau-dớn khổn-khở.

31 Thông hay: Hay biết, hiểu biết rõ-ràng.

32 Khám-vị 龍位: Cái khám để bái vị mà thờ. Đây nói khám-vị của Nguyễn Hoàng.

33 Ở chưng trong trường lạc: Vi ở trong ấy (Thuận-hóa, Quảng-nam) thường sui-sướng.

tôi một áng, hội rỗng mây khá sáng Đường, Ngu³⁴; chú cháu một nhà, duyên cá nước xem bằng Tác, Tiết³⁵.

Thư điều cặn kẽ, mặc chú toan đương³⁶.

Đặc dụ.

(Phiên trích trong *Thuận-hóa Quảng-nam thực-lục* 順化廣南實錄, bản chữ Hán chép tay của Viện Khảo-cổ, số VĐ. 15, tờ 6a - 7a).

II. Bức thư trả lời của Nguyễn Phúc-Nguyên gửi cho Trịnh Tráng

Tài tuy có bên văn, bên võ; đạo chẳng qua chữ hiếu, chữ trung.

Trời sinh nước An-nam, chịu khí nước An-nam, làm trai nước An-nam, tướng-quân¹ mặt ấy, min² mặt ấy. Làm tôi vua Thái-tổ³, ở thờ vua Thái-tổ, tận trung vua Thái-tổ, tướng-quân lòng nào, min lòng nào?

Hoãn cấp đã từng, hiểm nghèo cũng trải.

Trước nghịch Bạo⁴ làm loạn Chu Thử⁵, muôn dân đều chịu lầm than;

34 Đường, Ngu: Đường Nghiêu 唐堯 (3457 - 2258 trước T.L.) và Ngu Thuấn 虞舜 (2255 - 2208 trước T.L.), hai vị đế-vương của Trung-quốc ngày xưa. Dưới thời hai ông này, thiên-hạ được hưởng cảnh thái-bình thịnh-trì. (Xem *Sử-ký*, quyển 1, tờ 8b - 24b).

35 Tác, Tiết: Tác tức là Hậu-Tác 后稷, làm quan coi về việc canh-nông thời vua Nghiêu và là thủy-tổ của nhà Chu. Tiết 契 làm quan tư-dồ thời vua Thuấn và là thủy-tổ của nhà Thương. (Xem *Sử-ký*, quyển 3, tờ 1ab; quyển 4, tờ 1ab).

36 Toan đương: Lo liệu.

1 Tướng-quân: chỉ Trịnh Tráng.

2 Min: Ta (tiếng tự xưng của người lớn đối với kẻ nhỏ).

3 Vua Thái-tổ: Lê Thái-tổ.

4 Bạo: Tức là Lập Bạo 立暴, tướng nhà Mạc, đã đem quân-lính và 60 chiếc thuyền đi đường biển vào đóng tại làng Hồ-xá và Lăng-uyên (thuộc huyện Minh-linh, Quảng-binh) để đánh Chúa Nguyễn Hoàng vào năm 1572. Chứa sai một người con gái có nhan-sắc là Ngô-thị Ngọc-Lâm 吳氏玉琳 (cũng gọi Thị Trà) đưa vàng bạc tới nối với Lập Bạo xin cầu-hòa và ước cùng Lập Bạo đến hội-minh với Chúa Nguyễn. Lập-Bạo mừng rỡ, y theo lời ước-hẹn và không đề-phòng, nên bị quân Chúa Nguyễn đánh úp giết đi. (*Đại-Nam thực-lục*, tiền biên, quyển 1, tờ 10a - 11b).

5 Chu Thử 朱泚: Dưới triều Đường Đại-tông 唐太宗 (763 - 779), Chu Thử là bộ-tướng của Lu-long tiết-độ-sứ Chu Hy-Thái 盧龍節度使朱希彩; sau khi Hy-Thái bị bộ-hạ giết, Chu Thử lên nắm lấy binh-quyền. Đến triều Đường Đức-tông 唐德宗 (780 - 804), Chu Thử được cử làm chức thái-úy. Kinh-nguyên tiết-độ-sứ Diêu Lệnh-Ngôn 遼原節度使姚令言 làm loạn tại kinh-sư, Đức-tông phải xuất quân đến Phụng-thiên 奉天 (thuộc tỉnh Thiểm-tây ngày nay). Lệnh-Ngôn ủng-hộ Chu Thử xưng đế, đặt quốc-hiệu Đại-Tần 大秦, rồi dời là Hán 漢. Chu-Thử đem binh đến vây Đức-tông ở Phụng-thiên, nhưng Lý Thịnh 李晟 thu phục được kinh-sư rồi tới giải vây cho Đức-tông; Chu Thử thua chạy và bị bộ-hạ giết. (Xem *Cựu Đường-thư*, quyển 12).

sau Ngạn Nga⁶ dấy loạn Vương Đôn⁷, đôi chồn xui nên ngờ-vực.

Lấy tay mặt đánh tay chiêu⁸, đau cùng đau cả; xui quân nhà đuôi quân ruộng, thiệt cung thiệt tày⁹. Cho nên phân bờ nợ cõi kia, tượng cũng bởi ăn cùng nói khác.

Sương nghiêm doanh Liễu¹⁰, tai từng nghe hiệu-lệnh tướng-quân; mây thăm đến Phong¹¹, mặt nào thấy chiêu-thư thiên-tử.

Nuôi si bốn phương đái si bốn phương, vì cơn có ấy; lây quân ba phủ đánh quân ba phủ, tính chước tài nào.

6 Ngạn Nga: Năm 1592, Trịnh Tùng bắt được Mạc Mậu-Hợp và lấy lại thành Thăng-long, nhưng chưa dứt được đảng nhà Mạc, nên còn phải đánh dẹp nhiều nơi. Năm 1593, Nguyễn-Hoàng đem quân-lính và khí-giới ra Đông-dó, ở lại hằng 8 năm, giúp Trịnh Tùng đánh nhà Mạc, lập được nhiều công to. Nhưng Trịnh Tùng vẫn có ý ghen ghét, không muốn để cho Nguyễn Hoàng trở về Thuận-hóa. Năm 1600, các tướng-lãnh của nhà Lê là Kế-quận-công Phan Ngạn 潘彦, Tráng-quân-công Ngô Đình-Nga 吳廷峨 và Mỹ-quận-công Bùi-Văn-Khuê 裴文奎 khởi binh chống với họ Trịnh ở cử: bờ Đại-an (nay thuộc tỉnh Nam-dịnh). Nguyễn Hoàng mượn cơ đem bán-bộ tướng-sĩ đi đánh bọn phản-loạn, rồi đốt cả doanh-trại, theo đường biển về Thuận-hóa. Ví thế, Nguyễn Hoàng bị chúa Trịnh và vua Lê ngờ-vực. (*Đại-Nam thực-lục*, tiền biên, quyển 1, tờ 15a - 19a; *Đại-Việt sử-ký bản-ký tục biên*, quyển 18, tờ 1a).

7 Vương Đôn 王敦: Người đời Tấn, lấy con gái Tấn Vũ-đế 晉武帝 (265 - 289) là Tương-Thành công-chúa 襄城公主 và làm chức phụ-mã đô-úy 駙馬都尉. Trong lúc Tấn Nguyên-đế 晉元帝 (317 - 322) trấn Giang-dông 江東, Đôn và tòng-huynh là Đạo 導 hết lòng phụ-dục. Có công đánh dẹp giặc Đỗ Thao 杜弢, Đôn được thăng chức đại-tướng-quân, ra làm châu-mục Giang-châu 江州. Khi đã đắc chí, Đôn cất binh về xâm-phạm kinh-sư, Nguyên-đế phải phong Đôn làm thừa-tướng, Đôn mới chịu rút quân về. Sau Đôn âm-mưu soán-đoạt, nên Tấn Minh-đế 晉明帝 (323 - 325) đem quân đi đánh, vừa gặp lúc Đôn bị bệnh mà chết. (Xem *Tân-thư*, quyển 6).

8 Chiêu: Bên trái, đối lại với bên mặt.

9 Tày: Đều nhau, bằng nhau, ngang nhau.

10 Doanh Liễu: Chu Á-Phu 綏亞夫, một vị tướng-quân đời Hán Văn-đế 漢文帝 (179 - 157 trước T.L.), đã đóng doanh-trại tại đất Tế-liêu 細柳 (ở phía Tây-Nam huyện Hàm-dương tỉnh Thiểm-tây ngày nay). Quân lính dưới quyền chỉ-huy của Á-Phu tỏ ra rất tôn-trọng kỷ-luật. Bởi vậy người đời sau gọi chỗ tướng-quân đóng đồn là Tế-liêu-doanh.

11 Đền Phong: Đời Hán, trước cung-điện của vua thường có trồng cây phong 楓, cho nên người ta mới gọi chỗ vua ở là Phong-thần 楓宸 (thần là cái nhà sáu kía). Phong (liquidambar formosana) là một giống cây cao chừng 2, 3 trượng, cứ đến mùa xuân thì nở hoa, và đến mùa thu thì lá đổi sang màu đỏ.

NHỮNG TÁC-PHẨM DO SỞ HỌC-LIỆU
XUẤT - BẢN

Cây cỏ miền Nam Việt-Nam. G. S. Phạm-Hoàng-Hộ	150\$
Lịch-sử Triết-học đông phương, Tập IV. G. S. Nguyễn-Đặng-Thục	120\$
Lão-tử Đạo-đức-kinh. G. S. Nghiêm Toản phiên-giải	70\$
Lê-Triều Lịch-khoa Tiến-sĩ đề danh bí ký. Võ-Oanh	85\$
Quyển I	75\$
Quyển II	70\$
Quyển III	
Công-dư Tiếp-ký. Nguyễn-Đình-Diệm	50\$
Quyển I	40\$
Quyển II	50\$
Quyển III	80\$
Quốc-triều đông-khoa lục. Lê-Mạnh-Liêu	75\$
Tang-thương ngẫu lục. Đạm-Nguyên	32\$
Tiếng cười (Le rire của Bergson). Phạm-Xuân-Độ	75\$
Đạo-đức-học (Ethique de Nicomède của Aristote). Đức-Hình	32\$
Xã-Uớc (Du Contrat social của J. J. Rousseau). Nguyễn-Hữu-Khang	30\$
Vạn-pháp tinh lý (L'Esprit des lois của Montesquieu). Trịnh-Xuân-Ngan	60\$
Khảo về linh-hồn theo thể luân-lý (Phédon ou de l'Ame: genre moral của Platon). Trịnh-Xuân-Ngan	48\$
Kháng-biện-luận về tu-từ pháp (Gorgias của Platon). Trịnh-Xuân-Ngan	28\$
Cung-oán ngâm khúc (dịch ra Pháp-văn). Huỳnh-Khắc-Dụng	40\$
Chính-phụ-ngâm (dịch ra Pháp-văn). Huỳnh-Khắc-Dụng	
Thượng-chi Văn-tập (toàn bộ 5 quyển của Phạm Quỳnh)	35\$
Từ quyển I đến quyển IV mỗi quyển giá	25\$
Quyển V giá	
Anh-Ngữ Đệ Thất (High School English Series, Book One). G. S. Nguyễn-Đình-Hòa	40\$
Speak Vietnamese, Book One (Revised Edition, 1963) G. S. Nguyễn-Đình-Hòa	100\$

Những sách này có bán tại tất cả các hiệu sách ở Thủ đô, các tỉnh và
tại Sở Học-Liệu số 240, đường Trần-Bình-Trọng, Sài-gòn.

ĐÀM-QUANG-HẬU

phần-chất hí-kịch trong
đoạn-trường tân-thanh

(tiếp theo V.H.N.S. 84)

Kiến-trúc hí-kịch của Đoạn-trường Tân-thanh là một sáng-tạo của Nguyễn-Du, vì Nguyễn-Du không chịu một ảnh-hưởng nào khác ngoài văn-chương Trung-Hoa mà trong Hoa-văn không có một vở-kịch nào hay cả tiêu-thuyết nữa được xây-dựng như văn-kịch Âu-Châu. Hơn hai ngàn năm về trước, từ thế-kỷ thứ - V, người Hy-lạp đã sáng-tạo ra hí-kịch văn-chương và tâm-lý làm khuôn mẫu cho văn-kịch rất đặc-sắc và phong-phú của Âu-Châu.

Hí-kịch thoát-thai từ các điệu ca-vũ diễn ở đình miếu trong nghi-lễ tôn-giáo, vì vậy các vở-kịch đầu tiên đều là ca-vũ-kịch. Ngoài cuộc biểu-diễn nghiêm-trang, lại có những vai hề pha-trò cho quán-chúng trong hội-hè. Đó là nguyên-ủy của hai ngành bi-kịch và hài-kịch ở Âu-Châu, tưởng và chèo ở Trung-Hoa và Việt-Nam.

Người Hy-lạp có sớm thiên-tư thẩm-mỹ là những nghệ-sĩ vô-song, đã sáng-tạo được nền văn-chương cổ nhất và rực-rỡ nhất. Ngay từ thế-kỷ thứ - VIII, Homère đã sáng-tác ra hai tập anh-hùng-ca *Illiade* và *Odyssée* cổ nhất và đẹp nhất: ông đã có những kiến trúc nguy-nga, đã tạo ra những văn-hoa hùng-tráng, ông đã nhìn rộng và thấu suốt nhân-tính thế-thái cũng như bản-tính con người. Tất cả văn-chương Âu-châu sau này đều hấp-thụ tinh-hoa ở nguồn văn-chương ấy. Nếu ngay từ thế-kỷ thứ - V, các bi-kịch-gia Hy-lạp đã đạt được tới kịch văn chương và tâm-lý kiệt-tác, cũng là nhờ lấy đề-tài và gương-mẫu ở những nhân-vật bất hủ rất nổi-bật và rất đặc-sắc của hai tập ca trên. Đại-kịch-gia Aristophane của thế-kỷ, không có gương mẫu ở Homère cũng đã sáng-tác ra một thể-văn hài-kịch đầy phóng-tưởng (fantaisie) và đối-dào, tuy nhiên chỉ để khôi-hài và phúng-thịch, các nhân-vật lại thiếu tâm-lý sâu sắc. Về các thế-kỷ sau, các kịch-gia mới theo mẫu bi-kịch mà tạo ra hài-kịch tâm lý được truyền cho Âu-châu.

Người Trung-Hoa có óc thực-tiến, thiên về đạo-đức, chỉ coi thể văn truyện tả nhân-vật thế-sự như tiêu-thuyết nghĩa là thể văn nhỏ-nhất. Thiểu

[Tập XII, Quyển 9 (Tháng 9, 1963)]

nguồn văn-chương tả nhân-vật thế-sự đặc-sắc như ở Hy-lạp, các điệu ca-vũ tôn-giáo chỉ biến được thành kịch động-tác về lịch-sử, còn kịch pha trò không lên trên được thế chèo tương-tự như thế chèo của Âu-châu (farce). Tiêu-thuyết mãi đến đời Đường (thê-kỳ VII - VIII) mới phát-triển thành thế văn-chương chính-thức để có thể đến đời nhà Nguyễn, thê-kỳ XIII, làm nảy-nở được những vở kịch văn-chương, nhưng chỉ là văn trữ-tình hay lãng-mạn, mà vẫn chưa thoát khỏi ca-vũ để thành thế văn chương thuần-túy như ở Âu châu. Tuồng và chèo nhà Nguyễn theo con đường xâm-lãng của quân Mông-cò nhập vào Việt-Nam dưới đời nhà Trần rồi người Việt-Nam cũng viết các vở-kịch theo thể ca-vũ-kịch của Trung-Hoa.

Thê ca-vũ-kịch, dưới áp-bức của hai yếu-tố ca-nhạc và vũ điệu tự nó khó mà có thể thành kịch văn-chương. Hi-kịch Hy-lạp đã lấy gương-mẫu ở các tập anh-hùng-ca của Homère mới trở thành được hi-kịch văn-chương tâm-lý để rồi sau thoát khỏi ca-vũ mà trở thành một thế văn thuần-túy. Hi-kịch nhà Nguyễn cũng nhờ sự phát-triển của tiêu-thuyết Đường Tống mới trở thành được hi-kịch văn-chương. Trái lại tiêu-thuyết lại phải lấy gương ở hi-kịch mới trở nên linh-động được. Nguyễn-Du mang kiến-trúc hi-kịch vào thế truyện là một sáng-kiến và một kỹ-công. Chính người Âu-châu mãi gần đây, mới ý-thức được ảnh-hưởng hay của văn-kịch vào văn tiêu-thuyết. Ngay ở Âu-châu, từ trước tới nay, có lẽ cũng không có một bộ tiêu-thuyết nào có một kiến-trúc hi-kịch cổ-diễn rõ-rệt như truyện Kiều. Vậy cũng không lấy gì làm lạ nếu không có một vở tuồng cổ Việt-Nam hay Trung-Hoa nào mà giá-trị văn-chương có thể so-sánh được với một kịch-phẩm tuyệt-tác của Âu-châu, như truyện Kiều.

Ở Âu-châu, từ các vở kịch kiệt-tác của Hy-lạp, triết gia Aristote đã phân-tích các yếu-tố của bi-kịch, các yếu-tố của cảm-xúc bi-kịch. Ông cho nghệ-thuật là mô-phỏng tạo-vật, tấn-kịch diễn trên sân-khâu phải giống như trên đời thực, vì vậy sự-tích phải giản-dị, nhất-trí, chỉ nên xảy ra trong vòng một ngày, tâm-tính và tư-tưởng của các nhân-vật phải là nguyên-nhân các động-tác của tấn-kịch, và chỉ nên tìm cái thích thú bi-kịch thuần-túy. Ông đã khơi mào ra luật "Tam nhất trí", nói ra quy-tắc của hi-kịch tâm-lý, và chủ-trương sự phân hân ra bi và hài kịch. Thực ra, đó chỉ là những quy-tắc về văn mới đặt ra, chứ các vở kịch Hy-lạp không theo một quy-tắc nào. Chẳng hạn Euripide đã từng xen các lớp bi-hài với nhau và kịch của ông đã làm mẫu cho hài-kịch tâm-lý sau này của Âu-châu.

Sau Aristote, phê-bình gia Alexandrie phân-tích các đệ-nhất văn-phẩm cổ-diễn và đặt các quy-tắc cho nghệ-thuật văn-chương "đệ-nhất đẳng", đó là chủ-nghĩa "Đệ-nhất đẳng" (Classicisme) mà người Trung-Hoa dịch là chủ-nghĩa

cổ-diễn vì lấy mẫu ở tác-phẩm cổ. Kịch cổ-diễn phân hân ra làm hai: bi-kịch và hài-kịch. Mỗi một vở-kịch chỉ chọn một động-tác duy-nhất, xảy ra trong một ngày duy nhất ở một nơi duy nhất để tấn-kịch diễn trong vài giờ trên sân-khâu giống như ở trên đời thật. Đó là luật "Tam nhất trí". Với quan-niệm tâm-mỹ hi-kịch này, vở kịch rất là giản-dị và thiên về cái đẹp tâm-lý hơn là về động-tác.

Hí-kịch cổ điển trở nên toàn thịnh dưới thê-kỳ XVII ở Pháp với Racine và Molière và đã đạt đến bi-kịch và hài-kịch thuần-túy.

Cũng dưới thê-kỳ ấy, nhưng sớm hơn, ở Anh, kịch-gia Shakespeare không gò bó theo lý-thuyết chỉ dựa vào kinh-nghiệm và với cái tự-do của thiên-tài đã tạo ra những vở kịch kiệt-tác. Ông chỉ chủ-trương vở-kịch như một tâm gương phản-chiếu đúng tạo-vật, không phân-biệt hân bi và hài, không theo luật "Tam nhất trí", có thể có nhiều động-tác xảy ra trong nhiều năm và ở nhiều nơi xa cách nhau. Quan-niệm hí-kịch của ông là quan-niệm hí-kịch toàn-diện.

Cái đẹp của kịch cổ-diễn là cái đẹp thuần-túy của một yếu-tố, cái đẹp giản-dị, điệu-hòa, sáng-sủa của một hình ảnh đặc-thù, cái đẹp của kịch toàn-diện là cái đẹp phức-hợp của toàn-thể, cái đẹp phong-phú, biến-hóa, tạp-sắc của một cuốn phim.

Truyện Kiều là một tiêu-thuyết dài, kể cuộc phiêu-lưu phong-trần của Thúy-Kiều trong 15 năm ở nhiều nơi xa cách với nhiều động-tác và nhân-vật phụ, về đại-thế, giống như một vở-kịch toàn-diện. Mà thật truyện Kiều gồm cả các cảnh-huống bi-ai lẫn hài-hước. Nhưng nếu đem từng động-tác hí-kịch, trong truyện mà phân-tích như ở trên, ta thấy lỗi xây-dựng đôi-thoại và độc-thoại của Nguyễn Du giống như văn-kịch cổ-diễn của Pháp nhất là của Racine, ở nơi tâm-lý sâu-sắc, tề-nhị và ở cái đẹp giản-dị thăng-bằng.

Người Pháp cho kịch-gia Racine của họ đã đi xa hơn kịch-gia Hy-lạp ở điểm lấy tâm-lý sâu-sắc mà dẫn động-tác thay thế cho thần-định-mệnh của người Hy-lạp. Truyện-Kiều, tuy cũng nêu ra định-mệnh, nhưng cũng lấy tâm-lý mà dẫn động-tác như thế!

Thúy-Kiều sắc-sảo khôn-ngao,

Vô duyên là phận hồng-nhan đã đành.

Lại mang lấy một chữ tình,

Khur-khur mình buộc lấy mình vào trong.

Vậy nên những chồn thông-dong,

Ở không yên-ôn, ngồi không vững-vàng.

Ma đưa lối, quỷ đưa đường,

Lại tìm những chồn đoạn trường mà đi.

Suốt cuốn truyện, động-lực nội-tại: tình-tình và các đam-mê của Thúy-Kiều, khi thì hòa-hợp, khi thì xung-đột với tình-tình và các đam-mê của các nhân-vật khác, đã thúc đẩy và chiếu sáng các biên-cổ của đời nàng, làm cho chuyện trở nên đầy ý nghĩa tâm-lý và hấp-dẫn từ đầu đến cuối.

Quyển Kiều mà tác-giả gọi là Đoạn-trường Tân-thanh về đại-thể là một đại bi-kịch gồm nhiều cảnh-huống bi-ai kể cuộc chông-đồi của Thúy-Kiều với định-mệnh trong 15 năm trời. Tác-giả đã lấy truyện ấy để tượng-trưng cho tấn bi-kịch giữa con người và định-mệnh qua trăm năm của đời người mà sân-khẩu là toàn cõi thế-gian này:

*Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.*

và cũng có thể mệnh-danh là "Nhân-thê-kịch" (la Comédie humaine).

Tài và mệnh cũng là đề-tài thông-thường của các vở-kịch Âu-châu. Từ Hy-lạp trở xuống cho tới ngày nay, một vở-kịch tự-trung vẫn tả con người như con rối trong tay Định-mệnh hay con Tào đánh hanh, con người mù quáng hoặc không biết tự lượng sức mình, cứ tự-hào hay tự-phụ hăm-hờ múa may, quay cuồng vật lộn với số-phận để rồi do sự mỉa-mai (ironie) của số-phận, tận cùng thê-thảm. Các vở-kịch Âu-châu, từ xưa tới nay, mặc dầu quan-niệm của Định-mệnh có thay đổi, vẫn tả một nhân-thê-kịch ấy". Đoạn-trường Tân-thanh cũng tả nhân-thê-kịch ấy:

Trong cái nhân-thê kịch ấy, con người đã có lán, như Hamlet của Shakespeare, tự hỏi nên có ở đời hay nên không có ở đời « to be or not to be » hay như Thúy-Kiều của Nguyễn-Du « Hồng-nhan phải giống ở đời mãi ru? »

Con người hoặc đã tự hủy-diệt, hoặc chông-đồi để hủy-diệt và đó là cực-độ và cực-đoan của tấn-kịch:

*Trông vời con nước mênh mông,
Đem thân gieo xuống giữa dòng tràng-giang.*

Đề-tài của Đoạn-trường Tân-thanh cũng là đề-tài của bi-kịch-gia Âu-Châu. Nhưng tại sao đề-tài ấy lại bi-kịch và bi-kịch là gì?

Bi-kịch là một danh-từ văn-học rất khó định-nghĩa và đã được các phê-bình-gia Âu-châu thảo-luận không ngừng.

* Watt — English literature.

Phê-bình-gia Hy-lạp Aristote đầu tiên phân-tích bi-kịch, thấy bi-kịch là mô-phỏng một động-tác mà mang ra biểu-diễn gây cho khán-giả hai xúc-động "thương" và "sợ" để đạt tới sự thanh-trừ (catharsis) các xúc-động ấy.

Ở Đoạn-trường Tân-thanh, khi Tam-Hợp đạo-cổ tả chung-đúc lại và mãnh-liệt kiếp đoạn-trường của Thúy-Kiều, thì Giác-Duyên đã có hai xúc-động ấy và kêu lên:

*Giác-Duyên nghe nói rưng-rời,
Một đời nàng thê thương ôi còn gì!*

"Thương" là cảm-xúc căn-bản của bi-kịch Cảm-thương lại thêm cảm-phục nếu nạn-nhân có tài, bất-luận thành bại trong cuộc tranh-đấu chông-sô-phận. Chính Hoạn-Thư, sau khi hành-hạ Thúy-Kiều đã phát-biểu:

Rằng tài nên trọng, mà tình nên thương.

Cảm-thương tăng-gia, nếu nạn-nhân lại là người đã hy-sinh cho nghĩa-vụ như Thúy-Kiều.

*Người sao hiểu nghĩa đủ đường,
Kiếp sao gặp những đoạn-trường thê thối.*

Thương và sợ là hai cảm-xúc trái ngược và có liên-hệ với nhau. Thương thì gắn lại và sợ thì xa ra. Ta thương cho người lại sợ cho mình, tự-trung là thương và sợ cho nhân-loại. Bi-kịch là một đóng-tâm. Ta có thể hiểu tại sao các vở bi-kịch tuy khác nhau mà về căn-bản có thể rút lại, làm một đề-tài chính như đã nói ở trên.

Như Harrison trong *Shakespeare's tragedies* đã phân-tích kịch-gia phải có ý-thức đạo-đức để cho một ý-nghĩa nhân-sinh cho các biên-cổ, và thương-tâm để thông-cảm nỗi đau khổ của nhân-loại.

Nguyễn-Du đã có hai thiên-phú đó được thầy lan-trần trong Đoạn-trường Tân-thanh làm cho ta có cảm-giác bi-kịch khi đọc Đoạn-trường Tân-thanh. Ta không có cảm-giác ấy khi đọc cũng truyện ấy trong Thanh-Tâm tài-nhân-lục.

*Đã cho lấy chữ hồng-nhan,
Làm cho cho hại cho tàn cho cần...*

*Thương thay cũng một kiếp người,
Hại thay mang lấy sắc tài mà chi...*

Cảm-xúc bi-kịch không còn chỉ ở tình-tiết truyện mà ở ý-nghĩa nhân-sinh và ở sức cảm-động của truyện, đã có hiệu-lực thanh-trừ (purgation) hoặc thanh-hóa (purification) như Aristote đã nói, hoặc như ngày nay nói hiệu-lực "thăng-hoa" (sublimation) các cảm-xúc mộc-mạc "thương" và "sợ" của bi-kịch.

Đoạn trường Tân-thanh cũng có cái hiệu-lực thanh-trừ những cảm xúc tiếm-tàng của bi-kịch, nên độc-giả sau khi đọc, thấy tinh-thần hoàn-toàn yên-tĩnh và cảm-thấy thú-vị.

Điều trên cắt nghĩa được cái mâu-thuẫn dường như có giữa hai danh-từ bi-kịch và hi-kịch, một truyện thương-tâm sao lại có thể diễn ra mà làm cho khán-giả vui thú được.

Mua vui cũng được một vài trống canh.

Khán-giả sân-khâu, khi đã nằm trải được vô thường vô phạt những xúc-cảm bi-kịch ú-ấp trong lòng thì đồng-thời cũng thoát-ly được chúng như khi khóc, nước mắt thoát ra làm nhẹ được nỗi đau-khổ trong lòng, mà thật đã nhiều lần khán-giả khóc khi xem kịch.

Xét như trên, Đoạn-trường Tân-thanh mặc dầu được viết dưới hình-thức tiểu-thuyết, vẫn chứa đựng một bi-kịch theo quan-niệm của Âu-châu.

Thật cũng lạ là Nguyễn-Du đã viết trong Đoạn-trường Tân-thanh một bi-kịch cả về nội-dung lẫn hình-thức theo quan-niệm Âu-châu, trong khi cả Á-châu không có một bi-kịch nào như thế.

Một sự-kiện đã được nhận-xét là bi-kịch có rất sớm ở Hy-Lạp, rồi sinh-sôi nảy-nở rất phong-phú trong văn-chương Âu-châu, trong khi văn-chương Á-châu chỉ có thi-ca văn-kịch rất thưa-thớt, bi-kịch rất hiếm, bi-kịch tâm-lý dường như không có hẳn. Người Âu đã từng nói « không có bi-kịch ngoài Âu-châu ».

Sự-kiện đó có thể cắt nghĩa một phần ở thiên-tư thâm-mý đặc-biệt của người Hy-lạp, nhưng cũng là do Á-Đông có một triết-lý khác triết-lý Âu-châu.

Socrate, sáng-tạo ra nền đạo-đức Âu-châu đã lấy mấy lời khắc ở đền Delphes « Người hãy tự biết lấy người » làm châm-ngôn. Ông đã đặt đạo-đức trên nền tảng tinh-thần. Người là trung-tâm của vũ-trụ, chống đối với vũ-trụ. Người ta đã bản-khoãn, thác-mác, không ngớt tìm-tòi để hiểu-biết con người, bản-tính và bản-năng của con người, không ngớt khám-phá vũ-trụ để chinh-phục vũ-trụ. Người ta đã phân-tích, đã xây dựng những hệ-thống đủ loại. Người ta đã thử-thách tri-tuệ, tình-cảm, ý-chí dưới mọi chiều và mọi hình-thức. Người ta đã bản-khoãn, lo-âu, không bao giờ thỏa-mãn và không bao giờ yên-tĩnh. Lễ-tật-nhiên các sự thật-vọng của con người khao-khát hiểu biết, của con người chống đối với vũ-trụ đã được diễn-tả ở văn-chương dưới hình-thức bi-kịch giữa tài và mệnh.

Không Phu-Tử sáng-tạo ra đạo-đức Á-Đông, chịu ảnh-hưởng của Kinh-Dịch, một hệ-thống triết-lý cổ nhất có ảnh-hưởng rất sâu-xa và bền-bì vào tất cả học-thuật Á-đông luận về sự phát-sinh và tiên-hóa của vũ-trụ, đã đặt đạo-đức

trên nền-tảng vũ-trụ, gồm cả tinh-thần của loài ngoài. Sách *Đại-Học* nói « Chí tri tại cách vật ». Người ta chỉ là phần-tử linh nhât trong vũ-trụ, phải hiểu tinh-lý của toàn vũ-trụ, phải sống và tiên-hóa điều-hòa với vũ-trụ, không cần bản-khoãn tìm-tòi để hiểu-biết những cái gì vô-ích cho sự sống điều-hòa ấy, sự tiết-lệ thiên-cơ còn được coi như một môi họa là đáng khác. Như vậy, bi-kịch không thành văn-đề, vì chính đời người không phải là một bi-kịch trong đời sống vũ-trụ, ở một đời sống tương-đối, có vui tất có buồn, có may tất có rủi, có sống tất có chết, đời người không coi là quá quý, cái chết quá sợ như ở Tây-phương. Người Á-Đông đã chẳng thương ngày khi sinh-thời tự sám-cổ hậu-sự, tự xây lấy sinh-phần cho mình. Với một triết-lý nhân-sinh như thế, không thể có những bi-kịch về đời người hay một bi-kịch của tri-tuệ như kịch *Faust* của Tây-phương. Đoạn-trường Tân-thanh là một ngoại-lệ siêu-dâng.

Về đại-thể, Đoạn-trường Tân-thanh là một bi-kịch theo quan-niệm Âu-châu; tuy-nhiên về chi-tiết cũng có những sự khác-biệt vì dấu sao vẫn thuộc về văn-hóa Á-đông.

Âu-châu đã bị ảnh-hưởng nặng-nề và sâu-dậm của bi-kịch Hy-lạp. Kịch-gia Hy-lạp lấy đề-tài ở cô-tích và anh-hùng-ca diễn-tả một xã-hội cổ-sơ, còn bị thần-minh trực-tiếp điều-khiển với những trừng-phạt ghê-gớm. Vì vậy, bi-kịch gây một xúc-động « khủng-khiếp ». Cái chết thể-thảm là khủng-khiếp nhât, lại có những trường-hợp gia-tăng như con giết mẹ, em giết anh, như âm-mưu xếp đặt trước, v.v... để làm cho xúc-cảm bi-kịch lên đến cực-độ. Mà thật phải đến cái chết thể-thảm, thì cảm-xúc bi-kịch mới mãnh-liệt và hoàn-toàn. Vì vậy, các bi-kịch của Âu-châu thường tận cùng bằng cái chết hoặc một trạng-thái bi-thảm hơn như trong kịch *Oedipe Bá-Vương*. Người Âu châu, với óc tìm-tòi và hiểu-kỳ đã thấy thích-thú trong sự nằm trải cảm-xúc bi-kịch mãnh-liệt như Terence đã nói « Tôi là người và cái gì liên-can đến người cũng không xa lạ đối với tôi ».

Á-Đông có một triết-lý bình-tĩnh, thăng-bằng hơn, thiên về đạo-đức, quan-niệm một truyện phải có hậu, vì vậy mà Đoạn-trường Tân-thanh có hồi tái-hợp: Đoạn-trường Tân-thanh là một bi-hi-kịch. Nếu Đoạn-trường Tân-thanh dừng lại lúc Thúy-Kiều tự-tử ở sông Tiên-Đường thì giống như bi-kịch Âu châu.

Người Á-đông cũng không thường thức mấy cái cảm-xúc bi-kịch cực-độ do sự biểu-diễn cái chết thể-thảm gây nên, dù biết chỉ là giả-tào.

Racine, bi-kịch-gia, đã tả cái chết của Eriphyle trong vở *Iphigénie* một cách mạnh-mẽ để gây xúc-động khủng-khiếp:

Furieuse, elle vole, et sur l'autel prochain

Prend le couteau sacré, le plonge dans son sein.

*A peine son sang coule et fait rougir la terre
Les Dieux font sur l'autel entendre le tonnerre...*

Nguyễn-Du khi tả Thúy-Kiều tự-tử, chỉ tả hốt qua, nhẹ-nhàng :

*Sẵn dao tay áo tức thì giở ra.
Sợ gan nát ngọc liễu hoa,
Mặt còn trông mặt, nàng đã quá tay.*

Vậy khi nói Đoạn-trường Tân-thanh là một tấn bi-kịch, hai tiếng bi-kịch nên được hiểu với một nghĩa rộng, với một ý-nghĩa triết-lý hơn là ý-nghĩa cảm-giác cực-độ do sự biểu-diễn cái chết thể-thâm mà ra như ở các vở - kịch Âu-châu.

Nguyễn-Du cũng đã tả mãnh-liệt cái chết rùng-rợn của bọn Bạc-Hạnh, Bạc-Bà, nhưng với mục-dịch tái-đạo, răn đời :

*Lệnh quân truyền xuống nội đao,
Thế sao thì lại cứ sao ra hình.
Máu rơi thịt nát tan-tành,
Ai ai trông thấy hồn kinh phách rời.*

Cái chết kinh-khủng, do sự trừng-phạt đích-đáng không gây ra nỗi thương-tâm và cảm-giác bi-kịch.

Mặc dầu những sự khác-biệt về chi-tiết, Nguyễn-Du đã ý-thức sâu-xa về nhân-sinh để biến tấn-kịch của Thúy-Kiều thành một nhân-thê-kịch, Nguyễn-Du đã cảm xuất nỗi thông-khó cùng-cực của số-phận con người, đã đem nỗi thương-tâm vô biên trải lan-tràn khắp các cảnh-huống bi-ai làm cho Đoạn-trường Tân-thanh rất là cảm-động, và đó là đại bi-kịch.

Bi-kịch cũng như hài-hước có nhiều trạng-thái chứ không phải chỉ ở cực-độ và cực-đoạn của cảm-xúc mộc-mạc, bi-kịch rộng hơn và gồm thảm-kịch. Đây chỉ là một vấn-đề định-nghĩa.

Truyện Kiều về đại-thể là bi-kịch, tuy vậy trong truyện bao-la, không phải là không có tính-cách hài-kịch ở những vai và động-tác phụ. Hài-kịch diễn ra những cái hài-hước của nhân-tình thế-thái. Có cái hài-hước do cảnh-ngộ bên ngoài mang lại (comique de situation). Ta thấy cái hài-hước ấy, đây đó ở trong truyện Kiều. Ví dụ ở :

một vài đoạn về Thúc-Sinh :

*Sợ quen, dám hở ra lời,
Khôn ngăn giọt lệ xụi-xụi rỏ sa.
Tiểu thư trông mặt hỏi tra,
Mới về có việc chi mà động dung.*

*Sinh rằng : "Hiều phục vừa xong,
Suy lòng trắc Di đau lòng chung thiên".
Khen rằng : "Hiều từ đã nên".*

*Sinh càng như đại như ngậy,
Giọt dài, giọt ngắn, chén đầy, chén vơi.
Ngánh đi chọt nói, chọt cười,
Cáo say, chàng đã tỉnh bài láng ra.*

đoạn Thổ-quan theo vớt Thúy-Kiều :

*Trông vời con nước mênh-mông,
Đem mình gieo xuống giữa dòng trăng-giang.
Thổ-quan theo vớt vôi vàng,
Thì đà đắm ngọc chìm hương cho rồi.*

Có cái hài-hước nội-tại do tâm-lý gợi nên. Người ta thường phân ra hài-hước phong-tục (comique de mœurs) và hài-hước tâm-tính (comique de caractère). Hài-hước phong-tục phơi ra những thứ dờm, những thứ xấu của một thời-đại, một hoàn-cảnh, một hạng người, có tính-cách xã-hội. Ở truyện Kiều, ta thấy hài-hước phong-tục ở các nhân-vật thuộc một hạng người trong xã-hội, như Mã Giám-Sinh, Tú-Bà, v.v. . .

Mã Giám-Sinh :

*Quá niên trạc ngoại tứ tuần,
Mây râu nhân nhụi, áo quần bánh bao.
Trước thầy sau tớ xôn-xao,
Nhà băng đưa mời, rước vào lầu trang.
Chê trên ngồi tốt số-sàng.*

*Cò-kè bớt một thêm hai,
Giờ lâu ngã giá vàng ngoài bốn trăm.*

*Chẳng ngờ gã Mã Giám-Sinh,
Vẫn là một đũa phong-tình đã quen.
Quá chơi lại gặp hỏi đen,
Quen mới lại kiếm ăn miến nguyệt hoa.*

*Mặt già hoặc có điệu gì,
Liều công mắt một buổi quì mà thôi.*

Cạn lời khách mới thưa rằng :
 "Buộc chân thì cũng xích thàng nhiệm trao.
 Mai sau dù đến thế nào,
 Kia gương nhật nguyệt nọ dao qui thân !"

Tú-Bà :

Thoát trông lờn lợt màu da,
 Ấn gì cao lờn dầy đà làm sao,
 Trước xe lơi-lả han chào. . .

Lễ xong hương-hỏa gia-đường,
 Tú-Bà vất nóc lên giường ngối ngay.

Mụ nghe nàng nói hay tình,
 Bảy giờ mới nói tam bành mụ lên.
 « Này này ! sự đã quá nhiên,
 Thôi đã cướp sống chồng mình đi rồi...
 Màu hổ đã mất đi rồi,
 Thôi thôi vốn liếng đi đời nhà ma ».

Sở-Khanh :

Một chàng vừa trạc thanh xuân,
 Hình dong chải chuốt, áo khăn dẹt-dàng.

Lặng nghe lảm nhảm gặt đầu :
 « Ta đây nào phải ai đâu mà rằng.

Nàng đã biết đến ta chăng,
 Bề trăm luận lập cho bằng mới thôi.»

Nàng rằng : « Muốn sự ơn người,
 Thề nào xin quyết một bài cho xong.»

Rằng : « Ta có ngựa truy-phong,
 Có tên dưới trướng, vốn dòng kiện nhi.

Thừa cơ lên bước ra đi,
 Ba mươi sáu chước, chước gì là hơn.»

Tiếng gà xao-xác gáy mau,
 Tiếng người đầu đã mái sau giày-giàng.

Nàng càng thỏn thức gan vàng.
 Sở-Khanh đã để dây cương lỡi nào.

Còn đương suy trước nghĩ sau,
 Mặt mo đã thấy ở đầu dân vào.
 Sở-Khanh lên tiếng rêu-rao,
 Rằng nghe đã có con nào ở đây.
 Phao cho quyền gió rú mây,
 Hãy xem có biết mặt này là ai. . .
 Sở-Khanh thét mắng ùng-ùng. . .
 Lờì ngay động mặt trong ngoài,
 Ké chề bắt nghĩa người cười vô tương.
 Phụ tình án đã rõ-ràng,
 Dơ tuồng, nghĩ mới kiếm đường thối lui.

Hồ Tôn-Hiền :

Nghe càng đắm, đắm càng say,
 La cho mặt sắt cũng ngây vì tình.
 Dạy rằng : « Hương lửa ba-sinh,
 Dây loan xin nôi cấm lạnh cho ai.»

Hạ-công chén đã quá say,
 Hồ-công đèn lúc sớm ngày nhớ ra.
 Nghĩ mình phương diện quốc-gia,
 Quan trên ngắm xuống người ta trông vào.
 Phải trường trăng gió hay sao,
 Sự này biết tính thế nào được đây?

Hài-hước tâm-tính diễn những thứ ngang trái, những nét xấu phổ-biên của con người chúng làm cho ta cười đầy rói lại phải khóc cho đời. Hài-kịch tâm-tính đã gặp bi-kịch. Người Pháp cho rằng nhà đại hài-kịch Molière của họ đã tạo ra hài-kịch tâm-tính, hình-thức cao nhất của hài-kịch.

Trong truyện Kiều, ta thấy Nguyễn-Du cũng đã tạo ra một hài-kịch tâm-tính với nhân-vật Thúc-Sinh.

Nếu Molière tạo ra vở kịch tâm-tính trứ-danh Người ghét đời (Le Misanthrope) mà mê gái dài diêm, thì Nguyễn-Du cũng tạo ra tâm hài-kịch, « Người nhu nhược » mà lại đa mang, để cô gái làng chơi dạy khôn mà không theo nôi, để cho vợ cả ghen tuông làm tình làm tội, mà phải bó tay làm trò cho thiên-hạ mua cười. Nhu-nhược là một tâm-tính rất phổ-biên, Nguyễn-Du đã diễn ra khía cạnh khôi-hài của tính ấy khi con người nhu-nhược mà đa-mang phải đương-đầu với những sự khó-khăn. Ở cả hai trường-hợp người ghét đời cũng

như người nhu-nhược, hài-hước là do ở chỗ họ đã không thích-nghi được cách sử-sự với hoàn-cảnh. Ở đây không cần phải dẫn câu ra, cứ đọc cả đoạn nói về Thúc-Sinh, là thấy ngay cả đoạn là một tâm hài-kịch tâm-tính tương-tự như với *Người ghét đời* của Molière. Tôi chỉ muốn nói qua về giá-trị nhât tri trong tâm-tính Thúc-Sinh: về trí-tuệ, hiểu biết nông-cạn, rời-rạc, suy xét thiên-cận, không có định-kiến; về tình-cảm, hiểu danh, hiểu sắc, không có tình-ái sâu-xa, về hành-động: nhu-nhược, do-dự, không có chí-hướng, gió thổi chiều nào, che chiếu ấy đến hèn nhát, vô-si, tiêu tiến quen thói béc rời, sống tạm bợ không lý-tưởng; trí-tuệ, tình-cảm, hoạt-động phù-hợp vào nhau đúc thành một tâm-tính, rất đúng và rất tẻ-nhi, một thiên hài-kịch tâm-tính tuyệt-tác.

Xét như trên truyện Kiều có những phẩm-chất bi-kịch và hài-kịch cao nhất của hí-kịch cổ-điển Âu-Châu theo quan-niệm của các phê-bình-gia Pháp.

Quan-niệm kịch cổ-điển Pháp khác với quan-niệm kịch toàn-diện không những ở sự phân-biệt bi và hài-kịch mà còn ở sự phân-biệt văn hí-kịch với văn trữ-tình. Đại-kịch-gia Racine của Pháp không thiếu tưởng tượng của thi-si, nhưng với một quan-niệm văn-kịch thuần túy dường như đã theo một qui-tắc là loại yếu-tố trữ-tình ra ngoài văn-kịch. Mà thật yếu-tố trữ-tình làm chậm và yếu động-tác đi. «Tinh-cảm được mô-tả ở Racine không bằng những bậc-lộ trữ-tình mà bằng những rung-động hí-kịch và bi-kịch của ông là một loạt liên-tiếp những biến-cổ và thay đổi đột-ngột», theo lời phê-bình-gia Lanson của Pháp. «La sensibilité se peint chez Racine non par des effusions lyriques mais par des vibrations dramatiques et sa tragédie est une suite de coups de théâtre et de révolutions» Lanson — *Histoire de la littérature française*.

Nguyễn-Du cũng đã tả tình-cảm dưới trạng thái hí-kịch ở các cảnh-huống hí-kịch trong *Đoạn-trường Tân-thanh*. Ta hãy lấy đoạn Thúy-Kiều ủy-thác Thúy-Vân:

Rằng: «Lòng đang thôn-thức đây,
 Tơ duyên còn vướng mối này chưa xong.
 Hở môi ra cũng thẹn thùng,
 Để lòng thì phụ tâm lòng với ai.
 Cây em, em có chịu lời ?
 Ngồi lên cho chị lấy rồi sẽ thưa.
 Giữa đường đứt gánh tương-tư,
 Giao loan chấp mối tơ thừa mặc em.
 Kể từ khi gặp chàng Kim,
 Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề.
 Sự đâu sóng gió bất kỳ,

Hiều, tình khôn lẽ hai bề ven hai ?
 Ngày xuân em hãy còn dài,
 Xót tình máu-mủ thay lời nước non.
 Chị dù thịt nát xương mòn,
 Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây.
 Chiếc vành vớt bức tờ mây,
 Duyên này thì giữ vật này của chung.
 Dù em nên vợ nên chồng,
 Xót người mệnh-bạc ắt lòng chẳng quên.
 Mắt người còn chút của tin :
 Phím đàn với mảnh hương nguyên ngày xưa.
 Mai sau dù có bao giờ,
 Đốt lò hương ấy so tơ phím này.
 Trông ra ngọn cỏ lá cây,
 Thấy hiu hiu gió thì hay chị về.
 Hồn còn mang nặng lời thề,
 Nát thân bồ-liễu đến nghì trác mai.
 Dạ-đài cách mặt khuất lời,
 Ráy xin chén nước cho người thác oan.
 Bấy giờ trâm gãy gương tan,
 Kể làm sao xiết muôn vàn ái-ân.
 Trăm nghìn gửi lạy tình-quân,
 Tơ duyên ngắn-ngủi có ngắn ấy thôi.
 Phận sao phận bạc như vôi !
 Đã đành nước chảy, hoa trôi lỡ-làng.
 Ôi Kim-lang ! hỡi Kim-lang !
 Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây !»

Tình-cảm Thúy-Kiều đã được tả bằng những rung-động hí-kịch, khi cái rung-động ấy lên đến cùng độ thì nàng ngắt đi Nhưng Nguyễn-Du trước hết là thi-si, tình-cảm đồng-thời cũng được tả dưới trạng-thái trữ-tình, nên vẫn đối-dào, yếu-tố trữ-tình và yếu-tố hí-kịch hoàn-toàn hòa lẫn với nhau, không còn phân-biệt được.

Với yếu-tố trữ-tình, văn của Nguyễn-Du xa văn của Racine lại gần văn-kịch toàn-diện của Shakespeare, nhà đại-kịch-gia tiêu-biểu cho lối văn-kịch và cũng là thiên-tài đệ-nhất của kịch-trường. Theo quan-niệm kịch toàn-diện, trạng-thái trữ-tình có thể là một yếu-tố trong toàn-phần của cảnh-huống hí-kịch như trong đời thật. Cảnh và tình là hai đé-tài chính của thơ trữ-tình.

Về thời Shakespeare, sân-khấu để lộ-thiên, kịch diễn liên-hồi, không có màn kịch, không có bỏ-cảnh giả-tạo, khán-giả tự-tưởng lấy bỏ-cảnh. Tuy bỏ-cảnh thuộc về công việc nhà dàn cảnh, một kịch-gia có tài vẫn có thể tô điểm văn-kịch bằng văn tả cảnh, miễn là phải thích-hợp và giúp cho động-tác. Shakespeare thường đặt được rất khéo trong đối-thoại những đoạn tả cảnh đầy thi-vị làm bỏ-cảnh tương-tượng.

*Lady, by Yonder blessed moon I swear
That tips with silver all these fruit-tree tops...
It was the lark, the herald of the morn,
No nightingale — Look, love, what envious streaks
Do lace the severing clouds in Yonder east
Night candles are burnt out and jocund day
Stands tiptoes on the misty mountain tops.*

(Romeo and Juliet)

Những đoạn văn tả-cảnh làm cho văn-kịch của ông được thi-vị của thiên-nhiên và một màu sắc lãng-mạn. Nguyễn-Du viết tiểu-thuyết, thường tả thiên-nhiên trước đối-thoại làm bỏ-cảnh, không cần như Shakespeare phải đặt bỏ-cảnh trong đối-thoại. Tuy nhiên, đôi khi Nguyễn-Du cũng đã tả-cảnh trong đối-thoại. Thúy-Kiều sang nhà Kim-Trọng trong bỏ-cảnh sau:

*Nàng rằng: "Quãng vắng đêm trường,
Vì hoa nên phải lên đường tìm hoa".*

Kim-Trọng yêu-cầu Thúy-Kiều gảy đàn trong cảnh sau:

*Sinh rằng: "Gió mát trăng trong,
Bấy lâu nay một chút lòng chưa cam".*

Dưới «vầng trăng vàng-vạc giữa trời», hai người đã thể «đỉnh-ninh hai miệng một lời song-song». Khi Kim-Trọng được tin phải đi xa, chạy sang từ-biệt Thúy-Kiều, thì trời đã về sáng, trăng đã tà và nhạt, Kim-Trọng đã tả trăng ấy trong lời từ-biệt:

Trăng thê còn đó trơ trơ...

«Trơ trơ» vừa tả trăng trên nền trời đã sáng, vừa hàm ý trăng còn đó và còn mãi-mãi.

Trong đối-thoại từ-biệt, hai người đã tưởng-tượng khung-cảnh và tình-cảnh của người lữ-thứ thuở xưa trên đường ngàn dặm:

Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời...

Nghĩ người ăn gió nằm sương xót thắm...

Một vài tỉ-dự ấy cũng đủ tỏ cái tài đặt cảnh rất thích-hợp trong đối-thoại của Nguyễn-Du tương-tự như Shakespeare.

Ái-tình là đề-tài của nhiều vở-kịch của Shakespeare, bi-kịch như *Romeo và Juliet*, hài-kịch như *Giấc-mộng đêm hè*, v.v... Các kịch ấy được màu sắc trữ-tình được gọi là kịch lãng-mạn. Truyện Kiều cũng là kịch ái-tình và được màu sắc lãng-mạn như thế.

Lớp tự-tình trữ-danh của Juliet trên bao-lơn với Romeo tả ái-tình trong sáng của tuổi thanh-xuân là một trong những lớp tự-tình đẹp nhất trong văn-chương thế-giới. Lớp tự-tình của Thúy-Kiều với Kim-Trọng cũng có một vẻ đẹp, tương-tự, tuy có bị u-ám một phần bởi mối tư-lự của Thúy-Kiều. Chính mối tư-lự ấy là nguyên-nhân tâm-lý của tấn bi-kịch thuần-túy trong truyện Kiều, trong khi tấn bi-kịch của Juliet và Romeo chỉ do biên-cổ bên ngoài sẩy ra bởi mối cự-thù giữa hai nhà Capulet và Montagne.

(còn tiếp)

ĐÍNH-CHÍNH

Về bài «Cung-Oán ngâm-khúc bình-chú» khởi-đăng trong *Văn-Hóa Nguyệt-San* quyển 8, tập XII, (tức số 84 tháng 8 năm 1963) trang 1183, dòng 10 và 11, xin đọc là:

«... của Nguyễn-Hữu-Chính hay *Đặng-Trần-Thường*» chứ không phải *Đặng-Trần-Côn*.

« **CULTURE LIBRARY** »

published by the Directorate of Cultural Affairs
Department of National Education

1. **SỬ-LIỆU VIỆT-NAM** (Documents on Vietnamese History)
by *Tuấn-Lý Huỳnh-khắc-Dung*. (246 pages) 25\$
- 2-3. **ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : LỤC-TỈNH NAM-VIỆT**
(Complete Monograph of the Great Vietnam Unified :
The 6 provinces of South Vietnam)
translated by *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*.
Part I (152 pages) 20\$
Part II (132 pages) 15\$
- 4-5. **ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN**
(Complete Monograph of the Great Vietnam Unified :
Province of Thanh-Hoa)
translated by *A-Nam Trần-Tuấn-Khởi*.
Part I (122 pages) 15\$
Part II (174 pages) 15\$
6. **ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN**
(Complete Monograph of the Great Vietnam Unified :
Central Vietnam)
translated by *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*.
The Capital (96 pages) 15\$
- 7-8. **CỔ-ĐÔ HUẾ** (Huế, the Ancient Capital)
(History, Monuments, Sites and Anthology) by *Thái-Văn-Kiểm*
(487 pages, 53 illustrations and maps). 70\$
- 9-12. **ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN**
(Complete Monograph of the Great Vietnam Unified :
Central Vietnam)
translated by *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*
Provinces of Quảng-Trị and Quảng-Bình
(208 pages) 20\$
Province of Thừa-Thiên Part I (144 pages) 15\$
Part II (152 pages) 15\$
Part III (134 pages) 15\$
- 13-14. **VIỆT-NAM NHÂN-VẬT CHỈ VÙNG-BIÊN**
(Glossary of Vietnamese Historical Figures)
by *Thái-Văn-Kiểm & Hồ-Đắc-Hàm* (290 pages) 55\$
15. **HIGHER EDUCATION IN THE REPUBLIC OF VIETNAM**
"VIETNAM CULTURE SERIES" N. 6
by *Nguyễn-Đình-Hòa* (32 pages) 6\$
- On sale in all bookshops of the Capital and the provinces, in **THÔNG-NHẤT** (329 Bd Trần-Hưng-Đạo, Saigon) and at the Directorate of Cultural Affairs (89 Le-Van-Duyet Street, Saigon).

PHAM-VĂN-SON

ba-dình trên lịch-sử?

1886 ! một năm đã ghi nhiều biến-cổ quan-trọng trên lịch-sử chống xâm-lãng của dân-tộc chúng ta và cũng là một năm quân-đội của thực-dân Pháp không thể quên những cuộc hành binh vô cùng gian-lao nguy-hiểm, hại người hại của rất nhiều trên đất Việt.

Quả vậy, sau lời hịch cần-vương của vua Hàm-Nghi toàn-thể si-dân Việt-Nam từ Bình-thuận ra Bắc-kỳ đã nổi dậy làm một keo vật cuối cùng với Đế-quốc Pháp bởi Hòa-ước Giáp-Thân ký năm 1884 đã thủ-tiêu hết quốc-quyền của chúng ta và cái danh-vị của Triều-đình Huế bấy giờ chỉ là một hư-ảnh trên nền trời chánh-trị Việt-Pháp.

Các cuộc khởi-nghĩa do các văn-thân lãnh-đạo bột phát khắp nơi, nhưng cũng lần-lượt theo nhau thất-bại vì thiếu-thốn đủ thứ kể từ vũ-khí, lương-thực, thứ nhất là một mặt trận thống-nhất toàn-quốc kháng-địch.

Dẫu vậy si-dân Việt-Nam cũng đã lập được nhiều vũ-công oanh-liệt từng làm cho địch phải điên-đầu, nát ruột từ Nghệ-Tĩnh ra tới miền thượng-du xứ Bắc. Hôm nay chúng tôi xin hiến quý-vị ít nhiều tài-liệu về trận Ba-dình từ trước tới nay chỉ mới được phổ-biến một cách sơ-lược.

Cuộc khởi-nghĩa Ba-dình bắt đầu từ tháng 9-1886. Địa-bàn của Ba-dình gồm ba làng Mỹ-Khê, Thượng-thọ và Mậu-thịnh — Bắc giáp Ninh-Bình giữa khoảng sông Hoạt-giang và sông Đại-lai chạy qua huyện Nga-son (Thanh-hóa). Về mùa mưa, Ba-dình có nước ngập chung quanh. Ba-dình nổi lên như một hòn đảo cách mặt nước tới hai thước tây, thời thường đồng ruộng bao vây ba làng này như một cánh đồng lầy ngừng lại trước những lũy tre xanh dày đặc.

Tiến vào Ba-dình, người ta chỉ có một độc-đạo từ bờ sông đào (sông nối Hoạt-giang với Đại-lai). Kháng-chiến đã cầm rất nhiều cọc nhọn là là mặt nước từ sau vụ chiếm tháng 5 khi đồng ruộng còn khô ráo ít nhiều. Các ông già bà lão, phụ-nữ trẻ nít đều phải tản-cư qua các làng kế-cận như các xã Liên, Nghi, Vinh, riêng trai tráng ở lại lo việc chống giặc. Mỗi làng thuộc hai huyện Nga-

[Tập XII, Quyển 9 (Tháng 9, 1963)]

son và Tống-son phải nộp 30 cái rọ lợn, 100 cây tre và 10 gánh rơm cùng đem người đến đào hào, đắp lũy. Hào rộng 4 thước, sâu 3 thước đủ để cho quân đội lưu-động bên trong. Ngoài mặt thành có cắm chông, trên mặt thành hàng ngàn cái rọ lợn đựng đầy bùn, xếp cao; người ở bên trong có thể nhìn qua khe các rọ lợn để kiểm-soát mọi hoạt-động bên ngoài; trái lại người ở bên ngoài không thể nhận-định được các sự-việc ở bên trong. Khi các công-sự bổ-phòng được xây-dựng xong, người ta tháo nước sông vào thì Ba-đình trở nên một hồ nước mênh-mông. Xét các công-sự và công-cuộc bổ-phòng của Ba-đình thuở ấy chỉ có một giá-trị tương-đối và nhất thời đối với cơ-giới và vũ-khí của địch mà thôi.

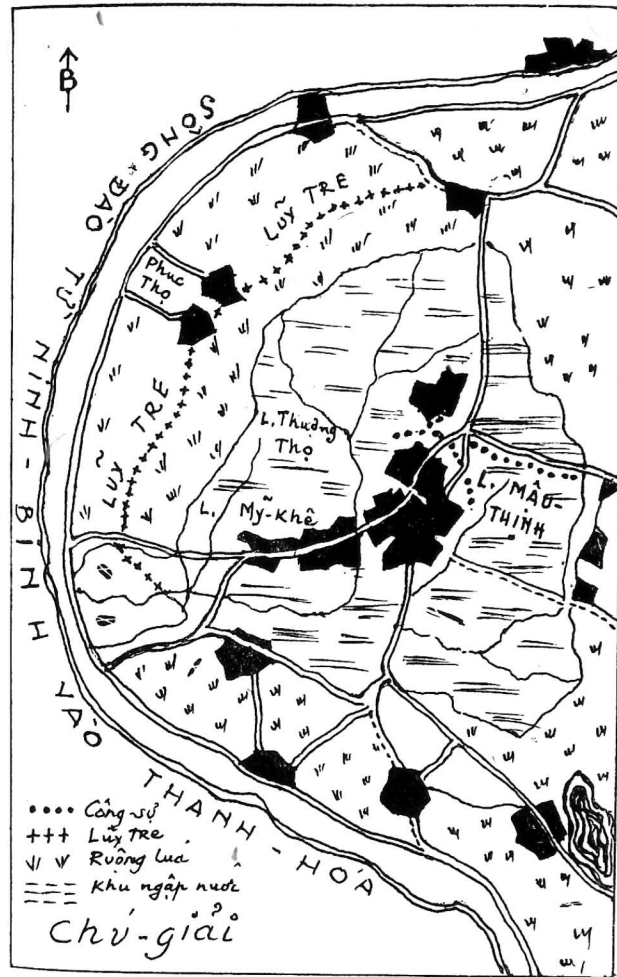
Các vị chỉ-huy kháng-chiến ở đây là các ông Đốc-học Phạm-Bành, Đề-Đốc Đinh-công-Tráng, Đề-Đốc Nguyễn-Khê và hai tù-trưởng Mường là Hà-văn-Mao và Cầm-bá-Thước. Các vị đóng-vai trò thứ yếu là Tuần-phủ Bạt-Nô (người huyện Tĩnh-gia), Tổng-đốc Lê-như-Rạng, Bồ-chánh Ngô-xuân-Quỳnh, Tri-huyện Tôn-thất-Hàm (huyện Nông-cống).

Kháng-chiến Ba-đình được một lợi-khí tinh-thần đáng kể ngoài vị-trí chiến-lược là sự ủng-hộ của toàn-thể nhân-dân địa-phương này. Ai mà không, biết Thanh-hóa là nơi phát-tích của hai triều Lê, Nguyễn, là nơi có nhiều văn-thân hào-mục, là nơi nhân-dân có sức chịu-đựng dẻo-dai, có tinh-thần chiến-đấu bền-bì qua mấy thế-kỷ nội-chiến do cuộc Trịnh-Nguyễn phân-tranh từ 1527?

Công-tác chiến-đấu được phân-phôi như sau: (a) Đề-Đốc Trần-xuân-Soạn phụ-trách phòng-tuyến bên ngoài Ba-Đình. Phòng-tuyến này do dân-quân bảo-vệ và có mục-đích là quấy rối cùng cản trở cuộc tấn-công của địch. (b) Đề-Đốc Đinh-công-Tráng và Nguyễn-Khê chỉ-huy quân chủ-lực bên trong. Hai bên hỗ-trợ cho nhau và xa Ba-Đình một chút, cuộc khởi-nghĩa của cụ Tống-duy-Tân, Cao-Điền từ Sầm-Sơn cũng gây được thế ý-đốc mà đôi bên cùng có lợi bởi được phát-động đồng thời và đã cắm chân địch trên toàn-hạt Thanh-hóa từ ngoài biển trở vào.

Đầu tháng 10-1886 nhiều đoàn xe Pháp đi qua quốc-lộ số 1 bị chặn đánh từng chặng do những loạt đạn trong rừng xả ra. Di-nhiên Pháp phải mở các cuộc hành-quân cản quét và bao vây. Đại-tá Dodds và Metzinger tư-lệnh hai tỉnh Nam-định và Thanh-hóa lập kế-hoạch đối phó ngay vào tháng chạp năm 1886 nhằm cắt việc giao-thông của nghĩa-quân ở hai phòng-tuyến nội-ngoại Ba-Đình.

Ngày 18-12-1886 quân Pháp tấn-công tiền-tuyến của ta, trọng-pháo đi trước mở đường; lực-quân tiến sau chiếm được mấy làng nhỏ. Nghĩa-quân đánh ra rất rát, giặc thiệt-hại lớn. Đó là quân của Metzinger từ tỉnh lỵ Thanh-hóa xông vào. Đạo-quân Nam-định của Dodds đánh phía Bắc Ba-đình lúc đầu



BẢN-ĐỒ PHÒNG THỦ BA-ĐÌNH

(Bản-đồ này trích trong Lịch-sử tám mươi năm chống Pháp của T.H.L., tr. 67)

có thắng-lợi. Thiếu-tá Nugent chỉ-huy Đại-đội Bắc-kỳ thứ hai chiếm được tiền-đồn làng Thượng-thọ gặp sự kháng-cự của những đồn lẻ ở phía sau cách vài trăm thước. Nugent phải ngừng lại trước phòng-tuyến thứ hai vì quân của y bị chết và bị thương khá nhiều trong có Thiếu-úy Audibert.

Đạo-quân Thanh-hóa tuy bị tổn-thất nặng vẫn tiến. Quân Pháp phải lợi nước ngập tới vai theo hai Thiếu-úy Zanner và Tuffier. Nghĩa-quân ở bên trong phòng-tuyến cho nhả đạn liên-tiếp. Zanner bị đạn vào đầu chết ngay tại chỗ bên cạnh nhiều binh-sĩ. Tuffier không sờn lòng vẫn thúc bộ-đội bước lên, tay cầm súng, tay cầm dao, nhưng cuối cùng y cũng bị thương. Thiếu-tá Blaise phải hối-thúc trọng-pháo 80 ly yểm-trợ cho quân triệt-thoái vì nghĩa-quân xông ra truy-kích ào-ạt.

Thế là cuộc tấn-công đầu tiên của địch thất-bại. Địch đành áp-dụng kế-hoạch bao vây như cũ nhưng quân-số của chúng không đủ để thi-hành công-tác này. Chúng phải gọi quân ở các nơi khác để tiếp-viên kể cả hải-quân của chúng đang trấn đóng ở ngoài biển Trung-quốc.

Đầu tháng giêng năm sau (1887) chúng đã có một lực-lượng khá hùng-hậu như sau :

- Hai đại-đội 260 người do các Thiếu-tá Rambaud, Deixonne và Cortes chỉ-huy.

- Một đại-đội thủy-quân lục-chiến 180 người do Thiếu-tá Valence cầm đầu.

- Một đại-đội người Âu gồm 200 người thuộc quyền Thiếu-tá Préfet.

- Một đại-đội thuộc Tiểu-đoàn bộ-binh thứ ba gồm lính Phi-châu có 180 người do Thiếu-tá Bernard chỉ-huy.

- Một đại-đội quân đồ bộ của chiến-hạm *Turenne* có 150 người do Thiếu-úy thuyền-trưởng dẫn đầu. Pháo-binh của địch cũng rất mạnh :

10 cỗ đại-bác cỡ 81 ly do 120 pháo-binh phụ-trách.

4 khẩu đại-bác cỡ 95 ly do Thiếu-tá Girard trông coi.

4 đại-bác cỡ 65 ly do 30 pháo-binh sử-dụng.

2 đại-dác Hotchiss có 15 người điều-khiển.

4 đại-bác 80 kiêu cỡ do hai trung-đội sử-dụng.

Công-binh có Thiếu-tá Joffre và Trung-úy Netter cầm đầu có 46 tên lính dưới quyền. Ngụy-binh (lính khố xanh) có 1950 tên thuộc các Thiếu-tá Monniot, Nugent, Bouchage, Audry, Blaise và Trung-úy Lambelin, Drujon và Chatier chỉ-huy. Tổng-số quân-đội của Pháp bấy giờ là 3.388 người trong có 1.580 lính Pháp.

Thủy-quân có 4 pháo-hạm yểm-trợ và tiếp-vận. Đó là : pháo-hạm *Estoc* do Trung-úy Thounine chỉ-huy; pháo-hạm *Avalanche* do Trung-úy Dantin, pháo-hạm *Bossant* do Le Prieur và pháo-hạm *Moulin* do Trung-úy Surcouf, chỉ-huy. Phụ-dịch chiến-trường có 5.000 lao-công bắt ở Phát-Diệm (Bắc-kỳ) đem vào Ba-đình.

Trương Tổng-chỉ-huy chiến-dịch Ba-đình lúc này là Đại-tá Brissaud, người đã hoạt-động ở Huế sau vụ kinh-thành thất thủ năm trước (1885).

Kế-hoạch hành-quân đột hai dựa vào công-tác của Công-binh : địch cho đắp lũy dọc bờ đê để tiến từng bước, bề khác, chúng xẻ đường cho nước thủy-chiều rút để nước cạn dần sau đó chúng bít lại không cho thủy-chiều tràn vào.

Ngày 6-1-1887 đại-bác vẫn mở đường theo thường-lệ. Lực-quân của địch chia làm 3 đạo. Đúng 2 giờ chiều cả 3 đạo đều tập-trung cả ở trên đê. Đạo thứ nhất do Trung-úy Drujon và Fauret dẫn đến cách chiến-lũy của ta khoảng 100 thước dựng đầu với hàng rào tre. Họ phải ra công phá bằng mìn và búa để mở đường vào. Bên trong quân ta phản-ứng bằng nhiều loạt đạn. Droujon và binh-sĩ tiến đến gần cổng làng thì bị trúng đạn phải cùng Fauret rút lui. Đạo thứ nhì do Thiếu-tá Bouchage chỉ-huy gồm nhóm quân của Trung-úy Lambelin thuộc Sư-đoàn Bắc-kỳ thứ hai và nhóm quân của Thiếu-tá Goering thuộc Sư-đoàn Bắc-kỳ thứ 4. Đạo quân này cũng bị đẩy mạnh, nhiều công-binh và ngụy-binh ngã gục. Đạo thứ ba gồm nhóm quân thuộc đạo quân của Trung-úy Callot của Sư-đoàn Bắc-kỳ thứ 2 dẫn Công-binh mang chất nổ, cu-ly mang củi và các sọt đất đến phá phòng-tuyến. Chúng bị ta bắn chéo cánh sẽ nên không đến gần được.

Đại-tá Dodds thấy tình-hình khó-khăn quá cho thời kèn hồi quân nhưng trung-đạo đã vào mặt trận khá sâu không lui ngay được. Dodds phải cho trọng-pháo yểm-trợ và hồi quân hữu-dực của Goering liều chết xông đến tiếp-ứng Goering bị trúng đạn bên vai và binh-sĩ bị sa lầy không cự quậy được. Thiếu-tá Bouchage chỉ-huy cuộc xung-phong cũng bị thương ở đùi trong khi y đốc thúc việc lui quân và tàn thương về hậu-cứ. Sau đó đến Thiếu-tá Amar thuộc đạo quân Bắc-Kỳ thứ 2 cũng bị đạn nổ. Nếu không có hỏa-lực của trọng-pháo, quân Pháp khó mà triệt-thoái được.

Kết-quả của chiến-dịch này là : 4 sĩ-quan và nhiều binh-sĩ các loại đã bị hy-sinh và chiến-pháp của nghĩa-quân là như giặc tới gần để lợi-dụng tru-thể của vị-trí. Cứ mỗi sĩ-quan Pháp ngã xuống thì trên trời cao lại có tiếng loa gọi quân ra cướp xác giặc lấy thưởng, đồng-thời từ trong chiến-lũy nghĩa-quân tung ra những lời thách-đố khiến giặc uất-hận hết chỗ nói.

Thấy cuộc tấn-công lần thứ hai này không mang lại một lợi-ích nào và còn có thể nói là quân-đội viễn-xâm đã thất-bại chua cay, viên Tổng-chỉ-huy Brissaud đã nhớ đến việc phong-tòa thành Puchla ở Mễ-tây-Co (Mexique). Y liền phân-phối lực-lượng của y ra làm hai, chia một nửa để chống nội-công, một nửa để chống ngoại-kích. Chiến-cuộc còn vụ vào việc phong-tòa lâu dài nên không cần lối đánh ào-ạt, lấy thắng-lợi ngay. Xét ra Brissaud dùng được chiến-pháp này là vì quân của Đề Soạn tuy có quấy-rối nhưng chỉ là quấy-rối mà thôi. Nếu quân của ông có nhiều khả-năng công-phá thì quân-đội Pháp không khỏi sự lúng-túng do bị kẹt vào giữa hai chiến-tuyến của nghĩa-quân. Rồi Brissaud cho thu nhặt tre gỗ, giây sắt xếp vào một chỗ dựng thành hàng lũy liên-tiếp, từng quãng lại dựng lên một cái đồn trú-àn; chỗ nào có nước sâu, lập đồn trên thuyền hay bè học sắt, sau đó y cho đốc hết hỏa-lực ngày đêm vào Ba-đình. Chiến-thuật này mang lại nhiều kết-quả vì công-binh của y có chỗ tránh né và có thể tiến không đến nỗi chết nhiều như trước.

Đạo quân phía Nam theo Metzinger, đạo phía Bắc theo Dodds ngày 15-2-1887 đến gần vị-trí của nghĩa-quân không còn quá 100 thước. Tuy vậy địch vẫn chưa biết ta bố-trí bên trong ra sao, chỉ biết đại-khái phòng-tuyến của ta dài độ 1200 thước tây và chiều ngang độ 400th. Sau chúng bắt được ít người ở Ba-đình trốn ra vì không còn chịu nổi sự phá-hoại của đại-bác, chúng mới hiểu công-cuộc phòng-thủ của ta và hướng hỏa-lực vào những điểm xung-yếu. Rốt cuộc quân ta trong ngoài không tiếp-ứng được cho nhau có nhiều hiệu-lực như trước nữa. Việc cầm-cự chỉ được chừng nào hay chừng nấy mà thôi.

Ngày 19-2-1887 giặc đã tiến sát chiến-lũy. Một bề trọng-pháo mở đường cho lực-quân xông vào phía Bắc làng Thượng-Thọ dùng vòi rồng phun dầu đốt các công-sự và doanh-trại bên trong, một bề địch chờ đêm tối tung vào vị-trí của nghĩa-quân lựu-đạn và tới 16.000 trái nổ. Nghĩa-quân bắt đầu nao-núng và không còn cách gì cản được địch được nữa. Từ mấy hôm trước Đỉnh-công-Tráng đã thấy rõ thế nguy có viết thư cho Đề Soạn yêu-cầu đánh mạnh ở ngoài để chia bớt lực-lượng của giặc nhưng Đề Soạn tuy có tới 2000 binh đóng cách Ba-Đình nửa ngày đường mà không tiến lại gần được. Ông Đỉnh-công-Tráng đành phải mở một con đường máu vào chập tối dưới ánh sáng của lửa đỏ. Nghĩa-quân xung phong đánh ra cùng một nhịp với một số quân bạn từ mấy làng lân-cận đánh vào. Sương mù xuống dày-đặc, quân của hai bên lẫn-lộn chỉ còn nhận thấy nhau bằng những tia lửa của đạn bắn ra mà thôi. Tiếng nổ lớn nhỏ rền trời, cuộc giao-tranh diễn ra vô cùng ác-liệt. Sáng hôm sau một cảnh-tượng ghê-gớm hiện ra trước mắt mọi người: Trên phòng-tuyến Pháp, xác chết ngổn-ngang, máu hòa với

bùn xông lên một mùi tanh lộn mửa. Bên trong Ba-Đình, quân ta cũng chết nhiều chưa kịp chôn, ruid nặng, rồi bọ bấu nhung-nhục. Ngoài sân đình, người ta nhận ra thi-hài của Đề-Đốc Nguyễn-Khê. Nơi này đã bị hỏa-lực của địch dội vào nhiều nhất. Theo tài-liệu mà Pháp đã bắt được là bức thư của ông Đỉnh-công-Tráng gửi cho vị chỉ-huy nghĩa-quân Mã-Cao, ông phải rời bỏ Ba-đình gấp vì hàng ngàn quân Pháp (kể cả nguy-binh) mệnh-vong quanh chiến-lũy, nước lại bị tù hãm, người chết không được chôn, bệnh dịch-tả có thể phát-sinh nên không được di-chuyển quân-đội đi nơi khác được. Tóm lại nghĩa-quân Ba-đình nếu không vì những sự-kiện kể trên còn có thể kéo dài cuộc chiến-đấu hơn nữa.

(còn tiếp)

"COLLECTION CULTURE"

éditée par la Direction des Affaires Culturelles
Département de l'Education Nationale du Viêt-Nam

1. **SỬ-LIỆU VIỆT-NAM** (Documents sur l'Histoire du Viêt-Nam)
par *Tuấn-Lý Huỳnh-khắc-Dùng*. (246 pages) 25\$
- 2-3. **ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : LỤC-TÍNH NAM-VIỆT**
(Monographie complète du Viêt-Nam Unifié :
Les 6 provinces du Sud Viêt-Nam)
traduit par *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*.
Tome I (152 pages) 20\$
Tome II (132 pages) 15\$
- 4-5. **ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN**
(Monographie complète du Viêt-Nam Unifié :
Province de Thanh-Hóa)
traduit par *A-Nam Trần-Tuấn-Khải*.
Tome I (122 pages) 15\$
Tome II (174 pages) 15\$
6. **ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN**
(Monographie complète du Viêt-Nam Unifié : Centre Viêt-Nam)
traduit par *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*. (96 pages) 15\$
La Capitale
- 7-8. **CỒ-ĐỒ HUỆ** (Hué, Ancienne Capitale)
(Histoire, Monuments, Sites et Anthologie) par *Thái-Văn-Kiểm*.
(487 pages avec 53 illustrations et cartes) 70\$
- 9-12. **ĐẠI-NAM THÔNG-NHẬT-CHÍ : TRUNG-PHẦN**
(Monographie complète du Viêt-Nam Unifié : Centre Viêt-Nam)
traduit par *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*
Provinces de Quảng-Trị et Quảng-Bình (208 pages) 20\$
Province de Thừa-Thiên : Tome I (144 pages) 15\$
Tome II (152 pages) 15\$
Tome III (134 pages) 15\$
- 13-14. **VIỆT-NAM NHÂN-VẬT CHỈ VÙNG-BIÊN**
(Glossaire des Personnages historiques vietnamiens)
par *Thái-Văn-Kiểm et Hồ-Đắc-Hàm* (290 pages) 55\$
15. **HIGHER EDUCATION IN THE REPUBLIC OF VIETNAM**
(L'enseignement supérieur au Viet-Nam)
"VIETNAM CULTURE SERIES" No. 6
par *Nguyễn-Đình-Hòa* (32 pages) 6\$

En vente chez tous les grands libraires à Saigon comme en province,
chez **THÔNG-NHẤT**, dépositaire général (329 Bd. Trần-Hưng-Đạo, Saigon)
et à la Direction des Affaires Culturelles (89, Lê-Van-Duyệt, Saigon).

PHẠM VĂN ĐIỀU
Giảng-sư
Đại-học Văn-khoa Đà-lạt

lâm-tuyền kỳ-ngộ

(tiếp theo V.H.N.S. số 84)

Lai-lịch « *Lâm-tuyền kỳ-ngộ* », và nghệ-thuật truyện bằng thơ Đường-luật với tác-phẩm này, đã đạt đến đỉnh chót của nó nhưng chỉ để xác-chứng một thí-nghiệm không thành-công.

Trong sách *Thi-văn Việt-nam*, học-giả Hoàng Xuân-Hãn là người đầu-tiên đã đề-cập đến truyện thơ *Lâm-tuyền kỳ-ngộ*, và khi bàn về lai-lịch tác-phẩm, ông chỉ nhận-định một cách sơ-lược rằng « Không biết tên tác-giả, và cũng không biết chắc làm vào thời-đại nào. Nhưng xét các chữ cồ dùng trong chuyện thì thấy ít ra cũng vào đời Lê hay Mạc ». Sau này, các nhà nghiên-cứu văn-học vẫn y theo nếp sẵn có mà cho đó là một tác-phẩm đời Lê, Mạc. Như thế, mãi đến nay việc xác-định thời-điểm xuất-hiện truyện *Lâm-tuyền kỳ-ngộ* và truy tìm tác-giả nó, cũng chưa được nghiên-cứu một cách kỹ-lưỡng. Đề khả-di đi đến một giải-quyết thỏa-đáng về vấn-đề này, ta cần phải căn-cứ về mặt nội-dung mà ước-đoán là nó phản-ảnh tình-hình nước ta hồi thời nào; đồng-thời, phải xét cả về kỹ-thuật thơ và ngữ-ngôn thơ ở tác-phẩm ứng-hợp với giai-đoạn văn-học nào của ta, tức cũng là vừa xét đến cái trình-độ nghệ-thuật truyện thơ bằng Đường-luật ở *Lâm-tuyền kỳ-ngộ* thành-bại như thế nào trong dòng tiến-triển mấy trăm năm văn-học buổi đầu vậy.

Trước hết, thời-đại *Lâm-tuyền kỳ-ngộ* phản-ảnh thời-đại nào trong lịch-sử nước ta ? Soát lại các giai-đoạn lịch-sử cũ, và phối-hợp với hướng nhận-định của Hoàng Xuân-Hãn trên kia, ta có thể ước-đoán rằng *Lâm-tuyền kỳ-ngộ* đã được viết ra ở thời Lê Trung-hưng, cụ-thể là vào chặng đầu thịnh-thời Lê-Trịnh về khoảng giữa nửa sau thế-kỷ XVII.

1 Hoàng Xuân-Hãn và Nghiêm Toàn, *Thi-văn Việt-nam (Từ đời Trần đến cuối đời Mạc)*, Sông Nhị, Hà-nội, 1951, tr. 160.

[Tập XII, Quyển 9 (Tháng 9, 1963)]

Sử cũ cho biết rằng nhà Trịnh dưới đời các chúa Trịnh Kiểm 鄭檢 (1539-1569), Trịnh Tùng 鄭松 (1570-1623) và Trịnh Tráng 鄭樞 (1623-1657), còn bận việc chiến-tranh, phía Bắc phải đánh với họ Mạc, rồi sau lại phải đương-đầu với chúa Nguyễn ở phương Nam, cho nên công-việc sửa-sang trong nước không được chú-ý. Nhưng kể từ đời Trịnh Tạc 鄭柞 (1657-1682), việc chiến-tranh ở ngoài đã tạm yên, trong nước bình-trị, nhà Trịnh bước vào giai-đoạn cực-thịnh, cuộc phồn-vinh ấy kéo dài trải qua các đời Trịnh Căn 鄭根 (1682-1709) và Trịnh Cương 鄭綱 (1709-1729). Đặc-biệt là chúa Trịnh Tạc đã ra sức mở-mang việc nước, cải-tổ và hoàn-thiện nhiều phương-diện để củng-cố vương-nghiệp nhà Trịnh mà xây-dựng nền trị-bình. Về công-cuộc trung-ương tập-quyền, đã thực-hiện một cách tốt-đẹp. Trịnh Tạc chính-đốn lại quan-chế cho sát-hợp với tình-trạng chính-trị hai đầu buổi ấy. Bên vua có triều-đình với Lục-bộ thượng-thư, buổi đầu không đủ số quan sáu bộ, đến đời Huyền-tông (1663-1672), Trịnh Tạc mới đặt đủ sáu quan thượng-thư. Bên nhà chúa thì có Phủ-liêu, Trịnh Tạc bổ-chức lại rất tinh-mật, đời Thần-tông (1649-1663) Tạc đặt hai chức Tham-tụng và Bồi-tụng có quyền-bình như tể-tướng và phó tể-tướng cùng với chức Quyển-phủ trông coi 5 phủ năm giữ chính-quyền và binh-quyền, tức là Ngũ-phủ Phủ-liêu. Việc gì cũng do ở Phủ-liêu quyết-định cả, Lục-bộ hầu như là những cơ-quan hư-thiết. Tạc đặt lệ kiểm-sát quan-lại rất nghiêm, cứ mấy năm khảo-hạch một lần, ai không xứng vị thì bị giáng. Để giữ liêm cho quan, và tránh cho đờ hại dân, Tạc có phép nghiêm-cấm không cho quan-viên được lập trang-trại ở các địa-phương mình trị-nhậm. Về việc học-hành, khoa-cử, thì thời Trung-hưng, qui-chê hãy còn sơ-lược, đến năm 1580 mới mở khoa thi hội đầu-tiên ở Tây-đô, rồi cứ ba năm một kỳ thi, nhưng vẫn chưa đặt nặng vấn-đề. Đời Huyền-tông (1663-1672) và đời Hy-tông (1676-1705), quy-chế thi hội và thi hương mới qui-định kỹ-càng: năm giáp-thìn, Trịnh Tạc định quy-thức thi hội, năm mậu-ngọ (1678) định lại điều-lệ thi hương, cứ ba năm một kỳ. Trong lĩnh-vực pháp-chính, sự hình-phạt được gia-trọng. Đời Huyền-tông, Trịnh Tạc định lại rằng trừ những người được dự vào trường-hợp bất-nghị, ngoài ra ai phạm tội đều cứ chiếu theo nặng nhẹ mà luận hình, chứ không được phép chuộc như trước nữa. Công-cuộc chấn-chỉnh luật-pháp nhằm xây-dựng một nền luật-pháp nghiêm-minh hữu-hiệu và nhanh-chóng. Trịnh Tạc qui-định thủ-tục tố-tụng rất chặt-chẽ. Việc tố-tụng chia thành 2 hạng: 1 hạng là những việc mưu-sát, đạo, kiếp, diên-thồ gọi là đại-tụng; hai là những việc hôn, ầu-đả, hủy-báng, mạ-ly, cùng các việc tạp-tụng gọi là tiểu-tụng. Về việc đại-tụng hoặc tiểu-tụng mà Huyện, Phủ hay Thừa-ty, Trần-ty xử không xong, thì Hiến-ty phải xử lại. Đến Hiến-ty vẫn không giải-quyết, thì Giám-sát và Đề-linh xét lại. Nếu Giám-sát và Đề-linh xử vẫn không xong thì đưa lên cho Ngự-sứ-đài quyết-định. Phạm việc nhân-mạng thì hạn 4 tháng, việc trộm-cướp và diên-thồ thì hạn

3 tháng, việc hôn-nhân và ầu-đả thì hạn 2 tháng, các cơ-quan phải xét xử kịp-thời trong hạn-định không được kéo dài làm mất công việc của dân. Về thời-hạn chống án thì những việc hộ, hôn, diên-thồ, trộm-cướp, các việc tạp-tụng thì hạn 6 tháng, việc nhân-mạng thì hạn 1 năm bắt đầu từ ngày tuyên-án. Để hạn-chế sự cầu-thả của các chức-chường xử kiện, lại có những định-lệ nghiêm-minh xử phạt những viên quan và chức-dịch xử kiện không hợp luật, đồng-thời nếu việc xử đã đúng luật rồi mà người đi kiện còn chống án lên cơ-quan trên thì cũng bị phạt tiền theo luật định để bồi-thường danh-giá cho thẩm-phán quan v. v. . .

Về pháp-chế tài-chính, dưới đời Trịnh Căn, tể-chức tài-chính đã bắt đầu tinh-mật. Năm kỷ-đậu (1669) đặt ra binh-lệ: số dinh nhất-định một lần, rồi làng nào lệ định phải đóng bao nhiêu xuất-dinh thì cứ như thế mà đóng mãi. Năm giáp-thìn, 1664, ấn-định việc đo lường, lấy ống hoàng-chung quân chúa khoảng 1200 hột thóc làm chùng gọi là 1 thước, 10 thước là 1 hạp, 10 hạp là một thăng, 10 thăng làm một đấu, 10 đấu làm 1 hộc. Điều này có thể hiểu một phần là do ảnh-hưởng của thương-nghiệp Tây-phương ở vài thị-trấn phát-dạt khiến cho triều-đình thấy cần phải hợp-nhứt phép đo lường đã thành hỗn-độn trải qua các cuộc loạn-ly trước. Niên-hiệu Cảnh-trị thứ 6 (1667), Trịnh Tạc cấm-chỉ quan-viên không được ức-hiếp thương-nhân, phạm khi thừa-hành mua các quý-vật hoặc hàng-hóa thì phải lấy ở công-kho cho đủ tiền để trang-trải với người bán, nếu trái phép, người bán có quyền truy-tố, tội nặng nhẹ sẽ phạt theo luật định.

Đối ngoại, Trịnh Tạc đã gây được những thanh-thế to rộng. Ở Trung-quốc, nhà Minh đổ năm 1664, nước Đại-Việt vẫn theo trước mà tiếp-tục thần-phục nhà Thanh mới lên, Tạc đã sai sứ đem cống lễ đến Yên-kinh để cầu phong, vua Khang-hi bèn sai sứ-đoàn sang thủ-đáp năm 1667 phong cho Lê Huyền-tông làm An-nam quốc-vương. Tình giao-hảo ấy sẽ nhất-thời bị sút giảm vì cuộc khởi-hắn đánh phá của Mạc Kính-Vũ, lại khôi-phục nếp bình-thường giữa hai nước từ sau cuộc thảo-trừ họ Mạc và hạ xong thành Cao-băng năm 1677. Về phía tây, ảnh-hưởng của Đại-Việt lan rộng đến sông Cửu-long. Nước Lan-Xang bình-trường hai bên bờ đại-hà này đạt đến đỉnh chói của sự phồn-vinh dưới đời đại-đế Souliga-Vongsa (1637-1694). Đại-đế này cũng đã thực-hiện mối giao-tình thâm-trọng giữa hai nước qua cuộc hôn-nhơn của ông với một công-chúa con gái Lê Thần-tông (1649-1662).

Tóm lại, qua một vài nét phân-tích trên, ta thấy rõ sự-nghiệp trị-bình của Trịnh Tạc có một bộ mặt rộng-lớn đồ-sộ: vua sáng, tôi hiền, quốc thái dân an, đầu đầu cũng bày ra cái cảnh phồn-vinh, trong-sáng, tình giao-hảo với ngoại-bang tốt-đẹp làm tin-tưởng lòng người. Những du-khách Âu-châu đã đặt chân tới Bắc-phần Việt-nam hồi ấy đều ca-ngợi sự phú-cường buổi thịnh-thời Lê-Trịnh. Sau đây là

những lời ca-ngợi nồng-nhiệt của Samuel Baron về kinh-kỳ Thăng-long, tục-danh là Kê-chợ, về năm 1685, dù nói lên điều ấy :

« Kê chợ ở cách biển 40 dặm có thể, về diện-tích, đối-sánh với nhiều đô-thị danh-tiếng châu Á được, tuy-nhiên lại vượt bỏ phần nhiều các thành-phố ấy với số đông dân của mình. Ngày mồng một và ngày rằm tuần trăng mới vẫn thường tụ-hợp phiên chợ lớn thu-hút một số đông cư-dân quá sức tưởng-tượng. Mỗi một thứ hóa-vật đều có khu phố riêng chỉ chuyên thuộc về một hoặc nhiều số thôn-xã mà chỉ có cư-dân các làng này mới được quyền bày hàng bán tại đấy, giống như các thương-hội thời Trung-cổ hay những nghiệp-đoàn Âu-châu. Vào những ngày phiên-chợ, dân-chúng tụ-tập chen-chúc nhau quá ư đông-dúc khiến đi được trăm bước trong nửa tiếng đồng hồ là đã có thể nói là quá lắm rồi. »²

Xã-hội Việt-nam trong giai-đoạn lịch-sử này hoàn-toàn phù-hợp với xã-hội trong truyện thơ *Lâm-tuyển kỳ-ngộ*. Bài thơ vào đầu nói lên rất rõ điều này, đã trình-bày ra cả một quang-cảnh phần-vinh mọi mặt mà chúng ta vừa phân-tích trên kia :

*Giữa trời Thánh-chúa nời ngôi càn,
Chín vật xây nên vũng thái-bàn.
Rủ gặp trông vàng ra chánh-giáo,
Sum-vẫy bệ-ngọc đồng y-quan.
Bể thanh kinh-ngạc búa tâm vắng,
Ái bật sài-lang ngọn khói tan.
Đời trị thú vui trời mỗi chôn,
Nước non mặc kệ tuồng thanh-nhân.*

Thời-đại ấy có đấng minh-chúa, quyền-uy nhuần khắp, đâu đấy đều ân nhò, đức đội, làm cho ai nấy đều thấy rằng đời càng đẹp đáng yêu-mến bạo nhiều :

*Tiếng khắp vũ hòa loài trẻ bé,
Ơn trông nhuần tới phận xa-xôi...
Vu-thước tài mong khôn báo-đáp,
Trăm năm thế giữ đạo làm tôi.*

Đặc-điểm của thời-đại này cũng là cuộc thái-bình thịnh-trị. Ta đã từng biết trên kia rằng sau các cuộc loạn-ly liên-tiếp ở khoảng thế-kỷ XVI-XVII, Trịnh Tạc là vị chúa đầu-tiên đã quy-định lại kỹ-càng phép thi hương và thi hội, mở đầu cho cả một thời-kỳ văn-trị rực-rỡ, trăm hoa đua nở. Hiện-tượng tiêu-biểu nhất thấy ở phong-trào quốc-sử. Năm 1663, Trịnh Tạc sai tham-tụng Phạm Công-Trứ 范公著 đứng đầu một nhóm sử-quan sửa và xét lại quốc-sử từ họ Hồng-bàng đến đời Lê Cung-hoàng,

² Samuel Baron, *Description du royaume de Tonkin* (1685), Revue Indochinoise, 1914.1915.

lại sai biên tiếp quốc-sử từ đời Lê Trang-tông đến năm Vạn-khánh đời Lê Thần-tông, tức là từ năm 1533 đến năm 1662. Bộ sử của họ Phạm khảo-duyet và tục-biên hoàn-thành năm 1665. Năm binh-thin 1676, lại sai Hồ Sĩ-Dương 胡士揚 chép nối bộ *Đại-việt sử-ký toàn-thư*. Năm tân-dậu 1681, Hồ mất, lại sai Lê Hi 黎傳 và Nguyễn Quý-Đức 阮貴德 chép nối từ niên-hiệu Cảnh-trị năm đầu Lê Huyền-tông (1663) cho đến niên-hiệu Đức-nguyên thứ hai đời Lê Gia-tông (1675). Hồ Sĩ-Dương tuy qua đời sớm, nhưng từ năm binh-thin 1676 đã hoàn-thành bộ *Đại-Việt Lê-triều đế-vương trung-hưng công-nghiệp thực-lục* 大越黎朝帝王中興功業實錄. Không-khi nho-lâm sĩ-thể hưng-vương này cũng phản-ánh trung-thực trong *Lâm-tuyển kỳ-ngộ* qua hầu hết các đoạn thơ. Đọc theo suốt cuốn truyện, bóng-dáng hình-ảnh người văn-nho phôi-phôi trong hội phong-vân mới trở đi trở lại như một điệp-khúc vui trẻ. Từ chương trên, ta đã có dịp phân-tích kỹ, ở đây chỉ nhắc qua 1 vài ví-dụ trực-tiếp liên-hệ :

Đây là hình-ảnh một nho-sĩ ốm chí, hăng-hái chen chân vào hội mới :

*... Kinh-sử hôm mai dộc một lòng,
Đèn hạnh năm canh màn Đổng-tử,
Sông mây mây tác gỏi Ôn-công.
Lòng Nhan cửa Không lòng hăm-hờ,
Bể thánh rừng nho sức vấy-vùng.*

Và đây là cảnh mùa thi, chốn kinh-kỳ tung-bùng nở-nức giai-nhân tài-tử :

*Chiều phụng từ nghe mở hội lành,
Vó câu rộn-rã vội đăng-trình.
Đường hoa họp mặt làng tài-tử,
Đậm liểu dang tay khách thị-thành.*

Và đây nữa, cảnh một vị tân-khoa được vua ban trọng-chức, ra sức trở tài kinh-quốc :

*Han-hối từ vâng mệnh cửu-trùng,
Áo xiêm ra mặt trước điện-phong.
Đôi vàng ngự thưởng trên lầu phụng,
Sắc ngọc khâm ban dưới bệ rồng.
Giúp nước ơn vì lòng Thánh-đức,
Phò đời công ven dẫu văn-phong.*

Cuộc đời của đấng sĩ-phu có biết bao nhiêu danh-giá hạnh-phúc dành phần riêng cho mình; rõ là cái cảnh « cực nhân-gian chi phẩm-giá » khiến cho ai nấy đều phải đem lòng thêm-thuởng, ước-mơ :

Ba thân phú-quý nhờ ơn nước,
Đôi chữ khanh-trương đó phúc trời
Cửa tía nay mừng trăm ước vẹn,
Nhà lan sum họp tháng ngày vui.

Trong *Lâm-tuyển kỳ-ngộ*, hình-ảnh người văn-nho được tô đậm nét, biểu-hiệu rõ tâm-lý thỏa-mãn và tâm-lý hướng-thụ của giai-tầng sĩ-phu trong một thời phong-kiến thịnh-trị từ nửa sau thế-kỷ XVII. Có thể nói là tác-giả đã nghệ-thuật-hóa đời nho-sĩ, và hiện-tượng này cho phép ta tin rằng tác-giả chắc cũng là một nhà nho hạnh-đạt trong làng nho đương-thời thì khả-dĩ mới viết ra được những văn tươi-đẹp đầy tin-tưởng ấy.

Các thư-tịch cũ còn chép rằng đời Thịnh-Lê, Phật-giáo đã suy-yếu hẳn trước sự bột-hưng của Nho-giáo bấy-giờ được triều-dinh nâng lên hàng quốc-giáo. Nhưng trải qua buổi suy-loạn cuối Lê, đến thời Lê Trung-hưng, Phật-giáo lại thịnh-đạt đáp-ứng những yêu-cầu tinh-thần của các thế-hệ vừa trải qua cuộc bề-dầu lớn từ ba phần tư sau thế-kỷ XVI. Đặc-biệt là về cuối thế-kỷ XVI, Thiền-học của phái Tào-động và phái Lâm-tế từ Trung-quốc truyền sang nước ta mạnh-mẽ. Vào khoảng đời Lê Thế-tông (1573-1599), phái Tào-động vốn thuộc phái Bồ-đề-đạt-ma ở Trung-quốc do Hòa-thượng Nhất-cú Tri-giáo 一句智教和尚 người Hoa truyền sang. Nguyên từ năm 1664, Hòa-thượng Nhất-cú Tri-giáo 一句智教和尚 người Hoa truyền sang. Nguyên từ năm 1664, Hòa-thượng Thủy-nguyệt Thông-giác 水月通覺和尚 ở chùa Hùng-linh sơn, sang Bắc-kinh, đến Phụng-hoàng sơn ở Hồ-châu, tham-bái Hòa-thượng Nhất-cú và ở đây 3 năm được truyền-pháp làm tổ thứ 72, và là tổ đầu-tiên của phái Tào-động nước ta. Trở về đất Bắc năm 1667, Thủy-nguyệt đến tu ở một chùa vùng Đông-triều (Hải-dương), và mất năm 1704, truyền-pháp lại cho Hòa-thượng Tông-diễn 宗演真融和尚. Các chùa Hòa-giai, Hàm-long và Chân-quốc ở Hà-nội bây giờ là thuộc về phái này. Về khoảng đời Lê Thần-tông (1619-1643), Thiền-học của phái Lâm-tế ở Tàu do Hòa-thượng Chuyết-công 拙公和尚 lại truyền sang bên ta. Chuyết-công là người Phúc-kiến, tới Thăng-long năm 1633, đến ở chùa Khán-sơn trên ngọn đồi trong Vườn bách-thảo Hà-nội ngày nay, là tổ thứ 72, tức tổ đầu-tiên phái Lâm-tế nước ta. Chuyết-công đi viếng xem nhiều chùa-chiền và đứng làm chủ lễ thọ-giới Hoàng-hậu Diệu-viên, vợ vua Lê Thần-tông, với con là Diệu-tuệ. Do đề-nghị của Hòa-thượng, chúa Trịnh Tráng sai tu-tạo chùa Ninh-phúc, tức là chùa Bát-tháp vào khoảng niên-hiệu Phúc-thái (1634-1644) đời Lê Chân-tông, qui-mộ rộng lớn, có nhiều tượng đẹp, đều là những công-trình mỹ-thuật nổi tiếng. Buổi đời tàn, Chuyết-công đến ở Bát-tháp và tịch nơi đây năm 1644, đệ-tử là sư Minh-Hành thu di-thể thầy đưa thờ ở tháp Bảo-nghiêm rất đẹp xây năm 1647 về phía bên phải chùa. Hòa-thượng Chuyết-công truyền cho tổ 73 là Hòa-thượng Minh-lương 明良

和尚, Minh-lương truyền cho tổ thứ 74 là Hòa-thượng Chân-nguyên Chính-giác 真源正覺和尚 ở chùa Long-đông trên núi Yên-tử. Chùa Bà-đá (Linh-quang tự) ở Hà-nội ngày nay là thuộc phái này.

Về công-cuộc tu-tạo chùa-chiền, từ giữa thế-kỷ XVI về sau, các vua chúa, hoàng-hậu đua nhau hoặc tu-bồ chùa cũ, hoặc dựng ra chùa mới đề cầu phúc. Trừ ngoại chùa Bát-tháp đã có dịp nói ở trên, về điểm này có nhiều ví-dụ. Năm Quang-bảo thứ 3 (1556) đời Mạc Phúc-Nguyên, đã trùng-tu chùa Bách-môn trên núi Khâm-sơn huyện Tiên-du thuộc Bắc-ninh, đến năm Hoằng-định thứ 12 (1612) đời Lê Kính-tông (1600-1619) lại sửa lại. Đời Lê Hy-tông, công-việc trùng-tu chùa-chiền được đẩy mạnh hơn nữa. Năm Chính-hòa thứ 8 (1687), tu sửa lại chùa Hòa-giai ở Thăng-long và chùa Phật-tích ở Bắc-ninh; chùa Tây-phương mạn Sơn-tây cũng được trùng-tu vào khoảng niên-hiệu (1680-1705) này.

Do tình-hình suy-loạn cuối Lê, Nho-giáo suy-vị; cùng với Phật-giáo, Đạo-giáo hồi này thừa dịp mà phát-triển hơn trước. Năm 1667, họ Mạc sai dựng Chân-thành quán ở Dương-kinh tức kinh-đô riêng ở Hải-dương. Năm đầu Chính-hòa, 1680, Trịnh Tạc cho trùng-tu lại Trấn-Vũ quán và sai đức tượng Trấn-Vũ cao 3 thước 2, nặng 6.000 cân ta. Khoảng đời Lê Thần-tông (1619-1643; 1649-1665) lại thịnh-hành phái Nội-đạo tràng. Phạm Viên, con Phạm Chất tiến-sĩ khoa Canh-dần niên-hiệu Khánh-đức thứ 2 (1650), vào non Hồng tìm đạo và thành tiên.

Trong *Lâm-tuyển kỳ-ngộ*, nội-dung câu chuyện phản-ánh cả cái không-khí tôn-giáo nói trên, khi tả cảnh chùa Phi-lai và nhà sư Huyền-Trang, đã thực-sự gợi lên được sự phồn-vinh của đạo Phật buổi Trung-hưng, pha đượm cả vẻ hư-huyền của tiên-giới; và cùng với sự xuất-hiện nàng tiên Bạch-thị trong cuộc tình-ái trần-gian, đã gợi lên đầy-đủ những tín-ngưỡng truyền-kỳ của Đạo-giáo thế-kỷ XVII. Người ta thấy rõ trong hình-ảnh nhà sư Huyền-Trang hình-bóng những vị cao-tăng Trung-quốc sang ta truyền-đạo, cùng là phong-cách các bậc thiền-sư nước ta buổi ấy sau những câu văn đầy hình-tượng:

Hương dặng ngày những vùng ô xê,

Kệ tụng đêm thâu bóng thỏ tà.

Cửa độ ước-ao công-đức vẹn,

Thuyền từ mong-mỏi tháng ngày qua.

Bức tranh chùa Phi-lai trong *Lâm-tuyển kỳ-ngộ* vẫn gợi lên rõ nét cảnh chùa Bát-tháp, cảnh chùa Phật-tích ở trên bờ sông Đuống v. v... toàn là những cảnh-trí tươi-đẹp của đất nước, đồng-thời nói lên cái khí-vị thanh-bình một thời thịnh thế-kỷ XVII:

... Gió trúc đưa hương dâng bệ Phật,
Cắm thung đóng kệ nức am tuyền.
Nước non quyền khách say mùi đạo,
Hoa cỏ đưa tăng tới cửa thiền.

... Đường trường dan-dấu mường vui chơi,
Phút chốc trông chừng đã tới nơi.
Bóng tháp trong chùa thấu trước mặt,
Chày kinh trên các lọt bên tai.
Sân hoa kẹt liễu thanh gông mỡ,
Mở nguyệt chào hoa khúc reo cười.

Con người ở đây đã tìm đến thăm cảnh chùa như tìm đến một nguồn an-ùi mát lành, Bạch-viên và Tôn-thị trong cuộc hạnh-phúc trần-ai nom-nớp âu-lo, đau-khò đã luôn luôn trở về Phi-lai, và tình-yêu giữa hai người đã nảy-nở thăm-thiết dưới mái chùa, trong hoa lá, bên dòng sông xanh lơ-lững tiếng chuông diu-đặt :

Tri-khu chuông các hồi khoan nhặt,
Gió gọi cắm thung khúc vẫn dài.
Hoa cỏ kéo người say dạ hừng,
Nước non trên khách nức lòng vui.

Trong dòng văn-học viết bằng chữ nôm, *Lâm-tuyển kỳ-ngộ* là tác-phẩm đầu-tiên đã tả một mối tình trong khung-cảnh nhà chùa từ-bi nhân-nhã theo kiểu *Tây-sương ký* 西廂記 của Trung-quốc, đã mở đầu cho những mối tình văn-chương này-nở dưới bóng huyền-diễm bao-dung của Phật-tổ trong *Phan-Trần, Sơ-kính tân-trang* đời cuối Lê, trong *Bích-câu kỳ-ngộ, Quán-âm Thị-Kính* thời Nguyễn.³

Sau cả thời dài chiến-loạn từ thế-kỷ XVI, trên cơ-sở của một chế-độ tương-đối ổn-định, của một nền kinh-tế phú-túc khoảng nửa sau thế-kỷ XVII, mức sống của nhân-dân cũng tương-đối dễ-chịu. Những tập du-ký của người Âu đều nói lên cảnh phú-túc miền Bắc hồi này. Có rất đông người ngoại-quốc (Anh, Pháp, Nhật, Trung-hoa . . .) đến buôn-bán tấp-nập ở Phố-Hiến (Hưng-yên) rồi Thăng-long, sự thịnh-vượng còn truyền-tụng trong câu tục-ngữ của thời-nhân «Thứ nhất Kinh-ký, thứ nhì Phố-Hiến». Ngoài ra, còn có nhiều thị-trường nhỏ ở gần các cửa sông lớn dọc theo bờ-biển Bắc-phần mà các tàu-bè buôn-bán

3. Trái với định-kiến thông-thường lâu nay vẫn cho rằng *Quán-âm Thị-Kính* là một tác-phẩm văn-học khuyết-danh đời cuối Lê, gần đây kẻ viết được biết rằng tác-giả *Quán-âm Thị-Kính* chính là Đổ-Tự 杜 岌, một học-quan về cuối đời Nguyễn, quê ở Bắc-ninh, do người họ Đổ mách cho. Điều này tra xét lại, thì cũng đã được một vài bậc-túc-nho Bắc-ninh và Hà-nội hiện ở Sài-gòn tin là đúng. Kẻ viết sẽ trở lại vấn-đề này tường-tế hơn trong một dịp sau.

vẫn thường ghé vào trước khi đến Kẻ-chợ và Phố-Hiến. Trong tình-hình thái-bình giàu có này, con người thường hướng về thú hưởng-lạc ưu-du, ưa tự-do phóng-khoảng, thích yêu-đương, và trong văn-học thế-kỷ XVII đã nảy sinh vai-trò cá-nhân với tất cả những khao-khát hạnh-phúc, khao-khát tình-yêu. Trước thế-kỷ XVII, vai-trò cá-nhân chỉ thoáng hiện sau những lời thơ điền-nhã, hoặc trong những tiếng thở-than rầu-ri yếu-đuối. Phải chờ cho đến thế-kỷ XVII, vai-trò cá-nhân, vấn-đề hạnh-phúc con người mới được đề-cao, từ đó mới có những văn-thơ mạnh-dạn ca-tụng cá-tính và yêu-đương. Đứng trước tình-thế này, vào năm Cảnh-trị nguyên-niên (1663), mùa thu, tháng bảy, Trịnh Tạc đã phải ban-bổ 47 điều giáo-hóa (Điều-lệ giáo-hóa Triều Lê, 47 điều 黎朝教化條例凡四十七條) để chỉnh-đốn cho phong-tục được thuần-hậu, trong đó có điều cấm-chỉ loại văn-chương này và răn-giữ những điều mà lễ-giáo xưa kết án là tà-dâm :

Cùng là chuyện cũ nôm-na,
Hết thơ tập ấy lại ca khúc này.
Tiếng dâm để khiến người say,
Chớ cho in bán hại nay thời thuận.

Người ta có thể nghi rằng ảnh-hưởng của thương-nghiệp Tây-phương làm cho nhiều nơi trên đất nước phát-đạt, một phần nhỏ nào đó cũng đã kích-động con người thời-đại, chủ-yếu là tầng lớp thị-dân, có những hành-động, những nếp sống thoát-ly lễ-giáo Khổng-Mạnh. Dù sao, loại văn-chương chứa-đựng tinh-cách cá-nhân này chắc cũng đã thịnh-hành trong một thời mà ngày nay số khá lớn đã mất đi chỉ vì sự bách-hại của nhà chúa. Tự-trung, ta nay hãy còn giữ được một tác-phẩm của hồi này, tập *Truyện chúa Thao* đủ chứng-minh cho sự thực ấy. Truyện kể rằng vào một buổi tan châu ngày nọ, chúa Kim, con gái thứ ba chúa Thanh-đô vương Trịnh Tráng 淸都王鄭 繼 (1623-1657) bắt gặp một tù-nhân trẻ và đẹp ở cửa Đông, bèn hỏi tông-tích thì biết đó là Thao Tín, con của Mạc Kinh-Khoan, mới bị bắt làm tù-binh đưa từ mạn Cao-băng về. Chúa Kim từ đấy đâm mê chúa Thao, đã mạnh-dạn xin cha cho mình lấy anh chàng tù-nhân ấy. Trịnh Tráng không thuận, sai thiết-triều, với «mười tám tướng Đường Trong» để cho con được kén-lựa. Chúa Kim vẫn không chuyển ý, nhất-quyết tâu rằng :

No mặt văn vũ tây đông,
Mười tám tướng ấy chẳng thông giao-hòa.
Dù ai giởng tướng hoàng-gia,
Thì tôi chẳng khứng giao-hòa cùng ai.
Đàng Trong cho chí Đàng Ngoài,
Tôi thế tôi có yêu ai chút nào.

Dù bác lấy được cái sao,
Thì tôi chẳng bỏ chúa Thao đâu là...

Thái-độ sắt-đanh này đã làm cho chúa Thanh quá đau-giận đến nỗi «grom vàng gõ đất tức hơi một giờ», song rốt cuộc buộc lòng phải nể chiều theo bụng con. Nếp sống tình-cảm phóng-khoáng được tô hồng trong *Truyện Chúa Thao*, cũng như tình-yêu chân-thực và cởi-mở đã trở nên đề-tài cho cả tập truyện dài này thấy lại rất rõ trong áng thơ *Lâm-tuyển kỳ-ngộ*. Bạch-thị cũng như chúa Kim đều ngang-nhiên biểu-lộ những nếp sống đầy tình-cảm và có tính-cách tự-do phóng-túng rõ-rệt; cho đến chàng nho-sĩ Tôn-thị cũng đã không cảm lòng được trước những lời nói tha-thiết, xúc-động của người đẹp Thạch-tuyền, và một cách không tự-giác đã dần xoay lưng lại với những «khuôn vàng thước ngọc» của thánh-hiền để sống những ngày hoa-gấm bên Bạch-thị trong cung-các Thạch-tuyền. Phong-cách anh chàng nho-sĩ này làm ta nhớ đến hai chàng Lưu Nguyễn trong văn Tàu, hay anh chàng Từ Thức nước Việt buổi Trần-triều xưa. Mỗi tao-phùng giữa hai tác-phẩm trên một cơ-sở tình-cảm phóng-túng như thế có thể cho phép ta xác-nhận rằng *Lâm-tuyển kỳ-ngộ* cũng là một tác-phẩm trong dòng văn trữ-tình về hạ-bán thế-kỷ XVII ở đất Bắc.

Ngoài những điểm về mặt nội-dung khiến ta dựa vào đề-đoán-định rằng *Lâm-tuyển kỳ-ngộ* xuất-hiện vào khoảng đầu nửa sau thế-kỷ XVII, cụ-thể là vào đời Trịnh Tạc như bên trên đã thuyết-minh, ta còn thấy trên mặt hình-thức cũng không hiếm căn-cứ.

(còn tiếp)

Subscribe now and make sure of each issue

VANHOA NGUYETSAN (CULTURE)

Directorate of Cultural Affairs
V. N. Department of National Education
Saigon, Republic of Vietnam

Please send me VAN-HOA NGUYET-SAN for

one year — US dollars 8.00 (postage included) ,
two years — US dollars 16.00 (postage included)
starting with the issue
(month) (year)

I enclose to the order of NGUYEN-DINH-HOA,
(remittance) Director of Cultural Affairs

NAME
(please print)

ADDRESS

.....

.....

.....

Address all correspondence to :

DIRECTOR OF CULTURAL AFFAIRS
DEPARTMENT OF NATIONAL EDUCATION
89 LE-VAN-DUYET STREET
SAIGON, VIETNAM

THI - CA

CHIỀU THU

*Thơ-thần chiều thu đứng ở nhà,
Vạch màn cửa sổ ngắm trời xa.
Bao giờ trăng sáng lờ ra nhỉ ?
Suốt buổi mây đen ám mãi à ?
Ngọn gió đưa vèo đăm chiếc lá,
Hạt sương gieo trĩu một cành hoa.
Cảnh này như gọi lòng ta nhớ,
Ta nhớ mà ai có nhớ ta ?*

TRƯƠNG-ANH-MẪN

[Tập XII, Quyển 9 (Tháng 9, 1963)]

VINH THÚY-KIỆU

Sắc tài rất mực phận mong-manh,
 Oan đến sông Tiền mới rửa thanh.
 Một bước nhớ-nhàng duyên chỉ thắm,
 Hai lần vương-viu nợ lâu xanh.
 Khúc đàn bạc-mệnh tơ chưa dứt,
 Giấc mộng vô-duyên kiếp đã đành.
 Hiếu-nghĩa thế mà lưu-lạc thế,
 Nghìn-thu đề một mối thương tình.

ĐÔNG-VIÊN

ĐÊM KHÔNG NGŨ

Nằm nghe tích-tắc tiếng đồng-hồ,
 Chán ruỗi chân rồi tạm phải co.
 Mong-mỏi người ta tin chữa rõ,
 Long-dong đời mới nghĩ mà lo.
 Hương-quan ngàn dặm đường xa cách,
 Mưa gió năm canh trận nhỏ to.
 Lạnh ngắt hơi sương không ngủ được,
 Xóm giếng đầu dây ngáy o-o.

VIỆT-NHÂN VŨ-HUY-CHIỀU

KIẾP TẮM

Trọn đời vui sống lá cành "dâu,
 Người hiền trăm hoa cũng lác đầu.
 Rút ruột làm tơ đèn nghĩa trước,
 Biến mình hóa kén đáp duyên sau.
 "Tiếng ngài" sẵn nếp từ trong trứng,
 "Hồn bướm" từng mơ lúc đời màu.
 Sẵn né sẵn nong, lương-dũng sẵn,
 Dù tiên dù tục quý ngang nhau.

HẢI-ÂU-TỬ

NGÂU

Một giọt mưa thu, mấy giọt sầu !
 Nước đời tan hợp nghĩ mà đau.
 Vì không một bước qua cầu Thước,
 Chi đề ngàn thu thắm lệ Ngâu !
 Ngọn nước hững-hờ đánh rẽ lúa,
 Mối tình vợ-vần vẫn giam nhau.
 Cái đêm thất-tịch đêm gì nhỉ ?
 Trông lại Ngân-hà lệ chứa sâu...

ĐÔNG-MINH

THU TÂM DIỆP LẠC

Đừng hỏi thơ sao oán đượm buồn
 Đời tôi, lá úa đọng hoàng-hôn

Hoa đẹp còn dương giữ vẻ tươi
 Thơ say từ độ chữa quen người
 Nợ đem tình hận hòa âm lễ
 Mà đề hương thề lạnh lửa đôi
 Thảng trước lòng băng cài ngọc-miền
 Ngày nay tim héo lốt văn-hài
 Hơi ơi, chua chát tàn dư-ảnh
 Thần-tượng mờ theo kiếp lá rơi

THẠCH-ẤN

HOANG-MANG

Hồn vẫn-vơ tìm diềm trọng-tâm
 Mong vui màu sắc cửa thặng trầm
 Gióng chuông, người gọi ngàn năm sử
 Gỡ chấu, ta hòa một khúc ngâm
 Quán trọ hoàng-hôn môn chí lớn
 Chợ đời ly-loạn bán tình thâm
 Trông theo lớp bụi đường xa mã
 Cười đề vùi sâu tiếng khóc thầm

THẠCH-ẤN

CUỐC KÊU

Vua Thục ngày xưa thác hóa chim,
 Chim kêu ra-rả suốt ngày đêm...
 Bấy lâu nước mắt, hồn chưa chết,
 Bốn cõi người nghe, ruột những mềm!
 Lữ-xá đèn giông, mi ứa lệ,
 Chiến-trường gương tuốt, máu sôi tim.
 Đêm qua cuộc gọi, bao xao-xuyến,
 Cơn gió hè lên, bóng nguyệt chìm!

ĐÔNG-XUYỀN

THẮT TỊCH

Ký ngữ thiên-tôn thả mặc sâu,
 Đoàn-viên kim tịch dài lai thâu.
 Nhân-gian khước hữu vô cùng hận,
 Trường bảo tượng-tư đảo bạch-đầu.

Dịch:

ĐÊM THẮT-TỊCH

Nhấn gửi thiên-tôn chớ vội sâu,
 Đêm này xum họp đợi thu sau.
 Trên đời có kẻ hồn khôn xiết,
 Ôm khối tượng-tư đến bạc đầu.

CAO-THỊ NGỌC-ANH

VẤN NGUYỆT

(Theo văn bài thơ của Hồ-xuân-Hương)

Đan-quế nghìn năm vốn hãy còn,
 Càng cao càng tỏ lại càng tròn.
 Hóa-nhi tính đốt cùng chung tuổi,
 Tinh-đầu bày hàng biết mấy con.
 Lấy về thanh-cao treo giá ngọc,
 Dem gương trinh-bạch đãi lòng son.
 Gác theo lâu sách đêm thu vắng,
 In chữ đồng-tâm với nước non.

CAO-THỊ NGỌC-ANH

TIÊN-DUNG CÔNG-CHÚA

VÀ CHỦ-ĐỒNG-TỬ

(Lêp theo V.H.N.S. số 84)

Tiếng đồn thấu đến Vua cha,
 Giận con sao dám trắng-hoa bê-bàng.
 Cấm cho về đến triều-dường,
 Chẳng thương cốt-nhục, chẳng màng rề con.
 Tiên-Dung bao xiết nỗi buồn,
 Cùng Chủ-Đồng-Tử bán buôn qua ngày.
 Dân-cư đông-đúc vui thay,
 Tạm quên nỗi nhớ, tạm khuấy cuộc đời.
 Bán sâu cũng gươngng làm vui,
 Ngày kia bỗng có một người thương-gia.
 Khuyên chàng nên phải đi xa,
 Tìm nơi châu-báu ngọc-ngà bán buôn.
 Dặm nghìn bao quản nước non,
 Chim ca vượn hát véo-von trên đời.
 Một bầu trắng gió đầy vơi,
 Duyên may lại gặp được người chân-tu.
 Phật-Quang tên hiệu nhà sư,
 Nuôi chàng Đồng-Tử sớm trưa tập rèn.
 Năm tròn học đạo cần chuyên,
 Thầy cho gậy, nón bằng miền về quê.
 Vợ chồng xum-hợp đê-huê,
 Hàn-huyên kẻ-lẽ tình kia nỗi này.
 Kề ra công-đức ơn thầy,
 Phép tiên màu-nhiệm lạ thay trên đời.
 Truyền cho vợ đủ phép rồi,
 Bao nhiêu của cải tặng người dân-cư.
 Vợ chồng tìm đến ăn-sư,
 Quyết lòng xa lánh bụi nhơ cõi đời.
 Bấy chùng, vượt nẻo xa-xôi,
 Gặp nơi cảnh vắng xa người trần-gian.
 Gậy thần nón lá Thầy ban,
 Tạm trồng xuống đất làm màn che đêm.

Canh bà tỉnh giấc êm-đềm,
 Quân hầu lính tráng như nệm trong ngoài.
 Triều-thần vẫn võ tới lui,
 Ngựa-xe cung-điện lâu-đài thiếu chi.
 Giang-sơn riêng một biên-thùy,
 Ngọc-ngà châu-báu thiếu gì của kho.
 Tiếng đồn về tới kinh-đô,
 Hùng-Vương nổi giận truyền cho đình-thần,
 Vội-vàng phái một đội quân,
 Phải mau ra bắt tội-nhân về triều.
 Phép trời mầu-nhiệm cao-siêu,
 Làm con đâu dám nghĩ điều bất trung.
 Nửa đêm hóa một cơn dông,
 Lâu-đài, cung-điện, vợ chồng lên tiên.
 Đổng không bái cát y nguyên,
 Hùng-Vương thấy rõ lòng phiến thương con.
 Giận mình chẳng xét nguồn cơn,
 Trời mây xa thăm thoi còn nói chi!
 Truyền quân sắp đặt lễ-nghi,
 Xây đền, lập miếu, tạc bia lưu-truyền.
 Làng Đa-hòa, tỉnh Hưng-yên,
 Tiên-Dung, Đổng-Tử là tiên giáng-trần.
 Dân quê khắp hết xa gần,
 Khói hương nghi-ngút thánng năm phụng-thờ.

HỒNG-THIỆN nđ-sđ

NGẤU CẨM

Điều to dây thả cũng dài,
 Nhưng không gặp gió đờ tài nào lên.
 Việc đời nhờ phận nhờ duyên,
 Ai khôn nổi với Hoàng-thiên bao giờ!

ĐÔNG-MINH

LẦU TÂY CẨM-TÁC

Quạnh-quê sông thừa dáng võ-vàng,
 Lầu Tây khách hận bến Ngân-giang.
 Gió bay sóng trắng hoa ngàn mảnh,
 Nhạn chắm trời xanh chữ một hàng.
 Tường đến hương thề nòng gác gió,
 Quên đâu lối hẹn lạnh trắng sương.
 Có ai tha-thiết ngoài mây nước,
 Hay đã lòng người nhạt nhớ thương!

BẠCH-LÃNG

VỊNH SÔNG

Mưỡu

Vốn sinh hình rộng thân dài,
 Khô khan tắm tưới muôn loài đội ơn!
 Biết bao chân thác ngọn nguồn,
 Cùng nhau sau trước vuông tròn chữ duyên!

Nói

Sông dài, dài nhĩ,
 Dài bao nhiêu, mà sâu thề độ bao nhiêu?
 Cớ làm sao, khúc thẳng khúc queo.
 Hay làm thế để thử trêu tay đình-ngộ.

Hải yển hà thanh chiêm vũ-lộ,
 Phong đình ba tỉnh ngoạo vân tiêu*.

Đố ai hay bề rộng độ bao nhiêu?
 Thời mới rõ ít nhiều sông mấy khúc.
 Mặt nước chờ nhẹ-nhàng bao khách tục,
 Nguồn sông đem bão-túc khắp dân-gian.
 Qua đâu đấy hết khô-khan.

HẢI-ÂU-TỬ

* Tạm dịch là:

Bên lặng sông trong, mưa móc đẹp,
 Sóng yên gió nhẹ, khói máy xinh.

GIỚI QUÂN-SĨ CA

Ngàn xưa dạy phép hành-quân,
 Việc quân nên lấy chữ nhân làm đầu.
 Công-danh là chữ về sau,
 Nhưng đờ tiều-lợi hay đầu mà hồng.
 Chinh-phu mấy kẻ tương-tòng,
 Miếng cơm tấm áo cũng trong cao đầy.
 Binh-đạo chừng mấy tháng nay,
 Ăn trên che-chở, nghĩa thầy xót thương.
 Dẫn thân vào cuộc chiến-trường,
 Nghi người gởi đất năm sương xót tình !
 Bên giời chữa đẹp lửa binh,
 Biết bao gai-góc, đã đành lăm-than.
 Nào nơi nhà cửa xương tan,
 Trông ra thấy những gio tàn khói bay.
 Nào nơi đồng nội cỏ đầy,
 Trâu bò lạc luống, bừa cày vắng tanh.
 Nào nơi hàng quán hợp-hành,
 Xạc-xào góc chợ, chông-chênh bên đường.
 Nào nơi thuyền khách thông-thương,
 Mái chèo cắm dọc, cánh buồm vắt ngang.
 Kìa ai hay lữ nón vàng,
 Trách ai ra cũng một phường tham-sĩ.
 Tài mà chi, lợi mà chi,
 Chờ cho hết giặc còn gì là dân !
 Nhiều-nhưong biết mấy mươi lần,
 Tính phần sợ giặc hơn phần sợ quan.
 Ngọn cờ treo chữ « Chiêu-an »,
 Binh qua rồi nỡ cơ-hàn làm sao !
 Cửa ai xin nhớ tở-hào,
 Kéo e chinh-chiến biết bao giờ rồi.
 Hoặc là lấy cửa làm mồi,
 Dữ cho vào lưới, vào rồi mất ra.

Hoặc là tiếc cửa xót-xa,
 Thấy người nặng gánh nó ra nó liêu.
 Hoặc là ngơ vắng đường heo,
 Binh quan lên trước, giặc theo sau rồi.
 Hoặc là dậm vắng đường dài,
 Mặt trong bòn của, mặt ngoài vương chông.
 Khuyên nhau một sức một lòng,
 Ra tay địch-khái đền công truy-tù.
 Máu tham nào có hay gì,
 Đã mòn vai gánh lại bia miêng cười.
 Cửa người là cái nợ đời,
 Cửa thần kia dấu đèn mờ chữa yên.
 Câu thề nhớ lấy đừng quên,
 Dem nhời khẩu-thiệt, thay quyền phủ-cân.
 Phòng khi quan-pháp vô-thân,
 Cái gương vi-mệnh cũng gần không xa.

NGUYỄN-HỮU-TẠO *

TRỞ LẠI

Vì đâu trở lại với nàng Thơ ?
 Đến thác con tâm vẫn nhỏ tơ.
 Bến Hải đã đành dòng văn-dục,
 Thành Sài chẳng chịu tiếng thờ-ơ.
 Xa-xôi, cổ-lý rung tiêm-thức,
 Gắn-gũi, tân-trào gọi ước-mơ.
 Nhưng rắp an-nhàn vui thường nguyệt,
 Tác thành đâu mặc cảnh tiêu-sơ ?

THANH-SƠN

* Bài này do Ô. Nguyễn-Chí-Viến sao lục.

PHÚ-ĐẮC

Đói lòng ăn trái khế-qua,
Nuốt vô thì đắng, nhả ra bạn cười.

Khế-qua đắng lắm, hỡi ai ơi!
Bờ đói nên ăn, giờ khóc cười.
Muốn độn dạ dày, e nghẹn cổ,
Toan phun nước bọt, sợ trêu người.
Tưởng ăn qua bữa cho xong chuyện,
Phải ngậm mà nghe mới chán đời!
Vị được theo tiên mà tịch-cốc,
Đói no không bạn, khỏi lời-thôi.

An-Đình TRẦN-KINH

MÀU ĐỜI

Nghĩ đời đen bạc, xót cho nhau,
Trước mắt bao điều tím ruột đau.
Khối tỏa, da mồi pha sắc mực,
Lửa bùng, má phấn xạ màu nâu.
Da vàng máu đỏ sao tan-tắc?
Nước biếc non xanh để dài-dầu!
Đêm trắng lo quanh gà mái tóc,
Lòng son nguyệt với bóng trăng thâu.

CAO-TIÊU

CƯỜI

Buồn-bực làm chi nào ruột ta,
Cùng ai tươi-tĩnh thử cười xòa.
Dan tay mỉm miệng xem trò thế,
Liếc mắt trông hoa cắt tiếng khà.
Giận chỉ mua sầu, đành khúc-khích,
Vui cho giải hận, thích ba-hoa.
Cười vang hội Lạc quên trần-lụy,
Rũ sạch ưu-tư, đuổi cái già.

THANH-MAI

ĐỀ BÀN DƯ-ĐỒ
VIỆT-NAM HÌNH-THÈ

I

Hơn bốn ngàn năm đất nước này,
Dư-đồ Đại-Việt tượng-trung đây.
Ba phần Lục-địa hình quang gánh,
Một dải Trường-sơn tựa vách xây!
Cửa ải Nam-Quan ngăn mạn Bắc,
Nước vùng Đông-Hải tiếp miền Tây.
Non sông gấm vóc, trời riêng định,
Dâu bèo bao lãn, chẳng đời thay.

ĐẠM-NGUYỄN *

II

Hình dáng như in nước Việt này,
Ai người nhân-trí tạc ra đây.
Tìm nguồn xét gốc, lo bồi đắp,
Xẻ núi khai sông, khéo dựng xây.
Cứng sức để cao hờn đất nước,
Hài lòng du-ngọa khách đông tây.
Dặm ngàn thu lại trong gang tấc,
Cảnh Thào-Cầm-Viên tráng-lệ thay!

Điện-Bàn NGUYỄN-HẢI-HỒ *

* Bài thơ thứ nhất thay thế bài thơ của tác-giả đã đăng trong Văn-Hóa Nguyệt-San tháng 6 năm 1963 (tập XII, Q. 6, tr. 854, số 82). Bài thơ thứ hai do Ô. Đạm-Nguyên sao-lục. Dư-đồ Việt-Nam hình-thè được trưng bày tại Thào-Cầm-Viên (Sài-gòn) hồi cuối tháng 6 năm 1963, do sáng-kiến kiến-tạo của Ô. Đạm-Nguyên (đã được Bác-sĩ Giám-Đốc tại Thào-Cầm-Viên chấp-thuận) với sự giúp sức của mấy nhà điêu-khắc họa-sĩ, bằng các thứ đá xanh đưa từ Nha-Trang và Vũng-Tàu về.

DI THUYỀN BỊ MƯA ĐÊM

Hạt mưa lộp-độp đổ trên mui,
 Xui khiến lòng ta lấm ngậm-ngùi.
 Thương bạn ruỗi co đêm lạnh-lèo,
 Nhớ con lớn nhỏ dậm xa-xôi.
 Tình nhà vắng gánh đành cam khổ,
 Việc nước liều thân phải gắng vui.
 Nấn-ná chờ khi giông gió tạnh,
 Trời Nam thêm đẹp, cảnh thêm tươi.

THƯỜNG-TIÊN

MỘT TẮM LÒNG

Đừng sợ bóng câu lòn cửa chóng,
 Chỉ lo tình nghĩa quá phiêu-bồng.
 Chợ đời... chen-chúc bao nhiêu mặt,
 Mà kiếm đâu ra một tắm lòng!...

BẠCH-LĂNG

Ai đó doanh ngân vui gió mát,
 Thanh-thời chèo lái chiếc thuyền bông.
 Cưỡi theo sóng bạc vờn trắng bạc,
 Trăm mối ngồn-ngang vướng nổi lòng.

ĐÔNG-HẢI

VỊNH QUANG-TRUNG

Áo vải cờ mao, thỏa vẫy-vùng,
 Tây-sơn hiền-hách nhất Quang-Trung.
 Trời Nam quét sạch quân Xiêm hổn,
 Đất Bắc trừ tan giặc Mãn hung.
 Quyết giúp Lê-triều cao nghĩa-khí.
 Nhẹ xem Trung-Quốc lớn oai-hùng,
 Mưu đòi Lương-Quang chưa như ý,
 Đề đến bây giờ mới hận chung.

Tặng-Chi

TRẦN-VĂN-THỰC

VỊNH CẦU-CÁ*

(Mỗi câu có dùng một đồ thơ mộc)

Ru-rọt làm ăn giữ phận mình,
 Khoan nhân thế-giới rộng tình-thinh.
 Đã cam cui-cút miền thôn-dã,
 Chi dám chà-ràng đám lợi-danh.
 Ống chỉ dọc ngang cùng nước biếc,
 Cái ve nghiêng-ngửa với trời xanh.
 Đắn-do cho biết lòng trong đục,
 Mới gọi rằng tay mực thước rành.

TAM-XUYỀN

VỊNH ĐÀO-DUY-TỬ*

Bề dâu thay đổi mấy triều vương,
 Lũy cũ xanh xanh một dải trường.
 Rêu đá lờ-mờ kinh Hồ-Trướng,
 Gió lau heo-hắt phủ Long-Cương.
 Non sông trơ đó, thầy đâu vắng?
 Con cháu còn đây, giống vẫn cường.
 Công-đức miệng người bia tạc mới,
 Nghìn thu mấy kẻ biết trông gương.

MINH-VIÊN

* Hai bài thơ trên đây do Ô. Nguyễn-Nam-Chi sao-lục.

SAY IT IN VIETNAMESE

(Saigon: Kim-Lai An-Quán, 1963)

by NGUYEN DINH HOA, Ph. D.

Hoa's Vietnamese Phrase Book revised to give you no deadwood, but only useful sentences and phrases.

134 pages. Index.

VN\$ 75.

SPEAK VIETNAMESE

(REVISED EDITION, 1963)

by

NGUYEN DINH HOA, Ph. D.

Based on the techniques of modern linguistics, this textbook, first published in Washington in 1955 and in Saigon in 1957, has now been revised in the light of book reviews and classroom experience.

The author is Associate Professor of Linguistics and English at the Faculty of Letters, University of Saigon.

388 pages

VN\$ 100.

Announcing

READ VIETNAMESE : A Graded Course in Written Vietnamese

by

NGUYEN DINH HOA, Ph. D.

The second book aiming at familiarizing you with the language of Vietnam.

A sequence to **SPEAK VIETNAMESE.**

Please order from

- EDUCATIONAL MATERIALS SERVICE,
DEPARTMENT OF NATIONAL EDUCATION,
89 Le Van Duyet Street, Saigon, Vietnam
- VIETNAMESE-AMERICAN ASSOCIATION,
55 Mac Dinh Chi Street, Saigon, Vietnam
- THE BOOKSHOP, Eden Arcade, Saigon, Vietnam

H. COULTHARD BURROW

Hội-đồng Văn-hóa Anh

tại sao học sinh-ngữ lại cứ phải buồn tẻ ?*

Dẫu cho các phương-pháp dạy sinh-ngữ hiện được đề-xướng đã phải mất bao nhiêu năm tìm-tòi và thí-nghiệm, hãy còn có nhiều người chưa vừa lòng mà nhận rằng đó là một sự tiến-bộ so với các phương-pháp cũ. Đành rằng bao giờ cũng phải đề ra một thời-gian lâu lâu để chứng-minh một ý-kiến mới lạ và thuyết-phục mọi người, nhưng ít ra ta cũng có thể kiểm-điểm cái lẽ-lỗi xưa cũ và xem có đúng là nó cần phải phải được cải-thiện không.

Ở nhiều nước, tiếng Anh được chọn làm sinh-ngữ chính và học trong khoảng thời-gian lâu từ 6 năm tới 8 năm. Với các phương-pháp giảng-huấn cũ, ta có thấy kết-quả đúng như sở-nguyện không ? Phải chăng ta vẫn thường nghe các phụ-huynh hỏi tại sao sau bấy nhiêu năm học-tập, học-sinh lại kém tiếng Anh đến thế, và tại sao con em họ lại không có thể nói hay viết cho lưu-loát và đúng một thứ tiếng Anh đơn-giản ? Thế ta không từng nghe các nhà doanh-nghiệp vẫn than-phiền là họ cần những nhân-viên có khả-năng sử-dụng tiếng Anh đúng và đơn-giản mà họ không kiếm được sao ? Việc các giáo-sư Anh-ngữ tuyên-bố rằng phần lớn học-sinh của họ không ham-thích Anh-ngữ và thấy học là nản thì không có hay sao ? Và ta chưa nghe nói môn này không được các nhà giáo ham-chuộng mà cho rằng đó là môn khó dạy hơn cả ư ? Tôi thiết nghĩ hầu hết những ai quan-tâm tới vấn đề giáo-dục hẳn phải đồng-ý rằng các lời phàn-nàn này nhất-định là có và có nhiều. Ta có thể tìm được một nguyên-cớ nào của chúng, và có giải-pháp nào không ?

Theo thông-lệ, cái gì mà người học thấy nản thì người dạy cũng thấy nản. Bởi vậy biện-pháp đầu tiên là phải loại trừ cái gì buồn tẻ và có thể làm tiêu-tan hứng-thú. Tôi nghĩ không ai có thể phủ-nhận rằng cứ nguyên học những luật-lệ văn-phạm và vật lộn gay-go với các bài dịch khó-khẩn cũng đủ làm một thiếu-niên

* Xem nguyên-tác bằng Anh-văn ở *Phần phụ-trưng.*

[Tập XII, Quyển 9 (Tháng 9, 1963)]

chẳng còn một chút gì gọi là phần-khởi nữa. Nhiều người chúng tôi bên Anh cũng đã thấy như vậy hồi còn phải học tiếng La-tinh ở nhà trường.

Môn học sinh-ngữ có cần phải buồn tẻ không? Không, miễn là học-sinh được trao cho một chất-liệu thích-hợp. Một nhạc-sư sẽ không thể thâu-thái kết quả hay được học-trò cảm mến, nếu ngay từ đầu ông ta dành cả một bài đề giảng về lý-thuyết âm-nhạc, thay vì đề cho học-trò sờ mó, thực-tập và thử chơi ngay chính nhạc-cụ được sử-dụng. Qui-luật và lý-thuyết phải dành cho các giai-đoạn về sau. Hẳn là chúng có một chỗ đứng riêng trong học-trình, nhưng mà phải được đưa ra đúng lúc. Các người mới học, dù là học cái gì, thường thích đem áp-dụng đề thâu-thái một ít cái hay cái biết, đầu cái hay biết đó bị giới-hạn thế nào mặc đề lòng. Trẻ con ưa thích nói được một vài tiếng hay một câu ngoại-ngữ, có thể vì muốn phô-trương hay để đùa chơi. Điều quan-trọng là chúng đã bắt đầu thấy hứng-thú trong việc học, thấy rằng chúng có thể đem thực-hành được cái học, và cái học đó không bắt buộc phải sống trong bốn bức tường của lớp học mà thôi.

Phương-pháp thực-hành

Như thế, các nhà giáo nên tạo cơ-hội cho học-trò sử-dụng và thực-hành cái học đó, và nên để dành môn văn-phạm và luyện dịch theo thông-tục cho một trình-độ cao hơn. Phương-pháp ngày nay có mục-dịch tạo rất nhiều cơ-hội cho tất cả các phương-diện nói, đọc và viết trong việc học sinh-ngữ, dưới một hình-thức thật là hấp-dẫn. Một số nhà giáo lấy làm miên-cưỡng mà lo toan cải-tiến phương-pháp của họ bởi vì họ thiếu tự-tin ở khả-năng "ăn nói" của mình và lo ngại sẽ bị học-trò chế nhạo. Đó là một mối lo-ngại vô-lý, vì đâu có cần phải biết ngâm-vịnh Shakespeare hoặc phải có một số vốn ngữ-vựng thật dồi-dào mới dạy được tiếng Anh cho người mới học. Nếu mỗi giáo-sư cứ thẩu-triệt được các bài vở dành cho lớp mình dạy, và luyện cho mình một cách phát-âm và một giọng đọc khá chính-xác cho tất cả những chữ và câu dùng trong niên-học, đó là đã đủ rồi. Càng dạy lâu bao nhiêu thì lại càng giỏi bấy nhiêu. Dần dà người dạy sẽ mở rộng kiến-thức và khả-năng sử-dụng Anh-ngữ của mình. Nhưng người dạy phải cố-gắng bắt tay vào việc cải-thiện chính cái giọng nói tiếng Anh của mình. Nếu đã biết dịch-xác phải dạy những gì trong năm thì mình có thể dồn hết mọi cố-gắng vào những chữ hay thành-ngữ đó. Điều này không lấy gì làm khó lắm. Mỗi năm học sinh chỉ học một số chữ mới có hạn-định và những kiểu câu có thể đặt được với những chữ đó; việc phát-âm các chữ hay câu đó không thể nào là một công-phu quá lớn lao đối với người dạy, nhất là bây giờ người ta có thể nhờ cậy vào các phương-tiện máy-móc để vượt mọi khó-khăn.

Một khi người dạy đã thuần-thục về bài vở mình sắp dạy, lòng tự-tin sẽ tăng-gia. Thêm tự-tin thì bài giảng chẳng mấy lúc sẽ trở nên hấp-dẫn hơn và sẽ gây một luồng phản-ứng sống-động trong đám học-sinh. Một khi người dạy cảm thấy mình có thể nắm được tinh-hình thì sẽ có một kho tài-liệu vô-hạn (các quan-niệm mới về phương-thức trình bày, hoạt-động trong lớp, trò chơi, v.v...) để làm cho cách dạy của mình sáng-sủa hơn lên. Mục-dịch của bài này không phải là đề trình bày chi-tiết về các quan-niệm mới, hoạt-động và trò chơi đó, là việc đã có nhiều chỗ khác làm rồi, nó chỉ là một cố-gắng thúc đẩy các nhà giáo nên xét lại phương-pháp tiến-hành công-tác mà thôi. Một bảng liệt-kê các sách thích-ứng được đính-hậu dành cho các giáo-sư hằng mong ước thâu-thái các quan-niệm mới.

Tươi sáng và hữu-hiệu hơn

Các phương-pháp cổ-diên thường thường là khô-khan và rườm-rà, kết-quả rất đáng buồn như ta đã thấy ở bao nhiêu nước. Phương-pháp mới tươi-sáng và hữu-hiệu hơn, trong khi vẫn dành chỗ cho những cái như là văn-phạm mà nhiều người tỏ vẻ lo ngại rằng sẽ bị lãng quên. Nó chỉ là một lối dạy bớt kiểu-cách hơn, thêm vào đó là một sự sắp đặt tuần-tự và kỹ-lượng hơn về các điều thiết-yếu mà học trò phải biết thì mới có thể lưu-loát và tự-tin ở cách dùng tiếng Anh của họ. Nó không bỏ qua môn nào cả và đặt bất cứ cái gì vào đúng chỗ và để ra đúng lúc. Nó nhằm mục-tiêu kêu gọi sự chăm-chú của lứa trẻ vào môn học thay vì làm thui chột đi, rồi tránh nhồi nhét và làm mệt trí của lứa trẻ bằng những đề-tài như văn-phạm hoặc những gì không cần-thiết cho việc tiến-bộ đều-đặn và tuần tự của nó, và sau nữa khi lứa trẻ đã có một trình-độ hiểu biết về ngôn-ngữ đó thì cho nó biết những qui-luật ứng-dụng vào cái biết đó. Mong rằng các giáo-sư sẽ gạt bỏ lớp vỏ hình-thức và khai-thác hữu-hiệu hơn lòng ham thích, trí tò-mò và các khả-năng vốn có của các trò em.

TRẦN MINH dịch

Các sách về khoa dạy Anh-ngữ

<i>Let's Play a Game</i>	BOUCHER
<i>Language — Some suggestions for teachers of English and others.</i>	
<i>The teaching of Oral English</i>	PALMER

<i>Teaching English to Beginners</i>	CHAPMAN
<i>Teaching English</i>	FRISBY
<i>English through Actions</i>	BILLOWS
<i>The Techniques of Language Teaching</i>	ECKERSLEY and GATENBY
<i>Wall Pictures</i>	FLEMING
<i>Wall Pictures for Guided Composition</i>	WEST
<i>Teaching English in Difficult Circumstances</i>	MORRIS
<i>The Art of Teaching English as a Living Language</i>	CRICHTON
<i>Blackboard Drawing</i>	RAMSHAW
<i>Blackboard Work</i>	

Tất cả những sách trên đây đều có sẵn để cho mượn dài hạn ở Thư-viện British Council, 119 Nguyễn-Huệ. Nơi đây có cho mượn cả tạp-chí *English Language Teaching*.



A. J. ALLAWAY

*những trung-tâm giáo-dục tráng-niên ở anh-quốc và xứ Galles**

Những Trung-tâm Giáo-dục Tráng-niên cổ nhất ở Anh-quốc và ở xứ Galles được thành-lập năm 1909, tức là nửa thế-kỷ rồi ; đó là "Trung-tâm St Mary's" (danh-hiệu cũ) ở York, và "Trung-tâm Swarthmore" ở Leeds. Cả hai Trung-tâm này được thành-lập do sáng-kiến của môn-phái đạo Tin-Lành (Quakers) đã gánh hết mọi phi-tồn. Mục-tiêu chính-yếu của những cơ-quan tiên-phong này là cung-cấp cho những thường-hội-viên trong "Phong-trào lớp dạy tráng-niên"¹ khả-năng tự chuẩn-bị để nhận lấy trách-nhiệm trong phong-trào đó. Từ đấy, các lớp dạy tráng-niên đều đông-đúc đàn ông, đàn bà — đại đa-số là môn-phái đạo Tin-Lành — thuộc các đẳng cấp xã-hội tương-đối khá-giả và có học-thức. Nhưng hồi bấy giờ chức-vụ chỉ-huy đều lần-lượt rơi vào tay của các thường-hội-viên ; những sáng-lập-viên của hai Trung-tâm St Mary và Swarthmore cũng biết thế, và cũng nhận thấy rằng cần phải làm thế nào cho những cử-động-viên mới này có đủ khả-năng để đảm-nhiệm trách-vụ của họ.

Trung-tâm York và Leeds được đặt trong những căn nhà rộng-rãi của khách-sạn tư-nhân. Mỗi Trung-tâm đều dành — theo lời nói của sáng-lập-viên — "một lò sưởi và một căn nhà ở" cho công-cuộc giáo-dục mà Trung-tâm đã đảm-nhiệm. Thí-dụ như : trong khi các lớp học của Hiệp-hội giáo-dục công-nhân "Workers' Educational Association (WEA)" đặt rải-rác khắp nơi và thường thường ở trong những căn nhà tồi-tàn, thì những lớp học của Trung-tâm được tập-trung ở một nơi đồ-đạc đầy-đủ, ngay giữa thành-phố. "Một lò sưởi và một căn nhà ở" : như vậy

* Dịch-thuật theo bài "Les centres d'éducation des Adultes, en Angleterre et au pays de Galles" của A. J. Allaway.

¹ Phong-trào lớp dạy tráng-niên "Adult School Movement" thành-lập năm 1812 cốt để dạy thợ thuyền biết đọc (kinh Thánh) và biết viết. Xem Martin G. Gurry, *The Adult School Movement : its origin and development*. Londres, National Adult School Union, 1934.

thì Trung-tâm không phải chỉ là một dãy lớp học nối tiếp nhau, mà phải được xếp đặt chung quanh một gian buồng công-cộng rộng-rãi ở ngay giữa đời sống cộng-đồng của Trung-tâm, để có thể đốt ngọn lửa hồng trong những buổi chiều đông lạnh lẽo: chính ở đó mà các tráng-niên theo học các trình-độ, có thể hội-hợp với nhau chung-quanh chén nước trà và vài chiếc bánh bích-quy để trao đổi ý-kiến với nhau và linh-hội lẫn lộn được ý-nghĩa của tinh đoàn-thề.

Mục-tiêu chính-yếu của hai Trung-tâm St Mary's và Swarthmore là, như đã nói ở trên, đào-tạo những cán-bộ, những cò-động-viên cho phong-trào lớp dạy tráng-niên. Nhưng không có Trung-tâm nào giới-hạn sự tuyển-mộ hội-viên cho phong-trào: ai thích theo học thì ghi tên, và người ta đã nhận thấy ngay rằng đại đa-số các sinh-viên của hai trung-tâm đó không phải là hội-viên trong phong-trào và dường như không bắt buộc trở thành hội-viên.

Lúc đầu do sự can-thiệp của W.E.A., những lớp cao-đẳng tiếp-liên được mở ra ở hai trung-tâm St Mary's và Swarthmore và chỉ dạy có mấy môn như lịch-sử của kỹ-nghệ, vấn-đề kinh-tế và triết-học xã-hội. Nhưng rồi các học-sinh đòi hỏi những lớp học có tính-chất ít quảng-bác hơn, như các lớp học ngoại-ngữ, kịch-nghệ và âm-nhạc, và được chính-quyền địa-phương bằng lòng tổ-chức. Ngay ở St Mary's và Swarthmore, chúng ta còn tìm thấy một vài yếu-tố quan-trọng của trung-tâm giáo-dục như người ta thường quan-niệm từ năm 1960: những lớp học dạy thật nhiều môn, từ những vấn-đề có tính-cách thực-dụng cần-thiết đến những môn học thuộc về tinh-thần thuần-túy, và một gian-phòng công-cộng dùng làm nơi hội-hợp cho các học-sinh của mọi trình-độ rất thuận-tiện cho sự trao-đổi ý-kiến, cho sự mở-mang óc đoàn-kết trong thời-gian học-tập.

Chính Arnold Rowntree ở York là người đầu tiên đã đưa ra ý-kiến về « Trung-tâm Giáo-dục ». Sau này Horace Fleming ở Birkenhead² lại nắm lấy ý-kiến đó và khai-triển rộng-rãi thêm ra. Fleming cũng như Rowntree, xuất thân ở phong trào lớp dạy tráng-niên. Được Rowntree giúp sức, Fleming thành-lập ở Birkenhead « Trung-tâm Beechcroft » có thể dùng làm kiểu mẫu cho nhiều Trung-tâm khác. Ở Trung-tâm Beechcroft không những có các lớp của mọi trình-độ kể cả những lớp học thực-nghiệp, mà còn là trụ-sở của các loại câu-lạc-bộ và tổ-hợp nữa — phân khu của nghiệp-đoàn hay hội ái-hữu, tổ-chức giáo-dục và hiệp-hội văn-hóa — đó là không kể những hội học-sinh ở ngay trung-tâm. Người nào gia-nhập một trong những nhóm đó có quyền lui tới gian phòng công-cộng. Vậy Beechcroft là một cộng-đoàn gắn liền với nhau bằng tác-động và bằng học-tập. Nhưng, còn hơn thế nữa. Thực vậy, ở Beechcroft học-sinh và hội-viên trong câu-lạc-bộ và trong các tổ-hợp

² Đọc bài tả cảnh về Trung-tâm Beechcroft trong cuốn sách sau đây: H. Fleming, Beechcroft: *An Experiment in Adult Education*, Londres. Educational Settlements Association, 1935.

có một nhiệm-vụ đã được ấn-định rõ-rệt trong việc điều-hành trung-tâm. Về thực-tế, họ có trách-nhiệm về sự thiết-lập chương-trình công-tác và việc quản-trị thông-thường. Đối với Fleming, một trung-tâm giáo-dục phải là một trường học dân-chủ, huấn-luyện các Hội-viên bằng cách quản-lý chung cơ-quan và bằng cách tham-dự các buổi học. Và, từ khi Beechcroft được thành-lập trong năm 1914, sự tham-gia tích-cực của các hội-viên ở trung-tâm vào việc thiết-lập chương-trình hành-động và việc quản-lý trung-tâm thường nhật được coi như đặc-tính của một trung-tâm xứng-đáng với danh-hiệu của nó.

Mười trung-tâm đầu thành-lập dưới hình-thức này hay hình-thức khác, đều có quan-hệ với những hoạt-động và các lớp dạy tráng-niên của Quakers (môn-phái đạo Tin-Lành); nhưng năm trung-tâm sau thành-lập do một số Quakers có thể-lực và một số nhân-vật khác quyết-định làm cái gì cũ tính-cách xây-dựng cho đám người thất-nghiệp từ năm 1929 đến năm 1935. Trong số đó, bốn trung-tâm được mở ở những khu của thợ mỏ về phía Nam xứ Galles, và trung-tâm thứ năm mở gần lộ đúc thép của Cumberland. Khác hẳn với mười trung-tâm cũ, những trung-tâm đó không phải do dân-chúng ở địa-phương thành-lập, mà do những người ngoại quốc. Hơn nữa, mục-tiêu chính-yếu của các trung-tâm đó là cung-cấp cho hội-viên một cái gì hữu-ích để làm, nhất là lúc ban ngày; vì vậy mà lúc khởi-thủy, các trung-tâm đó đều hướng rõ-rệt về thủ-công-nghiệp. Không phải dễ-dàng gì khi muốn diu-dắt các trung-tâm đó làm việc theo đúng tinh-thần của những trung-tâm mà Rowntree và Fleming đã quan-niệm. Chỉ khi nào nạn thất-nghiệp đã diu-dịu thì những cơ-quan đó mới trở thành những trung-tâm giáo-dục thực-sự và cũng vì thế mà vấp phải bao nỗi khó-khăn. Những trung-tâm đó đáng lẽ phải đóng cửa nếu không được cơ-quan giáo-dục ở địa-phương viện-trợ hàng năm một số tiền lớn hơn nhiều số tiền viện-trợ cho các trung-tâm khác.

Năm 1939, khi chiến-tranh bùng nổ, ở Anh-quốc có 15 trung-tâm giáo-dục thật sự. Đó là những cơ-quan độc-lập, tuy được nhà cầm-quyền giáo-dục địa-phương trợ-cấp, nhưng số-tiền trợ-cấp ít ỏi quá, nên phải tự tìm lấy một phần lớn tài-sản (tiền đóng góp, tiền kiếm được do sáng-kiến của mọi người). Tất cả đều do các sinh-viên điều-khiển với ít nhiều tính-cách dân-chủ.

Nhưng bắt đầu từ năm 1930, bên cạnh những trung-tâm giáo-dục độc-lập — chỉ là trung-tâm thời và không là gì khác nữa — người ta thấy mọc lên một loại « làng trung-học » trong ủy-ban. Ở Cambridgeshire (năm 1939 đã có 4 làng trung-học). Người khởi-sướng là Henry Morris, vị trưởng-ban giáo-dục của ủy-ban đó. Henry Morris có ý-định thành-lập một hệ-thống học-viện cùng loại ấy trên khắp lãnh-thổ Cambridgeshire.³

³ Đề-án do Henry Morris vạch ra cho « làng trung-học » đã được trình-bày trong cuốn: H. Morris, *The Village College*, Cambridge University Press, 1924. Ta sẽ tìm thấy bài mô-tả rất hữu ích về những làng trung-học đầu tiên ở Cambridgeshire trong cuốn: H. C. Dent, *The countryman's College*. Pitmans, Londres, 1943.

Theo quan-niệm của Morris thì "làng trung-học là toàn-thể một trường học, một chi-nhánh của thư-viện của ủy-ban, một trung-tâm của thanh-niên, một gian phòng công-cộng, một trung-tâm giáo-dục tráng-niên, và một tốp các sân chơi, tất cả để cho công-chúng và học-sinh ở các trường sử-dụng. Đó là trung-tâm của những hoạt-động giáo-dục, văn-hóa và giải-trí của dân-chúng địa-phương. Đứng đầu cơ-quan này là một giám-đốc hành-chính (Warden), và mỗi ngành hoạt-động lại có một trưởng-ban thuộc quyền "Warden". Một "tutor" (giám-đốc các buổi học) trông nom về giáo-dục tráng-niên. Tuy rằng một số lớn các gian nhà được dùng công-cộng, mỗi một khu-vực của "làng trung-học" có riêng một góc sửa sang cần-thận và trang-bị đồ-đặc đầy đủ.

Morris coi giáo-dục tráng-niên như là một trong những hoạt-động chính-yếu của "làng trung-học" cũng quan-trọng về thực-tế như là giáo-dục của trường-học cổ-truyền. Đường như Morris hy-vọng rằng những hoạt-động của "làng trung-học" đối với tráng-niên sẽ được bành-trướng, nhất là lại ở vào một trung-tâm độc-lập, và những khả-năng cung-cấp cho sinh-viên về việc soạn-thảo chương-trình và việc quản-lý thường-nhật (nói là văn-nhật có lẽ đúng hơn) cũng được đổi-đào.

Tỉnh Cambridgeshire ngày nay đây rẫy những "làng trung-học", tất cả đều lấy các trường trung-học hiện-thời làm trung-tâm, nhưng tất cả không được mở-mang như Morris đã ước mong. Trong một số làng trung-học, người ta mở những lớp buổi tối để dạy tráng-niên ở một trường học cổ-truyền dành cho các lớp buổi tối, nghĩa là ở đó mọi việc đều do chính-quyền quyết-định và quản-trị.⁴

Nói tóm lại, tất cả đều tùy-thuộc vào nhân-cách của giám-đốc hành-chính (Warden) và giám-đốc các buổi học (Tutor). Khi nào hai vị đó tin ở lý-tưởng của trung-tâm giáo-dục và có đủ nhân-cách để các học-sinh tin theo, thì làng trung-học trở thành một trung-tâm giáo-dục thực-sự. Nhưng nếu các vị đó không có lòng tin hay không biết truyền-bá lòng tin ấy cho người khác, thì làng trung-học không phải là trung-tâm giáo-dục thực-sự, mặc dầu công-việc thực-hiện rất tốt đẹp.

Quan-niệm về "làng trung-học" gần đây rất tiến-bộ. Hiện nay ở Leicestershire có 3 "làng trung-học", và người ta dự-định làm "ba làng trung-học" khác nữa. Ở Cumberland, có rất nhiều, một vài "làng trung-học khác" rải-rác ở trong xứ. Người ta trú-liệu thành-lập nhiều nữa, một số làng trung-học sáp-nhập vào những "thông-cảm học-hiệu" (tức là những trường trung-học lớn có nhiều uy-tín) và

4 Những lớp học buổi tối thường mở ngay ở trong trường, và do cơ-quan học-chính địa-phương quản-trị. Các môn học gồm có: tân sinh-ngữ, nhạc-cụ và ca-hát, thể-dục và giải-trí, nghệ-thuật-phẩm và nghề-nghiệp [Xem H. J. Edwards, *The Evening Institute*, London, National Institute of Adult Education, 1961].

những trường trung-học cổ-diễn, tất cả lập ra cốt để làm liên-lạc cho các làng và các thị-trấn. Không một thị-xã nào đã có trường trung-học cộng-đồng.

Sau thời chiến-tranh, bầy trung tâm giáo-dục được thành-lập trong bá-quốc Kent. Sự tạo-thành những trung-tâm này là do ở hoàn-cảnh: chỗ nào có một trú-sở dùng làm nơi phòng-thủ thụ-động và có thể đổi thành trung-tâm giáo-dục, là một trung-tâm được mở ngay. Bắt đầu ngay khi các trung-tâm thuộc quyền cơ-quan giáo-dục của bá-quốc Kent, chúng ta nhận thấy sự hiện-diện của Frank Jessup⁵ lúc bấy giờ đang là một trong những phụ-tá-viên giáo-dục của bá-quốc. Jessup biết rõ những trung-tâm giáo-dục độc-lập đương-thời và thấu-triệt được hết chủ-trương của trung-tâm. Vì vậy mà ông cố-gắng biến-đổi những trung-tâm của bá-quốc Kent thành trung-tâm giáo-dục thực-sự tùy theo hoàn-cảnh địa-phương. Và ông đã thành-công, những trung-tâm ở Kent ngày nay chỉ khác các trung-tâm độc-lập ở chỗ là những vị giám-đốc được trả lương hậu-hi, những lớp học và những gian phòng công-cộng có đầy đủ đồ-đặc, đèn thấp và sưởi ấm, những căn nhà giữ-gìn sạch-sẽ. Thực ra, một số những trung-tâm đó đã hiện-đương được ý-nghĩa của trung-tâm giáo-dục hơn là một số trung-tâm độc-lập.⁶

Những trung-tâm thuộc quyền cơ-quan giáo-dục địa-phương không như các trung-tâm độc-lập lúc nào cũng lo-lắng về vấn-đề tài-chính để trả lương cho "warden" và để điều-hành sự hoạt-động của trung-tâm. Thường thường vị giám-đốc hành-chính (warden) có sẵn một số nhân-viên làm văn-phòng và lao-công đầy đủ, đó là trường-hợp hiếm có trong những trung-tâm độc-lập. Vì vậy mà vị giám-đốc hành-chính và hội-đồng quản-trị, hay ủy-ban các hội-viên — gọi thế nào cũng được — có nhiều tự-do hơn để làm những công-việc riêng hay chung.

Nhưng người ta tự hỏi: "Làm cách nào để cho các hội-viên của một trung-tâm tùy-thuộc quyền địa-phương, coi trung-tâm đó như công-việc riêng của mình?" Câu trả lời sẽ như sau: "Bằng cách trao cho họ trách-nhiệm về một phần lớn các công-việc trong trung-tâm và dành cho họ sử-dụng một số tiền cần-thiết để thực-hiện trách-nhiệm đó". Người ta sẽ lấy ở tiền đóng góp một số xuất-bách-phân để cho ủy-ban quản-trị toàn quyền sử-dụng. Trước hồi chiến-tranh, những hội-viên của các trung-tâm độc-lập giáo-dục tráng-niên, — người ta gọi là những chí-nguyện-quân — tin-tưởng rằng ngành giáo-dục tráng-niên do chính-quyền địa-phương phò-biến thuộc vào loại "không lấy không chịu thì thôi", một thứ bắt buộc không đếm

5 Hiện nay là thư-ký của "Phái-đoàn cao-học tiếp-liên" của trường đại-học Oxford.

6 Ta sẽ tìm thấy một bài phê-bình và nghiên cứu sơ-lược về nguồn gốc của những trung-tâm giáo-dục ở Kent của K. Keedman viết về: "Sự mở-mang giáo-dục tráng-niên ở Kent sau thời-kỳ chiến-tranh (Post-war developments of Adult Education in Kent), Rowley House Papers, Oxford, Vol. III. (1945.1955).

sia gì đến những người liên-hệ tương-lai, hay nói một cách khác, một thí-dụ thuận-túy về "nghe cạo giấy". Bá-Quốc Kent đã tỏ ra là nước mình không cần phải thế. Bên cạnh những trung-tâm độc-lập và những trung-tâm thành-lập do sáng kiến của chánh-quyền địa-phương, còn có những trung-tâm khác phát-sinh ở những học-hiệu "có lợi-ích chung" tức là những trường đại-học. Từ năm 1929, Đại-học-đường Leicester đã vạch ra con đường đề cho 5 đại-học-đường khác theo vết và mỗi học-đường đều tổ-chức nhiều trung-tâm. Hiện nay có 8 trung-tâm giáo-dục tráng-niên thuộc-quyền các đại-học-đường, có đầy-đủ nhân-viên, xếp-đặt và trang-bị hân-hoi, cung-cấp nhiều dễ-dàng cho các câu-lạc-bộ và hội-xá của sinh-viên, giúp cho đời sống cộng-đồng được tích-cực hoạt-động. Tuy-nhiên — và sự-không này đặc-biệt đúng đối với những trung-tâm quan-trọng như "Trường Trung-học Vaughan" đã tổ-chức mỗi năm hàng trăm lớp học — thật là khó-khăn, dù có nhiều thiện-chí đi nữa, khi muốn tìm thấy ở các sinh-viên một chút cố-gắng về vấn-đề soạn-thảo chương-trình.

Họ sẽ nói rằng: «Đừng hỏi chúng tôi làm gì, khi mà chúng tôi có cả một loại bài học rộng-rãi như thế, khi mà mỗi một người chúng tôi sẽ được hỏi làm lúc bày tỏ sở-vọng với quản-trị-viên» và họ nói thêm: «Chúng tôi đến đây để nghiên-cứu một môn học, chứ không phải để săn-sóc đến những công-việc quản-lý một trung-tâm, dù thế nào các ông cũng thành-thạo việc đó hơn chúng tôi».

Một điều chắc-chắn là những trung-tâm giáo-dục thuộc quyền các trường đại-học sẽ tăng-cường sau này. Những trung-tâm đó, nhất là những trung-tâm cao-đẳng tiếp-liên (như trường-hợp của đại-đa-số trung-tâm)⁷ mở cho trình-độ cao những lớp học thuộc lãnh-vực khoa-học và kỹ-thuật, và phổ-biến việc huấn-luyện chức-nghiệp cao-đẳng. Người ta không hẳn chắc-chắn là những trung-tâm đó hoàn-toàn trung-thành với lý-tưởng của trung-tâm giáo-dục. Trung-tâm cao-đẳng chỉ cần tiếp-xúc với trung-tâm giáo-dục mà thôi.

Còn lại một loại trung-tâm giáo-dục cuối cùng nữa, loại này thuộc quyền của một học-hiệu rộng lớn hơn, tức là trường trung-học bổ-túc (College of further education).⁸ Hiện nay chỉ có một số ít, nhưng chắc-chắn sẽ nhiều hơn lên, nhất là những trung-tâm độc-lập dần dần (một việc không thể tránh được cho một số trung-tâm) chuyển sang dưới quyền kiểm-soát của cơ-quan giáo-dục địa-phương.

7 Giáo-dục cao-đẳng tiếp-liên tức là khu hoạt-động ngoài cao-đẳng học-đường không dính líu gì đến Hiệp-hội Giáo-dục Công-nhân. Trong nhiều đại-học-đường khu hoạt-động đó ngày nay rất rộng-rãi.

8 Một "College of further education" có mục đích bổ-túc kiến-thức của thanh-niên — vừa làm việc vừa học và thường thường là trong những giờ nhàn rỗi mà chủ-nhân đã dành riêng cho — nhưng cũng của những người lớn tuổi nữa. Sự giáo-dục ở đó có tinh-cách chức-nghiệp rõ-rệt.

Mặc dầu còn nhiều điều đáng nói về sự tiến-triển đó, những cơ-phong một mặt còn ngự-trị trên những trường trung-học bổ-túc và mặt khác những trung-tâm giáo-dục khác-biệt nhau đến nỗi hai loại học-hiệu đó trước kia riêng biệt sẽ không thể nào tránh được nhất là trong thời kỳ chung sống, những sự hiểu lầm và những tình-trạng căng thẳng gay-go, có khi nặng-nề nữa. Trước kia, những trường trung-học bổ-túc không cùng một lý-tưởng của trung-tâm giáo-dục. Ngày nay, một số trường trung-học bổ-túc cho rằng lý-tưởng đó hữu-ích và xứng-đáng đề theo gương: các trường này sẽ không khó-khăn khi muốn hợp-tác với một trung-tâm giáo-dục mà sự hiện-diện có thể làm cho sự tiến-triển hằng mong-mỏi được dễ-dàng.

Trái lại, một số trường trung-học bổ-túc khác lại không nhận thấy sự cần-thiết phải thay đổi đường lối. Vì vậy mà nhiều khó-khăn có thể xảy ra, nhất là khi người ta mong mỗi trung-tâm có những tục-lệ giống như của trường trung-học. Rốt cuộc, trường-tâm bắt buộc phải theo, nhưng từ đó không còn là một trung-tâm thực-sự nữa. Lý-do tồn-tại của nó đã mất hẳn.

Tới nay, một vài trường-hợp đã xảy ra khi một trung-tâm giáo-dục được xấp-nhập vào một trường trung-học bổ-túc: hai bên đã tỏ ra thông-cảm với nhau, và kết-quả thu-lượm được đều hữu-ích cho cả hai bên. Ngày nay, có những trung-tâm giáo-dục độc-lập, những trung-tâm thuộc quyền cơ-quan giáo-dục địa-phương, và trung-tâm giáo-dục cao-đẳng. Người ta còn thấy có cả những "làng trung-học", những trường trung-học cộng-đồng, và những trung-tâm giáo-dục lệ-thuộc một trường trung-học bổ-túc. Nhưng, lại còn có những lớp học buổi tối, và ít nhất là một kỹ-thuật học-hiệu: những học-hiệu này vì phù-hợp với lý-tưởng của một trung-tâm giáo-dục nên phải được coi như vậy.

Lý-tưởng của một trung-tâm giáo-dục mà Hiệp-hội Trung-tâm Giáo-dục đã ủng-hộ từ 40 năm nay đã làm cho tất cả các trường học bổ-túc ngày nay ở Anh-quốc phải theo gương. Khắp trong nước, đều có những học-hiệu giáo-dục bổ-túc với trú-sở riêng-biệt, gây cho các sinh-viên một tinh-thần đoàn-kết và trao cho họ một vài nhiệm-vụ.

Một số những học-hiệu đó chưa hề bao giờ nghe thấy nói đến các trung-tâm giáo-dục, ngay cả đến mình nữa cũng là một trung-tâm giáo-dục. Vì thế cho nên khi việc xảy đến, các học-hiệu đó đều ngạc-nhiên chẳng khác gì ông Jourdain khi được người ta nói rằng mình đã làm văn xuôi suốt đời mà không biết; trong trường hợp đó, các học-hiệu đều sung-sướng được biết hiệp-hội đã thành-lập, những mục-đích của Hiệp-hội, và có thể gia-nhập Hiệp-hội được.

Yếu-tố chính của một trung-tâm giáo-dục thì hoàn-toàn không dính líu ở đến hình-thức bề ngoài của nó: khó-khăn ở chỗ đó. Người ta có thể có một trụ-sở

đồ-sộ trang bị đầy-đủ, hoạt-động có quy-củ, quy-chế hoàn-toàn dân-chủ và có các hội-đồng và ủy-ban bề ngoài thật đàng-hoàng, nhưng người ta không hiểu được tinh-thần của sự-việc. Trái lại, người ta có thể chỉ có một trú-sở giản-dị, trang-bị thế nào cũng được. không cả quy-chế và hội-đồng, nhưng vì có tấm lòng nồng-nhiệt mà trở thành một trung-tâm giáo-dục thật sự. Cả hai loại trung-tâm này đều có. Vậy làm thế nào để phân-biệt giả, chân? Đó là một câu hỏi mà Hiệp-hội Trung-tâm Giáo-dục phải luôn luôn tìm câu trả lời.

Vậy Hiệp-hội chớ nên khắt-khe quá và chớ nên cản-trở sự gia-nhập của các học-hiệu có thể trở thành những trung-tâm thật sự, nhưng Hiệp-hội cũng nên thận-trọng và chớ nên thâu nhận bừa-bãi. Thật là một công-việc khó-khăn khi muốn chấp-nhận hay từ-chối một đơn xin gia-nhập.

Sự khó-khăn càng lớn, khi các trung-tâm càng tiến-triển. Thường thường, khi thay đổi cử-động-viên là có sự tiến-triển. Giám-đốc hành-chánh là cái chốt của trung-tâm. Nếu được vị giám-đốc giỏi-giang, trung-tâm sẽ làm đầy-đủ nhiệm-vụ; nếu vị giám-đốc bất tài, và nếu không có một hội-đồng hay ủy-ban có năng-lực thì trung-tâm sẽ bước xuống dốc suy-vong.

Nhưng một giám-đốc dù tài giỏi chăng nữa cũng không thể một mình đảm-bảo được sự thành-công cho trung-tâm. Vị giám-đốc phải có người giúp việc, phải tham-khảo nhiều ý-kiến, và phải có sự hợp-tác nồng-nhiệt của các bạn đồng-sự và của các thường-hội-viên. Vì một trung-tâm giáo-dục là một công-việc tập-đoàn, chứ không phải công-việc của một nhạc-sĩ: nếu tất cả đều trông vào một người, dù có thành-công chăng nữa thì cũng không phải là một trung-tâm giáo-dục thực-sự.

Ngày nay có bao nhiêu trung-tâm giáo-dục ở Anh-quốc và ở xứ Galles? Vì những lý-do mà chúng tôi trình-bày trên đây, không ai có thể biết chắc-chắn, nhưng người ta ước-lượng là 50 trung-tâm. Một nửa gia-nhập Hiệp-hội trung-tâm giáo-dục, và có đầy-đủ tài-liệu; còn nửa kia thì không ai biết rõ. Tuy nhiên, có điều không chắc-chắn lắm là ngay những tài-liệu đầy-đủ cũng biến-cải sâu-xa hình-ảnh phân-chiếu bởi các Trung-tâm, hội-viên của Hiệp-hội trung-tâm giáo-dục.

Trong niên-khóa 1960 - 1961, các trung-tâm này đã tổ-chức 1.227 lớp học, với tổng-số 23.393 sinh-viên, 55% là đàn-bà và 45% là đàn ông. Những lớp học khác do các cơ-quan sau này đảm-nhiệm:

	Số	Xuất-bách-phần
Đại-học	331	27,0
W.E.A. (Hiệp-hội Giáo-dục Công-nhân)	69	5,6
Cơ-quan giáo-dục địa-phương	684	55,7
Hiệp-hội trung tâm giáo-dục	20	1,7
Linh-tinh	123	10,0
	1.227	100,0

Như vậy có nghĩa là 40% các lớp học dạy về các môn học cổ-điển, và 60% các lớp học thuộc quyền cơ-quan giáo-dục địa-phương dạy tân-sinh-ngữ, âm-nhạc, thực-nghiệp, và thủ-công-nghiệp.

Còn trình-độ học-thức, niên-kỷ và nguồn gốc xã-hội của các sinh-viên, thì thế nào? Chúng tôi rất tiếc vì không có tài-liệu đích-xác và đầy-đủ để trả lời những câu hỏi đó. Cách đây 10 năm, người ta đã lập những bảng sau đây để trình-bày hoàn-cảnh của trường Trung-học Vaughan ở Leicester. Những bảng kê-khai này có thể được coi như có chút giá-trị vì hình-dung được hoàn-cảnh của toàn-thể các trung-tâm⁹:

Bảng chia theo tuổi

Dưới 21 tuổi	3%
Từ 21 đến 25	15%
Từ 26 đến 30	20%
Từ 31 đến 35	14%
Từ 36 đến 40	11%
Từ 41 đến 45	13%
Từ 46 đến 50	9%
Trên 50 tuổi	15%
	100%

Bảng chia theo chức-nghiệp

Nhân-viên văn-phòng và kho hàng	25%
Hội-viên cơ-quan giáo-dục	20%
Các bà nội-trợ và gia-nhân	15%
Phụ-tá xã-hội và nhân-viên y-tế	11%
Thủ-công-nhân	10%
Cấp-bậc chỉ-huy và cán-bộ xí-nghiệp	5%
Công-chức và công-nhân thị-xã	4%
Sinh-viên	2%
Linh-tinh và không xác-định	8%
	100%

9 A. J. Alloway, *The Educational Centres Movement*, Londres, National Institute of Adult Education, 1961, p. 79.

**Bảng chia theo trình-độ học-thức :
tuổi đến hết học-trình**

Dưới 14 tuổi	3%
15 tuổi	21%
16 tuổi	7%
17 tuổi	30%
18 tuổi hay hơn	22%
	<hr/> 100%

Bảng chia theo các tổ-chức nghề-nghiệp

Hội-viên của một nghiệp-đoàn	11%
Hội-viên của một Hiệp-hội nghề-nghiệp	46%
Không vào hội nào	43%
	<hr/> 100%

Những trung-tâm giáo-dục là nơi lui tới thường-xuyên của những người có ít nhất là trình-độ trung-học, làm một trong các nghề của hạng trung-lưu (hay là người chông làm nghề đó) và dưới 40 tuổi.

Những trung-tâm gia-nhập Hiệp-hội Trung-tâm Giáo-dục khác nhau xa về số lượng và hội-viên. Trung-tâm nhỏ nhất, ở Letchworth (Trung-tâm độc-lập) chỉ tổ-chức được trong niên-khóa 1960-61 có 9 lớp học với 81 sinh-viên, còn như trường Trung-học Vaughan ở Leicester (thuộc quyền trường Đại-học) tổ-chức được 108 lớp với 2.931 sinh-viên. Nếu kể đến số sinh-viên ghi tên, các trung-tâm có thể chia làm 3 loại :

Loại	Số Trung-tâm	Xuất-bách-phần của toàn bộ
I (dưới 500 sinh-viên ghi tên)	10	40%
II (từ 500 đến 1.000 sinh-viên ghi tên)	8	52%
III (1.000 sinh-viên ghi tên hay hơn)	7	28%

Tuy-nhiên, nếu 7 trung-tâm quan-trọng nhất chỉ tiêu-biểu cho 28% của số học-hiệu, những sinh-viên ở đó chiếm hơn 50% của tổng số. Vấn-đề kích-thúc tới hạo của một trung-tâm giáo-dục là một vấn-đề đến nay vẫn chưa được nghiên-cứu đầy-đủ. Chắc-chắn là một trung-tâm lớn có thể cung-cấp những buổi học tập-bác hơn mặc dầu thuộc quyền của một trường đại-học, và công-việc quản lý trung-tâm đỡ tốn kém hơn. Trái lại, trung-tâm càng lớn thì công-việc phụng-sự lý-tưởng « một lò sưởi và một căn nhà ở » càng khó-khăn hơn, và ít hy-vọng trở thành một trường học dân-chủ.

PHÒNG-NGQC DỊCH
UNESCO

THANH-TÂM
suu-tâm

những bộ óc không chịu kiểm-chế trong giới khoa-học

(tiếp theo V.H.N.S. số 84)

Năm 1932, Seven Anderton đã đưa ra phương-pháp dùng phi-cơ lớn phóng phi-cơ nhỏ trong lúc đang bay, hệt như người ta đã làm được 24 năm sau, tức 1956. Căn-cứ vào những tiến-bộ đã đạt được của khoa-học mà lượng-tính ra những tiến-bộ sắp tới một cách chính-xác như thế, kể ra thực đã kỳ-lạ nhưng còn phần nào hiểu được. Đến như những lời tiên-đoán « nghịch-lý » kiểu Arthur C. Clarke trong truyện *Supériorité écrasante* của ông mới thực là lạ-lùng khó-hiểu. Truyện của ông chủ-trương là một cuộc chiến-tranh giữa hai phe, rất có thể phe kỹ-thuật tiến-bộ hơn lại vì chính mức tiến-bộ kỹ-thuật của mình mà bị hạ. Truyện ấy đã được ghi trong chương-trình học-tập của Đại-Học-Đường "Massachusetts Institute of Technology", vì trận chiến-tranh Cao-Ly vừa qua đã cho thấy là tác-giả « nhìn » rất đúng : phi-cơ chiến-đấu phân-lực của Hoa-Kỳ bay cực nhanh, sức công phá cực mãnh-liệt, thế mà đã chẳng làm gì nổi một chiếc máy bay cũ-kỹ chậm-chạp của Trung-Cộng, chiếc này ung-dung oanh-tạc Seoul rồi bay về yên-đn, chính chỉ vì nó bay chậm quá nên phi-cơ chiến-đấu phân-lực loay-hoay không chặn được.

Những truyện « tiên-tri » như trên kia kể ra không sao xiết, khiến các bộ tham-mưu rất lưu ý và không ngại bỏ nhiều ngân-khoản quan-trọng để đầu-thập các truyện « khoa-học dự-tri » của khối địch. Những số tiền ấy bỏ ra không phải là phí như ta tưởng, vì rất nhiều ý-kiến đã được các chuyên-gia khai-thác như trong những vụ sau đây :

Phương-pháp chống « radar » : Một phi-công bay trên đất địch lúc nào cũng lo ngay-ngáy, không biết radar của địch đã phát-giác tung-tích mình chưa, và

lúc nào cũng pháp-phông vì trong lúc mình đang yên trí bay, có lẽ địch đang điều-khiển các phương-tiện phòng ngự sắp bắn vào "mũi" mình. Trong bao năm, người ta gắng công vô-ích, không tìm ra được phương-pháp nào báo hiệu cho phi-công biết là mình đã bị radar địch nhận thấy. Trong truyện *Across time*, tác-giả David Grennell tưởng-tượng ra một chất, mỗi khi bị tia điện-từ của radar địch chiếu vào, liền ngời sáng báo hiệu cho phi-công biết. Hoa-kỳ hiện đã hoàn-thành phương-pháp này đúng như David Grennell đã nói, và ta có quyền tin rằng chính ý-nghị đơn-giản của ông đã được các chuyên-viên Hoa-kỳ khai-thác trong công-cuộc tìm-tòi của họ.

Hàng rào « quán tính » : Dựng lên trong không không một hàng rào vô-hình có thể chặn đứng lại tất cả, kể cả các tia bức-xạ và vi-phân-tử do các cuộc thí-nghiệm nguyên-tử phóng ra, quả là một ước-vọng đẹp-đẽ nhưng biết bao mơ-hồ, phi-lý. Nhưng có thật là phi-lý không? Không, nhiều nhà bác-học chân-chính đã suy-luận cho rằng đó là một điều "có thể" có được, tuy rằng hiện chưa có triệu-chứng nào cho biết "thực-hiện được". Đi trước khoa-học, giáo-sư Isaac Asimov đã viết trong truyện *Breeds there a man?* rằng người ta có thể tạo nên bức hàng rào ấy "nếu" tìm được cách tách quán-tính ra khỏi khối-lượng. Toán-học-gia John W. Campbell đề-nghị một giải-pháp khác trong truyện *Cloak of Desire*: tạo ra trong không-trung một khoảng với nhiệt-độ "ở dưới không độ tuyệt-đối", và ông còn dựa vào các phương-trình của Dirac mà cho rằng điều đó có thể có được. Nếu ta nhớ lại rằng nhiệt-năng lọt vào trong một khối vật-chất làm cho các phân-tử của chất ấy rung động và chính sự rung-động ấy được ta nhận thấy, dưới cảm-giác nóng, tức nhiệt-độ. Ở không độ tuyệt-đối, tức là -273,15 độ bách phân, các phân-tử đều đứng yên và nhiệt-năng của vật-chất đã thoát hết ra ngoài. Độ lạnh thấp nhất mà khoa-học ngày nay đạt được cũng còn ở trên không độ tuyệt-đối ấy chừng 3/1.000.000 của một độ bách-phân. Không độ tuyệt-đối, như vậy đã là một giới-hạn không thể xuống thấp hơn, vậy lời doan-quyết của giáo sư Campbell há chẳng vu-khoát lắm sao? Lại một lần nữa ta phải trả lời là không, vì giáo-sư Norman F. Ramsey đã chứng-minh, ít ra là trên lý-thuyết, có thể xuống dưới không độ tuyệt-đối được. Lời nói của Ramsey ta không thể nghi-ngờ, vì ông chính là khoa-học-gia đại-diện cho Hoa-Kỳ tại Hội-nghị Khoa-Học thuộc Hiến-Chương Đại-Tây-Dương.

Min điều-khiển bằng dẫn-lực : Ta còn nhớ, trong thời đệ-nhi thế-chiến, Đức-quốc thả trên mặt biển biết bao nhiêu trái mìn điều-khiển bằng điện-từ, đánh đắm vô-số tàu của Đồng-Minh. Mìn ấy lợi hại ở chỗ không cần phải bị tàu chạm tới, chỉ cần một chiếc tàu lớn đến gần là đủ làm sai-lạc phần nào từ-trường, khiến cho cơ-quan tự bên trong nhận thấy làm nổ mìn. Nhưng rồi người ta cũng

tìm ra cách phá, đó là dùng máy trên tàu từ, dăng xa làm hỗn-loạn từ-trường khiến cho mìn nổ trước khi tàu tới gần. Nhưng một thứ mìn điều-khiển bằng dẫn-lực khác hẳn. Nó không chịu ảnh-hưởng của từ-trường, mà chỉ hoạt-động khi có một khối-lượng lớn đến gần nó. Hiện người ta vẫn chưa biết rõ từ đâu phát-sinh dẫn-lực-tính (force gravitationnelle) khiến cho các khối vật-chất hút lẫn nhau (chẳng hạn như sức hút giăng co giữa các thiên thể), vì thế không thể có một máy nào làm hỗn-loạn dẫn-lực-trường ở một nơi xa để khiến mìn nổ trước. Phá thì khó như thế, mà tạo ra mìn thì lại là điều rất có thể làm được: hiện ở Pháp đã hoàn-thành hai thứ dẫn-lực-kế rất nhạy có thể dùng điều-khiển thứ mìn quá ác nã được nếu nó không quá mỏng-manh.

Tăm khảm ký-ức : Những thứ sợi hóa-học phần lớn đều kéo thành sợi dài. Trong truyện *What thin Partitions*, Marc Clifton bịa ra lối ghi những kiến-thức trên đó rồi đem dệt. Như vậy những sợi ấy có thể dùng cả chiều ngang lẫn chiều dọc, tức là một ký-ức nhân-tạo chiếm rất ít chỗ, có thể dùng cho các thư-viện, các máy tính v.v... Sáng-kiến này đã làm xiêu-lòng các nhà cầm-quyền Huế-Kỳ và bộ Hải-Quân nước này đã ký nhiều khế-ước giao cho các nhóm khảo-cứu thực-hiện.

Máy làm ngủ. Cách đây khoảng 30 năm hai tác-giả, một người Nga tên Alexandre Belaiev viết trong truyện *Le maitre du Monde* và một người Đức tên Hans Dominik viết trong truyện *Befehl aus dem Dunkel*, đã mô-tả những sự hỗn-loạn do điện-từ-trường gây ra trong thần-kinh con người. Thế rồi đến năm 1958 người ta thấy các báo chí loan tin một chuyên-viên Hoa-Kỳ đã tử nạn trong một cuộc thí-nghiệm loại này và người Nga tuyên-bố đã hoàn-thành một bộ máy phóng những làn sóng điện ngắn có thể làm hỗn-loạn thần-kinh-hệ. Điều đáng chú-ý hơn nữa là những nhân-chứng khai có dịp đến gần các "đĩa bay" tại Tây-Âu mùa thu năm 1954 và tại Hoa-Kỳ tháng 11 năm 1957 đều mô-tả trạng-thái hỗn-loạn hệt như vậy. Phải chăng câu truyện tưởng-tượng của Belaiev và Dominik đang thành sự thực.

Máy dịch các điệp-văn mật-mã. Một trong những nhiệm-vụ nguy-hiêm và quan-trọng nhất của các cơ-quan gián-điệp là tìm cách đánh cắp những bản ghi-nghĩa ám-hiệu mà địch dùng để thông-tin với nhau. Hàng ngày, trên làn sóng điện, người ta nhận được vô-vạn những bản mật-mã trao đổi giữa các cơ-quan và nhân-viên của họ mà không khai-thác được, chỉ vì không hiểu nghĩa. Trong truyện *Paradox Plus*, Charles Cloukey đã bịa ra những bộ máy tinh-vi, có thể không cần đến những bản ghi nghĩa kia mà cũng dịch được tất cả những điệp-văn mật-mã. Ta không thể tin được có sự kỳ-diệu ấy, nhưng các Bộ Tham-Mưu

lại nghi khác, và ra lệnh cho nghiên-cứu thực-hiện. Giờ đây, chiếc máy lạ-lùng do Cloukey bịa ra từ 1930, hình như đã hoàn-thành và được dùng rồi.

Phần đường-khí bằng từ-trường : Phần lớn các động-cơ của ta đều chạy bằng nhiên-liệu, tức là chất đốt. Mà đã nói đến chất đốt tức là nói đến đường-khí. Nhưng ta được biết, trong không-khí phần lớn lại là đạm-khí, một thứ khí chết, vô-dụng mà còn choán chỗ, khiến cho máy nổ không mạnh, còn làm giảm năng-xuất của máy. Năng-xuất ấy sẽ tối-da nếu ta thay không-khí bằng đường-khí nguyên-chất, nhưng làm sao lọc được đường-khí ra một cách rẻ tiền ? Trong truyện *L'aimant chimique* xuất-bản năm 1928, Victor Thaddeus đề ra một phương-pháp cách-mạng và vô-cùng giản-dị : Đường-khí há chẳng có đôi chút phần-từ-tính (diamagnétique) đó ư ? Thì chỉ có việc dùng từ-trường mà phân nó ra. Các cơ-quan nghiên-cứu, giờ đây rất cần đến đường-khí nguyên-chất rẻ tiền cho các hòa-tiến, đã sực nhớ đến Thaddeus, và phương-pháp do ông ta đề xướng đang đi lần đến chỗ thực-hiện.

Những « trái sét » : Từ ngày hòa-tiến mang đầu đạn nguyên-tử và hạch-tâm ra đời, các bộ tham-mưu trở nên cực-kỳ bối-rối về vấn-đề phòng-ngự. Hòa-tiến có những tốc-độ lớn, làm sao mà chặn chúng được ? Lại thêm đầu đạn công-phá kinh-khủng, để chúng đánh trúng đích thì mọi lực-lượng đều tan-rã.

Nhà văn Belaiev đã ngang-nhiên đưa ra một thứ khí-giới phòng-ngự cực kỳ lợi-hại... trên giấy tờ, đó là những « trái sét ». Hiện-tượng sét nổ thành cục đã từng được người ta chứng-kiến, nay chỉ có việc tạo ra những « trái sét nhân-tạo » là việc chặn hòa-tiến sẽ... dễ ợt. Những khối điện-tử sẽ họp thành những « trái sét » lý-tưởng, vì chúng hầu như không có quán-tính, có thể dùng những làn sóng điện-tử ngắn dầy đi nhanh đến độ sắp-sĩ ánh sáng, đuổi theo các hòa-tiến, và chỉ cần cho nổ đúng lúc là hòa-tiến sẽ tan-tành trước khi tới đích.

Các cơ-quan quân-sự sau khi tìm đủ mọi cách không có kết-quả, đã quay về với cái thuyết kỳ-dị của Belaiev. Có lẽ họ đã nhận thấy có chỗ hữu-lý, nên các cường-quốc như Hoa-Kỳ, Anh, Đức, đều giao cho nhiều nhóm bác-học thực-hiện thứ khí-giới lạ-lùng này. Ở Nga thì chính nhà bác-học cừ-khôi Kapitza được chỉ-định khai-thác ý-kiến của Belaiev.

Bay bằng ánh sáng : Cái khuyết-diểm lớn nhất của những bộ máy bay « nặng hơn không-khí » là trọng-lượng của động-cơ và nhiên-liệu. Nhà văn Nga Vladimir Nemzov trong *Un fragment de soleil* đã bịa ra một thứ phi-cơ trực-thăng đơn-giản và bay tha hồ không hết « nhiên-liệu » (thực ra nó chẳng cần đến nhiên-liệu). Phi-cơ trực-thăng, theo ý nghĩ kỳ-quặc của ông, sẽ chẳng có động-cơ, mà chỉ có cánh quạt. Ở hai đầu cánh quạt có gắn những vật bán-dẫn-điện (semiconducteur). Những vật này, khi nhận được ánh sáng mặt trời liền biến quang-

lực thành điện-lực, gây ra một sức đẩy tĩnh-điện, bắt buộc cánh quạt phải quay, và phi-cơ nhờ đẩy bay được, không cần động-cơ, nhiên-liệu gì hết, chỉ cần có ánh sáng mặt trời là đủ.

Lực-lượng không-quân Hoa-Kỳ đã dày công nghiên-cứu khai-thác ý-kiến của Nemzov và dường như đã đạt được kết-quả đầy hứa hẹn tại trung-tâm nghiên-cứu Fort Wright một bộ máy kiểu này, dài 30 phân mét, đã bay được.

Những gián-điệp lý-tưởng : Người gián-điệp có hai nhược-diểm chính-yếu : họ lo sợ bị lộ, và họ có thể phản-bội. Nhiều nhà văn « khoa-học dự-tri » đã đề ra phương-pháp dùng thôi-miên đánh thiếp họ đi, và nhồi vào trong tiềm-thức họ những điều bí-mật mà chính họ, khi tỉnh, chẳng nhớ hoặc hay biết chi hết. Như thế họ yên tâm không sợ-sết, cho dầu địch bắt được, họ cũng chẳng biết gì mà khai. Có thể địch sẽ dùng thôi-miên buộc họ khai, nhưng vì không biết mật-hiệu đã được nhồi vào tiềm-thức họ cùng một lúc với các điều bí-mật đã giao phó, tiềm-thức họ sẽ không thể nhớ lại để trả lời được. Như vậy, chỉ có kẻ có quyền hỏi, nghĩa là kẻ biết được « mật-hiệu chìa-khóa » mới có thể dùng thôi-miên buộc họ khai. Phương-pháp này từng được Merle Millar tả cặn-kẻ trong truyện *A secret Understanding* và giờ đây đã trở nên thông-dụng trong nhiều cơ-quan gián-điệp.

Ý-kiến ngộ-nghinh hơn hết, có lẽ là của Abner J. Gelula, một tác-giả Hoa-kỳ. Trong truyện *The last war*, ông ta tưởng-tượng ra một phương-pháp chiến-tranh lạ-lùng « chẳng chết ai cả » mà vẫn thắng trận như thường. Theo truyện ấy, một quốc-gia muốn chiến-thắng địch đã cho máy bay phóng xuống đất địch một thứ vi-trùng không làm hại ai, nhưng rất thích giấy tờ. Chỉ trong một thời-gian bao nhiêu giấy tờ của địch, kể cả giấy bạc, đều bị chúng làm tiêu-tan. Tồn-chức của địch liền tan-rã và « chẳng cần đánh họ cũng thua ». Mới nghe thì tưởng như điên-rồ, nhưng xét cho kỹ, nếu giờ đây một nước nào có được thứ vi-trùng kỳ-diệu ấy, ắt sẽ làm rối-loạn hàng-ngũ địch chắc-chắn hơn cả bom nguyên-tử hoặc hạch-tâm.

Ít truyện trên đây cho ta thấy nhiều người đương-thời với ta còn giỏi hơn cả Jules Verne, nhưng họ, cũng như Jules Verne, không thể vì với một Einstein hay một Aristarque de Samos được, vì họ chỉ muốn vượt trước hiện-trạng khoa-học, mặc dầu ý-kiến của họ có vẻ tân-kỳ, còn Einstein và Aristarque de Samos thì lại dám cả gan phủ-nhận hẳn những tư-tưởng, những sự-kiện mà người đương thời với họ đã công-nhận là sự hiển-nhiên.

Dưới đây chúng tôi xin đưa ra ít nhân-vật dám chủ-trương những thuyết đi ngược (hoặc ít ra bề ngoài có vẻ đi ngược), những định-luật ta coi là bất-di bất-dịch.

Thuật luyện-kim (Alchimie) hay là một thứ hóa-học siêu-dăng?

Vào thời buổi này mà còn nhắc đến « thuật luyện kim » không khỏi làm cho nhiều người mỉm cười chê là lạc-hậu, và họ tưởng nhớ ngay đến hình-ảnh những thuật-sĩ cổ-thời, giở như phù-thủy, miệt-mải trong phòng ám khói, để đuổi theo những ước-vọng viễn-vông như thuốc trường-sinh bất-tử hay đá làm vàng.

Sau hai trăm năm tiến-bộ không ngừng, ngành hóa-học đã ngự-trị đời sống chúng ta, và không hề sai lệch định-luật của Lavoisier : khi ta hóa-hợp nhiều đơn-chất thì chất kép tạo ra vẫn giữ đủ số lượng các đơn-chất cấu-từ và khối-lượng của nó đúng là tổng-số khối-lượng của các đơn-chất ấy. Nếu bị ta phân-tích nó sẽ hoàn lại nguyên số các cấu-từ đã dùng, y nguyên cả về lượng lẫn phẩm.

Nhưng giờ đây ta biết rằng khối-lượng có sai đi tí chút, chẳng hạn khối-lượng một phân-tử thán-khí CO_2 không đúng là tổng-số khối-lượng của hai nguyên-tử ôc-xy và một nguyên-tử thán-khí, nó có giảm đi một chút sù, chút sù ấy tuy không cân nào nhận thấy, nhưng nó đã đủ để biến thành khá nhiều năng-lực (ở đây là nhiệt-năng) theo phương-trình $E = \text{MC}^2$ của Einstein. Ngoài ra, đơn-chất cũng không hẳn là bất-di bất-dịch, chẳng hạn Uranium khi tan vỡ biến thành Molybdène và Barium sau khi đã trải qua những trạng-thái trung-gian như Zirconium, Niobium, Tellure, Iode, Xenon, Césium. Cái đòn của Einstein giáng vào định-luật của Lavoisier tuy vậy cũng chẳng làm cho định-luật ấy suy-giảm giá-trị và hiệu-lực trong các thí-nghiệm hóa-học thường ngày, vì sự sai-biệt về khối-lượng không đáng kể còn như sự biến chất hầu như hoàn-toàn thuộc về những chất cực-hiếm ở thế không vững như Uranium, Plutonium, Thorium, Radium v...v..., sự can-thiếp của chúng ta hiện không đi đến đâu, vì những khối đơn-chất được cấu-tạo bằng lối biến-chất (transmutation) trong các phòng thí-nghiệm còn hiếm hơn nữa, hiếm hơn cả những chất cực-hiếm trong lòng đất.

Nhưng cũng có một số người dám đi ngược lại Lavoisier, cho rằng thiên-nhiên không tôn-trọng tính cách bất khả xâm-phạm của định-luật Lavoisier.

Họ không đề cho những kết-quả trong phòng thí-nghiệm làm quáng mắt và họ lưu-ý đến ít nhiều sự-kiện lạ-lùng trong đời sống hàng ngày mà từ trước đến nay không mấy ai nhận thấy.

(còn tiếp)

nhân-sinh hệ-lụy

(xin xem V.H.N.S. từ số 83)

XI

Sáng hôm sau, khi nghe chuông báo thức, Philip thức dậy nhìn quanh phòng lấy làm lạ. Chợt nghe thầy tiếng hát, cậu mới nhớ ra là mình ở đâu.

— Dậy chưa, Singer ?

Vách ván ngăn phòng-ngủ bằng gỗ thông bào nhẵn, có rèm che ở ngoài. Hối đó người ta ít nghĩ đến vấn-đề thoáng-khí. Cửa sổ luôn đóng chặt trừ buổi sáng mở ra để thay không-khí trong phòng.

Philip dậy và quì xuống cầu-nguyện. Sáng hôm ấy lạnh và cậu hơi run, nhưng bác cậu thường dạy rằng sáng dậy cầu kính lúc còn mặc quần áo lót được Chúa chứng-giám hơn là đợi đến lúc mặc quần áo đang-hoàng. Điều đó không có gì lạ đối với Philip vì cậu bắt đầu nhận-thức là cậu là vật sáng-tạo của một đấng chí-tôn thâm rở nổi phiền-muộn của những kẻ thờ-phụng Ngài. Rồi cậu đi tắm rửa. Có 2 nhà tắm dành cho 50 ký-túc-sinh, và mỗi người mỗi tuần được tắm một lần. Ngoài ra, các cậu có thể rửa-ráy ở cái bồn nhỏ kê trên cái giá gỗ, trong mỗi căn phòng, đồ-đặc chỉ có cái giường, một cái ghế dựa và cái giá đó. Khi mặc quần áo các cậu thường chuyện trò vui-vẻ. Philip để ý nghe. Rồi một hồi chuông khác reo và các cậu chạy xuống nhà dưới. Họ ngồi trên những chiếc ghế dài kê bên hai chiếc bàn dài trong phòng. Rồi ông bà Watson tới, theo sau là những người đầy tớ, họ vào phòng và cùng ngồi xuống.

Ông Watson đọc kinh với vẻ cảm-động, những lời cầu-nguyện vang lên như sấm không khác gì những tiếng thét đe-dọa đối với mỗi cậu học-sinh. Philip lo sợ lắng nghe. Ông Watson đọc một đoạn trong thánh-kinh rồi những người đầy tớ cúi đầu lui ra. lát sau, một người đầy tớ trẻ, thô-lỗ, bung vào hai bình trà lớn, rồi chuyễn sau, nó lại bung vào những chiếc đĩa bự đầy bánh mì và bơ.

Philip đói lắm và những lát bơ mỏng trên bánh mì làm cậu thèm ; nhưng cậu thấy các trẻ khác cạo bỏ đi nên cũng bắt chước chúng. Tất cả các trẻ kia

đều có thịt nguội hay những món tương-tự để vào hộp đồ chơi mang theo. Một vài cậu có những món phụ như trứng, thịt muối mà ông Watson cũng được hưởng phần vào đó. Hôm trước khi ông hỏi ông Carey xem Philip có cần những món đó không thì ông Carey đã trả lời rằng không nên nướng chiếu làm hư bọn trẻ. Ông Watson cũng hoàn-toàn đồng ý với ông Carey — ông nhận thấy rằng đối với bọn trẻ đang lớn, không món ăn gì tốt hơn là bánh mì và bơ — nhưng một số phụ-huynh cứng con không phải lỗi thường năn-nỉ được gửi thêm món ăn cho trẻ. Philip nhận thấy cậu nào có món ăn phụ thì được nể-nang hơn nên cậu định khi viết thư cho bác gái Louisa, cậu sẽ yêu-cầu bà gửi cho. Sau bữa ăn sáng, các học-sinh ra chơi lang-thang ngoài sân. Tại đây, trẻ học hàng ngày dần-dần tụ họp. Họ là con các tu-sĩ, các sĩ-quan, các nhà công-nghệ hay nhà buôn trong tỉnh. Bồng chuông reo và họ xếp hàng vào trường. Trường-sở gồm một cái phòng dài, rộng, hai bên hai vị phụ-giáo dạy lớp nhì và lớp ba cùng một cái phòng nhỏ hơn ở phía bên, nơi ông Watson dùng để dạy lớp nhất. Để sát-nhập trường Dự-bị vào trường Trung-học, 3 lớp này, trong các buổi diễn-thuyết hay trong các phúc-trình, được chính-thức gọi là lớp nhì trên, lớp nhì giữa, và lớp nhì dưới.

Philip học ở lớp chót. Thấy giáo cậu tên là Rice, mặt đỏ và giọng nói êm-dịu. Ông có dáng điệu vui-vẻ đối với học-sinh. Thời-giờ đi rất nhanh. Philip ngạc-nhiên khi thấy đã 11 giờ kém 15 và học-sinh được nghỉ 10 phút.

Cả đám người chạy ủa ra sân ồn-ào náo-nhiệt. Họ bảo những trò mới đứng ở giữa sân còn các trò khác đứng dọc hai bên tường đối-diện nhau. Họ bắt đầu chơi trò "Con lợn ở giữa". Các trò cũ chạy từ tường bên này sang tường bên kia trong khi các trò mới ở giữa sân cố bắt những trò chạy qua. Khi một cậu nào bị bắt, và sau khi nghe tiếng: "Một, hai, ba, con lợn của tôi", cậu đó sẽ thành tù-nhân và phải xoay chiếu giúp những trò ở giữa bắt những trò tự-do khác còn đang chạy. Philip thấy một trò chạy qua, định bắt nhưng vì chân cậu cà-nhắc nên không bắt kịp, và những trò chạy, thừa dịp, chạy thẳng sang bên kia. Rồi một trò có ý-kiến hay là bắt chước lời chạy vụng-về của Philip. Những trò khác trông thấy cười ồ. Rồi cả bọn bắt chước cậu thứ nhất, chạy cà-nhắc xung quanh Philip, vừa chạy vừa cười âm lên. Họ điên-cuồng say-sưa với cái trò chơi mới đó và quá vui đùa đến nỗi như tức bụng, nghẹt thở. Một trò quẹo chân Philip khiến cậu ngã phịch xuống, xước đầu gối. Khi cậu nhồm đậy, chúng lại cười to hơn. Một trò khác đứng đằng sau đẩy khiến cậu suýt ngã nên một trò khác không ôm lấy cậu. Họ khoái nhìn thân hình méo-mó của Philip và quần hần trò chơi kia. Rồi một trò nghĩ ra cách nằm lăn ra với cái chân cà-nhắc khiến các trò khác cho là cách giễu-cợt rất hay nên nhiều cậu nằm xuống sân vừa lăn vừa cười. Philip khiếp sợ quá. Cậu không hiểu tại sao họ lại chê-

nhạo cậu. Tim cậu đập mạnh đến nỗi không thở được. Từ nhỏ, cậu chưa bao giờ thấy lo sợ như lần này. Cậu đứng ngậy người ra, trong khi bọn kia chạy quanh, vừa cười vừa chê-giễu. Chúng gào thét để cho cậu bắt chúng, nhưng cậu không nhúc-nhích. Cậu không muốn chúng thấy cậu chạy nữa. Cậu cố nín khóc.

Bồng chuông reo và học-trò lại xếp hàng vào lớp. Đầu gối Philip rướm máu và quần áo cậu bụi-bặm, xước-xèch. Trong mấy phút, ông giáo Rice không giữ nổi trật-tự trong lớp. Các trò vẫn còn khoái về cái trò chơi mới lạ đó và Philip thấy một vài đứa còn liếc nhìn chân cậu. Cậu rúc xuống dưới cái ghế. Buổi chiều họ chơi túc-cầu, nhưng khi Philip chạy ra thì ông Watson cản lại và hỏi:

— Thấy tường con không chơi được túc-cầu, phải không Carey?

Philip đỏ mặt đáp:

— Thưa thầy, không ạ.

— Được, con nên ra sân cầu. Con có thể đi bộ tới đó chứ?

Philip không biết sân cầu ở đâu, nhưng cậu trả lời ngay:

— Đi được ạ.

Ông Rice phụ-trách săn-sóc đám học-sinh này. Ông liếc nhìn Philip, và thấy cậu không thay quần áo nên hỏi tại sao cậu không chơi.

Philip đáp:

— Ông Watson bảo con không cần chơi.

— Tại sao?

Có nhiều trò đứng quanh cậu lúc đó. Họ tò-mò nhìn Philip và thấy Philip xấu hổ. Cậu cúi đầu không đáp. Mấy đứa trẻ khác nói với ông giáo:

— Thưa thầy, nó có một chân đi cà-nhắc.

— Ồ thế à, thầy hiểu rồi.

Ông Rice còn trẻ. Ông mới tốt nghiệp năm trước. Ông cảm thấy bối-rối. Ông có ý-định xin lỗi Philip nhưng ông bẽn-lẽn không nói được. Ông lớn tiếng bảo các trò khác:

— Các em còn chờ gì nữa? Tiếp-tục đi chứ.

Một số đã bắt đầu đi. Số còn lại cũng khởi hành, từng nhóm hai hay ba người. Ông quay bảo Philip:

— Con hãy theo thầy. Con không biết đường phải không?

Philip đoán biết lòng từ-tê của thầy giáo nên nghẹn-ngào nói:

— Con không đi nhanh được, thưa thầy.

Ông Rice nửa cười bảo:

— Vậy thầy sẽ đi rất chậm.

Philip cảm mến ông thầy trẻ tuổi, bình-dân, mặt hồng-hào, nói một lời tử-tê với cậu. Cậu cảm thầy đỡ khổ.

Nhưng, tối đến khi bọn học-sinh cởi quần áo đi ngủ, trò Singer chạy ra khỏi phòng của nó, lại chỗ Philip, gục đầu vào đầu Philip và nói :

— Cho tao xem chân mày nào.

— Không, Philip đáp.

Singer nhảy vội lên giường :

— Đừng nói không với tao. Lại đây Masou.

Cậu bé ở phòng bên đang nhìn quanh góc phòng, nghe tiếng gọi, vội chạy vào, chúng xông lên giường Philip định xé tung cái khăn giải giường nhưng Philip giữ chặt lấy và kêu lên :

— Sao tụi mày không thể để cho tao yên.

Singer vớ lấy cái bàn chải và lấy đốc bàn chải đập mạnh vào tay Philip đang nắm chặt cái chân. Philip kêu lớn.

— Tại sao mày không im lặng thò chân cho chúng tao xem.

— Tao không cho xem.

Bực mình, Philip nắm chặt bàn tay thụi thẳng bé đang dầy xé cậu. Nhưng cậu yếu thế. Nó nắm được tay cậu và định vặn một cái.

— Đừng, đừng, gãy tay tao bây giờ.

— Vậy nằm yên và thò chân ra.

Philip khóc nức nở. Trò kia vặn thêm một cái nữa. Philip đau quá không chịu được bèn nói :

— Được rồi, tao sẽ cho xem.

Philip thò chân ra. Singer vẫn nắm chặt cổ tay cậu. Nó tò-mò nhìn chỗ thọt. Masou hỏi :

— Ghê tởm quá, phải không.

Một trò khác chạy vào nhìn và nói :

— Ghê quá.

Singer chế nhạo :

— Tao cho là kỳ lạ ; có cứng không mày ?

Nó lấy đầu ngón tay trở sờ vào chân Philip, khe khẽ thận-trọng, hình như cái chân cũng là một sinh-vật. Bỗng chúng nghe thầy tiếng chân đi thình-thịch trên cầu thang của ông Watson. Chúng ném chân mém lại cho Philip và chạy về phòng riêng như đàn thỏ.

Ông Watson vào phòng kiếng chân lên ông có thể trông qua cán rèm và nhìn vào một vài phòng nhỏ của học-sinh. Các trò nhỏ đã ngủ yên. Ông tắt đèn rồi đi ra. Singer gọi Philip nhưng Philip không thưa. Cậu cắn chặt răng vào chiếc gối để không ai nghe thầy tiếng khóc của cậu. Cậu khóc không phải vì chúng làm cho cậu đau-đớn, hay vì mỗi nhục-nhã mà cậu cam chịu khi nhìn vào chân mình, nhưng vì cậu tự tức giận mình là đã không chịu nổi sự hành-hạ đến nỗi phải bằng lòng thò chân cho chúng xem.

Và rồi cậu cảm thấy nỗi khổ đau của đời cậu. Tâm hồn non dại của cậu nghĩ rằng sự đau khổ đó sẽ phải kéo dài mãi. Không hiểu vì sao cậu nhớ lại một buổi sáng lạnh mạnh khi Emma bế cậu ra khỏi giường và đặt bên mẹ cậu. Từ hồi đó, cậu chưa nhớ đến chuyện ấy một lần nào, nhưng giờ đây, hình như cậu cảm thấy về âm-áp bên sườn và trong cánh tay bà mẹ. Chợt cậu thấy đời cậu như một giấc mộng, cái chết của mẹ, đời sống ở nhà cha-sở cùng hai ngày khổ-sở vừa qua ở nhà trường, cậu sẽ dậy sớm và lại trở về nhà. Mắt cậu khô lệ khi nghĩ đến điều đó. Cậu khổ-sở quá, nhưng đó chỉ là một giấc mộng, mẹ cậu còn sống và Emma sẽ lên đi ngủ bây giờ. Cậu thấy buồn ngủ.

Sáng hôm sau, khi thức dậy lúc chuông reo, vật đầu tiên mà cậu trông thấy là bức rèm xanh trong phòng cậu.

XII

Thời-gian lẩn trốn và người ta cũng không quan-tâm đến cái chân cà-nhắc của Philip nữa. Người ta chỉ coi nó như bộ tóc đỏ của trò này hay cái thân hình quá mập của trò kia. Trong thời-gian ấy, Philip trở nên vô cùng đa-cảm. Cậu không bao giờ chạy trừ trường-hợp bắt-đắc-đí, vì cậu biết rằng chạy thì cái chân cà-nhắc bị lộ hơn. Cậu áp-dụng một cách đi riêng biệt. Cậu cò đứng yên, càng lâu càng hay chéo cái chân cà-nhắc ra đằng sau để người ta khỏi trông thấy và cậu luôn coi chừng xem có ai nói đến cái chân của cậu chăng. Vì cậu không tham-dự những trò chơi với các trò khác nên không quen lời sòng của họ, cậu chỉ chú-ý đến hành-động của họ với tư-cách một kẻ đứng ngoài cuộc và hình như giữa cậu và họ có một hàng rào ngăn cách. Đôi khi dường như họ nghĩ rằng cậu không chơi túc-cầu được là lỗi tại cậu và cậu không thể giải-thích cho họ hiểu được. Cậu thường tho-thẩn một mình. Trước đó, cậu muốn chuyện trò nhưng dần-dần cậu trở nên im lặng. Cậu bắt đầu nghĩ đến sự dị-biệt giữa cậu và các trò khác.

Singer, trò lớn nhất trong ký-túc-xá, ghét Philip, và Philip vì bé hơn, nên phải chịu đựng nhiều cách đòi-xử tàn-tệ.

Khoảng giữa năm học một trò chơi gọi là «chơi ngòi bút» được mọi người trong trường ham thích. Đó là trò chơi giữa hai người, chơi trên bàn hay trên ghê dài cũng được. Một cậu lấy móng tay hắt mạnh ngòi bút của mình sao cho mũi ngòi bút vượt lên trên mũi ngòi bút của đối-phương trong khi cậu kia vận-dụng để tránh và hắt làm sao cho mũi ngòi bút của mình vượt lên sống ngòi bút của bên kia. Được thế rồi thì ta hà-hơi vào lòng ngón tay cái và ấn mạnh lên hai ngòi bút đó và lúc nhắc ngón tay lên không rơi cái nào là được cả hai. Không bao lâu chỗ nào học trò cũng chơi trò này và trò nào chơi khéo được hàng đồng ngòi bút. Được ít lâu ông Watson cho rằng đó là một lỗi đánh bạc nên ông cầm và tịch-thu hết ngòi bút của bọn học trò. Philip chơi tài lắm; cậu rất buồn lòng khi bị thu hết số ngòi bút cậu được, nhưng tay cậu vẫn ngứa-ngáy còn muốn chơi và mấy hôm sau, trên con đường ra sân banh, cậu rẽ vào một cửa tiệm mua 1 penny ngòi bút chữ J. Cậu bỏ túi mang theo rất thích-thú. Lúc đó Singer thấy Philip có ngòi bút. Trước Singer cũng đã bỏ hết ngòi bút của nó, nhưng nó còn giữ lại một cái to gọi là ngòi Jumbo, ngòi bút hầu như vô-dịch trong khi chơi và nó chỉ mong có dịp đoạt số ngòi J của Philip. Với loại ngòi nhỏ Philip biết rằng cậu chơi không có lợi nhưng cậu chơi giỏi và muốn thử xem. Hơn nữa cậu biết rõ Singer sẽ không để cho cậu từ chối nào. Đã một tuần không chơi, hôm đó cậu lại được nhập cuộc nên lấy làm khoái lắm.

Thoạt tiên cậu mất ngay 2 ngòi và Singer mừng lắm, nhưng lần thứ ba, may thay ngòi Jumbo của Singer trượt vòng quanh và Philip hắt ngòi J vượt qua và thắng cuộc. Giữa lúc đó ông Watson vào.

— Các anh làm gì đây? ông hỏi.

Ông nhìn từ Singer đến Philip, nhưng không cậu nào đáp.

— Các anh có biết tôi đã cấm cái trò chơi khi này không?

Tim Philip đập mạnh. Cậu biết cái gì sẽ xảy ra và lo sợ quá, nhưng trong cái sợ chắc có cái gì đáng mừng. Cậu chưa bị ăn đòn bao giờ. Chắc là đau nhưng đó là điều để khoe-khoang sau này.

— Vào phòng giấy tôi ngay.

Ông Hiệu-trưởng vừa nói vừa quay đi và 2 cậu đi kề bên nhau theo ông. Singer nói thầm với Philip.

— Chúng mình vào để chịu đòn đây.

Ông Watson chỉ Singer bảo:

— Cúi xuống.

Philip sợ xanh mặt, nhìn thấy Singer run lên khi ông hiệu-trưởng quát từng roi vào người nó và sau roi thứ ba thì Philip nghe nó khóc. Rồi ba roi tiếp theo.

— Đủ rồi, đứng lên.

Singer đứng thẳng lên. Nước mắt tràn xuống mặt nó. Philip tiến lên. Ông Watson nhìn cậu một lát.

— Ta không đánh em vì em là một trò mới. Ta cũng không nỡ đánh một đứa tàn-tật. Thôi cả hai cúi đi và đừng hư thân như thế nữa.

Khi hai cậu trở về lớp một nhóm học-trò đã dò biết việc vừa xảy ra, đang đợi họ. Chúng vận hỏi Singer ngay. Singer đứng đối-diện với chúng, mặt đỏ lên vì đau-đớn, và trên má còn những vết nước mắt. Singer hắt đầu chỉ Philip đang đứng đằng sau và nói một cách giận-dữ:

— Nó thoát thân vì nó què.

Philip đứng im lặng, mặt đỏ bừng. Cậu cảm thấy chúng nhìn cậu với vẻ khinh-bí.

Một trò hỏi Singer:

— Mày bị mấy roi.

Singer không trả lời. Nó tức giận vì nó bị đau. Nó bảo Philip:

— Đừng rủ tao chơi chơi ngòi bút với mày nữa nhé.

— Tao có rủ mày đâu.

— Không hử?

Nó vội thò chân quèo Philip một cái. Vồn đứng không được vững, Philip bị ngã phịch xuống đất. Singer mắng:

— Thằng què!

Cho tới cuối năm học Philip vẫn bị Singer hành-hạ tàn-nhẫn. Philip muốn tránh mặt Singer nhưng không thể được vì trường nhỏ quá. Cậu cũng muốn kết-thân và giao-thiệp vui-vẻ với nó. Cậu tự hạ mình đến nỗi phải mua cho nó một con dao nhưng Singer lấy dao mà cũng không hạ dạ. Đôi lần, Philip vì không nhịn nổi có đánh và đá mấy đứa lớn hơn, nhưng Singer khoẻ hơn nhiều cậu đành chịu thua và khi bị Singer bắt nạt, cậu buộc phải xin lỗi. Điều đó làm cho Philip đau lòng; cậu không thể chịu nổi cái nhục phải xin lỗi, nhưng phải làm vì đau quá không chịu nổi. Điểm tệ-hại nhất là cảnh đáng thương của cậu hình như bắt tận; Singer mới mười một tuổi và tới khi mười ba, nó mới lên trường trên. Philip nhận thấy cậu còn phải sống chung hai năm nữa với kẻ đề nện cậu mà cậu không tránh được. Chỉ khi đang học hay đi ngủ cậu mới được sung-sướng. Và thường thường cậu lại thấy phát hiện trong tâm-hồn cái cảm-giác là đời cậu với bao nỗi khổ-nhục kia chỉ là một giấc mộng và sáng hôm sau cậu sẽ thức dậy trong cái giường nhỏ xíu của cậu ở Luân-Đôn.

XIII

Hai năm trôi qua và Philip đã gần đúng 12 tuổi. Cậu học lớp nhất và đứng nhất nhì trong lớp. Sau lễ Giáng-Sinh nhiều trò sẽ lên học trường Trung-học và Philip sẽ dẫn đầu. Cậu đã đoạt được nhiều phần thưởng, những cuốn sách ít giá-trị in giấy xấu, nhưng bìa đóng đẹp có dấu hiệu nhà trường: ở địa-vị đó không ai còn trêu ghẹo cậu nữa, và cậu cũng không khổ-sở nữa. Bạn bè cậu cũng không ghen tức với sự thành-công của cậu vì cậu tậ-t-nghuyên. Họ bảo nhau:

— Kệt-cục, nó dễ đoạt phần thưởng. Nó làm gì được mà chẳng học gao.

Philip không còn sợ ông Walson như trước nữa. Cậu quen với động-nói lớn của ông ta và mỗi khi ông đặt mạnh tay lên vai cậu là cậu nhận biết là ông muốn xoa vai cậu. Cậu có trí nhớ tốt lợi cho sự học-hành tấn tới hơn cả khiêu thông-minh, và cậu biết rằng ông Watson hy-vọng cậu sẽ được học-bổng sau khi rời trường Dự-bị.

Nhưng cậu cũng hiểu mình hơn nhiều. Đứa trẻ sơ-sinh không hiểu rằng thân-thể của nó là một phần của chính nó hơn những vật xung quanh, và khi chơi đùa với ngón chân, nó không tưởng ngón chân ấy lại hơn món đồ chơi bên cạnh. Dần dần, qua những sự đau đớn, nó mới hiểu được sự thực của thân-thể. Con người cũng cần những kinh-nghiệm như vậy mới hiểu được chính mình. Nhưng có điều khác là, dù mọi người hiểu rõ thân mình là một cơ-thể toàn vẹn và riêng biệt nhưng không phải mọi người cùng hiểu được chính mình là một con người toàn vẹn và riêng biệt. Lớn lên thì hầu hết mọi người đều có cảm-tưởng là mình riêng biệt với kẻ khác, nhưng cảm-tưởng đó không phải luôn-luôn phát-triển tới cái mực-độ khả-di làm cho mình nhận rõ mình cũng như những con ong trong tổ sống sung-sướng vì chúng có cái may-mắn nhất để sung-sướng: chúng cùng hoạt-động, và lạc-thú của chúng là lạc-thú của của sự vui chung. Bạn sẽ thấy những người nhảy ở Whit-Monday, la ó về một trận cầu ở Hampstead Heath hay hoan-hê một đám rước của Hoàng-gia trên các cửa sổ cầu-lạc-bộ ở Pall Mall. Vì họ mà đôn người được gọi là con vật của xã-hội.

Từ chỗ ngây-thơ của tuổi trẻ, Philip đi tới chỗ nhận-thức được chính mình nhờ sự giễu-cợt cái chân cà-nhắc của cậu. Trường-hợp hoàn-cảnh của cậu quá đặc-biệt nên cậu không thể áp-dụng trong đó những định-luật tỏ ra hữu hiệu ở các việc thường, và cậu buộc phải suy nghĩ cho chính cậu. Sách vở đã đọc làm cho đầu óc cậu đầy những ý-nghĩ, nhưng vì có một mình nên chỉ làm tăng thêm sức tưởng-tượng của cậu. Bên trong nỗi

bên-lên đau-đớn của cậu có cái gì đang trường-thành để cậu ngẫm-ngám nhận-thức được chính mình. Nhưng đôi khi cậu thường ngạc-nhiên. Cậu làm mọi việc mà không biết tại sao lại làm và sau đó, khi nghĩ tới, cậu thấy lòng bồi-rối.

Ở trường có một cậu tên là Luard chơi thân với Philip. Một hôm hai cậu đang ở trong lớp, Luard bắt đầu diễn mấy trò chơi bằng cái quản bút gỗ mun của Philip. Philip bảo:

— Đừng chơi đại thế, anh chỉ làm gãy bút thôi.

— Không gãy đâu.

Luard chưa nói dứt câu thì cái quản bút đã bẻ làm đôi. Cậu nhìn Philip hoảng-sợ.

— Ô, tôi rất lấy làm ân-hận.

Philip không đáp lại, nước mắt từ từ chảy xuống đôi gò má. Luard kinh-ngạc hỏi:

— Sao thế anh, tôi sẽ đến anh cái đúng thế này.

Philip nói, giọng run run:

— Đầu phải vì cái quản bút mà tôi buồn; tôi buồn chỉ vì đó là vật mà mẹ tôi cho tôi trước khi người qua đời.

— Carey ơi, tôi vô cùng ân-hận.

— Không sao; đầu phải lỗi tại anh.

Philip cảm lấy hai đầu quản bút gãy và ngẫm nghĩa. Cậu cò nín khóc. Cậu cảm thấy đau-khổ quá. Nhưng cậu không thể nói tại sao, vì cậu biết rõ là chính cậu đã mua cái quản bút đó trong dịp nghỉ cuối cùng ở Blackstable giá một hay hai pence. Cậu không hiểu tại sao cậu lại bịa ra câu truyện thương-tâm đó, nhưng cậu cảm thấy cũng khổ-sở như truyện đó có thực. Không-khí tôn-nghiêm tại nhà cha sở và tại trường học đã làm cho lương-tâm của cậu rất dễ cảm-xúc. Tự nhiên cậu thấy cái cảm-giác là ma quỷ luôn-luôn rình-rập để chiếm đoạt tâm linh-hồn bất tử của cậu. Dù cậu không hẳn thực-thà hơn tất cả các trẻ khác nhưng không bao giờ cậu nói dối mà không hồi-hận. Khi suy-nghĩ kỹ về việc vừa xảy ra cậu rất buồn rầu và quyết-định phải đi nói cho Luard biết rằng câu truyện lúc này là bịa đặt. Dù cậu sợ điều si-nhục hơn tất cả cái gì trên thế-gian này nhưng trong mấy ngày liền cậu áp-ủ cái cảm-tưởng được sung-sướng là tự chịu nhục để làm rạng danh Thượng-đế. Tuy vậy cậu chỉ nghĩ thế thôi. Cậu tự an-ủi lương-tâm bằng cách dễ chịu là chỉ tỏ bày lòng hồi-hận trước đảng vận-năng. Cậu không hiểu tại sao cái truyện bịa ra lại có thể làm cho lương-tâm bị cắn rứt đến thế. Nước mắt chảy trên gò má cậu là những giọt lệ thực. Rối vì sự ngẫu-hợp nào đó cậu lại hình dung thấy cái khung-cảnh khi Emma báo cho

cậu biết là mẹ cậu chết, và khi, tuy đang khóc không nói được, cậu cũng đi vào phòng từ biệt cô Watkin để mọi người nhìn thấy nỗi đau buồn của cậu và thương hại cậu.

XIV

Hồi đó một phong-trào mộ đạo tràn qua trường học. Người ta không còn nghe thầy những lời nói bậy-bạ và cũng không dung thứ tinh hung-ác của những trẻ nhỏ; những trò lớn, chẳng khác gì những vị chúa tể đời Trung-cổ, dùng sức mạnh hai cánh tay buộc những trò nhỏ hơn mình phải theo con đường đạo-đức.

Vốn có đầu óc luôn luôn ham muốn điều mới lạ nên Philip thành cậu bé rất mộ đạo. Ít lâu sau được biết là có thể gia-nhập một Hội Thánh-kinh, cậu bèn viết thư về Luân-Đôn để hỏi chi-tiết. Thê-lệ nhập hội là: điền vào một mẫu đơn tên, tuổi, trường theo học của ứng-viên, ký vào một bản tuyên-bổ trình-trọng là cam-kết đọc một đoạn kinh-thánh mỗi đêm trong suốt một năm. Ứng-viên còn phải đóng nửa đồng crown một là để chứng-tỏ lòng sốt-sắng của ứng-viên muốn trở nên một hội-viên, hai là để trả những phí-tồn về giấy tờ. Philip gửi đủ giấy tờ và tiền nong, và đôi lại, nhận được một cuốn lịch giá đáng độ một đồng penny trên có ghi rõ đoạn kinh phải đọc hàng ngày và một tờ giấy một bên có vẽ tranh người chẵn-cừu và một con cừu, còn một bên là một câu nguyện ngắn, đóng khung trong những dòng đỏ, để cầu trước khi bắt đầu đọc.

Tôi nào cậu cũng cố cời quần áo cho mau để có đủ thì giờ đọc kinh trước khi đèn tắt. Như thường lệ, cậu đọc rất chăm-chỉ những truyện đọc ác, lừa bịp, bội-bạc, giả-dối, tinh ranh hèn-hạ, mà không hề phê-bình. Nếu những hành-động ấy diễn ra chung quanh cậu thì cậu đã kinh-tởm, nhưng vì ở trong sách kinh, nên cậu đọc qua không phê-phán vì cho đó là do Chúa trực-tiếp xui khiến. Phương-pháp của Hội là đồng thời cùng đọc một quyển kinh Tân-ước và một quyển kinh Cựu-ước. Một đêm kia, Philip đọc thầy những lời sau đây của đức Chúa Giê-Su:

« Nếu con có đức tin, và không nghi ngờ gì nữa, thì không những con có thể sai khiến một cây sung, mà nếu con bảo trái núi này phải chuyển ra ngoài biển, trái núi cũng phải tuân theo. »

« Và tất cả mọi điều đó, nếu con cầu xin và tin-tưởng, con sẽ được như ý. »

Những câu trên không hề gây ấn-tượng đặc-biệt nào đối với Philip, nhưng hai ba hôm sau, vào ngày chủ-nhật, ngẫu-nhiên thấy Giông ở đây dùng những câu trên làm đầu-để bài giảng. Nhưng dù Philip có muốn nghe chẳng nữa cậu

cũng không thể nghe được vì học-trò trường King ngồi ở chỗ nghe kinh còn bàn giảng thì lại kê ở góc hành-lang nhà thờ khiến thầy Giông hầu như quay hẳn lưng lại chỗ các cậu ngồi. Bàn giảng lại quá xa chỗ ngồi nghe nên cần phải có người tốt đong và biết cách diễn-thuyết thì người ngồi chỗ nghe kinh mới nghe nổi. Theo thường lệ, thầy giảng ở Tercanbury được lựa chọn theo trình-độ kiến-thức hơn là theo những đặc-tính khả-di ứng-dụng trong đại giáo-đường. Tuy nhiên, có lẽ Philip vừa mới đọc qua trước nên những chữ trong bài giảng đều lọt tai cậu khá rõ và hình như thỉnh-linh có một tác-dụng riêng đối với cậu. Suốt giờ lễ cậu suy-ngẫm về những câu đó và đêm hôm ấy, khi đi ngủ, cậu giờ kinh phúc-âm và xem lại đoạn này một lượt nữa. Tuy trong thâm-tâm, cậu tin mọi điều trong sách nhưng cậu cũng đã hiểu rằng kinh-thánh thường khi nói rõ thế này nhưng lại có ý-nghĩa bí-ẩn khác. Cậu không muốn hỏi ai ở trường học nên mãi tới dịp nghỉ lễ Giáng-Sinh cậu mới có cơ-hội tìm hiểu. Hôm ấy tại nhà bác cậu ở Blackstable, mọi người đã ăn cơm tối và câu nguyện xong, bà Carey đang ngồi đềm trướng do Mary Ann bung vào và như thường lệ, bà đi ngủ lên tầng quá. Philip đứng bên chiếc bàn và giả vờ như đang vô-tình giờ quyền kinh-thánh.

« Thưa bác, đoạn này trong kinh nghĩa có đúng như thế không ạ ? »

Cậu chỉ ngón tay vào đoạn kinh làm như cậu vừa ngẫu-nhiên đọc thầy. Ông Carey ngược nhìn qua cặp kính. Ông đương cầm tờ *Blackstable Thờ-báo* trước lò sưởi. Tờ báo vừa gửi tới lúc tối và hơi ấm và ông Carey thường ho báo độ mười phút trước khi đọc.

— Đoạn nào đó? Ông hỏi Philip.

— Tại sao lại nói là nếu con có đức-tin con có thể chuyển được núi?

— Trong kinh nói thế nào là đúng như thế, bà Carey ôn-tôn bảo Philip, tay bung rõ trướng lên.

Philip nhìn sang ông bác chờ cậu trả lời.

— Đó là vấn-đề đức-tin.

— Có phải bác định nói là, nếu bác tin thực bác có thể chuyển được núi?

— Nhờ ơn Thượng-đê thì được.

Bà Carey xen vào:

— Thôi chào bác giai rồi đi ngủ. Cháu đâu có muốn chuyển núi tôi nay, phải không?

Philip để ông Carey hôn vào trán một cái rồi đi trước bác gái lên gác. Cậu đã hiểu điều cậu thắc-mắc. Phòng nhỏ của cậu lạnh như băng và khi mặc áo ngủ cậu run lập-cập. Nhưng cậu vẫn có cảm-giác là câu-nguyện trong hoàn-

cánh khất-khe thì lời cầu nguyện mới để làm hài lòng Thượng-đề hơn. Về giá lạnh của chân tay cậu là vật hiệu đáng lên Thượng-đề. Đêm hôm đó, cậu quì xo-người, hai tay úp kín mặt, hết lòng cầu Thượng-đề cứu chữa cho chân cậu khỏi cà-nhắc. Đây chỉ là việc rất nhỏ so với việc chuyên núi. Cậu biết là Thượng-đề có thể làm thế nếu Ngài muốn và cậu hoàn-toàn tin-tưởng. Sáng hôm sau, đọc kinh xong, cậu lại cầu như vậy và cậu ấn-định một thời-hạn cho phép nhiệm-mầu.

"Kính lạy đấng Thượng-đề. Xin Ngài rủ lòng nhân-từ bác-ái làm cho chân con được lành-lặn vào cái đêm trước hôm con trở lại nhà trường".

Cậu rất sung-sướng đặt việc cầu xin kia thành một cái lệ. Trong phòng ăn cậu nhắc lại câu đó vào phút im lặng sau khi ông Carey đọc kinh và trước khi ông đứng dậy. Cậu lại đọc lời cầu xin vào buổi tối và cả lúc 'run-rẩy trong manh áo ngán trước khi đi ngủ. Cậu rất tin-tưởng, và lần đầu tiên, cậu sốt ruột mong chóng hết ngày nghỉ. Cậu cười một mình khi nghĩ đến lúc bác sừng-sốt trông cậu chạy xuống cầu thang từng ba bậc một, và sau khi ăn sáng cậu và bác gái Louisa có thể sẽ vội đi mua một đôi giày mới. Bạn bè ở trường chắc phải ngạc-nhiên, và hỏi :

— Carey ơi, chân mày ra sao ?

— Lành rồi, cậu sẽ trả lời tự-nhiên, coi như đó là một sự rất tự nhiên ở trên đời. Cậu sẽ có thể chơi túc-cầu. Tim cậu nháy lên khi cậu thấy mình chạy, chạy, chạy nhanh hơn bất cứ đũa nào. Vào cuối mùa học Phục-sinh có những trận thể-thao và cậu có thể dự những cuộc chạy đua ; cậu tưởng-tượng nhảy qua hàng rào. Sẽ vui-vẻ biết mấy khi được như mọi người, không bị những trò mới tò-mò ngấm-nghía vì chúng biết đâu về cái chân cà-nhắc của cậu, và cũng không cần thận-trọng giữu chân xuống nước khi cỡi quần áo trong những lúc tắm về mùa hè.

Cậu hết sức cầu-khẩn. Cậu không còn chút nghi-ngờ nào và tin ở Thượng-đề. Đêm hôm trước khi trở lại trường học cậu đi ngủ với một niềm hứng-khởi lạ-lùng. Bên ngoài tuyết phủ. Bà Louisa còn phải cho đốt lửa trong phòng mặc dầu bà không quen lối xa-xi ấy. Nhưng trong phòng Philip thì lạnh quá đến nỗi ngón tay cậu tê điếng, tháo cái cổ áo ra cũng rất khó-khăn. Rằng cậu nghiêng lại. Cậu chợt nghĩ phải làm cái gì khác thường để được Chúa chú-ý tới. Cậu vén cái thảm trải ở trước giường để quì xuống ván không. Rồi lại sợ rằng áo ngủ còn là một vật ếm-dụ khả-di làm Chúa không hài lòng nên cậu cỡi nốt ra để mình trần cầu-nguyện. Khi lên giường cậu lạnh quá không sao ngủ được, nhưng lúc ngủ được thì lại say quá đến nỗi sáng hôm sau khi mang nước

nóng vào cho cậu, Mary Ann phải lay mạnh, cậu mới thức giấc. Chị ta nói chuyện khi kéo rèm nhưng cậu không đáp ; cậu nhớ ngay rằng đây là buổi sáng của sự mầu-nhiệm. Lòng cậu đầy niềm hoan-lạc và biết ơn. Ý-nghĩ đầu tiên của cậu là thò tay xuống để xem cái chân đã khỏi. Nhưng làm như vậy có vẻ là nghi-ngờ lòng bác-ái của Thượng-đề. Cậu biết chắc là chân cậu đã khỏi. Nhưng sau cùng cậu quyết-định, cậu lấy ngón chân phải sờ chân trái. Rồi cậu lấy tay sờ.

Cậu đi cà-nhắc xuống dưới nhà giữa lúc Mary Ann đang vào phòng ăn để cầu-nguyện, rồi cậu ngồi xuống ăn sáng.

Bà Louisa bèn hỏi :

— Philip ơi, sáng nay cháu rất im lặng.

Cha sờ bảo :

— Cháu nó đang nghĩ đến bữa ăn ngon sáng mai ở nhà trường.

Khi Philip trả lời thì cách trả lời thường làm bác cậu tức mình và nó không ăn nhập với vấn-đề đang nói. Ông cho đó là tật lơ-dăng rất xấu. Philip nói :

— Giả thử bác cầu xin Thượng-đề điều gì mà thành thực tin rằng điều ấy sẽ xảy ra, như việc chuyển một hòn núi, và bác có đức-tin và điều ấy đã không xảy ra, thì là nghĩa làm sao ?

Bà Louisa mắng yêu cháu :

— Cháu thật hay bông lơn. Mấy tuần trước cháu đã hỏi về chuyện núi rồi.

Ông William đáp :

— Thế có nghĩa là cháu chưa có đức tin.

Philip cho lời giải-thích ấy là phải. Thượng-đề không chữa chân cho cậu vì cậu không thực tin. Nhưng cậu cũng không biết tin như thế nào cho hơn bây giờ. Có lẽ Thượng-đề chưa đủ thì giờ chữa chân cậu. Cậu cầu xin mới được mười chín ngày. Trong vài ngày nữa cậu lại bắt đầu cầu thêm và lần này cậu ấn-định thời hạn là cầu cho tới dịp Lễ Phục-Sinh. Đó là ngày phục-sinh của Chúa Cứu-thê và trong hạnh-phúc của Người. Thượng-đề có thể sẵn-sàng ban ân-huệ cho nhân-loại. Nhưng giờ đây Philip có nhiều cách để đạt tới nguyện-vọng. Cậu bắt đầu ước muốn khi cậu nhìn thấy mặt giăng mới hay con ngựa đốm và tìm xem những ngôi sao đổi ngôi ; trong dịp nghỉ phép, ở nhà cha-sờ có thịt gà, cậu nhai xương với bác Louisa và cậu ước mong chân cậu có thể lành. Cậu vô tình cầu-khẩn cả những vị thần-linh xưa hơn Thượng-đề của Do-thái đối với chủng-tộc cậu. Suốt ngày, bất cứ lúc nào rảnh, cậu cũng cầu-nguyện đấng Vạn-năng bằng những câu tương-tự vì cậu cho rằng điều quan-trọng là lời cầu-nguyện không nên thay đổi. Nhưng cậu chợt có cảm

giác là lần này đức tin của cậu cũng chưa đủ mạnh. Cậu vẫn bứt-rứt vì nghi-ngờ. Cậu đã đặt kinh-nghiệm bản-thân thành một định-luật chung. Cậu thường nói: Tôi cho rằng không ai có đủ đức tin.

Đó chẳng khác gì câu chuyện « muối bỏ đuôi chim » mà chị vú thường bảo cậu: hễ rắc muối vào đuôi chim thì bắt được chim. Có lần cậu mang một gói muối ra công-viên Kensington, nhưng cậu không hề lại gần được con chim nào để bỏ muối vào đuôi nó. Trước lễ Phục-sinh cậu thôi không cầu xin nữa. Cậu thấy hơi giận bác cậu vì đã lừa dối cậu. Đoạn kinh nói về việc chuyển núi chỉ là một trong những đoạn nói thề này nhưng nghĩa thề khác. Cậu nghĩ rằng bác cậu có ý giễu-cợt cậu.

(còn tiếp)

NGUYỄN-HUY-ĐÓN dịch



THẺ-LỆ MUA VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN (kể từ năm 1963)

Mỗi số (Tư-nhân) :	12\$	1 năm	(12 số) :	120\$
		nửa năm	(6 số) :	60\$
Mỗi số (Công-sở) :	24\$	1 năm	(12 số) :	240\$
		nửa năm	(6 số) :	120\$

Gửi bảo-dảm, mỗi số tính thêm 8\$

- Các cơ-quan hoặc tư-nhân tại Ngoại-quốc mua dài hạn trả 8 Mỹ-kim một năm (12 số), kể cả cước-phi gửi bằng đường thủy.
- Độc-giả mua dài hạn xin gửi phiếu mua báo và ngân-phiếu về Ô. Giám-Đốc Nha Văn-Hóa (89, Đường Lê-Văn-Duyệt, Sài-gòn).

TIN-TỨC VĂN-HÓA

A. TIN TRONG NƯỚC

1. TÔNG-THỐNG CHỦ-TỌA LÊ KHÁNH-THÀNH TRƯỞNG QUỐC-GIA NGHĨA-TỬ.

Hồi 8 giờ sáng 14-8-63, Tông-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa đã chủ-tọa lễ khánh-thành Trường Quốc-gia Nghĩa-Tử tại đường Võ-Tánh, vùng Tân-Sơn-Hòa thuộc tỉnh Gia-Định. Sau khi duyệt các phân-đội Hải, Lục, Không-quân dàn chào, Tông-Thống đã lên an-tọa tại khán-đài danh-dự.

Trong buổi lễ, ông Nguyễn-Đình-Thuần, Bộ-Trưởng Phụ-tá Quốc-Phòng đọc diễn-văn trước tiên, nhấn mạnh về lòng ưu-ái của Tông-Thống đối với các chiến-sĩ và gia-đình, nhất là việc Tông-Thống ban hành đạo-luật qui-định sự liên-đới tương-trợ các cựu chiến-sĩ và cô-nhi quả-phụ và ra lệnh thiết-lập Quốc-gia Nghĩa-Tử-Cuộc để gây-dựng cho con cái các tử-sĩ và tàn-phế-binh.

Kết-luận, ông Nguyễn-Đình-Thuần nói: « Nhân dịp này, tôi xin đạo-đạt lên Tông-Thống lòng tri-ân sâu-xa và niềm tin-tưởng mạnh-mẽ của các gia-đình được săn-sóc, của các chiến-sĩ và các cán-bộ chiến-đấu. Đồng-thời, tôi cũng xin thành-thực cảm ơn các vị hảo-tâm Việt-Nam và ngoại-quốc, cùng những nhà chuyên-môn đã sốt-sắng tham-gia vào công-cuộc hữu ích này. »

Tiếp đến, Tông-Thống ban huấn-từ nguyên-văn như sau :

« Hôm nay, nhân ngày lễ khánh-thành ngôi trường của Quốc-gia Nghĩa-Tử-Cuộc, tôi có lời khen ngợi Ủy-ban vận-động đã thực-hiện hoàn-mỹ công-trình này, trước là để thể-hiện tinh-thần liên-đới quốc-gia, sau là để biểu-đương chủ-trương của Chánh-phủ đặc-biệt nâng đỡ các cựu chiến-sĩ, các cô-nhi quả-phụ và gia-đình tử-sĩ.

« Người chiến-sĩ xông-pha nơi tiền-tuyến, hy-sinh xương máu để bảo-vệ non sông xứ-sở, bảo-toàn an-ninh, hạnh-phúc và tự-do cho đồng-bào, phải được tri-ân, tôn-trọng và săn-sóc ân-cần.

« Trong giai-đoạn hiện-tại, với Quốc-sách Ấp chiến-lược, nỗ-lực của người chiến-sĩ thêm phần quan trọng, vì không những đòi với Cộng-sản bạo-tàn, phải gìn giữ từng thửa ruộng mảnh vườn, mà còn phải bảo-vệ cuộc cách-mạng chánh-trị kinh-tế, xã-hội tại các thôn, ấp.

« Trong xã-hội mới mà chúng ta đang thực-hiện, đứng với thang giá-trị mới, người chiến-sĩ và gia-đình của họ phải được một địa-vị ưu-đãi, tỏ rõ lòng ngưỡng mộ và sự biết ơn của chúng ta.

« Đã từ lâu, nguyên-vong của Chánh-phủ là tạo-lập cho người chiến-sĩ và gia-đình các bảo-đảm cần-thiết cho đời sống hiện-tại và tương-lai của họ.

« Hiện nay vấn-đề ưu-tiên là tìm sinh-kê cho thương-phê-binh, cho quâ-phụ, và chăm-nom săn-sóc con em tử-sĩ. Chánh-phủ đã cho nghiên-cứu việc tìm kiếm tài-nghuyên, khá-đi cung-cấp, nuôi-đưỡng các công-cuộc có thể thực-hiện trong hiện-tại và trong tương-lai cho thương-phê-binh cùng gia-đình tử-sĩ.

« Trong tinh-thần ấy, luật số 3/62 ngày 17-1-1962 qui-định sự liên-đới quốc-gia trong-trợ các cựu chiến-sĩ và cô-nhi quâ-phụ đã được ban hành. Kế tiếp sắc lệnh số 72-QP ngày 27-7-1963 đã thành-lập "Quốc-Gia Nghĩa-Tử-Cuộc" nhằm mục-đích nuôi-đưỡng và dạy-đỗ con trẻ của các chiến-sĩ đã bỏ mình vì Tổ-Quốc.

« Tuy nhiên, phương-tiện của Chính-phủ chỉ có hạn, nên sự trợ-lực của các tổ-chức tương-tê và của tư-nhân rất là cần-thiết.

« Nâng cao mức sống của thương-phê-binh và cô-nhi quâ-phụ, đòi với toàn-dân, là một bổn-phận; những công-lao của chiến-sĩ nơi tiền-tuyên phải được đền bù bằng sự chăm-nom săn-sóc ở hậu-phương.

« Nhân buổi lễ khánh-thành Trường Trung-Học đầu tiên của Quốc-gia Nghĩa-Tử-Cuộc này, tôi kêu gọi toàn-thể đồng-bào hãy giúp Chánh-phủ bằng mọi cách để nâng-đỡ gia-đình chiến-sĩ và cô-nhi quâ-phụ, vì đó là một công-cuộc ái-quốc, và công-bằng xã-hội cao-cấp.

« Tôi mong rằng ngôi trường này sẽ là nơi đào-tạo những thế-hệ Thanh-niên Cộng-Hòa hùng-mạnh, có đủ ba đức-tính Nhân, Trí, Dũng, xứng đáng với truyền-thống anh-dũng của Dân-tộc Việt-Nam».

Tham dự buổi lễ khánh-thành Trường Quốc-gia Nghĩa-Tử sáng 14-8-1963, trên khán-dài danh-dự người ta nhận thấy có nhiều nhân-vật cao cấp, trong số có Phó Tổng-Thống Nguyễn-Ngọc-Thor; ông Trương-Vinh-Lê, Chủ-Tịch Quốc-Hội; ông Đinh-Văn-Huân, Chủ-Tịch Viện Bảo-Hiến; các vị Bộ-Trưởng; các Trường Phái-đoàn Ngoại-giao và Lãnh-sự; Đại-Tướng Paul D. Harkins, Chỉ-huy-trưởng Bộ Tư-lệnh Viện-trợ Quân-sự Mỹ tại Việt-Nam, nhiều vị tướng-lãnh và sĩ-quan cao-cấp cùng Thiếu-Tá Nguyễn-Đức-Xích, Tỉnh-Trưởng Gia-Định.

Sau khi cất băng khánh thành, Tổng-Thống và quan-khách tiến vào trong trường để nghe kiến-trúc-sư Trương-Đức-Nguyên trình-bày về công-trình tạo-tác nhà trường trước khi viếng thăm mọi cơ-sở.

Sau khi dự tiệc trà tại phòng khách danh-dự, Tổng-Thống đã ngỏ lời khen ngợi các nhân-viên Ủy-ban vận-động thực-hiện Quốc-Gia Nghĩa-Tử-Cuộc. Thiết-tưởng cũng nên nhắc lại, ủy-ban này gồm có các ông Trương-Văn-Chôm, Khoa-Trưởng Dược-Khoa Đại-Học, Chủ-Tịch; Nguyễn-Văn-Hoanh, Chủ-Tịch Hội-đồng Đô-Thành, Đệ-nhất Phó Chủ-Tịch; Trần-Ngọc-Trinh, thầu-khoán, Đệ-nhị Phó Chủ-Tịch; Đinh-Văn-Khai, chủ-nhiệm báo Tiếng Chuông, Thư-ký; Dược-sĩ La Thành-Nghệ, Thủ-quỹ; Thiếu-Tướng Trần-Tử-Oai, Giám-Đốc Nha Chiến-Tranh Tâm-Lý; Nguyễn-Đình-Hưng, Đông-Lý Văn-Phòng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục; Trung-Tá Trương-Khuê-Quan, Giám-Đốc Nha Xã-Hội Quân-Đội. Nhiều vị hảo-tâm sốt-sắng tham-gia vào công-cuộc xã-hội này cũng đã được trình-diện với Tổng-Thống.

Tổng-Thống trở về Thủ-đô vào hồi 9 giờ.

2. THÔNG-ĐIỆP CỦA TỔNG-THỐNG VIỆT-NAM CỘNG-HÒA NHÂN DỊP KỶ-NIỆM ĐỆ BÁCH CHU-NIÊN SÁNG-LẬP HỒNG-THẬP-TỰ (1-9-1963).

« Nhân ngày lễ kỷ-niệm sáng-lập Hồng-Thập-Tự, tôi thiết-tha kêu gọi đồng-bào các giới hãy đem hết thiện-chí từ-tâm trợ giúp các thương-phê-binh, các cô-nhi quâ-phụ, các gia-đình tử-sĩ, các nạn-nhân của cảnh khời lửa tang-tóc do Cộng-sản và tay sai gây ra.

« Tôi cầu chúc cho Hồng-Thập-Tự Việt-Nam càng ngày càng phát-triển sâu rộng, thêm nhiều phương-tiện hoạt-động để phụng-sự đắc-lực Dân-tộc và lý-tưởng Nhân-ái chung».

3. TRƯỜNG LUẬT TỒ-CHỨC BUỔI LỄ DIỄN-GIẢNG KHAI-MẠC VỚI ĐỀ-TÀI: "VẤN-ĐỀ ĐỐI-LẬP TRONG CHÍNH-THỂ DÂN-CHỦ".

Buổi lễ diễn-giảng khai-mạc niên-khoá 1963-64 của Trường Đại-học Luật-khoa Sài-gòn đã được tổ-chức sáng 1-8-63 dưới quyền chủ-tọa của Giáo-sư Lê-Văn-Thới, Viện-Trưởng Viện Đại-học Sài-gòn, đại-diện ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục.

Giáo-sư Thạc-sĩ Nguyễn-văn-Bông đã thuyết-trình trong buổi khai-giảng này về đề-tài "Vấn-đề đối-lập trong chính-thể Dân-chủ".

Trong 50 phút đồng-hồ, Giáo-sư Nguyễn-văn-Bông đã trình-bày một cách hấp-dẫn một vấn-đề tế-nhị. Về tầm quan-trọng của vấn-đề đối-lập, diễn-giã có đề-cập đến sự liên-quan giữa đối-lập và chánh-quyền, đến tất cả những vấn-đề trọng-

đại của cuộc sinh-hoạt chính-trị đối-lập, tiêu-chuẩn của chính-thể Dân-chủ. Những đặc-diểm của đối-lập, địa-vị của nó trong những chế-độ chính-trị Dân-chủ và độc-tài cũng như sự đối-lập chân-thành và xây-dựng, đối-lập chống chính-thể, đối-lập về ý-thức-hệ đều được ông giải-thích rõ-ràng.

Bàn về vai-trò của đối-lập, Giáo-sư Nguyễn-Văn-Bông đã phân-tách tỉ-mỉ sự hạn-chế và kiểm-soát chánh-quyền : ở giai-đoạn tuyên-cử, việc bảo-đảm tính-cách đích-xác và công-khai của những quyết-định Nhà Nước và trên bình-diện Quốc-Hội.

Nói đến sự cộng-tác với chánh-quyền, diễn-giả nêu lên tính-cách phức-tạp của thực-tại chính-trị, việc đối-lập chủ-trương một chính-sách để thay thế chính-quyền hay duy-trì sự liên-tục của chánh-quyền.

Trình-bày đến quy-chế của đối-lập, diễn-giả cho rằng đối-lập phải là một đối-lập tự-do và xây-dựng để có thể đảm-đương một cách hoàn-hảo vai trò trong-vực của nó sau khi đã giải-thích quyền-hạn và nghĩa-vụ của đối-lập.

Để kết-thúc buổi diễn-giảng, Giáo-sư Nguyễn-Văn-Bông, sau khi đã phân-họa trên lý-thuyết vai trò và quy-chế của đối-lập, giải-thích những lý-do của sự vắng mặt đối-lập trong những tân quốc-gia, như là ở các nước chậm tiến. Theo diễn-giả, trình-độ hiểu biết về chính-trị cũng như về luật-pháp của đa số dân-chúng về tính-cách đối-lập trong chính-thể Dân-chủ là một trong những lý-do chánh và hậu-quả của sự vắng mặt đó trong công-cuộc xây-dựng song-phương nền Dân-chủ giữa chánh-quyền và đối-lập.

4. SINH-VIÊN HUƠNG-CẢNG GHÉ THĂM VIỆT-NAM.

Chiều 31-7-63, phái-đoàn sinh-viên tốt-nghiệp Đại-học-đường Hương-Cảng đã ghé lại Sài-gòn trong năm tiếng đồng-hồ trên đường đi Thái-Lan trong cuộc du-hành khảo-sát các nước Đông-Nam-Á.

Trong lúc ghé Thủ-đô Việt-Nam, phái-đoàn sinh-viên Hương-Cảng đã đến thăm Phòng bài lao sinh-viên, Cư-xá nữ sinh-viên tại đường Trần-Quý-Cáp và Làng Đại-học ở Thủ-Đức.

Phái-đoàn gồm 29 sinh-viên, trong số có 15 nữ sinh-viên và phần đông đều gốc Trung-Hoa do cô Priocilla Mark trong Ban Giám-học của Phân-bộ nghiên-cứu ngoại-chương-trình của Đại-học-đường Hương-Cảng, hướng-dẫn, cũng đã tiếp-xúc với các nhân-vật cao-cấp trong giới Đại-học ở đây.

Giáo-sư Nguyễn-Đình-Hòa (Văn-khoa), Chủ-tịch Ủy-ban Quốc-gia TƯƠNG-TRỢ ĐẠI-HỌC QUỐC-TẾ (WUS) Việt-Nam và các sinh-viên trong Ủy-ban tại Sài-gòn, đã tiếp đón phái-đoàn sinh-viên bạn và hướng-dẫn thăm viếng những nơi nói trên. Tại Tòa Viện-trưởng, Giáo-sư Lê-Văn-Thới, các vị Khoa-trưởng và các

giáo-sư đã tiếp đón và ngỏ lời hân-hoan chào mừng phái-đoàn đã ghé thăm Việt-Nam.

Những du-khách sinh-viên này cũng đã được hướng-dẫn đi thăm làng Đại-học và trung-tâm thành-phố Sài-gòn một vòng bằng xe buýt trước khi lên phi-trường đi Thái-Lan.

5. LỄ PHÁT CHỨNG-CHỈ VÀ PHẦN THƯỜNG TẠI TRUNG-TÂM VĂN-HÓA ĐỨC.

Chiều 1-8-63, tại Trung-tâm Văn-hóa Đức, trên 150 học-viên các lớp Đức-ngữ đã nhận lãnh chứng-chỉ và phần thưởng trong một buổi lễ đặt dưới quyền chủ-tọa của Giáo-sư Nguyễn-Quang-Trình, Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục-Nam-Tước Von Wendland, Đại-sứ Cộng-Hòa Liên-Bang Đức, cùng một số đồng-quan-khách cũng hiện-diện trong buổi lễ này.

Những học-viên nói trên đã thi đậu trong hai kỳ thi mãn-khóa năm 1963, tổ-chức dưới sự bảo-trợ của Viện Goethe ở Munich. Trong khóa thứ nhất có 128 học-sinh thi đậu.

6. 634 SINH-VIÊN ĐƯỢC THU NHẬN VÀO TRUNG-TÂM QUỐC-GIA KỸ-THUẬT PHÚ-THỌ.

Năm nay, có 634 sinh-viên được thu nhận vào các trường Cao-Đẳng của Trung-tâm Quốc-gia Kỹ-thuật Phú-Thọ. So với 511 sinh-viên thu nhận trong niên-khóa 1962-1963, năm nay Trung-tâm kỹ-thuật Phú-Thọ thu-nhận nhiều hơn năm trước 123 sinh-viên.

Trường Cao-đẳng Công-chánh: Ban Kỹ-sư: 115 sinh-viên. Ban Cán-sự chuyên-môn: 187 trong số có 24 nữ sinh-viên.

Trường Cao-đẳng Điện-học: Ban Kỹ-sư 83 sinh-viên. Ban Cán-sự chuyên-môn 106 trong số có 8 nữ sinh-viên.

Trường Quốc-gia Kỹ-sư Công-nghệ: 73 sinh-viên.

Trường Hàng-Hải: 70 sinh-viên.

7. PHÁI-ĐOÀN THIỆN-CHÍ THANH-NIÊN NHẬT-BẢN TỚI THĂM VIỆT-NAM.

Một nhóm thanh-niên thuộc phái-đoàn thiện-chí thứ năm của Thanh-niên Nhật-bản gửi đi thăm viếng ngoại-quốc, chiều hôm 6-8-63, đã từ Nhật-Bản tới Sài-gòn trên chuyên-tàu hàng « Việt-Nam ».

Các Thanh-niên Nhật lưu lại đây từ ngày 6 đến ngày 8-8-63 và viếng thăm khu định-cư Phú-Thọ-Hòa cùng khu Thanh-niên Suối Lò-đ.

Nhóm Thanh-niên thiện-chí Nhật-bản gồm có hai toán. Toán thứ nhất, có tám đoàn-viên do Ông Hirotsu Fujiwara, Giáo-sư Đại-học-đường Meiji hướng-dẫn với sự phụ-tá của Ông Minro Shigaki nhân-viên Viện Khảo-cứu, thăm viếng các nước Nam-Áu, Trung-Đông và Cận-Đông.

Toán thứ hai, gồm 15 đoàn-viên trong số có bốn phụ-nữ, do Ông Keisuke Sawada, Giáo-sư Đại-học đường Đông-Kinh, làm toán-trưởng và Ông Hachiro Yagishita thuộc Văn-phòng Thủ-Tướng Nhật, phó trưởng-toán, thăm viếng các quốc-gia Bắc-Áu.

8. NHÓM NGŨ-HỌC SÀI-GÒN TỔ-CHỨC HỘI-THẢO.

Nhóm Ngŭ-học Sài-gòn, với sự cộng-tác của Viện Chuyên-khảo Ngŭ-học, tối 2-8-63, đã tổ-chức hội-thảo tại Viện Đại-học Sài-gòn.

Trong buổi hội-thảo, các nhà Ngŭ-học đã thảo-luận về Ngŭ-âm-học, Âm-vị-học, Ngŭ-vị-học và Cú-pháp.

Nhân dịp này, nhiều bản tham-luận đã được trình-bày. Ông David Thomas thuyết-trình về phẩm-chất của giọng nói; ông John Miller về hệ-thống mẫu-âm trong ngôn-ngữ Bru và ông Richard Watson về tiếp-ngữ trong tiếng Pacoh.

Buổi hội-thảo đặt dưới quyền chủ-tọa của ông Nguyễn-Đình-Hòa, Giáo-sư diễn-giảng Ngŭ-học tại Trường Đại-học Văn-khoa Sài-gòn.

Người ta được biết, Nhóm Ngŭ-học Sài-gòn, dưới sự bảo-trợ của Viện Chuyên-khảo Ngŭ-học thuộc Đại-học-đường North Dakota, Hoa-Kỳ, đã bắt đầu hoạt-động tại Việt-Nam từ năm 1957. Ông Trương-Bửu-Lâm, Giám-Đốc Viện Khảo-Cổ và ông Nguyễn-Đình-Hòa, Giám-Đốc Nha Văn-Hóa Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục là Cố-vấn của Nhóm này.

Ông Richard Pittman, người điều-khiển Nhóm Ngŭ-học hiện nay đang nghỉ phép tại Hoa-Kỳ. Ông David Thomas, nhân-viên phụ-tá, hiện là giảng-viên bán thời-gian tại Ban Anh-ngữ trường Đại-học Văn-khoa Sài-gòn về Ngŭ-âm-học và Âm-vị-học. Từ ngày bắt đầu hoạt-động đến nay, Nhóm Ngŭ-học Sài-gòn đã khảo-cứu hơn 40 thứ tiếng Thượng và đã soạn thảo nhiều sách vở lòng.

Ngôn-ngữ người Thượng tại Việt-Nam thuộc ngữ-tộc Mon-Khmer và ngữ-tộc Mã-Lai — Pô-ly-nê-siêng mà hầu hết chưa bao giờ có chữ viết chuẩn-xác.

9. MỞ LỚP DẠY CHỮ QUỐC-NGŨ CHO ĐỒNG-BÀO THƯỢNG TẠI THỪA-THIỆN.

Tỉnh Thừa-Thiên vừa tổ-chức 3 lớp dạy chữ Quốc-ngữ cho các đồng-bào Thượng tị nạn tại quận Nam-Hòa thuộc tỉnh này. Các lớp này đã khai-diễn đầu tháng nay, vào mỗi buổi tối do cán-bộ trong Ban trị-sự ắp chiến-lược địa-phương tinh-nguyện đảm-nhiệm.

Có trên 100 đồng-bào Thượng trong quận đang theo học các lớp này và đã được chánh-quyền địa-phương cung-cấp học-cụ cần-thiết. Được biết tại Thừa-Thiên có tất cả 42 gia-đình đồng-bào Thượng gồm 199 người từ các vùng kém an-ninh về định-cư, định canh hồi tháng 11-62 tại các địa-điểm An-Bằng, Thượng-Trò và A-Shao (Nam-Hòa). Riêng địa-điểm Thượng-Trò có 22 gia-đình gồm 113 người.

10. PHÓ TỔNG-THỐNG TRẦN-THÀNH GIÚP HỘI KHÔNG-HỌC VIỆT-NAM 200.000 ĐỒNG ĐỀ XÂY KHÔNG-MIẾU.

Tòa Đại-sứ Trung-Hoa Dân-quốc cho biết vừa nhận được số tiền 200.000 đồng của ông Trần-Thành, Phó Tổng-Thống kiêm Thủ-tướng Chánh-phủ Trung-Hoa Dân-quốc, nhờ chuyển giúp Hội Không-Học Việt-Nam đề sử-dụng trong việc xây-dựng Không-miếu.

Người ta còn nhớ, trong cuộc thăm viếng Việt-Nam vừa qua, Phó Tổng-Thống Trung-Hoa đã hứa sẽ tặng Hội Không-học Việt-Nam một số tiền khi nào Hội này bắt tay vào công-cuộc xây cất Không-miếu.

Hội Không-học Việt-Nam đã được chính-quyền cấp cho một thửa đất rộng 26.000 thước vuông ở gần làng Đại-Học (Thủ-Đức) trông ra xa lộ Sài-gòn — Biên-Hòa làm nơi tạo lập Không-miếu. Một sơ-đồ kiến-thiết Không-miếu với một phi-khoản dự-trù từ 8 tới 9 triệu đồng, đã được Kiến-trúc-sư Hoàng-Hùng phác họa, và một Ủy-ban Kiến-thiết Không-miếu sẽ được Hội Không-học Việt-Nam thành-lập trong những tháng tới đây.

11. HOA-KỶ GÓP 350.000 MỸ-KIM VÀO VIỆC XÂY CẮT TRUNG-TÂM NGHIÊN-CỨU NGUYÊN-TỬ ĐÀ-LẠT.

Sáng 10-8-63, ông Frederick E. Nolting, Đại-sứ Hoa-Kỳ tại Việt-Nam, đã trao cho ông Nguyễn-Đình-Thuần, Bộ-Trưởng tại Phủ Tổng-Thống, một chi-phiếu 350.000 Mỹ-kim để góp phần của Chính-Phủ Mỹ vào công cuộc xây cất Trung-tâm Nghiên-cứu Nguyên-tử Đà-Lạt. Buổi lễ trao chi-phiếu được cử hành tại trụ-sở Nguyên-Tử-Lực Cuộc, đường Hồng-Thập-Tự, Sài-gòn.

Chương-trình "Nguyên-tử phụng-sự Hòa-bình" của Hoa-Kỳ, khởi sự thực hiện từ năm 1953, đã đặt những nguyên-tắc cho các thỏa-hiệp hợp-tác song-phương giữa Hoa-Kỳ và các quốc-gia khác. Theo chương-trình này, ngày 22-4-59, Hoa-Kỳ và Việt-Nam ký kết bản thỏa-ước hợp-tác về việc sử-dụng nguyên-tử-năng vào những ích lợi dân-sự. Do đó, Hoa-Kỳ chấp-thuận góp phần 350.000 Mỹ-kim vào việc xây cất một lò nguyên-tử tại Việt-Nam.

Trung-tâm Nghiên-cứu Đà-Lạt, nơi đặt lò nguyên-tử nói trên, khởi sự xây cất từ năm 1961 và mới hoàn-tất hồi đầu năm 1963. Lễ khánh-thành Trung-tâm này được định vào cuối năm nay.

Nhân dịp lễ trao chi-phiếu, Đại-sứ Nolting tuyên-bố rằng: "Cuộc chiến-đấu chống Cộng-sản đã chiếm một phần lớn trong sự hợp-tác giữa chúng ta, về năng-lực cũng như về tài-nguyên, song ngoài những cố-gắng ấy, giữa hai nước chúng ta còn có nhiều mối liên-lạc mật-thiết khác. Những liên-lạc ấy đòi hỏi sự làm việc và hy-sinh nhưng cũng hứa-hẹn nhiều thành-quả tốt đẹp. Đó là những mối liên-lạc đã xiết chặt chúng ta trong sự tranh-đấu cho một thế-giới tốt đẹp hơn cho chúng ta và cho con cháu chúng ta".

Đáp từ, ông Bộ-Trưởng Nguyễn-Đình-Thuần nhấn mạnh rằng Trung-tâm Nghiên-cứu Nguyên-tử đã đáp lại nguyện-vọng của Việt-Nam muốn tạo một cơ-hội để các kỹ-sư và khoa-học-gia trẻ tuổi phục-vụ xứ-sở, vì trước đây họ vẫn phải giúp việc tại những trung-tâm nguyên-tử ở Âu-Châu hoặc Mỹ-Châu.

Sau khi nghe lời cảm tạ Chính-Phủ Hoa-Kỳ về những sự giúp đỡ tài-chánh và kỹ-thuật cho Việt-Nam, trong ngành nghiên-cứu nguyên-tử, ông Bộ-Trưởng Nguyễn-Đình-Thuần tuyên-bố: "Tôi sung-sướng được cùng với Đại-sứ chủ-tọa buổi lễ này, tuy thật đơn-giản nhưng lại có một ý-nghĩa rất đặc-biệt, nhất là trong lúc mà một bản thỏa-hiệp ngưng thí-nghiệm nguyên-tử vừa được ký kết tại Mạc-tư-khoa. Với thỏa-hiệp đó, Cộng-sản Quốc-tế, mặc dầu không bỏ mộng-tưởng xích-hóa hoàn-cầu, cũng có thể nhận-dịnh được rằng trong một cuộc chiến-tranh nguyên-tử sẽ không có kẻ thắng người bại, và như thế phải chăng đã ngầm công-nhận rằng năng-lực nguyên-tử nên được khai-thác để phục-vụ hòa-bình và hạnh-phúc của nhân-loại".

Tham dự buổi lễ sáng 10-8-63 tại Nguyên-Tử-Lực Cuộc, người ta nhận thấy có ông Bộ-Trưởng Y-Tế Trần-Đình-Đệ, ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục Nguyễn-Quang-Trình, Giáo-sư Bửu-Hội, Tổng Giám-đốc Nguyên-Tử-Lực Cuộc, Giáo-sư Trần-Vỹ, Tổng Giám-đốc Trung-tâm Nghiên-cứu Khoa-học, Giáo-sư Phạm-Biêu-Tâm, Khoa-Trưởng Y.khoa Đại-học Sài-gòn, Kiến-trúc-sư Ngô-Việt-Thụ, ông Joseph L. Brent, Giám-đốc Phái-bộ Viện-trợ Kinh-tế Mỹ cùng nhiều nhân-vật khác ở thủ-đô.

12. TRƯỜNG TRUNG-HỌC CỦA LIÊN-ĐOÀN CÔNG-CHỨC CÁCH-MẠNG QUỐC-GIA ĐÃ KHAI GIẢNG.

Sáng 12-8-63, lễ khai-giảng trường Trung-học tư-thực Thống-Nhất do Liên-đoàn Công-chức Cách-mạng Quốc-gia thành-lập tại số 1 Đại-lộ Thống-Nhất đã được cử-hành trọng-thể trước sự hiện-diện của ông Nguyễn-Lương, Bộ-trưởng Tài-

chánh, Chủ-tịch Ban Chấp-Hành Trung-ương Liên-đoàn, ông Nguyễn-Quang-Trình, Bộ-trưởng Quốc-gia Giáo-dục, ông Đô-trưởng Sài-gòn và một số quan khách.

Xây-dựng tạm thời trên khoảng đất rộng đối-diện với Tổng-Đoàn Thanh-niên Học-dưỡng, trường Trung-học Thống-Nhất hiện nay có 7 phòng học, đánh dấu một cố-gắng mới của Liên-đoàn trong lĩnh-vực văn-hóa xã-hội. Hiện nay trường có 14 lớp từ Đệ-thất đến Đệ-nhị và có hơn 700 nam-nữ học-sinh, con em của cán-bộ và công-chức trong Liên-đoàn.

Trong mấy lời ứng-khẩu tại lễ khai-giảng, ông Bộ-trưởng Tài-Chánh cho biết rằng vì điều-kiện thời-gian cấp bách nên Liên-đoàn chưa thể kiến-thiết ngay năm nay được một ngôi trường lớn, đầy-đủ tiện-nghi và khang-trang.

Tuy nhiên, ông Bộ-trưởng nói tiếp rằng trong khi công-cuộc giáo-dục nước nhà đang phát-triển mạnh, ai ai cũng đều có nhiệm-vụ tùy theo phương-tiện của mình, tích-cực góp phần vào công-cuộc xây-dựng chung. Liên-đoàn vì thế cũng thành-tâm sốt-sắng ghé vai gánh vác một phần nhỏ.

Ông Nguyễn-Quang-Trình, Bộ-trưởng Quốc-gia Giáo-dục đã tỏ lời cảm ơn Liên-đoàn góp phần vào việc phát-triển các cơ-sở giáo-dục nước nhà, và ngỏ ý đảm-chắc rằng, với tinh-thần tự-túc và liên-kết của Liên-đoàn, Trường Trung-học Tư-thực Thống-Nhất sẽ thành-công rực-rỡ. Ông Bộ-trưởng Quốc-gia Giáo-dục cũng đã khuyên các học-sinh cố-gắng học-hành và luôn luôn noi gương các bậc phụ-huynh trong Liên-đoàn.

Một đại-diện phụ-huynh học-sinh thay mặt các đoàn-viên có con em theo học, cảm tạ ông Bộ-trưởng Chủ-tịch và các nhân-viên Ban Chấp-hành về "công-tác xã-hội quan-trọng" này. Đại-diện phụ-huynh cũng nhắc lại những công-tác mà Liên-đoàn đã thực-hiện được trong mấy năm qua như mở quán cơm giá bạ cho tiêu công-chức, mở phòng lưu-trú cho công-chức các tỉnh vì công-vụ về thủ-đô, cấp học-bổng hằng năm trên nửa triệu đồng cho con em đoàn-viên, trợ cấp gia-đình đoàn-viên tử nạn, giải-thưởng Văn-chương Liên-Quỹ chống Cộng...

Sau đó, trước khi bế-mạc buổi lễ, ông Giám-đốc trường Trung-học tư-thực Thống-Nhất đã hướng-dẫn quý-vị Bộ-trưởng và quan-khách đi thăm phòng học của Trường.

13. TAM MƯƠI LĂM HỌC-SINH HỘI VIỆT-MỸ ĐƯỢC CẤP CHỨNG-CHỈ NĂNG-LỰC ANH-VĂN.

Tối 13-8-63, tại thính-đường Hội Việt-Mỹ, đường Mạc-Đình-Chi, 85 học-sinh đã nhận lãnh chứng-chỉ năng-lực Anh-văn (Certificate of Proficiency in English).

Ông Guy Fasoli, Tùy-viên Văn-hóa Sở Thông-Tin Hoa-Kỳ đã đến chứng kiến buổi lễ trao các chứng-chỉ. Nhân dịp này, Giáo-sư Nguyễn-Đình-Hòa, Chủ-tịch Ban quản-trị Hội Việt-Mỹ, đã ngỏ lời khen ngợi các học-sinh.

14. BAN NHA-KHOA TRƯỜNG Y-KHOA ĐẠI-HỌC SÀI-GÒN
CẢI-BIỆN THÀNH TRƯỜNG NHA-KHOA ĐẠI-HỌC.

Theo Sắc-lệnh của Tổng-Thống số 83-GD ngày 12-8-63, kể từ niên-học 1964-1965, Ban Nha-Khoa Trường Y-khoa Đại-học Sài-gòn được cải-biến thành Trường Nha-khoa Đại-học, trực thuộc Viện Đại-học Sài-gòn.

Trường Nha-khoa Đại-học Sài-gòn do một Khoa-trưởng điều-khiển về phương-diện hành-chánh và chuyên-môn. Khoa-trưởng được bổ-nhiệm do Nghị-dịnh của Bộ-trưởng Quốc-gia Giáo-dục.

Tổ-chức của Trường Nha-Khoa Đại-học Sài-gòn sẽ do Nghị-dịnh của Bộ-trưởng Quốc-gia Giáo-dục ấn định.

15. TRƯỜNG QUỐC-GIA ÂM-NHẠC KHAI-GIẢNG NIÊN-HỌC 1963-1964.

Sáng 17-8-63, Trường Quốc-gia Âm-nhạc và Kịch-ngệ đã khai-giảng niên-khóa 1963-1964. Nhân dịp này một buổi lễ đã được tổ-chức tại thính-đường dưới sự chủ-tọa của ông Lê-Văn-Lắm, Giám-đốc Nha Mỹ-thuật Học-vụ với sự tham-dự của toàn ban giáo-sư phụ-huynh học-sinh và học-sinh.

Trong bài diễn-văn khai-mạc, ông Nguyễn-Phụng, Giám-đốc Trường Quốc-gia Âm-nhạc và Kịch-ngệ cho biết là trong niên-khóa 1963-1964, có sự cải-tổ về tổ-chức chương-trình học hầu tiến lần đến việc trở thành một Viện Quốc-gia Âm-nhạc và Kịch-ngệ.

Năm nay, không có lớp Mẫu-giáo ở ngành nhạc Tây-phương và sang năm tới, các lớp ở ban Dự-bị sẽ lần lượt bãi bỏ. Nhạc-pháp Tây-phương năm nay cũng được rút nhẹ từ 5 xuống 4 năm. Trong tương-lai, về nhạc cũng như về kịch, chỉ còn lại hai bậc học, một bậc Dự-bị học-tập căn-bản và một bậc chính-thức học-tập sâu rộng về chuyên-nghiệp. Bậc nhứt có tánh-cách phổ-thông, sau bậc học đó, nhạc-sinh và kịch-sinh có đủ khả-năng chuyên-môn để phục-vụ ở những đoàn-thể, ở những cơ-quan công hay tư, những đoàn-thể văn-ngệ ở địa-phương.

Chương-trình giáo-huấn ở bậc thứ hai hướng vào sự chuyên-nghiệp. Mục-dích nhằm vào sự đào-tạo giáo-sư nhạc, kịch hoặc những nhà diệu thủ về nhạc những tinh-hoa sân-khấu kịch-ngệ.

Si-số học-sinh trường Quốc-gia Âm-nhạc và Kịch-ngệ trong niên-khóa 1963-64 là 612 chia ra như sau : ngành nhạc Tây-phương 354, quốc-nhạc : 116 và kịch-ngệ : 142.

16. ÔNG BỘ-TRƯỞNG QUỐC-GIA GIÁO-DỤC CHỦ-TỌA LỄ BÀN GIAO CHỨC-VỤ GIỮA TÂN VÀ CỤU VIỆN-TRƯỞNG VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ.

Sáng 17-8-63, Giáo-sư Nguyễn-Quang-Trình, Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục, chủ-tọa lễ bàn-giao chức-vụ giữa hai vị Tân và Cựu Viện-Trưởng Viện Đại-Học Huế, tổ-chức tại Phòng Khánh-Tiết của Viện này.

Cũng nên nhắc lại, Ông Trần-Hữu-Thế, Đại-Sứ Việt-Nam tại Phi-Luật-Tân, vừa trở về nước công-cán, được Tổng-Thống cử đảm-nhiệm chức Viện Trưởng Viện Đại-Học Huế trong một thời-gian thay thế Linh-Mục Cao-văn-Luân, thuyền-chuyển đi nhận nhiệm-vụ khác.

Ông Trần-Hữu-Thế giữ chức Viện-Trưởng Viện Đại-Học Huế có tinh-cách tạm thời và ông vẫn giữ chức-vị Đại-Sứ Việt-Nam tại Phi-Luật-Tân.

Hiện-diện trong buổi lễ, có ông Nguyễn-Xuân-Khương, Đại-Biểu Chính-phủ tại Trung-Nguyên Trung-Phần, các Khoa-Trưởng và Giáo-sư thuộc Viện Đại-Học Huế.

17. BAN CẤP-TỐC ĐÀO-TẠO GIÁO-VIÊN TIÊU-HỌC CỘNG-ĐỒNG LONG-AN
NHẬP HỌC NGÀY 22-8-63.

Nha Tổng Giám-Đốc Trung Tiêu-Học và Bình-dân Giáo-dục vừa cho biết rằng ngày nhập học Ban Cấp-tốc (1 năm) đào-tạo giáo-viên Tiêu-học Cộng-đồng Long-An được ấn-định là 22-8-1963. Vào ngày 21-8-1963, 60 nam và 40 nữ giáo-sinh trúng tuyển kỳ thi ngày 19-7-1963 cần có mặt tại Trung-tâm Giáo-dục Cộng-đồng Long-An.

Tuy không còn chế-độ nội-trú, nhưng ban Giám-Đốc có thể thu xếp cho các giáo-sinh được ở trong trường với điều-kiện phải tự-túc về tổ-chức ăn uống dưới sự hướng-dẫn của trường.

Đến ngày 3-9-1963, kỳ-hạn chót những thí-sinh có tên trong danh-sách trúng tuyển không tới Trung-tâm Giáo-dục Cộng-đồng Long-An được coi như bỏ học và không được khiếu nại gì.

18. VỀ CUỘC THI ẢNH QUỐC-TẾ DO HIỆP-HỘI DU-LỊCH
THÁI-BÌNH-DƯƠNG TỔ-CHỨC.

Như thường lệ, năm nay Hiệp-Hội Du-Lịch Thái-Bình-Dương tổ-chức cuộc thi ảnh quốc-tế dành cho các nhiếp-ảnh-viên nhà nghề cũng như tài-tử trên Thế-giới. Cuộc thi gồm nhiều giải-thưởng xứng-dáng bằng tiền mặt và cấp bằng danh-dự.

Nhằm mục-dích khuyến-khích, Nha Quốc-Gia Du-Lịch sẽ tặng thêm cho một nhiếp-ảnh-viên Việt-Nam trúng một trong ba giải đầu, một vé máy bay khứ hồi đi du-lịch Sài-gòn-Huế hoặc Sài-gòn — Nha-Trang — Đa-lat.

Cuộc thi sẽ khóa sổ vào ngày 31-12-1963. Các nhiếp-ảnh-viên muốn tham dự có thể đến Trung-tâm Chỉ-dẫn Du-lịch, 25 Bến Bạch-Đằng, Sài-gòn (bên cạnh khách-sạn Majestic) để xem điều-lệ và lấy phiếu dự thi.

19. HỌC-VIÊN QUỐC-GIA HÀNH-CHÁNH KHAI-MẠC NIÊN-HỌC 1963-64.

Buổi diễn-giảng khai-mạc niên-học 1963-64 của Học-viện Quốc-gia Hành-chánh đã được tổ-chức sáng 20-8-63 tại trụ-sở Học-viện số 10 Đại-lộ Trần-Quốc-Toàn, Sài-gòn.

Ông Nguyễn-Như-Cương, Tấn-sĩ Kinh-tế-học, Giáo-sư Học-viện Quốc-gia Hành-chánh đã thuyết-trình trong buổi khai-giảng này "*Lý-thuyết của W.W. Rostow và vấn-đề phát-triển tại các nước kém mở-mang*".

Trong lời giới-thiệu diễn-giả với cử-tọa, Giáo-sư Vũ-Quốc-Thông, Viện-Trưởng Học-viện Quốc-gia Hành-chánh cho biết vì lý-thuyết của Rostow có thể áp-dụng tại Việt-Nam, một nước kém mở-mang nên lý-do ấy đã khiến cho Học-viện Quốc-gia Hành-chánh chọn đề-tài có tẩn-cách thời-sự này. Và lại, lý-thuyết Rostow được các nhà lãnh-đạo Việt-Nam thường đề-cập đến trong các vấn-đề liên-quan đến sự phát-triển kinh-tế nước nhà.

Các ông Trần-Ngọc-Liên, Tổng-Ủy Hợp-tác-xã và Nông-tin, Chủ-tịch Hội-đồng Quản-trị Học-viện Quốc-gia Hành-chánh; Vũ-Quốc-Thức, Khoa-Trưởng Luật-khoa Đại-học-đường Sài-gòn; Robin, Cố-vấn Văn-hóa Tòa Đại-sứ Pháp và một số đông quan-khách cùng nhân-viên ban giảng-huấn Học-viện Quốc-gia Hành-chánh đã đến tham-dự buổi lễ khai-giảng này. Trong niên-khóa 1963-64, Học-viện Quốc-gia Hành-chánh gồm có 300 sinh-viên trong số ấy có 10 nữ-sinh-viên.

20. KHÁNH-THÀNH TRƯỜNG MẪU-GIÁO ĐẦU TIÊN TẠI CHUÔNG-THIỆN.

Trường Mẫu-giáo đầu tiên tại tỉnh-ly Vị-Thanh (Chương-Thiện) đã được Thiếu-Tá Nguyễn-Văn-Bình, Tỉnh-trưởng Chương-Thiện khánh-thành sáng 19-8-63.

Nhân dịp này, ông Trường-Ty Tiều-học Chương-Thiện cho biết Trường Mẫu-giáo này được thành-lập do sự bảo-trợ của Thiếu-Tá Tỉnh-Trưởng Chương-Thiện và phu-nhân cùng sự đóng góp của Phong-trào Liên-đới Phụ-nữ địa-phương. Tổng-phi xây cất ngót 100.000\$.

Hiện trường đã thu nhận 52 trẻ em từ bốn đến sáu tuổi và đặt dưới sự

trông nom của một nữ-giáo-viên tốt-nghiệp Ban Mẫu-giáo Trường Quốc-gia Sư-phạm Sài-gòn. Học-phi hàng tháng của mỗi trẻ em gồm 50\$, kể cả tiền xe đưa rước tận nhà.

21. VỀ VIỆC SINH-VIÊN VIỆT-NAM XIN PHÉP MUA VÉ MÁY BAY ĐỀ XUẤT-NGOẠI DU-HỌC.

Một thông-cáo của viện Hồi-doái cho biết kể từ 23-8-63, các sinh-viên Việt-Nam đã được Hội-đồng Du-học cho phép xuất-ngoại có thể gửi đến Viện Hồi-doái (thay vì đến Phủ Tổng-Thống như trước) đơn xin mua vé máy bay theo hồi-xuất chánh-thức (không miễn thuế đảm-phụ 5/7). Viện Hồi-doái sẽ tùy trường-hợp xét-định. Đơn làm trên giấy thường, có ghi *số danh-bộ của Viện Hồi-doái cấp cho đương-sự, số và ngày của công-văn hay Nghị-định cho phép xuất-ngoại, và kê rõ gia-cảnh của đương-sự (nghề-nghiệp và lợi-tức của cha mẹ, số anh em...).

22. NỮ HỌA-SĨ HOA-KỲ GỬI SƠN DẦU TẶNG CÁC HỌA-SĨ VIỆT-NAM.

Nữ bác-sĩ kiêm họa-sĩ Hoa-Kỳ Adele H. Seronde vừa gửi 500 ống màu sơn dầu, trị giá hai mươi lăm ngàn đồng (25.000\$) tặng các họa-sĩ và điêu-khắc-gia Việt-Nam, tốt-nghiệp tại các trường Cao-đẳng Mỹ-thuật, hoặc Trung-học Trang-trí, và các nghệ-sĩ đã có tổ-chức triển-lãm tác-phẩm ít nhất là một lần.

Các nghệ-sĩ kể trên muốn nhận tặng-phẩm nên liên-lạc với Phòng Học-Vụ Nha Mỹ-Thuật, số 35 đường Lê-Thánh-Tôn Sài-gòn, vào ngày giờ làm việc.

Năm ngoài, bà A.H. Seronde, Chủ-Tịch Hội Trưng-trợ những người tỵ-nạn trên thế-giới ở Stow (Boston) cũng đã gửi tặng họa-sĩ và sinh-viên Mỹ-thuật Việt-Nam một số sơn dầu cùng dụng-cụ dùng trong ngành hội-họa, trị giá lối 25.000\$. Nha Mỹ-thuật đã phân-phát cho anh em họa-sĩ tự-do và sinh-viên các trường Mỹ-thuật.

23. MỘT NHÀ GIÁO-DỤC PHÁP BẾN THẨM VIỆT-NAM.

Trên đường từ Kuala Lumpur về Pháp, Giáo-sư Jean Capelle, Tổng Giám-Độc Tổ-chức các Chương-trình Học-đường tại Bộ Quốc-Gia Giáp-Dục Pháp, cựu Viện-Trưởng Đại-Học Nancy, đã ghé lại Sài-gòn trong hai ngày. Giáo-sư Capelle vừa tham-dự Hội-nghị thứ nhất của Ủy-Hội Quốc-Tế Chuyên-viên Khảo-cứu về vai trò các Viện Đại-Học trong việc phát-triển các quốc-gia Đông-Nam-Á, họp tại Thủ-đô Mã-Lai.

Chiều 20-8-63, Giáo-sư Capelle đã được Giáo-sư Nguyễn-Quang-Trình, Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục, tiếp-kiến. Qua hôm sau, 21-8-63, Giáo-sư Jean Capelle đã nói chuyện tại Tòa-Viện-Trưởng Viện Đại-Học Sài-gòn, về sự cải-cách các cơ-sở học-đường tại Pháp, dưới sự chủ-tọa của Giáo-sư Lê-Văn-Thời.

Trong thời-gian hai ngày viếng thăm Việt-Nam, Giáo-sư Capelle cũng đã viếng thăm nhiều trường học Pháp ở Sài-gòn, nhất là trường Trung-học Marie Curie, Trung-tâm Văn-hóa Pháp, cùng vị-trí mới của Viện Đại-Học Sài-gòn tại Thủ-Đức, nơi hiện đang xây-dựng trường Đại-Học Sư-Phạm. Ngoài ra, Giáo-sư Capelle cũng đã đến viếng Trung-tâm Kỹ-thuật Phú-Thọ. Giáo-sư Jean Capelle đã rời Sài-gòn chiều 22-8-63.

24. PHÁT-HÀNH LOẠI TEM THƠ “NGUYỄN-TỬ PHỤNG-SỰ HÒA-BÌNH”.

Do Nghị-định ngày 3-8-63, Bộ Công-Chánh và Giao-Thông sẽ cho phát-hành một loại tem thơ mới, mệnh danh “Nguyễn-Tử phụng-sự Hòa-bình”.

Loại tem này có 4 hạng : 8 cắc, 1 đồng rưỡi, 3 đồng và 7 đồng.

25. VIỆN CỔ-VẤN KỸ-THUẬT VIỆT-NAM ĐƯỢC PHÉP CHÍNH-THỨC HOẠT-ĐỘNG.

Theo Nghị-định ngày 7-8-1963 của Bộ-Trưởng Bộ Nội-Vụ, Viện Cổ-vấn Kỹ-thuật Việt-Nam được phép chính-thức hoạt-động. Cơ-quan này, trụ-sở đặt tại số 65 đường Hồng-Bàng là phòng Cổ-vấn Kỹ-thuật đầu tiên thiết-lập tại Việt-Nam. Viện Cổ-vấn Kỹ-thuật Việt-Nam sẵn-sàng làm cổ-vấn cho các nhà đầu tư muốn lập những xí-nghiệp kỹ-nghệ mới tại Việt-Nam. Xin nhắc lại rằng Trung-tâm Khuếch-trương Kỹ-nghệ là một cơ-quan công-lập trực thuộc Bộ Kinh-tế cũng nhằm mục-đích nói trên.

Do sáng-kiến của một nhóm kỹ-sư và kỹ-thuật-gia Việt-Nam, Viện Cổ-vấn Kỹ-thuật Việt-Nam nhận nghiên-cứu các vấn-đề đặt ra cho các nhà kỹ-nghệ mới, như là nghiên-cứu và lập các dự-án, kiểm-soát sự thực-hiện các dự án, các vấn-đề kỹ-thuật, kinh-tế và tài-chính, kế-toán, quản-lý xí-nghiệp...

Nhiệm-vụ chính của Viện Cổ-Vấn Kỹ-thuật có thể chia làm ba loại :

Một loại liên-hệ đến việc nghiên-cứu thiết-lập và kiểm-soát có dự-án và gồm các công-tác sau đây : nghiên-cứu, sơ-bộ về kế-hoạch thực-hiện, soạn-thảo điều-kiện sách, tìm các tài-liệu về các công-tác xây cất, đặt mua các vật liệu trang-bị, tính các phí-tiền, giúp công việc đấu thầu, lập các bản khế-ước, kiểm-soát trong thời kỳ xây cất nhà máy, việc trang-bị và tiến-hành.

Công-tác thuộc loại thứ hai liên-hệ đến các ý-kiến về phương diện thương-mại, công kỹ-nghệ. Viện sẽ giúp cho các nhà đầu tư trong việc quản-lý, tổ-chức và

lập các chương-trình hoạt-động dài hạn, trong các công-tác kế-toán và các vấn-đề tương-quan đến việc canh-tân các phương tiện sản-xuất, hạ giá thành ấn-định giá bán, tìm thị-trường tiêu-thụ.

Cuối cùng Viện Cổ-Vấn Kỹ-thuật Việt-Nam cũng tổ-chức các cuộc diễn-thuyết, hội-thảo nhằm các mục-tiêu của Viện và thành-lập những tiêu-ban Kỹ-thuật cần-thiết cho sự điều-hành của Viện.

26. CẢI-CÁCH CHƯƠNG-TRÌNH GIÁO-DỤC NÔNG-LÂM-MỤC.

Theo các nghị-định ngày 24-8-1963, cuộc cải-cách chương-trình giáo-dục Nông-Lâm-Mục do Bộ Quốc-gia Giáo-dục thực-hiện nhằm mục-đích :

(a) Tăng số kỹ-thuật-gia Nông-Lâm-Mục để thỏa-mãn những nhu-cầu trong cả hai lãnh-vực công cũng như tư.

(b) Củng-cố giá-trị kỹ-thuật của các cán-bộ.

(c) Bảo-đảm sự liên-tục học-tập ở bậc Trung-học và Cao-đẳng.

Để đạt các mục-tiêu nói trên, cần phải sửa-đổi hoàn-toàn chương-trình giáo-dục nông-nghiệp. Trước tiên các trường canh-nông thực-hành Cần-thơ và Huế được đổi thành trường Trung-học Nông-Lâm-Mục đệ-nhất-cấp. Thời-hạn học tập là bốn năm để thi lấy cấp-bằng kỹ-thuật đệ-nhất-cấp (các ban : nông, lâm và mục-súc).

Sau khi thi đậu cấp-bằng này học-sinh có thể thi vào lớp chuyên khoa đệ-nhất-cấp. Thời-hạn học tập sẽ là 12 tháng để thi lấy văn-bằng Huấn-sự Canh-nông. Kế đó, ban Trung-học của trường Quốc-gia Nông-Lâm-Mục Bảo-Lộc được đổi thành trường Trung-học Nông-Lâm-Mục đệ-nhi-cấp. Thời-gian học tập sẽ là ba năm để thi lấy bằng Tú-tài kỹ-thuật (ban Nông, Lâm và Mục-súc) phần I và II. Các học-sinh tốt-nghiệp có thể thi vào lớp chuyên-khoa đệ 12 tháng sau có thể trở thành Kiểm-sự canh-nông.

Cuối cùng, ban Cao-đẳng trường Quốc-gia Nông-gia Nông-Lâm-Mục Bảo-Lộc mở cho các thí-sinh có bằng Tú-tài toàn phần sẽ lấy tên là trường Cao-đẳng Nông-Lâm-Mục, thời-gian học-tập là 4 năm để thi lấy cấp-bằng Kỹ-sư.

27. HỌC-SINH CÁC TRƯỜNG TRUNG VÀ TIÊU-HỌC SẼ THAM-DỰ CUỘC TRIỂN-LÂM THÁNG MƯỜI DO NHÀ CHIẾN-TRANH TÂM-LÝ TỔ-CHỨC.

Theo lời yêu-cầu của Nhà Chiến-Tranh Tâm-Lý, Ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục đã cho phép các học-sinh Trung, Tiêu-học tham-dự cuộc Triển-lâm tháng Mười, sẽ tổ-chức vào dịp Lễ Quốc-Khánh năm nay.

Tổng Nha Học-Vụ và Nha Mỹ-Thuật Học-Vụ đã triệu tập các giáo-sư hội-họa đại-diện các trường Quốc-gia Cao-đẳng Mỹ-thuật Gia-Định, Trung-học Trang-tri Mỹ-thuật Gia-Định và các trường Trung, Tiểu-học, trong một phiên-họp ngày 24-8-63, tại Nha Mỹ-Thuật Học-Vụ, để thảo-luận về việc tổ-chức các cuộc thi hội-họa tại mỗi trường, chọn tranh tham-dự Triển-lãm.

Các tranh của học-sinh sẽ được trưng-bày riêng trong một khu đặc-biệt tại Viên-dinh Tao-Đàn. Tranh của học-sinh cũng phải theo đúng các đề-tài quy-định trong điều-lệ tổ-chức Triển-lãm, mà nội-dung chính-yếu là biểu-dương tinh-thần Quân-Dân nhất-tri trong cuộc chiến-đấu chống Cộng. Về các giải thưởng cấp tặng, Ban Tổ-chức sẽ dành riêng 10 giải thưởng cho các tranh đặc-sắc nhất của học-sinh, và nhiều giải thưởng khác nữa. Tranh học-sinh nộp trễ lắm là ngày 20-9-63 cho Nha Mỹ-Thuật Học-Vụ tập-trung để chuyển đến Ban Tổ-chức.

28. MỞ LỚP ĐỆ-THẤT TRUNG-HỌC ĐẦU TIÊN TẠI QUẬN ĐỨC-TRỌNG (TUYÊN-ĐỨC).

Một lớp đệ-thất Trung-học dành cho 50 học-sinh Kinh Thượng tại quận Đức-Trọng (Tuyên-Đức) sắp được khai-giảng lần đầu tiên tại quận này vào đầu tháng 9 năm 1963.

Tạm thời lớp đệ-thất Trung-học này đặt tại trường Tiểu-học Tùng-Nghĩa cách Đà-lạt 31 cây số, về phía Tây-nam và do ông Hiệu-trưởng trường Tiểu-học Tùng-Nghĩa phụ-trách.

Kề cả lớp này, tỉnh Tuyên-Đức hiện đã có 3 lớp Trung-học, 1 lớp đệ-thất ở Tùng-Nghĩa, 1 lớp đệ-thất và 1 lớp đệ-lục tại quận Đôn-Dương. Tổng-số học-sinh cả 3 lớp Trung-học này đếm ngót 200 người.

29. THÊM 16 TRƯỜNG SƠ-CẤP ĐƯỢC XÂY CẤT TẠI CÁC ẤP CHIẾN-LƯỢC TỈNH BÌNH-THUẬN.

Theo Ty Tiểu-học Bình-Thuận, thêm 16 ngôi trường sơ-học gồm 33 lớp đang được xây cất tại các ấp chiến-lược tỉnh này. Kề cả số trường trên đây, toàn tỉnh Bình-Thuận đã có ngót 100 trường sơ-học công-tư-thực quy-tụ lối trên 12.000 học-sinh sơ-học.

30. HAI MƯƠI BẦY NƯỚC THAM-DỰ TRIỂN-LÃM NHIẾP-ẢNH QUỐC-TẾ NHÂN-DỊP QUỐC-KHÁNH.

Văn-Hóa-Vụ vừa cho biết số ảnh dự thi cuộc Triển-lãm Nhiếp-ảnh Quốc-tế kỳ thứ 4 do Văn-Hóa-Vụ tổ-chức hằng năm nhân dịp lễ Quốc-Khánh (26 tháng 10 1963) cho tới nay là 1.400 bức đen trắng và 75 bức màu do 365 nhiếp-ảnh-viên của 27 nước như Nam Mỹ, Anh, Pháp, Mỹ, Úc-Châu, Bỉ, Áo, Nhật-Bản v. v... gởi tới (Việt-Nam có chừng 70 bức).

Văn-Hóa-Vụ tiếp thêm rằng tuy ngày 31 tháng 8 là ngày khóa sổ nhưng cơ-quan này cũng nhận tác-phẩm dự thi trong khoảng mười ngày nữa. Ngoài ra, nhiều nước vì chưa kịp gởi ảnh đến đã gởi thơ báo cho Văn-Hóa-Vụ hay là số tác-phẩm dự thi của họ sẽ được gởi sau.

Cuộc Triển-lãm này sẽ khai-mạc vào ngày 26 tháng 10 năm 1963 và những giải-thưởng được ấn-định như sau :

— Hình đen trắng : 1 huy-chương vàng, 2 huy-chương bạc, 8 huy-chương đồng và 20 bằng khen tặng.

— Hình màu : 1 huy-chương vàng, 1 huy-chương bạc, 3 huy-chương đồng và 3 bằng khen tặng.

31. KẾT-QUẢ CÁC KỶ THI TẠI VIỆN ĐẠI-HỌC SÀI-GÒN VÀ ĐÀ-LẠT.

• Trong kỳ thi khóa hai niên-khóa 1962-63, lấy Chứng-chỉ Toán-lý-Hóa tại Trường Đại-học Khoa-học Sài-gòn, tổ-chức từ ngày 15-7-63, có tất cả 300 sinh-viên dự thi. Ba mươi tám sinh-viên trong số đã được tuyên-bố trúng tuyển hẳn. Đó là các sinh-viên :

Nguyễn-Thụy-Lai (*Ưu hạng*); Nguyễn-Duy-Hải, Nguyễn-Hải, Hoàng-Đình-Thiệp, Vũ-Trần-Hà, Mai-Kiến-Phúc, Nguyễn-Anh-Dũng, Đoàn-Ngọc-Diệp, Nguyễn-Thị Kim-Vân (*Bình thứ*); Nguyễn-Lê-Phú, Nguyễn-Văn-Chỉnh, Trần-Ngọc-Kính, Đỗ-Hữu-Giang, Trần-Văn-Nam, Nguyễn-Thạc, Trần-Công-Truyền, Nguyễn-Văn-Lý, Phạm-Bảo-Nhật, Trần-Dương, La-Vinh-Cát, Trương-Trọng-Trác, Lương-Văn-Kiệt, Nguyễn-Văn-Nhuệ, Nguyễn-Kim-Hoàn, Lê-Huy-Thiện, Trần-Kim-Thúy, Hoàn-Bảo-Đài, Nguyễn-Hùng, Hồ-Thị Thanh-Lam, Nguyễn-Ngọc-Sáng, Đoàn-Văn-Nhiều, Phạm-Phúc-Hưng, Nguyễn-Văn-Ni, Nguyễn-Hữu-Cường, Dương-Quang, Võ-Hoàng-Ân, Từ-Nghiêm-Tử và Mai-Ngọc-Lê (*Thứ hạng*).

• Trên số 79 sinh-viên dự thi kỳ nhì 1963 để lấy chứng-chỉ Vật lý-học đại-cương do Đại-học Khoa-học Sài-gòn tổ-chức, 15 sinh-viên đã đỗ hẳn.

Sau đây là danh-sách sinh-viên nói trên theo thứ-tự điểm số :

Ô.Ô. Nguyễn-Văn-Điệp (*Bình thứ*) Phan-Duy-Dam, cô Phạm-thị Hồng-Vân, Ô.Ô. Hà-Đức-Long, Nguyễn-Thái-Hoàng, Tôn-Thất-Liêm, Đặng-Vân-Hiệp, Phạm-Hạnh-Thái, Lê-Văn-Thục, Nguyễn-Minh-Tâm, cô Dương-thị Bích-Vân, Ô. Nguyễn-Tri-Hoa, cô Lê-thị Thu-Vân, Ô.Ô. Bùi-Khắc-Tân và Nguyễn-Thăng.

• Trong số độ một trăm sinh-viên dự thi chứng-chỉ Toán-học Đại-cương Vật-lý, khóa II tại Đại-học Khoa-học Sài-gòn, 10 sinh-viên đã đậu hần. Sau đây là danh-sách các sinh-viên trúng tuyển sắp theo thứ-tự điểm số :

Ô.Ô. Lê-Minh-Tâm (*Bình thứ*) ; Nguyễn-Minh-Tri, Nguyễn-Thanh-Tùng, Võ-Văn-Chính, Phạm-Gia-Thu, Nguyễn-Trọng-Bôi, Trần-Văn-Ký, Trần-Ngọc-Ân, Lâm-Công-Hương và Hà-Dương-Tuân.

• Trong kỳ thi khóa 2 năm 1963 để lấy Chứng-chỉ Lý-Hóa Vạn-vật tại Trường Đại-học Khoa-học, 32 sinh-viên đã trúng-tuyển hần trên tổng-số một trăm sinh-viên dự thi.

Đó là các sinh-viên : Đặng-Trung-Phước (*Bình*), Vũ-Thị-Xuân, Bùi-Minh-Đức, Tạ-Văn-Tiến, Lê-Thị-Minh, Lâm-Thị Ngọc-Bích (*Bình thứ*), Nguyễn-Hữu-Tuân, Nguyễn-Ngọc-Chi, Võ-Văn-Triều, Nguyễn-Huỳnh-Hà, Trần-Quan-Xuân, Lê-Thị Ngọc-Thanh, Nguyễn-Kim-Quang, Nguyễn-Anh-Thư, Nguyễn-thị Minh-Phụng, Nguyễn-Thị-Búp, Nguyễn-Quốc-Khánh, Nguyễn-Bảo-Gia, Nguyễn-thị Anh-Nga, Phạm-Kim-Chung, Phạm-Thị Thuần-Anh, Đặng-Đình-Cương, Nguyễn-Vân-Tông, Trần-Đình-Tương, Nguyễn-Văn-Lan, Phạm-Thị-Thục, Nguyễn-Tự-Cường, Nguyễn-Ngọc-Sương, Nguyễn-Ngọc-Lưu, Nguyễn-Vân-Toàn, Vũ-Trung-Hung và Trần-Vinh-Liêm.

Mặt khác, tại Trường-Đại Văn-Khoa, 12 sinh-viên cũng vừa đậu Chứng-chỉ Xã-hội-học, trong số có 7 sinh-viên đậu hạng Bình-thứ.

Đó là các sinh-viên : Lê-Thuần-Khương, Bùi-Thị Anh-Hoa, Phạm-Thu-Thúy, Lê-Thị Bất-Tri, Nguyễn-Hoàng-Châu, Trần-Hà-Hải, Nguyễn-Văn-Thoan (*Bình thứ*) ; Nguyễn-Văn-Luân, Trần-Thị Gia-An, Trương-Kim-Chung, Tô-Văn-Sê tự Thanh-Xuân và Võ-Văn-Tư.

• Kỳ thi tháng Tám 1963 tại Y-Khoa Đại-Học Sài-gòn có tám sinh-viên đã đỗ bằng Bác-sĩ Y.Khoa. Sau đây là danh-sách các vị tân Bác-sĩ :

Hạng Tối Danh-dự : các ông Trần-Quý-Trung, Phan-Huy-Trường, Phạm-Vân-Phu, Nguyễn-Văn-Quý, Bùi-Mộng-Hùng, Đinh-Đại-Kha.

Hạng Danh-dự : các ông Đào-Đức-Chiêu và Đào-Văn-Phác.

• Trong số 46 thí-sinh dự thi các kỳ thi khóa II tại Trường Văn-khoa Đại-học Sài-gòn, 29 sinh-viên đã đậu hần các chứng-chỉ Pháp-văn Thực-hành và Lịch-sử Triết-học Tây-phương.

Về chứng-chỉ Pháp-văn, trên số 7 thí-sinh dự thi, 3 sinh-viên sau đây đã đậu hần : Ô. Nguyễn-Vọng-Hộ (*Bình thứ*), cô Trần-Thị-Hường và Trần-Thúy-Nga.

Về chứng-chỉ Lịch-sử Triết-học Tây-phương, trên số 37 thí-sinh dự thi, có 22 sinh-viên đậu hần là các ông : Kiều-Mạnh-Thị, Vinh-Đê (*Bình thứ*), cô Trần-Thị-Nuôi, các ông : Nguyễn-Trung-Chánh, Nguyễn-Kim-Chi, Trần-Lam-Giang, Đinh-Son-Huy, Phan-Kim-Thánh, Trần-Đại-Lộc, Nguyễn-Văn-Nha, Nguyễn-Huy-Tường, Lưu-Văn-Vinh, Nguyễn-Văn-Hường, Đặng-Si-Bình, Nguyễn-Văn-Bản, Lê-Si-Đông, Võ-Tư-Khiêm, Lê-Thanh-Liêm, Bùi-Văn-Tôn, Lê-Trọng-Thúy và Lê-Văn-Vui.

• Trong số 26 sinh-viên ghi tên dự thi Chứng-chỉ Lịch-sử Triết-học Đông-Phương kỳ II niên học 1962-63 tại Trường Đại-học Văn-Khoa, có 12 sinh-viên đã trúng tuyển hần. Đó là các sinh-viên : Nguyễn-Hữu-Đặng, Phạm-Hữu-Lai, Phạm-Vân-Minh, Trần-Mạnh-Cường (*Bình thứ*) ; Vũ-Thị-Nguyệt, Lưu-Ngọc-Bích, Đoàn-Viết-Biên, Quan-Trung-Hiếu, Cao-Đình-Quát, Nguyễn-Thanh-Tài, Đặng-Si-Bình và Nguyễn-Văn-Sâm.

Ngoài ra, 14 sinh-viên sau đây cũng đã đậu Chứng-chỉ Văn-chương Việt-Hán : Dương-Ngọc Kim-Cương, Khuru-Liên-Chi, Trần-Thanh-Dũng, Quan-Trung-Hiếu, Trần-Thái-Hồng, Nguyễn-Xuân-Hùng, Đỗ-Hữu-Huỳnh, Nguyễn-Vinh-Lạc, Phan-Hồng-Lạc, Nguyễn-Văn-Nghĩa, Phạm-Văn-Nhân, Lý-Sanh, Đỗ-Trợ và Trần-Thế-Tùng.

• 51 sinh-viên các Phân-khoa Sư-phạm, Văn-chương và Khoa-học thuộc Viện Đại-học Đà-Lạt đã trúng tuyển kỳ thi tốt-nghiệp khóa 2 tổ-chức trong tháng 8-63 vừa qua. Có tất cả 113 sinh-viên thuộc các Phân-khoa này đã dự kỳ thi khóa 2. Dưới đây là chi-tiết kết-quả :

Phân-khoa Sư-phạm. Ban triết học : có 4 sinh-viên dự thi, đều trúng tuyển : Hồ-Công-Tri, Vũ-Chí-Hùng, Nguyễn-Hương, Đào-Trường-Khánh.

Ban Pháp-văn : có 4 trong số 5 sinh-viên dự thi, trúng tuyển : Nùng-thị Nguyệt-Quang, Nguyễn-Văn-Nhuận, Nguyễn-Văn-Ty, Nguyễn-Thị-Tuyết.

Phân-khoa Văn-chương. Chứng-chỉ Văn-chương Việt-Nam : có 3 trong số 9 sinh-viên trúng tuyển. Đoàn-Minh-Khánh, Trần-Quang-Loan và Trần-Thị-Năm.

Chứng-chỉ Văn-hóa Pháp (Certificat de Civilisation française) : có 3 trong số 8 sinh-viên dự thí, trúng tuyển : Nguyễn-Linh-Ngọc (*Bình thứ*), Lê-Khắc-Anh-Vũ, Lê-Thị-Thiên.

Chứng-chỉ Văn-chương Pháp : có một người trong số 8 sinh-viên dự thí, trúng tuyển : Hồ-Mạnh-Trinh.

Chứng-chỉ Tâm-lý-học : có 8 trong số 14 sinh-viên dự thí trúng tuyển : Nguyễn-Văn-Lan (*Bình thứ*), Ngô-Đức-Diểm (*Bình thứ*) Nguyễn-Thị-Châu, Lê-Kim-Chi, Lê-Quang-Huyền, Nguyễn-Thị-Bảy, Lê-Văn-Hải, Đỗ-Đình-Huỳnh.

Chứng-chỉ Luận-lý Siêu-hình-học : có 3 trong số 10 sinh-viên dự-thí trúng tuyển : Nguyễn-Văn-Gioang (*Bình thứ*), Quách-Huỳnh-Hòa, Bùi-Văn-Bình.

Chứng-chỉ Luân-lý Xã-hội : có 13 người trong số 20 sinh-viên dự thí, trúng tuyển : Nguyễn-Trọng-Vấn (*Bình thứ*), Trương-Đình-Tân, Trần-Đình-Quý, Huỳnh-Đạt-Bửu, Nguyễn-Hữu-Khánh, Tô-Văn-Lai, Nguyễn-Văn-Lục, Cao-Văn-Thành, Nguyễn-Đình-Tuân, Võ-Văn-Huế, Phạm-Phúc-Bé, Nguyễn-Thị-Châu, Nguyễn-Văn-Khang.

Phân-khoa Khoa-học. Chứng-chỉ Toán vi-tích-phân : có 3 trong số 7 sinh-viên dự thí trúng tuyển : Bùi-Duy-Hiền, Tăng-Quan, Trần-Hữu-Phước.

Chứng-chỉ Toán học Đại-cương Vật-Lý : có 3 trong số 14 sinh-viên dự thí trúng tuyển : Trương-Hồng-Son, Đặng-Linh-Đài, Lê-Duy-Chất.

Chứng-chỉ Cơ-học Thuần-lý : có 3 trong số 6 thí-sinh dự thí trúng tuyển : Đỗ-Tấn-Sĩ, Nguyễn-Văn-Sa, Nguyễn-Đức-Thiêm.

Chứng-chỉ Toán-Lý-Hóa : có 3 trong số 8 sinh-viên dự thí, trúng tuyển : Nguyễn-Ngọc-Nhã, Nguyễn-Công-Thanh, Nguyễn-Hữu-Kiên.

• Trong số 121 thí-sinh dự thí khóa II-1963 để lấy các Chứng-chỉ Văn-chương Anh-văn Thực-hành và Luận-Lý và Siêu-Hình-học tại Trường Văn-khoa Đại-học Sài-gòn, có 28 thí-sinh đã đậu hẳn.

Về chứng-chỉ Văn-chương Anh, có 2 thí-sinh đậu trong số 8 dự thí : các ông Nguyễn-Văn-Thái (*Bình thứ*) và Nguyễn-Văn-Ngọc.

Về chứng-chỉ Anh-văn Thực-hành, trong số 95 thí-sinh dự thí có 9 thí-sinh đậu là cô Dương-Thanh-Thủy (*Bình thứ*), các ông Nguyễn-Thanh-Bạch, Bùi-Ngọc-Khánh, Đoàn-Liên, Lê-Quang-Mai, Trần-Văn-Tác, Trịnh-Viết-Thái, Kim-Mạnh-Trung và Vũ-Hữu-Nghị.

Về chứng-chỉ Luận-Lý và Siêu-Hình-học, trong số 17 thí-sinh có 7 đậu hẳn là các ông Nguyễn-Hải-Bằng, Vũ-Văn-Đức, Tô-Văn-Sẽ, Nguyễn-Chí-Thiết, Nguyễn-Khắc-Trừng, Lê-Thanh-Liêm và Trương-Kế-Nhơn.

32. MẤY CUỘC TRIỂN LÃM TẠI SÀI-GÒN.

• Họa-sĩ Trần-Văn-Thọ triển-lãm các tranh lụa mới sáng-tác tại Phòng Thông-Tin Đô-Thành, đường Tự-Do Sài-gòn, từ 13 đến 20-8-1963.

Tốt-nghiệp trường Cao-đẳng Mỹ-thuật Hà-Nội năm 1937, ông Trần-Văn-Thọ chuyên họa tranh lụa. Ông đã được giải thưởng Phòng Mỹ-thuật Ba-Lê 1939-40 và 1941-42, và giải nhất cuộc Triển-lãm Mỹ-thuật tôn-giáo tại Ba-Lê.

Ông Trần-Văn-Thọ đã triển-lãm họa-phẩm của ông nhiều lần tại Pháp-Văn Đông-Minh-Hội, Trung-tâm Văn-hóa Pháp, v...v...

Cuộc triển-lãm này đặt dưới sự bảo-trợ của ông Lê-Văn-Lắm, Giám-Đốc Nha Mỹ-Thuật Học-Vụ.

• Một cuộc triển-lãm dành cho «Âm-nhạc hiện-đại Pháp» được Cơ-quan Văn-hóa Pháp tổ-chức từ 23 đến 29-8-1963 tại Phòng Thông-Tin Đô-Thành với sự giúp sức của Trường Quốc-Gia Âm-Nhạc và Kịch-Nghệ.

Cuộc triển-lãm gồm 87 chân-dung của những nhà sáng-tác nhạc, nhạc-trưởng và độc xướng danh tiếng nhất của Pháp do Richard de Grab họa. Cuộc triển-lãm còn trình-bày những tài-liệu về sinh-hoạt âm-nhạc ở Pháp : hòa-tấu ở Ba-Lê, đại-nhạc-hội ngoài trời và giảng dạy âm-nhạc. Ngoài còn trình-bày một cuộc hòa-tấu thâu-thanh để giới-thiệu những nhạc-phẩm nổi tiếng của các nhạc-sĩ hiện-đại. Cuối cùng, vào ngày 29-8-1963, hồi 18 giờ 30, ông Descroix, Hiệu-trưởng trường Trung-học Yersin (Đà-Lạt) nói chuyện về «Nền âm-nhạc hiện-đại của Pháp».

Cuộc triển lãm khai-mạc vào ngày 23-8-63 hồi 18 giờ 30.

33. MẤY BUỔI DIỄN-THUYẾT TẠI SÀI-GÒN VÀ ĐÀ-LẠT.

• Tối 1-8-63, trong buổi diễn-thuyết thứ tư và cũng là buổi cuối cùng tại trụ-sở Hội Việt-Mỹ, Giáo-Sư Leo Gross đã nói về đề-tài «*Nhân-quyền và pháp-quyền quốc-gia*» (Human rights and domestic jurisdiction) căn-cứ vào những biến-chuyển đã qua và hiện tại trên thế-giới.

Diễn-giả là Giáo-sư về Công-pháp Quốc-tế và Ngoại-giao tại Đại-Học Đường Tufts, Tiểu-bang Massachusetts, đã nhấn mạnh về diêm-tổ-chức Liên-Hiệp-Quốc chỉ có thể khuyến-cáo khi có sự vi-phạm của các quốc-gia về nhân-quyền và không thể dùng áp-lực để bắt buộc các quốc-gia liên-hệ phải tôn-trọng bản-tuyên-ngôn quốc-tế Nhân-quyền.

Diễn-giả đã dẫn-chứng nhiều vấn-đề trên thế-giới mà hiện nay Liên-Hiệp-Quốc phải đối-phó, như vấn-đề kỳ-thị chủng-tộc, chế-độ độc-tài v...v... ở một vài nước.

Đối với mỗi vấn-đề, có nhiều ý-kiến khác nhau về cách giải-quyết và Liên-Hiệp-Quốc cũng không có thẩm-quyền định-đoạt.

Đề kết-luận, Giáo-sư Leo Gross nhấn mạnh rằng sự tôn-trọng nhân-quyền là tùy thuộc ở chính những nỗ-lực của các dân-tộc liên-hệ. Điều ấy cũng tùy thuộc ở sự trưởng-thành của các dân-tộc cũng như những điều-kiện kinh-tế và xã-hội của họ. Cuối cùng diễn-giả xác nhận rằng Tổ-chức Liên-Hiệp-Quốc và các chính-phủ thân-hữu chỉ có thể trợ-giúp cho những dân-tộc nào có những điều-kiện nói trên.

• Hồi 18 giờ 30 ngày 6.8.63, Ông Klaus G. Leowald, Phụ-tá Tùy-viên Văn-hóa Tòa Đại-Sứ Hoa-Kỳ, diễn-thuyết tại Học-viên Quốc-gia Hành-chánh (10 đường Trần-Quốc-Toàn, Sài-gòn), về sự điều hành luật-pháp Liên-bang tại Hoa-Kỳ.

Buổi diễn-thuyết do Hội Luật-Pháp đối-chiếu bảo trợ, được đặt dưới quyền chủ-tọa của Giáo-sư Vũ-Văn-Mẫu, Bộ-Trưởng Ngoại-Giao và Hội-Trưởng Hội Luật-pháp đối-chiếu.

• Sáng 4.8.63, tại Trường Quốc-Gia Âm-Nhạc và Kịch-Nghệ, Giáo-sư Nguyễn-Đặng-Thục, nguyên Khoa-Trưởng Đại-Học Văn-Khoa, Chủ-tịch Hội Nghiên-cứ Liên-lạc Văn-hóa Á-Châu, đã diễn-thuyết về đề-tài: "Hai nguồn gốc tư-tưởng Việt-Nam", trước một số đông thính-giả.

Giáo-sư nói: "Gần đây các nhà khảo-cổ-học khai quật tại Bắc-Việt, ở tỉnh Thanh-Hóa, một di-tích cổ-sử của một nền văn-minh có trước khi Bắc-Việt bị người Tàu đô-hộ. Ấy là văn-minh Đông-Son và Lạch-Tường, mà đặc-trung là trống-đồng và mộ-cổ".

Giải-thích về trống-đồng, là một tài-liệu khảo-cổ-học, diễn-giả nói: "Hình-dạng, quần áo, nhà cửa, thuyền bè, khí-giới, khắc trên trống-đồng rất có thể là hình-dạng vật-dụng của người Việt-Nam xưa kia. Mang so-sánh, ta thấy các cảnh-trí ở nhiều diêm giống cảnh sinh-hoạt hiện thời của những dân-tộc Nam-Dương".

Theo Giáo-sư Nguyễn-Đặng-Thục: "Khảo-cổ-học cho ta thấy đặc-trung của nền văn-minh Đông-Son là trống-đồng, của nhóm dân-tộc cổ-sơ, trên Châu-thổ Bắc-Việt ngày nay trước khi bị làn sóng di-dân từ Tây-Bắc Lục-địa Á-Châu tràn xuống bờ biển và hải-đảo Đông-Nam-Á.

"Đòng tộc ấy, thuộc về hệ-thống chủng-tộc Anh-đô-nê-diêng — Ma-lê-nê-diêng — Po-li-nê-diêng rải-rác khắp Thái-Bình-Dương. Trống-đồng cho ta biết: tín-ngưỡng linh-hồn (animiste) vật-tử (totémiste) và trống-đồng là dụng-cụ mô-tả cuộc sinh-hoạt tập-thể của đoàn-thể về đường tinh-thần".

Sau khi giải-thích rằng trống-đồng, một tài-liệu sử-ký và thần-thoại, và ngụ-ý triết-học của trống-đồng, Giáo-sư nói về nền Văn-minh Lạch-trường mà đặc-trung là mộ-cổ (Nhà mồ Thiên-động). Diễn-giả cũng giải-thích về phương-diện khảo-cổ-

học, rồi nói qua tín-ngưỡng thiên-động với dân Việt-Nam, triết-lý thiên-động với quan-niệm thần-tiên.

Giáo-sư kết-luận: "Hai thực-kiến cổ-học là trống-đồng Đông-Son và Mộ-cổ Bắc-Ninh là những thực-kiến lịch-sử thuộc thời-kỳ trước khi Việt-Nam thành quận-huyện của Tàu. Hai thực-kiến ấy đã biểu-lộ hai khuynh-hướng tư-tưởng chính-yếu của dân-tộc, khuynh-hướng hiện-thực và khuynh-hướng siêu-nhiên."

• Chiều 8.8.63, ông Lương-Nhị-Kỳ, Chánh-Sự-vụ Sở Báo-chí Bộ Ngoại-Giao đã nói chuyện tại Hội Việt-Mỹ về đề-tài "Chính-sách ngoại-giao của Hoa-Kỳ đối với Trung-Hoa Dân-quốc từ năm 1949" trước một số đông thính-giả.

Ông Lương-Nhị-Kỳ cho rằng "sẽ không có sự thay đổi cấp thời trong chính-sách của Hoa-Kỳ đối với Đài-Loan và trong sự ủng-hộ Chính-phủ Quốc-gia Trung-Hoa". Diễn-giả nói tiếp: "Hoa-Kỳ đã can thiệp sâu rộng vào cuộc nội-chiến giữa hai phe Quốc, Cộng Trung-Hoa". Ông Lương-Nhị-Kỳ nhấn mạnh rằng đây là một trong những vấn-đề quốc-tế khó-khăn và phức-tạp nhất mà các chính-trị-gia Hoa-Kỳ phải đối-phó.

Theo diễn-giả, nguyên-tắc căn-bản của chính-sách Hoa-Kỳ là triệt-đề ủng-hộ Trung-Hoa Dân-Quốc trong việc phòng thủ Đài-Loan, vì ba lý-do: bảo-vệ an-ninh của Hoa-Kỳ, quyền-lợi của Mỹ trong việc giúp đỡ các quốc-gia Á-Châu chống lại sự phá-hoại của Cộng-Sản và những quyền-lợi lâu dài của chính nhân-dân Trung-Quốc. Trong phần kết-luận, ông Lương-Nhị-Kỳ tin-tưởng rằng Hoa-Kỳ sẽ vẫn tiếp-tục chính-sách hiện tại là triệt-đề ủng-hộ Chính-phủ Quốc-gia Trung-Hoa. Ông nói:

"Vấn-đề chính là rời đây Bắc-Kinh sẽ nắm phần thắng hay những quốc-gia Á-Châu với sự giúp-đỡ của Hoa-Kỳ và nhiều nước khác, có thể đạt được nguyên-vọng của họ là trở thành những quốc-gia tự-do và dân-chủ".

• Một buổi nói chuyện về "Cuộc chiến-đấu chống Cộng-sản tại Đức-Quốc" đã được tổ-chức sáng 10.8.63 ở Hội trường Hòa-Bình thành-phố Đà-Lạt.

Diễn-giả là ông Hoàng-Minh-Tuynh, Chủ-nhiệm tạp-chí MAI, xuất-bản tại Sài-gòn, trên hai tiếng đồng hồ, đã trình-bày nhiều khía-cạnh về các phương-pháp chống Cộng của nhân-dân Đức. Diễn-giả cũng nhắc cuộc khởi-nghĩa của công-nhân Đức tại Đông-Bá-Linh hồi 1953.

Trước khi kết-thúc buổi nói chuyện, diễn-giả ngờ ý tin rằng các phương-pháp chống Cộng của nhân-dân Đức vẫn có thể giúp nhân-dân Việt-Nam rút tía thêm kinh-nghiệm cho cuộc chiến-đấu tự-vệ chống Cộng hiện nay của mình.

Phần trình-bày này đã được diễn-giả đề-cập đến sau phần phác-họa cuộc viếng thăm Đức-Quốc của diễn-giả vào khoảng tháng 10, 11-62.

Chủ-tọa buổi nói chuyện trên đây là ông Trần-Văn-Phước, Thị-Trưởng Đà-Lạt. Hiện-diện trong buổi nói chuyện người ta nhận thấy có bà G. Soetig, Tùy-viên báo-chí Sứ-quán Tây-Đức, bác-sĩ E. Stadler, Giám-Đốc Học-viện Goethe cùng một số đồng đại-diện các cơ-quan đoàn-thể và đồng-bào tại thành-phố Đà-Lạt.

• Ngày 14-8-63, hồi 20 giờ, tại Thính-đường Hội Việt-Mỹ, số 50 đường Mạc-Đĩnh-Chi, Sài-gòn, nhiếp-ảnh-viên Phạm-Văn-Mùi nói về đề-tài "*Nhiếp-ảnh là một ngôn-ngữ*". Trong buổi nói chuyện này, ông Phạm-Văn-Mùi trình-bày một tập sưu-tầm các ảnh nghệ-thuật mà ông giải-thích. Các lời giải-thích ấy được dịch ra Anh-ngữ.

Ông Phạm-Văn-Mùi là một nhiếp-ảnh-gia có tiếng trên quốc-tế. Ông đã đoạt nhiều giải-thưởng quan-trọng tại nhiều cuộc Triển-lãm quốc-tế về nghệ-thuật nhiếp ảnh.

• Ông Thullier, Kỹ-sư-trưởng Nha Kế-Hoạch của Công-Quản Mô than 'Bassin du Nord' và 'Pas de Calais' (Pháp) nhân dịp viếng thăm Việt-Nam, mở một loạt các buổi nói chuyện và thảo-luận về "*Phương-pháp nghiên-cứu và phỏng-định mức lờì của sơ-đồ đầu tư*". Các cuộc nói chuyện này do Trung-tâm Khuếch-trương Kỹ-nghệ và Công-Quản An-Hoa — Nông-Sơn tổ-chức dưới sự bảo-trợ của bộ Kinh-Tế.

Buổi nói chuyện đầu tiên của Kỹ-sư Thullier khai-diễn ngày 20-8-63 hồi 17 giờ tại Phòng Hội-ng nghị Bộ Kinh-Tế, dưới sự chủ-tọa của ông Bộ-Trưởng Kinh-Tế Quốc-gia.

B. TIN NGOÀI NƯỚC

1. NHÂN-VIÊN HÀNH-CHÁNH QUỐC-HỘI VIỆT-NAM THAM DỰ KHÓA HỌP QUỐC-TẾ TẠI HẠ-UY-DI.

Đáp lời mời của Phái-đoàn Viện-trợ Kinh-tế Hoa-kỳ tại Việt-Nam, trưa thứ sáu 2-8-1963, ông Lê-Công-Thành, Tổng Quản-Trị Sự-vụ Quốc-Hội đã đáp phi-cơ đi tham-dự Hội-ng nghị các Nhân-viên Quản-trị Hành-chánh các Cơ-quan Lập-pháp nhóm họp tại Honolulu, Hạ-Uy-Di.

Hội-ng nghị này do Cơ-quan Phát-triển Quốc-tế (AID), Hoa-Thịnh-Đốn, tổ-chức từ 4 đến khoảng 28-8-63, dành cho nhân-viên của ngành lập-pháp các nước ở Viễn-Đông.

2. THÊM NHIỀU SINH-VIÊN THU-HOẠCH KẾT-QUẢ TẠI PHÁP.

Thêm nhiều sinh-viên Việt-Nam đã thu-hoạch được nhiều kết-quả trong kỳ-thi cuối năm 1962-63.

A. Sinh-viên được cấp học-bổng viện-trợ Văn-hóa :

Chứng-chỉ Cử-nhân : Ô. Nguyễn-Xuân-Hồng, Đại-học-đường Paris, Chứng-chỉ Toán-lý-hóa.

Chứng-chỉ và cấp-bổng khác : Ô. Nguyễn-Phong, Đại-học-đường Toulouse, Chứng-chỉ bệnh ngoài da (năm thứ nhứt).

Vào các lớp Đại-học : Ô. Nguyễn-Trung-Biêu, Đại-học-đường Toulouse, nhập học năm thứ hai trường Cao-đẳng Nông-học.

B. Sinh-viên được cấp học-bổng viện-trợ kỹ-thuật :

Cấp bằng : Nguyễn-Tấn-Phước, Đại-học-đường Lyon, Cấp-bằng trường Thú-y Lyon. Ô. Lê-Viết-Toại, Đại-học-đường Grenoble, Cấp-bằng Kỹ-sư trường Điện-tử Grenoble, hạng "Bình thứ".

Vào các lớp Cao-đẳng : Ô. Phan-Xuân-Hoàng, Đại-học-đường Paris, năm thứ ba trường Kỹ-nghệ Nông-nghiệp và thực-phẩm.

Các kết-quả trên đây do Học-viện Pháp-Việt ở Ba-Lê thông-báo.

3. GIÁO-SƯ LÊ-VĂN-THỚI THAM DỰ HỘI-NGHỊ QUỐC-TẾ VỀ GIÁO-DỤC ĐẠI-HỌC TẠI MÃ-LAI.

Giáo.sư Lê-Văn-Thới, Viện-Trưởng Viện Đại-học Sài-gòn rời Việt-Nam trưa 12-8-63 đi Mã-Lai tham dự cuộc Hội-ng nghị đầu tiên của Ủy-hội Quốc-tế Chuyên-viên Khảo-cứu về vai trò các Viện Đại-học trong việc phát-triển những nước vùng Đông-Nam-Á, do Ủy-hội Phối-hợp Tồ-chức Văn-hóa Liên-Hiệp-Quốc và Hiệp-hội Quốc-tế các Viện Đại-học Khảo-cứu về ngành Đại-học (UNESCO-AIU) tổ-chức tại thủ-đô Kuala - Lumpur từ 13 đến 19-8-1963.

Hội-ng nghị góp mặt không những nhiều Viện-Trưởng Viện Đại-học Châu Á mà luôn của Châu Âu và Châu Mỹ, hội-viên của Ủy-hội nói trên. Mục-dích của Hội-ng nghị là nghiên-cứu vai trò các trường Đại-học và Cao-đẳng trong sự phát-triển của những quốc.gia Đông-Nam Á-Châu và thảo-luận về những vấn-đề thuộc ngành giáo-dục và đặc-biệt là giáo-dục Đại-học ở vùng Đông-Nam-Á.

Việt-Nam tham-dự Hội-ng nghị với tư-cách Viện-Trưởng và cũng là Hội-viên của Ủy-hội Quốc-tế chuyên-viên khảo-cứu ngành Đại-học vùng Đông-Nam-Á.

Cuộc công-du của đại-biểu Việt-Nam do hai tổ-chức quốc-tế UNESCO-AIU bảo-trợ và đài thọ.

4. VIỆT-NAM THAM DỰ LỄ KỶ-NIỆM BÁCH CHU-NIÊN HỒNG-THẬP-TỰ QUỐC-TẾ.

Một phái-đoàn Hội Hồng-Thập-Tự Việt-Nam đã rời Sài-gòn chiều 24-8-63 đi Giơ-neo tham dự lễ kỷ-niệm bách chu-niên Hội Hồng-Thập-Tự Quốc-Tế, cử hành vào ngày 1-9-63. Phái-đoàn do bác-sĩ Phạm-Văn-Hạt, Chủ-Tịch Hội Hồng-Thập-Tự Việt-Nam hướng-dẫn, gồm có bác-sĩ Huỳnh-Trung-Nhi, Chủ-Tịch Phân-bộ Hồng-Thập-Tự An-Giang và bà Huỳnh-Trung-Nhi, đảm-nhiệm công-tác thư-ký của Phái-đoàn.

Nhân dịp này, Phái-đoàn Hồng-Thập-Tự Việt-Nam sẽ tham-dự hai hội-nghị do Hội Hồng-Thập-Tự Quốc-Tế tổ-chức là Hội-nghị các Thống-Đốc từ ngày 28-8 đến 3-9-63 và Hội-nghị của Hội-đồng đại-biểu từ 4 đến 10-9-63.

Những vấn-đề chính ghi trong chương-trình nghị-sự của các Hội-nghị nói trên là thể-thức sử-dụng những dấu hiệu Hồng-Thập-Tự, việc bảo-vệ dân-chúng khi có chiến-tranh, việc phổ-biến Quy-ước Giơ-neo trong dân-chúng, quân-đội và học-đường cùng thảo-luận về các nguyên-tắc chính của Hồng-Thập-Tự.

5. VIỆT-NAM THAM DỰ HỘI-NGHỊ THỨ 14 CỦA TỔ-CHỨC Y-TẾ QUỐC-TẾ KHU-VỰC THÁI-BÌNH-DƯƠNG.

Do lời mời của Tổ-Chức Y-Tế Quốc-tế, Bác-sĩ Lê-Cửu-Trường, Tổng Giám-Đốc Y-Tế và Bệnh-Viện, đáp máy bay đi Port Moresby (Papua) vào ngày 29-8-1963 để tham dự Hội-Nghị thứ 14 của Tổ-Chức Y-Tế Quốc-tế thuộc Khu-vực Tây Thái-Bình-Dương về năm 1963.

Hội-nghị họp từ 5-9-1963 đến 10-9-1963 có đại-diện của 15 nước tham dự, để kiểm-điểm công-tác của Tổ-Chức Y-Tế Quốc-Tế trong năm vừa qua và thảo-luận về các chương-trình y-tế địa-phương và ngân-sách trong năm 1965.

6. HAI CÔNG-CHỨC VIỆT-NAM DU-HỌC ANH-QUỐC.

Ông Châu-Kim-Nhan và cô Võ-Thị-Nguyệt được Hội-đồng Văn-hóa Anh cấp học-bằng, đã rời Sài-gòn ngày 28-8-63 đi Anh du-học trong thời-gian một năm. Ông Nhan, tốt-nghiệp Viện Quốc-gia Hành-Chính và Chủ-sự Phòng Thống-kê Tài-nguyên Quốc-gia Bộ Tài-Chính, theo học môn hành-chính, kinh-tế và xã-hội tại trường Kinh-tế Chính-trị Luân-Đôn. Cô Nguyệt, giáo-sư Anh-ngữ, tông-sự tại Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, theo học trường Cao-đẳng Kỹ-thuật Wê-lơ (Wales) ở Ca-díp (Cardiff).

7. CHUYÊN-VIÊN LÂM-VỤ VIỆT-NAM THAM-DỰ HỘI-THẢO QUỐC-TẾ VỀ KINH-TẾ RỪNG NHIỆT-ĐỚI.

Một phái-đoàn chuyên-viên lâm-vụ của Bộ Cải-tiến Nông-Thôn rời Sài-gòn ngày 30-8-63 đi Tây Bá-Linh tham-dự khóa hội-thảo quốc-tế về kinh-tế rừng nhiệt-đới, nhóm họp từ ngày 2 đến ngày 28 tháng 9 năm 1963. Phái-đoàn gồm có ông Nguyễn-Văn-Tấn, Kỹ-sư Thủy-Lâm, Phó Giám-đốc Nha Lâm-Vụ, Trưởng Phái-đoàn và ông Lê-Vinh-Quy, chuyên-viên lâm-vụ, đoàn-viên.

Khóa hội-thảo quốc-tế này, do "Viện Đức-quốc phụng-sự các quốc-gia đang phát-triển" tổ-chức, quy-tụ đại-biểu của 20 quốc-gia Á-Phi và thảo-luận các vấn-đề kinh-tế rừng nhiệt-đới, việc gây lại rừng, cùng các vấn-đề thổ nhưỡng, kế-hoạch-hóa kỹ-nghệ lâm-sản và tổ-chức cùng quản-trị lâm-phần.

Các đại-biểu tham-dự hội-thảo còn có cơ-hội thăm viếng nhiều cơ-sở lâm-vụ của Cộng-Hòa Liên-bang Đức.

8. HAI CÔNG-CHỨC THỤ-HƯỞNG HỌC-BỒNG KẾ-HOẠCH COLOMBO DU-HỌC ANH-QUỐC.

Bà Trương-Hoàng-Lem và ông Võ-Phước-Thiên rời Sài-gòn ngày 28-8-63 đi Anh-quốc theo học các lớp của Kế-hoạch Colombo.

Bà Trương-Hoàng-Lem, tốt nghiệp Viện Quốc-Gia Hành-Chính và hiện đang tông-sự tại Tổng Nha Công-Vụ, theo học lớp chín tháng Công-vụ tại Đại-học Măng-sét-tơ (Manchester).

Còn ông Nguyễn-Phước-Thiên, tông-sự tại Bộ Cải-Tiến Nông-Thôn, theo học hai năm về Trắc-địa tại Đại-Học-Đường Luân-Đôn.

9. ĐỨC CHA TRẦN-VĂN-THIỆN, GIÁM-MỤC MỸ-THO ĐI LA-MÃ DỤ ĐẠI-HỘI CÔNG-ĐỒNG.

Đức Cha Trần-Văn-Thiện, Giám-mục Mỹ-Tho, đã rời Sài-gòn chiều 31-8-63 đi La-Mã tham-dự Đại-Hội Công-Đồng Vatican kỳ thứ II. Đại-Hội này đã khai-mạc hôm 29-8-63.

Mới đây, Đức Cha Nguyễn-Văn-Thiện, Giám-mục Vinh-long và Đức Cha Nguyễn-Kim-Điền, Giám-mục Cần-thơ cũng đã qua Âu-châu trước khi đến La-Mã tham dự Đại-Hội Công-Đồng Vatican kỳ thứ II.

Đức Cha Nguyễn-Văn-Bình, Tổng Giám-Mục Sài-gòn, và Đức Cha Phạm-Ngọc-Chi, Giám-mục Đà-Nẵng, trước kia dự định đi La-Mã trong ngày 31-8-63 để tham-dự Đại-Hội nói trên, nhưng đã hoãn ngày khởi hành vì đang bận công việc.

TIN SÁCH BÁO MỚI NHẬN

Văn-Hóa Nguyệt-San đã nhận được sách báo mới sau đây của tác-giả hoặc của nhà xuất-bản có nhâ-y gửi tặng. Xin thành-thực cảm ơn và ân-cần giới-thiệu với bạn đọc thân mến.

HÀNH-CHÁNH ĐỊA-PHƯƠNG. Bùi-Quang-Khánh biên-soạn và tự xuất-bản tại Sài-gòn, 1963, 220 trang, khổ 24cm×15cm5, giá 120đ.

Tác-giả vốn là giáo-sư Học-viện Quốc-Gia Hành-Chánh Sài-gòn, đã từng tham-dự Hội-Nghị của Tổ-chức Liên-hiệp Đông-Phương Hành-Chánh (Eastern Regional Organization for Public Administration) họp tại Manille năm 1960 và nhân dịp này đã nhận xét thấy phái-đoàn các nước tại Đông-Phương (Nhật-Bản, Thái-Lan, Trung-Hoa Quốc-Gia, v.v...) rất quan-tâm đến sự tăng-cường nền Hành-Chánh địa-phương, nên đã thảo-luận kỹ-càng về vấn-đề này. Theo lời tác-giả, đó là lý-do chính đã khiến tác-giả sốt-sắng biên-soạn và xuất-bản quyển sách nói trên.

Trong sự nghiên-cứu bộ máy hành-chính địa-phương nước ta, tác-giả chú trọng khảo-sát theo ba khía cạnh :

- (1) Khía cạnh pháp-lý gồm những đạo luật và qui-tắc hành-chánh.
- (2) Khía cạnh nhân-sự gồm những nhân-viên hành-chánh có những quan-niệm, tư-tưởng, nguyện-vọng khác biệt hay mâu-thuần.
- (3) Khía cạnh quản-trị nhân-viên, công-sở, tổ-chức công việc đề thu những kết-quả tối-đa với số vốn tối-thiểu.

Với một lối hành-văn bình-dị và dễ hiểu, tác-giả đã "nêu lên những nguyên-tắc căn-bản và ghi chép những kinh-nghiệm bản-thân hay những nhận-xét thu lượm trong những cuộc thảo-luận tại các cuộc hội-nghị hành-chánh trong nước hay tại ngoại-quốc, hay các cuộc tiếp-xúc với các hành-chánh-gia".

Ngoài phần mở đầu khái-luận về tập-quyền và phân-quyền (hai nguyên-tắc điều-hướng cách tổ-chức và điều-hành bộ máy hành-chánh), sách này chia làm hai phần chính :

A. Phần I nói về tổ-chức hành-chánh địa-phương gồm 7 chương (Vài nét đại-cương về hành-chánh địa-phương, Các phần, tỉnh, đô-thị và thành-phố, Các quận, tổng, xã) ;

B. Phần II nói về tác-phong của các vị chỉ-huy hành-chánh địa-phương gồm 4 chương (Ý-niệm tổng-quát về tác-phong, Tác-phong chuyên-nghiệp, chánh-trị và đạo-đức).

Cuối cùng, trong phần tổng-kết, tác-giả nhấn mạnh về những đặc-tính dung-hòa hai chính-sách tập-quyền và phân-quyền của nền hành-chánh địa-phương nước ta. Đồng-thời, tác-giả lại nhấn mạnh đến nhiệm-vụ và trách-nhiệm rất nặng-nề và phức-tạp, nhất là trong giai-đoạn hiện-thời, của các vị chỉ-huy hành-chánh nước ta, lúc nào cũng phải có óc linh-mẫn, phải thận-trọng và đi sát với thực-tế, và phải đặt sự sáng-tạo và quyền-biến trên một căn-bản đạo-đức vững-chắc.

Nói tóm lại, quyển sách khảo-luận nói trên rất quý-giá, đáng nên có trong tủ-sách gia-đình của các công-chức và các vị chỉ-huy hành-chính địa-phương đương lúc này cần theo đúng lời huấn-từ của Ngô Tổng-Thống phải "Có một tư-tưởng quốc-gia dứt-khoát, một quan-niệm phục-vụ đứng-đắn, phải lanh tiến trên con đường sửa đổi lề lối làm việc, luôn luôn phải học-tập để thấm-nhuần chánh-sách và chủ-trương của chánh-phủ, tích-cực phổ-biến sâu rộng trong nhân-dân, để cho kế-hoạch hoạt-động của chánh-phủ được thực-hiện kịp thời và đúng mức".

KHUÊ-SÁU THI-THẢO, Cao-Thị Ngọc-Anh nữ-sĩ, do tác-giả đã cho xuất-bản tại Sài-gòn, 1953, 64 trang (khổ 16 cm × 24 cm) và cho tái-bản năm 1962 cũng tại Sài-gòn (sách in ronéo, 38 trang giấy khổ lớn). Sách tặng không ghi giá bán.

Tác-giả tập thi-phẩm nói trên là bậc nữ-sĩ lão-thành (năm nay hơn 80 tuổi) nổi tiếng trên thi-đàn Việt-Nam. Bà là ái-nữ Cụ Đồng-Các Cao-Xuân-Dục, bảo-muội cụ Hiệp-Tá Cao-Xuân-Tiểu và là con dâu Cụ Cần-Chánh Nguyễn-trọng-Hiệp và như-thế "đã được sinh-trưởng và un đúc trong một đại-gia-đình văn-học". Tập thơ của nữ-sĩ gồm đủ các loại : bát-cú, tứ-tuyệt, cổ-phong, ca-trù, văn-tế, v. v... phần làm bằng Việt-văn, phần làm bằng Hán-văn và tự tay nữ-sĩ phiên-dịch ra quốc-âm. Thi-phẩm có nhiều bài "lâm-lý sâu thâm, có bài hài-hước trào-phúng, có bài đằm-thắm âu-yếm", mỗi khi đọc-giả ngâm lên, có cảm-tưởng đọc "một bản nhạc lòng ai-oán của một người khuê-phụ ngân lên giữa đêm mưa gió lạnh-lùng :

*Rằng hay thì thật là hay,
Nghe ra ngâm đặng nuốt cay thế nào.*

Muốn ý-thức giá-trị tập thơ này, xin bạn hãy đọc mấy vần thơ sau đây trích trong tập thi-phẩm của nữ-sĩ :

- Trên gác đóm lờ, trăng đợi bóng,
Trước rèm chim hót, gió hòa ca.
Ngắm xem chữ nghĩa như trò mộng,
Nhẹ ném giàu sang tựa cánh hoa . . .
- Cũng đủ với đời : tai, mắt, miệng,
Mà cam chịu nỗi : điếc, mù, câm.
Nghe chi cho một lòng suy nghĩ,
Nói lắm càng thêm sự lỗi-lâm . . .
- Ngoài ngõ ngựa xe xao-xuyến động,
Bên trời tinh-đầu mịt-mù khơi.
Biết ai mà hỏi trong-lai nhl,
Chỉ thấy đào-hoa mím miệng cười.

CAO-LÃNH . . . ĐẾN 1954. Trần-quang-Hạo, do tác-giả xuất-bản tại Sài-gòn 1963, 192 trang (giấy blanc fin) khổ 15 cm 5 × 22 cm, giá bán 60\$.

Tác-giả đã cố gắng sưu-tầm những tài-liệu quý-giá về lịch-sử, địa-lý, kinh tế, danh-nhân, thi-ca, v. v. . . của quận Cao-Lãnh (trước thuộc về tỉnh Sa-đéc, nay là tỉnh-ly Kiến-Phong), một nơi ở ven Đồng-Tháp-Mười và nổi tiếng về tinh-thần bất-khuất của các nhà cách-mạng miền Nam. Sách chia làm 14 chương khảo sát khá đầy-đủ về lịch-sử, địa-lý, giao-thông, hành-chánh, canh-nông, thương-mại, kỹ-nghệ, đình chùa, miếu mạo quận Cao-Lãnh. Ngoài ra, soạn-giả lại chú-trọng khảo-cứu về tinh-thần chiến-đấu của dân Cao-Lãnh, lúc nào cũng hết lòng bảo-vệ và hoạt-động hăng-hái giúp các nhà chí-sĩ thời trước như Kỳ-Ngoại-Hầu Cường-Đề, Sào-Nam Phan-Bội-Châu, v. v. . . Soạn-giả còn lược-thuật thân-thể và sự-nghiệp của các nhà cách-mạng ở Cao-Lãnh có thành-tích đáng kể (như Lưu-quang-Bật, Phạm-nhon-Thuần, Lê-Văn-Mỹ, Lê-văn-Sao, Đỗ-văn-Y, Nguyễn-quang-Diêu, Đinh-hữu-Thuật, v.v. . .), các nhân-vật nổi danh đã giúp xú-sở về mặt văn-hóa, xã-hội, đạo-đức (như Thống-Lãnh-binh Nguyễn-văn-Linh, Trương-tấn-Minh, Nguyễn-tri-Tường, Lê-tâm-Quảng, Lê-quang-Hiền, Bà Đỗ-thị-Đệ, Bà Nguyễn-thị-Phước, Hồ-trọng-Đình, Diệp-văn-Kỳ, v. v. . .). Cuối cùng, soạn-giả lại khéo sưu-tập được nhiều giai-thoại rất lý-thú và nhiều thi-ca tao-nhã đầy ý-nghĩa.

Bạn đọc muốn tìm hiểu nếp sống phong-phú và hào-hưng của Cao-Lãnh, nơi dung-thân và hoạt-động của nhiều bậc chí-sĩ, nên đọc quyển sách hữu-ích này. Thư từ và bưu-phiếu xin gửi về Ô. Trần-quang-Hạo (số 8, Đường Hồ-trọng-Đình, Cao-Lãnh).

QUY-PHÁP VỤNG-TẬP (QUYỀN V). Tòa Tổng Thư-ký Phủ Tổng-Thống xuất-bản tại Sài-gòn, 1963, 962 trang (khổ 15 cm × 23 cm), giá 210\$ một cuốn (thêm tiền gửi).

Bắt đầu xuất-bản từ năm 1959, ấn-phẩm hằng năm này gồm có tất cả văn-kiến lập-pháp (luật và sắc luật) được Tổng-Thống ban-bổ từ ngày thành lập nền Cộng-Hòa Việt-Nam, cùng những văn-kiến lập-quy đề thi-hành các văn-kiến kể trên và hai loại này đã được công-bố trong Công-báo Việt-Nam Cộng-Hòa vào lúc ban-hành.

Quyển V này có các văn-kiến lập-pháp và lập-quy thuộc về thời-kỳ từ mùng 1 tháng giêng đến ngày 31-12-1962.

Trong các văn-kiến quan-trọng, đáng lưu-ý như là luật hiến-pháp số 1/62-HP ngày 8-7-1962 và 2/62-HP ngày 25-9-1962 sửa đổi điều 51 và 47 của Hiến-pháp Việt-Nam Cộng-Hòa, luật số 1/62 ngày 8-1-1962 ấn-định quy-chế luật-sư và tổ-chức Luật-sư-đoàn, luật số 3/62 ngày 17-1-1962 qui-định sự liên-đới quốc-gia tương-trợ các cựu chiến-sĩ và cô-nhi quả-phụ tử-sĩ, sắc-luật số 10/62 ngày 16-5-1962 ấn-định thể-lệ hội-hợp, luật số 12/62 ngày 22-5-1962 bảo-vệ luân-lý, sắc-luật số 16/62 ngày 31-7-1962 ấn-định sự trừng-phạt những việc tân-tạo hay đại-tụ-bỏ các kiến-trúc bất-hợp-pháp, sắc-lệnh số 11-TTP ngày 3-2-1962 thiết-lập Ủy-ban Liên-bộ đặc-trách Ấp-Chiến-lược và sắc-lệnh số 124-CTNT ngày 31-5-1962 qui-định việc tổ-chức và điều-hành kiến-điền và quản-thủ điền-địa tại những xã và thành-phố.

Ấn-phẩm này có mục-lục theo thứ-tự thời-gian và bản-kê đề-mục theo thứ-tự mẫu-tự để dễ bề tìm kiếm.

Xin gửi thư mua đến nhà in Công-báo, số 63, đường Tự-Do, Sài-gòn.

QUYỀN SÁCH, NGHỀ XUẤT-BẢN VÀ NGHỀ BÁN SÁCH. Lê-Thái-Bằng dịch-thuật, do Viện Đại-Học Huế xuất-bản tại Huế, 1962, 664 trang, giá 90\$.

Sách này là bản-dịch của phần "Le Livre" trong tập XVIII nói về văn-minh chữ viết (Civilisation écrite), của Bộ *Bách-Khoa toàn-thư Pháp* (Encyclopédie française), một công-trình sưu-khảo rất có giá-trị trên văn-đàn thế-giới.

Sách chia làm 5 phần :

- (1) Quyền sách (Lịch-sử quyền sách, chơi sách).
 - (2) Nghề xuất-bản (người xuất-bản và các ngành xuất-bản, kỹ-thuật xuất-bản, xuất-bản không chuyên-nghiệp).
 - (3) Nghề bán sách (vấn-đề tổ-chức nghề bán sách, giá cả và công việc phổ-biến sách).
 - (4) Tình-hình sản-xuất và phổ-biến sách trên thế-giới (ở Châu Âu và Châu Mỹ).
 - (5) Các loại sách (Sân-phẩm tinh-thần, Giáo-dục và khảo-chứng, Khoa-học tinh-xác và vạn-vật, Khoa-học nhân-văn, Văn-học tổng-quát.)
- Quyển sách dịch này xem rất hữu ích không những cho những người theo đuổi hai nghề xuất-bản và bán sách mà cả cho những nhà văn, nhà giáo, v.v. . . khiến ai cũng có một kiến-thức tổng-quát về hai ngành thiết-yếu cho đời sống tinh-thần của chúng ta.

SÁCH MỚI (Nouvelles acquisitions) do Nha Văn-Khố và Thư-viện Quốc-Gia xuất-bản. Đã phát-hành số đặc-biệt tháng 6 năm 1963 tại Sài-gòn, 50 trang khổ lớn (in bằng máy Ronéo) không ghi giá bán.

Số đặc-biệt này gồm toàn những sách do cơ-quan văn-hóa Anh-quốc "The British council" gửi tặng và được lưu-trữ tại Thư-viện Quốc-gia (số 34, Đường Gia-Long, Sài-gòn), Tổng Thư-viện (khu Trường Pétrus Ký, Sài-gòn) và tại Phòng cho mượn sách (số 194 D, Đường Pasteur, Sài-gòn). Đề bạn đọc dễ tìm kiếm tài-liệu tham-khảo, nội-dung tập nguyệt-san này được chia làm 3 phần :

- (1) Sách sắp theo phân-loại.
- (2) Sách sắp theo nhan-đề (theo mẫu-tự A, B, C...)
- (3) Sách hiện lưu-trữ tại Phòng cho mượn sách (Đ. Pasteur, Sài-gòn) đề các bạn đọc mượn đem về nhà.

LÀNH MẠNH, tập-san khoa-học văn-hóa và xã-hội. Đã phát-hành số 83 ngày 1-8-63 tại Huế, 32 trang khổ lớn, giá 12\$.

Nội-dung gồm những bài : Cao-bá-Nhạ và Tự-tình-khúc, Vọng-phu-thạch, Dịch Đường-thi, Nhà văn Nhất-Linh, Thiên-luân và dục vọng, Ngày giỗ tại Việt-Nam, Bức tranh cổ, Yến a-gát và yến cà-phê sữa. Cuộc chạy đua không-gian giữa Hoa-Kỳ và Nga-sô, Đau chói tim hay đau ngực trước tim, v.v...

VĂN-ĐÀN TUẦN-BÁO, số 46 (Bộ IV) từ 19 đến 26-9-63, đã phát-hành tại Sài-gòn, 34 trang khổ lớn, giá 6\$.

Nội-dung gồm những bài : Mười lăm phút quyết-định thế cờ, Truyện dài nhật-báo, Truyện khôi-hài, Sáng-kiến, một yếu-tố thành-công, Vụ án Rosenberg, Danh-nhân Bình-Định : Lê-Chất, Thanh-niên với thời-đại : «Cần-lao với thanh-niên», Rewriting : một kỹ-thuật viết báo kim-thời hay là cái chết của nghề làm báo cổ-diễn, Một phương-pháp mới để giáo-hóa thiếu-nhi phạm-pháp, Tiếng trúc bên hồ, Hoa nở về đêm...

ĐẠI-HỌC, tạp-chí nghiên-cứu của Viện Đại-học Huế. Đã phát-hành số 34 tháng 8 năm 1963 tại Huế, 124 trang, giá 20\$.

Nội-dung gồm những bài : Triết-lý tình yêu trong tư-tưởng của Maurice Nédoncelle, Vài nét về sinh-hoạt « hát giậm » và « hát ví » (dân-ca Nghệ-Tĩnh), Bài Trung-nghĩa-ca của Đoàn-hữu-Trung, Bàn về Hùng-vương, Những người sống đầu tiên trên đất Việt-Nam, Nhận xét về một cái bát kiểu Megara tìm thấy ở Việt-Nam v.v...

BÁCH-KHOA số 61 đã phát-hành ngày 15-9-1963 tại Sài-gòn, 132 trang giá 10\$.

Nội-dung gồm những bài : Vài nhận-xét về ngoại-giao của De Gaulle, Trần-thời-Hạnh, thi-sĩ trào-phúng miền Nam, Địa-vị sử-học, Tim về âm lạnh của di-vãng, Đàm-thoại với Staline, Lá thư Jérusalem. Vượt biên, Quay trong gió lốc, Tàn phai, Người bẻ ghi, Trả lời cuộc phỏng-vấn âm-nhạc, Nhịp buồn, Thu-ca v.v...

MINH-TÂN nguyệt-san, cơ-quan chấn-hưng Khổng-học. Đã phát-hành số 4 (Bộ mới) ngày 25-8 63 tại Sài-gòn, 88 trang, giá 10\$.

Nội-dung gồm những bài : Chiến-thắng hay bại-vong, Ý-nghĩa việc xây dựng Khổng-miếu, Lê, con đường đưa đến nhân-trị chủ-nghĩa trong triết-học Khổng-Tử, Nho-gia khí-tiết luận, Chính-trị dân-bào của Mạnh-Tử, Nghiên-cứu về nguồn gốc hai nước Tấn và Sở, Ảnh-hưởng Khổng-học trong luân-lý, lễ-giáo Việt-Nam, Tổng-vong tam-kiệt, Hiện-trạng văn-học Đông Đức, Khí hạo-nhiên của Mạnh-Tử, v.v...

VĂN-HỮU NGUYỆT-SAN, do Văn-Hóa-vụ xuất-bản, đã phát-hành số 24 tại Sài-gòn, 184 trang, giá bán 15\$.

Nội-dung gồm những bài đặc biệt về ngành báo-chí Việt-Nam và Thế-giới (Những tờ báo xuất-hiện đầu tiên trên thế-giới, Những bước đầu của nghề thông-tin, Mấy trang lịch-sử về báo-chí nước ta, Khó khăn và triển-vọng của báo-giới trong hiện-tại, Thủy-tử của báo-chí Tây-phương, Những tổ-chức thông-tấn-xã, Tổ-chức của một tờ báo, Các ký-giả tiền-phong nước ta, Tìm hiểu báo-chí Anh-quốc, Lịch-sử báo-giới Nhật-bản, v.v...

THỜI NAY số 96 phát-hành ngày 15-9-1963 tại Sài-gòn, 148 trang, giá 10\$.

Nội-dung gồm những bài : Những cái bóng bầy của Chí-Lợi, Hai mối tình của Bertioz, Câu chuyện Ofuro, Đem hợp-cần, Cây quyền phép, Chết nhóm ra đời, Săn cá mập, Từ Wigwam đến nhà chọc trời, Saint Lawrence, kỹ-quan Gian-Nã-Đại, Đầu lâu thu nhỏ của dân Jivaros, Toán, ngôn-ngữ giao-thiệp, Lục-địa trời, Phát-minh quan-trọng nhất lịch-sử, Thần đồng, vv...

PHỒ-THÔNG số 110 phát-hành ngày 1-9-1963 tại Sài-gòn, 148 trang, giá 10\$.

Nội-dung gồm những bài : Hòa-bình nguyên-tử chưa phải là hòa-bình, Bức thư Espagne, Cuộc đời trong tấm kính chiếu hậu, Sanh đôi, Chuyện nông thôn, Địa bay, Bệnh tê-bại trẻ em, Trai lao-động, Nhân-vật Đông-Chu : Ngô-Phù-Sai, Cạm bẫy thanh-niên, Mắm tươi, Thu về trên đất khách, Biết nói gì đây, Gợi cảm, vv...

MAI, tạp-chí xây-dựng xã-hội và văn-nghệ, Đã phát-hành số 28 (Bộ mới) ngày 1-9-1963 tại Sài-gòn, 40 trang khổ lớn, giá 10\$.

Nội-dung gồm những bài : Trung-Hoa mưu chiếm quyền chỉ-huy khối Cộng ? Những khó-khăn và triển-vọng của dân-tộc Ấn-Độ, Tâm-lý-học phân-tích, Cái chết của Cesare Pavese, Sự tham-dự của quốc-gia trong các lãnh-vực kinh-tài, Con đả-điều, Người bán hàng dong, Chớm nở, Bang-giao Trung-Hoa và Liên-Xô, Màu áo học trò...

CHẤM-HƯNG KINH-TẾ, cơ-quan thông-tin sưu-tầm và nghiên-cứu kinh-tế. Đã phát-hành số 342 ngày 12-9-63 tại Sài-gòn, 36 trang khổ lớn, giá 12\$.

Nội-dung gồm những bài : Kinh-nghiệm cuộc cách-mạng nông-nghiệp ở Nhật-Bản đối với các nước chậm tiến hiện nay, Những hình-thức viện-trợ xuất-cảng của Việt-Nam từ trước đến nay, Thuyết mĩ-lực trong công cuộc phát-triển kinh tế, Một thể-hệ mới đang lên, TĐ-chức xã-hội trong xi-nghiệp, Kỹ-thuật sản-xuất sữa, Khoa trồng trọt, Tổng-kết tình-hình kinh-tế Việt-Nam trong năm 1962, vv...

CHỈ-ĐẠO số 8 (Bộ mới) tháng 8 phát-hành tại Sài-gòn, do Nha Chiến-Tranh Tâm-Lý Bộ Quốc-Phòng xuất-bản, 112 trang, không ghi giá bán.

Nội-dung gồm những bài : Tự-lập tự-tồn, Đức Phật-Tổ, Từ chế-độ đa-thê đến vấn-đề dứt khoát vợ bé, Ánh sáng tử-thần, Có những sinh-vật giống loài người trong vũ-trụ chăng ? Người điên dưới sườn Tam-Đào, Nhát búa chiêu-hồi, Có cương-quyết mới thắng cộng-sản, Các anh về, vv...

CHIẾN-SĨ CỘNG-HÒA số 113 (Bộ mới) đã phát-hành ngày 1-9-1963 tại Sài-gòn, 34 trang khổ lớn, không ghi giá bán.

Nội-dung gồm những bài : Chúng ta quyết-tâm hoàn-thành sứ-mạng lịch-sử, Đọc thơ chiến-sĩ, Anh quân-nhân gương mẫu, Giai-thoại chiến-trường, Tôi đi hành-quân, Vòng hoa tím, Tình yêu và quân-ngũ, Một hướng đi, v.v...

MINH-LÝ

phần phụ-trương

H. COULTHARD BURROW
The British Council

need language-learning be dull?

Despite the years of research and experience which are behind the methods now recommended for language instruction, there are still many people who are not satisfied that these methods are an improvement on the old ones. Well it takes a number of years to prove a new idea and win everyone over to it, but it is at least possible to examine the older system and see if it really was in need of improvement.

If many countries the first foreign language is English which is studied for varying periods of perhaps 6 or 8 years. Have the results proved to be satisfactory under the older methods of teaching? Is it not true that we frequently hear parents and others ask why pupils are so weak in English after so many years of study, and why their children cannot speak or write simple English easily and correctly? Don't we hear business men who have need of employees able to use simple, correct English, complain that they cannot find them? Is it not true that teachers of English say that most of their pupils lack interest in English and find it boring? Haven't we heard that it is not a popular subject with many teachers who consider it to be the most difficult of all? I think most people concerned with education will agree that these complaints do exist and are widespread. Can we find any reason for them and is there any solution?

As a rule what is boring for the class is boring for the teacher. The first step must, therefore, be to remove what is dull and likely to destroy interest. I think no one can deny that learning the rules of grammar and struggling desperately with difficult translations are sufficient in themselves to kill any enthusiasm a youngster may have. Many of us found it so when we had to learn Latin at school in England.

[Tập XII, Quyển 9 (Tháng 9, 1963)]

Need language learning be dull? No, providing students are given the right material. A music teacher would be neither popular nor successful with his students if he devoted all his first lessons to the theory of music, instead of letting them touch, practise on and try to play the actual instrument being used. The rules and theory are for later stages. It is true that they have their place in the course of instruction but they must be introduced at the right moment. Beginners like to use and acquire some skill, limited though it may be, in whatever they are learning. Children like to be able to speak a few words and sentences of a language, perhaps either to show off or amusement. The important point is that they have started to take an interest in the work, they find they can do something with it and that it need not only live within the four walls of a classroom.

The practical approach

Teachers should, therefore, give them opportunities to use it and practise it, leaving formal grammar and formal translation to a more advanced stage. The modern approach is designed to provide ample opportunities for all aspects of the language—oral, read and written—in as interesting a form as possible. Some teachers are reluctant to attempt to modernise their methods because they lack faith in their own oral ability and are afraid they will be laughed at by their pupils. This is an unreasonable fear as it is not necessary to be able to recite Shakespeare or to possess an enormous vocabulary range in order to teach English to beginners. It is sufficient if each teacher is fully acquainted with the material he needs for the class he has to teach, and makes himself fairly accurate in the pronunciation and intonation of all the words and sentences which will be used during the year he teaches that class. The longer he teaches the more proficient he will become. He will gradually broaden his own knowledge of English and ability to use it. But he must make an effort to start to improve his own oral English. If he knows exactly what he is going to teach during the year, he can concentrate all his efforts on those words and expressions. This should not be too difficult. Each year students learn only a limited number of new words and the structures which can be made with these words; to pronounce these well should not be too great a task for teachers, especially as they can now call upon mechanical aids to help them out.

Once the teacher has acquired proficiency in what he is going to teach, his confidence will increase. Increase in confidence will soon make his lessons more interesting, and produce a more lively reaction on the part of the class.

Once a teacher feels he can handle the situation he has an unlimited supply of material—new ideas of presentation, activities, games, etc.—which will brighten up his teaching method. It is not the purpose of this article to give details of these new ideas, activities and games; that has been done elsewhere, it is simply an attempt to urge teachers to reconsider their approach to their work. A list of suitable books is attached for teachers wishing to acquire new ideas.

Brighter and more effective

The old methods were frequently dry and stuffy, and produced the unhappy results we see in so many countries. The new approach is brighter and more effective, while still finding a place for such things as grammar, which many people seem to fear will be neglected. It is merely a more informal way of teaching with more careful grading of the essential things a student must know before he can be fluent and confident in his use of English. It does not neglect anything, it puts everything in its correct place and deals with it at the appropriate time. It first aims to rouse rather than damp a child's interest in the subject, then to avoid burdening and tiring his mind with such subjects as formal grammar and anything not essential to his regular and gradual progress, and later, when he has acquired a certain knowledge of the language, to let him have the rules which apply. Teachers are asked to sweep away the dust of formality and make more effective use of the natural interest, curiosity and abilities of children.

Books on the Teaching of English

<i>Let's Play a Game</i>	BOUCHER
<i>Language — Some suggestions for teachers of English and others</i>	
<i>The teaching of Oral English</i>	PALMER
<i>Teaching English to Beginners</i>	CHAPMAN
<i>Teaching English</i>	FRISBY
<i>English through Actions</i>	
<i>The Techniques of Language Teaching</i>	BILLOWS
<i>Wall Pictures</i>	ECKERSLEY and GATENBY

Wall Pictures for Guided Composition
 Teaching English in Difficult Circumstances
 The Art of Teaching English as a Living
 Language

FLEMING
 WEST

Blackboard Drawing
 Blackboard Work

MORRIS
 CRICHTON
 RAMSHAW

All the above books are available for long loan in the British Council library, First Floor, 119, Nguyen Hue. The English Language Teaching Magazine is also available.



Đã phát-hành :

NIPPONGO O HANASHI MASHŌ
 TA HÃY NÓI TIẾNG NHẬT

Soạn-giả : Bác-sĩ Toru Matsumoto, Tiến-sĩ Su-Phạm Viện Đại-Học Columbia.

Dịch-giả : Yonosuke Takeuchi, Giáo-Su trường Sinh-ngữ Viện Đại-học Sài-gòn.

Hiệu-định-giả : Nguyễn-Khác-Kham, Trưởng Ban Ngôn-ngữ Văn-tự Việt-Nam tại Văn-Khoa Đại-Học-Đường Sài-gòn.

Cuốn I (72 trang) giá 20\$
 Cuốn II (76 trang) giá 20\$

In tại nhà in Đông-Nam-Á — Sài-gòn.

Con người văn-hoá ngày nay
 bác-cò thông-kim đọc

VĂN-HOÁ NGUYỆT-SAN

do Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục (Nha Văn-Hoá)
 xuất - bản

THẺ-LỆ MUA VĂN-HOÁ NGUYỆT-SAN
 (kể từ năm 1963)

Mỗi số (Tư-nhân) :	12\$	1 năm	(12 số) :	120\$
		nửa năm	(6 số) :	60\$
Mỗi số (Công-sở) :	24\$	1 năm	(12 số) :	240\$
		nửa năm	(6 số) :	120\$

Gửi bảo-đảm, mỗi số tính thêm 8\$

- Các cơ-quan hoặc tư-nhân tại Ngoại-quốc mua dài hạn trả 8 Mỹ-kim một năm (12 số), kể cả cước phí gửi bằng đường thủy.
- Độc-giả mua dài hạn xin gửi phiếu mua báo và ngân-phiếu về Ô. Giám-Đốc Nha Văn-Hoá (89, Đường Lê-Văn-Duyệt, Sài-gòn).

PHIẾU MUA
VĂN-HOÁ NGUYỆT-SAN

Tôi (họ và tên).....

ở (địa-chỉ).....

nhận mua dài hạn tạp-chí VĂN-HOÁ NGUYỆT-SAN (kể từ năm 196.....) trong
hạn một năm (12 số) hay nửa năm (6 số)¹ mỗi số gửi..... cuốn,

kể từ tháng..... năm.....

Tiền mua báo là ².....

trả ngày..... hoặc trả bằng bưu-phiếu³

..... số.....

ngày..... đình theo đây.

..... ngày..... tháng..... năm 196.....

KÝ TÊN,

-
- CHÚ-THÍCH :** (1) Xin gạch những tiếng không cần dùng.
(2) Lệ mua báo xin trả tiền trước (Thẻ-lệ mua báo xin xem ở mặt trước). Chỉ gửi tạp-chí khi nhận được bưu-phiếu.
(3) Xin gửi phiếu mua báo và bưu-phiếu về địa-chỉ:
Ông GIÁM-ĐỐC NHA VĂN-HOÁ
(89, Đường Lê-Văn-Duyệt, Sài-gòn), lĩnh-nhận.

Phần chú-thích của Ban Quản-lý :

Bưu-phiếu hay biên-lai số..... ngày.....

tính.....

Phiếu mua báo số.....

Ghi vào số thu tiền ngày.....

QUAN-NIỆM và SÁNG-TÁC

THƠ

THEO LỜI THI-NHÂN VÀ HỌC-GIẢ PHƯƠNG TÂY

của ĐOÀN-THÊM

Cuốn sách quốc-văn đầu tiên tập-trung và phê-biến những quan-niệm và sáng-tác thơ theo lời Thi-nhân và Học-giả phương Tây.

Viện Đại-Học Huế xuất-bản năm 1962

456 trang (giấy trắng mịn, khổ 20cm X 13cm,5), giá bán 75\$

Sách gồm 2 phần chính và 1 phần phụ-lục :

- Ý-kiến các thi-nhân (Thơ là gì, Hồn thi-nhân, Lãnh-vực và mục-dịch thơ, Các nguồn thơ, v.v...).
- Ý-kiến của các học-giả, triết-nhân, nhà phê-bình (ý-kiến tổng-quát về Thơ, Thiên-tài, thi-hứng và sáng-tác, v.v...).
- Phụ-lục : Danh-mục và tiêu-sử các thi-nhân và học-giả (có ghi tên trong sách này).